VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
tác giả & tác phẩm
võ hoàng • phan thị trọng tuyến • đỗ kh.
nguyễn mộng giác

thơ cụ thể
ngu yên
đi tìm điều còn thiếu
tạ chí đại trường
nguyễn đình toàn, sàigòn, pagode
nguyễn xuân hoàng

truyện
andrew lâm • nguyễn quí đức • trần mộng tú
phạm ngũ yên • võ đình • nguyễn trung hối
phùng nguyễn • song thao
thơ
thường quán • luân hoán • đặng hiền
lưu nguyễn • hồng khắc kim mai

SỐ 121 • THÁNG 5 NĂM 1996

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

VănHọc

Số 121, Tháng 5, 1995

VĂN HỌC	2	thư toà soạn
NGU YÊN	3	thơ cụ thể
THƯỜNG QUÁN	4	*xứ bắc*
TẠ QUỐC TUẤN	25	thơ mông lung (tiếp theo)
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	43	đi tìm điều còn thiếu
VÕ HOÀNG	51	trong lòng cách mạng
LUÂN HOÁN	59	*lục bát*
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN	60	*welcome to india*
LƯU NGUYỄN	63	*cõi miền thịt da*
ĐỖ KH.	64	*thế giới là một nhà*
NGUYỄN MẠNH TRINH	66	phỏng vấn nguyễn mộng giác
ĐẶNG HIỂN	84	*chiều cuối năm với bạn già*
ANDREW LÂM	85	trên sông hương
THẠCH HÃN dịch		
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	97	nơi trú ẩn về đêm
TRẦN MỘNG TÚ	103	thư tháng tư gởi về hà nội
PHẠM NGỮ YÊN	107	hạnh phúc ở quanh đây
VÕ ĐÌNH	116	lại chuyện cây bàng
NGUYỄN TRUNG HỐI	118	thù
PHÙNG NGUYỄN	121	kim nga
SONG THAO	126	nhạt màu phố cũ
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	141	nguyễn đình toàn, sàigòn, pagode
NGUYỄN HUY THẠCH	144	ghi chép
HỒNG KHẮC KIM MAI	155	*tango blues*
VĂN HỌC	156	giữa người đọc và người viết
VĂN HỌC	160	tòa soạn và bạn đọc
		giới thiệu sách mới

© Copyright by authors and VănHọc, 1996
© Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996

Thư Tòa soạn

Văn Học tháng Năm 1996 ra đúng vào hai mốc thời gian quan trọng

Đối với tập thể tị nạn Việt Nam trên khắp thế giới, mỗi lần 30 tháng 4 trở về là mỗi lần chúng ta nhớ lại kỷ niệm đau thương cũ. Hai mươi mốt năm đã qua kể từ ngày thủ đô Sài Gòn rơi vào tay Cộng sản: hai mươi mốt năm ly tán, khổ nhục, lưu lạc, bơ vơ; nhưng đồng thời cũng là hai mươi mốt năm quyết tâm vượt mọi khó khăn để ổn định đời sống và thăng tiến. Chúng ta có quyền ngửng đầu hãnh diện về những thành quả đã đạt được. Nội dung Văn Học số này, với bài vở của nhiều thế hệ đứng bên nhau, thật giống như bức tranh thu nhỏ của một cuộc tranh đấu để sinh tồn rộng lớn hơn, mà chủ đề chính vẫn là kinh nghiệm hội nhập và lòng yêu quê hương thiết tha.

Văn Học số 121 cũng là số kết thúc mười một năm Văn Học ấn hành (số ra mắt tháng Năm 1985) để bước vào năm thứ mười hai. Trong mười một năm đó, Văn Học có nhiều thăng trầm, đổi thay. Sự kiện Văn Học vẫn còn đó, mỗi đầu tháng vẫn đến với bạn đọc bốn phương, không phải là ngẫu nhiên. Không có những bạn đọc liên tục làm độc giả dài hạn suốt thời gian mười một năm qua, không có những văn hữu đóng góp bài vở mà không hề chờ đợi những khoản nhuận bút tương xứng, không có các nhà sách đều đặn nhận bán báo và thanh toán tài chánh sòng phẳng, Văn Học đã đình bản từ lâu. Mười một năm hiện diện trên văn đàn của Văn Học là kết quả công sức đóng góp của nhiều người, một mình Ban Chủ trương không thể làm nổi.

Cho nên thay vì giới thiệu qua nội dung số báo như những lần trước, Văn Học nhân cơ hội này xin gửi lời cảm tạ đến tất cả quí bạn đọc, quí văn hữu. Xin quí vị tiếp tục hỗ trợ chúng tôi trong năm thứ mười hai đang tới.

Văn Học

Thơ Cụ Thể

Ngu Yên

1. Định nghĩa và quan niệm sáng tác.
2. Lịch sử và diễn biến.
3. Thơ tuyển và nhận định.
4. Luận

1. Đi tìm một định nghĩa xứng đáng cho thơ Cụ Thể không phải là việc có thể làm bằng ngôn ngữ của luận lý. Đây là một phong trào thơ đa dạng đa hướng phát xuất từ Đức Quốc và Ba Tây từ chừng giữa thế kỷ 20, cực thịnh trong thập niên 1960-70, lan tràn khắp những quốc gia tiên tiến về văn chương như Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, Ba Tây, Bồ Đào Nha, Thụy Sĩ, Úc Châu,v.v.... Vào khoảng thời gian này, hình như ở Việt Nam chúng ta không mấy ai hay biết về thơ Cụ Thể, có lẽ vì tình hình chiến tranh đang tiến vào giai đoạn quyết liệt, cũng có lẽ vì quan niệm căn bản của Cụ Thể không thích hợp, quá mới đối với cá tính thơ của người Việt.

Định nghĩa được xem là tiêu biểu do nhà phê bình văn học Mike Weaver, người tổ chức cuộc triển lãm đầu tiên cho thơ Cụ Thể tại Cambridge năm 1964, đã chia thơ Cụ Thể ra làm ba loại: Thơ Thị Kiến (visual), thơ Âm Thanh (phonetic) và thơ Hóa Động (kinetic). Tuy nhiên

chẳng bao lâu sau định nghĩa này đã lỗi thời, không còn chứa đựng hết những biến dạng của thơ Cụ Thể đang phát triển trên thế giới. Trong tác phẩm *Concrete Poetry A World View*, nhà thơ Mary Ellen Solt cho rằng: *Căn bản mà thơ Cụ Thể phải hội đủ là sử dụng những vật liệu vật lý để tạo nên thơ. Tình cảm và tư tưởng không thuộc về vật lý cụ thể. Nếu một nghệ sĩ không phải là thi sĩ, ông có thể dùng cùng một tình xúc, ý tưởng để vẽ nếu ông là họa sĩ, nặn hức tượng nếu ông là điêu khắc gia, sáng tác nhạc nếu ông là nhạc sĩ. Tổng quát có thể nói, vật liệu vật lý của thơ Cụ Thể là ngôn từ: Chữ được đơn giản vào mẫu tự để thấy hoặc âm tự để nghe. Có thi sĩ dụng nguyên cả văn tự, có người tìm vào từng chi tiết của chữ hoặc từng âm điệu cá biệt để thỏa mản nhu cầu sáng tác thơ. Nền móng bản chất là* ***Đơn giản hóa Ngôn ngữ***. Nói như vậy M.E.Solt đã bỏ rơi một phần ý niệm thơ Cụ Thể phát xuất từ Đông Đức. Họ không đi vào chi tiết mẫu tự nhưng chăm chú vào cách hành văn của câu, làm mới lại thi pháp theo cách diễn đạt thật đơn giản. Nhưng thơ Cụ Thể không ngừng ở đó, thơ tiến vào âm nhạc, được sáng tác như hòa âm, có khi như một bức tranh chữ tạo nên hình dáng hoặc màu sắc dựng lại ý nghĩa, có khi được cấu tạo những vật liệu không phải là ngôn ngữ như thơ Plastic, thơ bằng vỏ bánh xe,v.v... có khi thơ như những nét đẹp của ngành ấn loát, có khi tương quan với khoảng không tạo nên thơ bích chương như những bảng quảng cáo. Đến đây thơ không còn để đọc mà chỉ để thưởng ngoạn toàn thể cùng một lúc. Trong *An Anthology of Concrete Poetry*, tác giả Emmett Williams đã phải dùng một định nghĩa rất mở rộng: *Thơ Cụ Thể là thơ mà những nhà thơ Cụ Thể đã sáng tác*. Quả là một định nghĩa mơ hồ nhưng rất hữu lý vì những hướng đi của loại thơ này sẽ còn tiến vào những chốn mông lung và những biến hóa của nó chẳng ai có thể tiên đoán. Ngay trong các thi sĩ thuộc phái Cụ Thể, họ cũng không đồng ý, có khi phủ nhận lẫn nhau. Có nhóm tách ra tự gọi là Tân Cụ Thể. Vậy mới biết thơ Cụ Thể còn bành trướng vào nhiều lãnh vực bất ngờ.

Đặc điểm của thơ Cụ thể là:

1- Mỗi bài thơ tự tạo ra một hình thể khác nhau, không theo một thể thơ nhất định, không qui luật từ văn phạm đến văn chương.

2- Những bài thơ hay không bị ảnh hưởng hoặc mang sắc thái, truyền thống của những bài thơ trước.

3- Nhiều lúc chính ngay thể thơ hoặc hình tượng của văn tự hoặc cách cấu tạo của chữ lại là ý nghĩa trừu tượng của bài thơ.

4- Vượt ra phạm vi chữ, thơ Cụ Thể sử dụng những ký hiệu truyền thông khác hoặc bằng những vật liệu trong đời sống hàng ngày. Vì những đặc thù trên nên thơ Cụ Thể thường được trích dẫn, trình bày theo nguyên

bản, ít dịch, chỉ chú thích chuyển ngữ.

Muốn hiểu rõ hơn về ý nghĩa và giá trị của thơ Cụ Thể, không cách nào cụ thể hơn là đọc những bài thơ Cụ Thể mang tinh thần và bản chất cụ thể. Trở về lại quan niệm đầu tiên hết của Eugen Gomringer, cha đẻ của phong trào thơ Cụ Thể, trong tác phẩm *from line to constellation*, xuất bản 1954, sau khi xuất bản tập thơ *Constellations*, *Chùm Sao*, 1953, ông viết, *chùm sao là một loại thơ đơn giản nhất của thi ca dựa lên căn bản của chữ, nó bao gồm một chùm chữ như thể kéo những ngôi sao dính nhau tạo thành một dãy lóng lánh*. Thơ chính là bài thơ không phải là thơ về điều này vật kia. Chùm sao là ý niệm tiên khởi cho ý nghĩa Cụ Thể.

poema
poema
poema
poema
poema
poema
pó
e
mó

(Bài 1)

Thơ là gì? Thi sĩ Cụ Thể Edgard Braga (1963) trả lời: thơ/ thơ/ thơ/ thơ/ thơ/ thơ/ bụi bặm/ và/ cối xay. Poema= thơ. Pó= bụi. E= và. Mó= cối xay, có thể hiểu nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Đi sâu vào quan niệm, phong trào thơ Cụ Thể nghĩ: chữ đến phá vỡ sự im lặng để rồi rơi vào sự im lặng mới, giữa đoạn đường ấy, chữ bắt được cái bóng của nó trong mực đen trên giấy trắng. Năm 1956, Eugen Gomringer viết:

wrote sind schatten
schatten werden worte

worte sind spiele
spiele werden worte

sind schatten worte
werden worte spiele

sind spiele worte
werden worte schatten

sind worte schatten
werden spiele worte

sind worte spiele
werden schatten worte

(Bài 2)

Worte= chữ. Sind= là. Schatten= bóng. Werden= trở thành. Spiele= trò chơi.

uuuuuuuuuuuuuuuuu
uuuuuuuuuuuuuuuuuu
uuuuuuuuuuuuuuuuuu
uuuuuuuuuuuuuuuuuu
uuuuuuuuduuuuuuuuu
uuuuuuuuuuuuuuuuuu
uuuuuuuuuuuuuuuuuu
uuuuuuuuuuuuuuuuuu
uuuuuuuuuuuuuuuuuu

(Bài 3)

Chính chữ là ngục tù của chữ, Gerhard Ruhm viết 1954. Ngôn ngữ được khám phá bởi nhà thơ và hệ thống hóa bởi nhà ngôn ngữ học, được đào sâu bởi nhà chuyên môn, được truyền bá bởi nhân gian. Thi sĩ lúc nào cũng là người đi tìm chữ mới, tìm ý mới tình mới cho chữ cũ, làm đẹp lại

ngôn ngữ, làm sống lại sức mạnh của ngôn từ để phá vỡ sự im lặng mà chữ bị người đang sử dụng đến nhàm chán hóa câm. Nơi thi sĩ dừng lại, những nhà chuyên môn bắt đầu, họ dùng ngôn ngữ để nói về một thứ khác, thi sĩ dùng ngôn ngữ để sống thú nghệ thuật với chữ. Vậy thì chữ chết không phải vì chữ mà vì mắt, người bị thói quen nên nhìn chữ như xác như bóng quan tài. Chữ **d** bị giam cầm trong dày đặc chữ U, U là You là anh là người. Thói nhìn tử thi ấy không phải chỉ riêng cho chữ mà là một cách sống như chết của nhân loại đối với sự việc hàng ngày.

eyeye

Aram Saroyan (1965-66)

(Bài 4)

Thoạt nhìn, Cụ Thể như là một trò chơi chữ không có ý nghĩa sâu xa. Về nội dung, Eugen Gomringer nói: *Câu hỏi về nội dung của thơ Cụ Thể liên hệ mật thiết với thái độ sống mà nghệ thuật dự phần ảnh hưởng... Thơ không phải như những vòi để mở xả hơi những tâm tình và tư tưởng nhưng thơ nhắm vào cấu trúc của nghệ thuật ngôn ngữ liên hệ đến những sự việc của thời đại đang sống, đang bị ảnh hưởng bởi khoa học và xã hội. Thi sĩ Cụ Thể chỉ hứng thú về những nội dung bao gồm tinh thần và vật chất có thể diễn tả bằng ngôn ngữ.* Là trò chơi chữ hoặc trò chơi thơ? thử tìm câu trả lời qua vài bài thơ sau:

rot
anstatt
rot
anstatt
rot
anstatt
rot
anstatt
rot
anstatt
rot

Rot= đỏ. Anstatt= thay thế. Friedrich Achleitner (195?)

(Bài 5)

a t é
i
c

e s t
a
c a

e s t
i
c a

e t c
a

(Bài 6)

"tic tac". Até= cho đến. Estaca= dừng lại. Estica= căng giãn, nghĩa bóng là trạng thái căng thẳng. Ronaldo Azeredo (1956).

Bài thơ trên đọc: *đỏ/ thay thế/ đỏ// thay thế đỏ// thay thế đỏ// thay thế đỏ//*...chấm dứt bằng *đỏ*. Trong nguyên bản, mỗi chữ đỏ in bằng mỗi màu đỏ khác nhau. Thử đọc đi đọc lại, tiếng đều đều đỏ đỏ tạo ra những bình thường nhưng nhìn mỗi màu đỏ khác nhau cho thấy sự bất thường. Sự mâu thuẩn bình thường/ bất thường phải chăng là cớ sự của cuộc sống bất an? Tình thay thế tình. Ngày thay thế ngày. Đời thay thế đời. Người thay thế người....

Bài thơ sau dùng tiếng tích tắc của đồng hồ tượng trưng cho áp lực của thời gian. Khởi đầu bằng *cho đến bây giờ/ tích, dừng lại/tắc, co giãn, áp lực/ tích, etc, vân vân (tiếp tục)// tắc*...tích tắc tích tắc...dù ít chữ, nội dung không kém gì thơ thuộc các phái khác. Ưu điểm ít lời, gợi ý, trình bày thẳng tương tựa như tinh thần thơ Hài Cú hoặc thơ Thiền Tông. Một dùng khí lực, một dùng chiêu thức.

Vượt ra ngôn ngữ, chỉ bằng dấu hiệu, –> = không / <— = có, bài thơ đọc tạm: *có/ không cókhông cóhông cng cg*, dĩ nhiên không thể dịch như vậy, đây chỉ là cách tượng trưng. Tình ý của có và không mới đầu thì nghịch, sau thuận, rồi nhập một, rồi viên tính. Bài ký hiệu của Luiz Angelo Pinto (1964): (Bài 7)

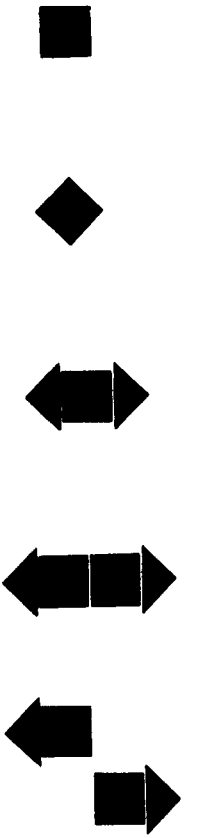

(Bài 8)

Thơ Plastic của Kitasono Katué, *chân dung của thi sĩ 2*, năm 1966.

Có thể nói thơ Cụ Thể đi từ đơn giản chữ rồi vượt ra ngoài ngôn ngữ, chỉ còn là ký hiệu diễn đạt về thẩm mỹ. Có lẽ quá xa chăng? hay ngôn ngữ trở về lúc ban đầu, lúc con người khắt lên vách đá trong hang động những hình đồ chim chuột để diễn tả tâm tư. Có phải thơ sẽ thuần khiết hơn khi con người không lạm dụng quá nhiều chữ nghĩa để phức tạp hóa sự việc và đời sống? Dưới mắt phê bình của nhiều phê bình gia danh tiếng, thơ Cụ Thể được xem như loại thơ ngắn nhất, hình thể = nội dung, thể thơ =ý thơ. Trong thi thức ấy, bài thơ toàn diện, nguyên khối là thơ.

Điểm này khiến thơ nổi bật khi sánh với văn xuôi nói chung và sánh với những loại thơ mang bản chất văn xuôi nói riêng.

Văn xuôi ví như lời nói, thơ ví như lời hát. Nói thì dùng để nói về cái gì, nói xong, lời nói chỉ còn ý nghĩa. Hát thì khác, dù hát về cái gì, người hát cũng say sưa trong tình cảm, kinh nghiệm ngay trong lời hát ấy. Hát xong, nếu bài hát hay sẽ được người khác hát lại, hát bè, một lần nữa kẻ hát lại say sưa đắm đuối trong lời hát dù rất cũ. Thơ và thơ mang chất văn xuôi cũng khác nhau ở điểm này.

2. Eugen Gomringer, người thành lập phong trào thơ Cụ Thể, sinh năm 1924 tại Bolivia. Ông lớn lên ở Đức, theo học về lịch sử nghệ thuật ở Bern, sau sang du học ở La Mả. Từ khi còn là sinh viên ở Bern, ông đã nhàm chán lối làm thơ đương thời, ông đi tìm một hướng thơ khác nhưng vẫn lẩn quẩn trong thể thơ cũ cho đến năm 1950 thì hoàn toàn bế tắt. Ông tự biết cần phải có một khởi đầu mới nhưng trong hai năm liên tiếp dù viết rất ít ông chẳng sáng tác được bài thơ nào vừa ý.

Từ trẻ ông đã có dịp biết đến nghệ thuật Cụ Thể ở Zurich, vào khoảng 1942 ông giao du với một nhóm họa sĩ theo phái Cụ Thể như Max Bill, Lohse và Graeser. Đến 1951 ông cùng với hai người bạn thân Diter Rot và Marcel Wyss thành lập tờ báo, Spirale, chuyên đăng thơ mới, nghệ thuật plastic, kiến trúc, kiểu mẫu. Ông giữ chân chủ bút về văn thơ. 1952 ông bắt đầu sáng tác những bài thơ Cụ Thể đầu tiên. Cuối năm 1953, ông cho xuất bản tập thơ *Constellations* (Chùm Sao). Qua năm sau, *from line to constellation* xuất bản trong văn xuôi, bài viết về ý niệm chùm sao chữ, làm căn bản cho thơ Cụ Thể về sau. Lúc bấy giờ ông đã có thể làm những bài thơ chỉ bằng một chữ, như Silenco, O và Wind:

W W
d i
n n n
i d i d
W W

(Bài 9)

Năm 1952 khi Gomringer đang thực hiện *Chùm Sao*, ở Ba Tây, ba nhà thơ Haroldo de Campos, Augusto de Campos và Décio Pignatari thành lập nhóm thơ Noigandres với quan niệm mới về làm thơ. Họ sáng tác một loạt thơ gọi là Poetamenos nhắm vào thị giác và thính giác của người thưởng ngoạn. Năm 1955, họ sử dụng danh từ thơ Cụ Thể lần đầu

trong thơ, trên báo và cả trong những buổi trình diễn. Cùng năm ấy, Pignatari viếng thăm Ulm và gặp gỡ Eugen Gomringer. Khi trở về lại Ba Tây, 1956, Pignatari muốn thực hiện một tuyển tập thơ Cụ Thể, ngày 30 tháng Tám cùng năm, Gomringer viết thư đồng ý gọi loại thơ này là Concrete Poetry. Tháng Mười Hai năm 1956 tại São Paulo, Phong trào thơ Cụ Thể được chính thức công bố và trình bày tại trung tâm Nghệ Thuật Hiện Đại. Một bài thơ được trưng bày lúc ấy là "Con Đường và Mặt Trời" của Ronaldo Azeredo.

ruaruaruasol
ruaruasolrua
ruasolruarua
solruaruarua
ruaruaruas

(Bài 10)

Rua= con đường. Sol= mặt trời. *Tà tà bóng ngã về tây*. Đọc tiến trình của chữ sẽ thấy ngay mặt trời lên cao, khuất dần, biến mất chỉ còn lại những con đường. Đường thăm thẳm dần vào đêm tối. *Tôi vẫn đi giữa hoàng hôn..tôi vẫn đi giữa hoàng hôn... tôi vẫn đi, lòng thương nhớ.....*Thơ gợi ý, thưởng ngoạn gợi tình.

Trong khi E. Gomringer và ba nhà thơ Ba Tây đồng ý với nhau phát động phong trào thơ Cụ Thể, họ không hề hay biết rằng, ba năm trước đó ở Stockholm năm 1953 đã phát hành tác phẩm *Manifest for Konkret Poesi* của Oyvind Fahlstrom. Ở ÁI Nhĩ Lan có tác phẩm *Ideogram* của Diet Rot. Và ở Đông Đức có *Klang bilden and Phasen* của Carlfriedrich Claus. Dù những tác phẩm thơ Cụ Thể này ra đời trước, kể cả những tác phẩm của các nhà thơ Ba Tây nhưng phải đợi tác phẩm Chùm Sao và phần luận lý văn xuôi của Eugen Gomringer phát hành năm 1953-54 thì thơ Cụ Thể mới có một nền tảng vững chắc.

Thơ Cụ Thể từ đó lan tràn ra khắp nơi Thụy Điển, Thụy Sĩ, Úc Châu, Á Nhĩ Lan, Czechoslovakia, Thổ Nhĩ Kỳ, Phần Lan, Đan Mạch, Nhật Bản, Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Mễ Tây Cơ, Tay Ban Nha, Tô Cách lan, Anh Quốc, Gia Nả Đại, Hoa Kỳ.....

Tiên đoán về tương lai của thơ Cụ Thể, M.E.Solt cho rằng: *....thơ Cụ Thể là một phong trào tạm thời hoặc là một cuộc cách mạng miên viễn về nghệ thuật ngôn ngữ rất khó mà đoán trước và cũng không cần thiết để nghĩ đến. Thơ sẽ đến nơi nào mà nó phải đến, sẽ không đến những nơi mà*

lý trí của con người muốn nó phải đến. Nếu cần phải trở về với cấu trúc phức tạp của văn phạm, thơ sẽ về. Nhưng hiện tại (1967-68) có lẽ thơ cần phải đi đến nền tảng ý nghĩa của ngôn ngữ, để chuyên chở thông điệp trong thể thơ giống như những phương pháp truyền thông tối tân trên thế giới ....và có thể thấy hoặc sờ mó như tranh ảnh và tượng điêu khắt, không phải chỉ để bị đóng lại giữa những trang sách.

Đây là một lời tiên đoán cần phải có thời gian trả lời, tuy nhiên chúng tôi chưa thấy có một tuyển tập quan trọng nào hoặc những hoạt động có tính cách liên quốc gia về thơ Cụ Thể trong thập niên 80 và 90. Những sinh hoạt đã thấy như thơ Âm Thanh được tiếp tục diễn xuất. Những kỹ thuật của Thơ Cụ Thể thấy xuất hiện không rầm rộ ở từng địa phương. Hoặc phong trào này đang tắt lịm dần để biến ra dạng khác hoặc sự dừng lại sau thập niên 60-70 nở rộ là một chuẩn bị cho sự lên đường trở lại?

3. Thơ tuyển và nhận định:

a rose is everywhere
a rose
as a rose
for ever is
a rose
for ever everywhere
a rose

(Paul de Vree) (Bài 11)

A= một. Rose= hoa hồng. Everywhere= khắp nơi. For ever=vĩnh viễn..

Hoa Hồng ở khắp nơi hoa Hồng là hoa Hồng muôn thuở là hoa Hồng vĩnh viễn khắp nơi vẫn là hoa Hồng. Đây là cách đọc theo lối thông thường. Thơ Thị Kiến (visual poem) là chùm sao sáng trong một khoảng không, không phải tuân theo cách đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. Có thể đọc bắt đầu ở bất cứ hàng nào. Trong bài thơ Wind của Gomringer (ở trên) có thể đọc từ nhiều hướng khác nhau như các chiều

gió thổi. Thơ Thị kiến là thi pháp đơn giản hóa lời thơ vào tiến trình chữ. Bài kế tiếp cũng trong chiều hướng này nhưng đặc sắc ở chữ men / man. tự do của một người và tự do của số đông qủa có chỗ khó vừa. Vậy kết rằng *let the free be men* không phải *the free be man* nhưng ở một khía cạnh cá nhân hãy để cho *the man be free*. Xem các chữ *e* nằm trên đường thẳng, bản chất tự do là một, chỉ áp dụng khác nhau.

l e t
t h e
m e n
b e
f r e e

l e t
t h e
m a n
b e
f r e e

l e t t h e f r e e b e m e n
LET THE FREE BE MEN

(E.M.de Melo e Castro) (Bài 12)

Let= hãy để cho. Men=nhân loại. Man=người. Be= là, được. Free=tự do.

Thơ Thị Kiến có lúc là hành trình đi vào mẫu tự, từ những chi tiết của chữ hoặc từ những ý nghĩa thông thường của mẫu tự mà tạo ra ý tứ thơ. Ví dụ như phụ âm S tự nó là S, thêm h và e thành she, nghĩa là nàng, phụ nữ, đàn bà. Trong diễn trình của She, đọc ra được he & she. S được chú thích là serpens= chùm sao Thiên Sà, h là homo= chất hóa học di truyền trong con người, e là eva= tên của người nữ đầu tiên trong vườn địa đàng đã phạm tội vì nghe lời con rắn dụ dỗ chống lại Thiên Chúa. Đàn ông và đàn bà, trong cái khối ấy đã có con rắn, con rắn không phải bình thường, nó là chùm sao lóng lánh, lóng lánh trong mỗi người chúng ta. Epithalamium II của Pedro Xisto:

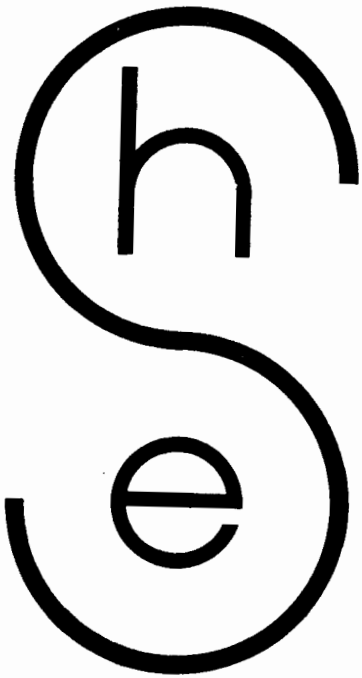

(Bài 13)

Thơ Thị Kiến còn được sự hỗ trợ của ngành viết chữ hoặc kỹ thuật ấn loát để trình diễn ý nghĩa theo kiểu mẫu thẩm mỹ mà thi sĩ nhìn thấy. Mary Ellen Solt trình bày bài Forsythia bằng chữ từ tên những nhánh hoa và chữ trong tín hiệu truyền tin:

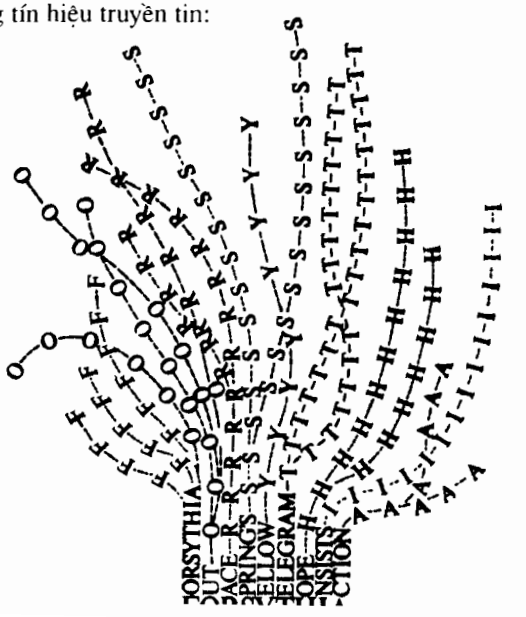

Thơ Thị kiến đôi lúc đi đến độ đơn giản chỉ là một trình bày hay hay thế thôi, như bài thơ của Seiichi Niikuni: Kawa= sông. Sasu= bãi cát.

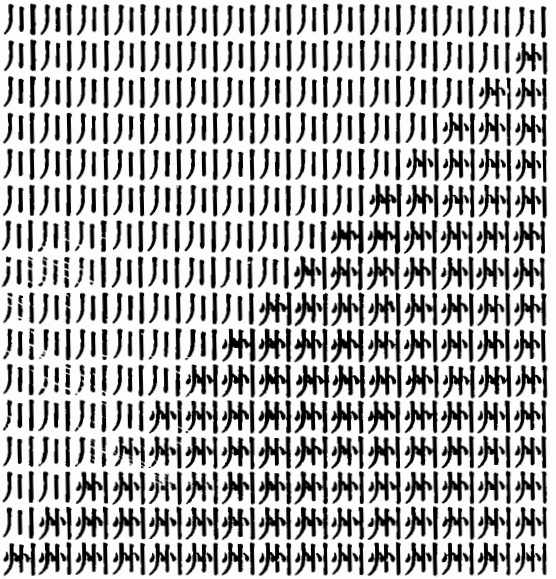

Bài Đàn Bà của Jean Francois Bory, sử dụng chữ Nữ bằng tiếng Trung Hoa và lồng bên trong một chút hồng quần. Ngoài trừ trình bày được khía cạnh dục tính bằng lối thơ Cụ Thể, khía cạnh ngôn ngữ đã được Eugen Gomringer nhắc đến: *Thơ Cụ Thể đang trên tiến trình được nhận thức là ý niệm thơ của thế giới*. Thơ Cụ thể đôi lúc sử dụng nhiều loại ngôn ngữ phổ thông trong một bài, thường là Anh, Pháp, Tây Ban Nha...và những chữ La Tinh thông dụng. Cái biên giới ngôn ngữ địa phương được truyền thống bảo trì đã đến lúc nên xét lại trong toàn diện quan niệm nghệ thuật phi biên giới, quan niệm thẩm mỹ của nhân loại.

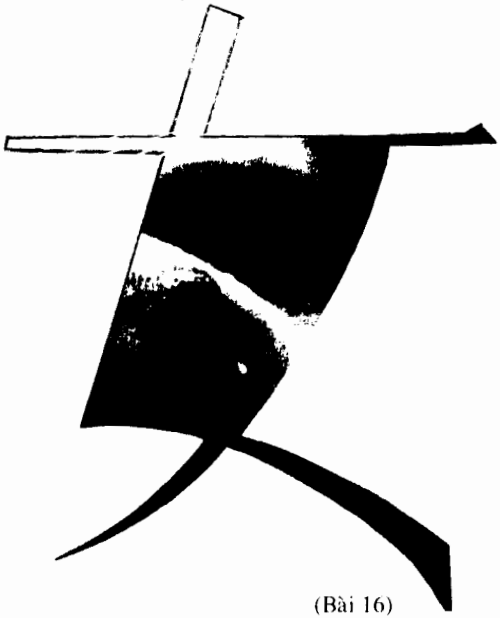

(Bài 16)

Thơ Âm Thanh (sound poetry) như Weaver đã định nghĩa. *Thính giả nghe được những hình thể (âm thanh) bốc lên từ bề mặt (sự im lặng) tạo ra dạng thức của thời gian đầy đối với thời gian trống.* Thơ Cụ Thể còn dùng cả âm thanh qua băng cassette tạo thêm cảm giác khi nghe thơ. Thơ âm Thanh bao gồm những thể thơ chữ của thời trước cho đến những trình diễn tân thời hiện đại.

Bài Âm Điệu Xe Lửa của Louise Bogan là một bài thơ Âm Thanh cổ điển, có trước 1923:

Back through clouds
Back through clearing
Back through distance
Back through silence

Back through groves
Back through garlands
Back by rivers
Back below mountains

Back through lightning
Back through cities
Back through stars
Back through hours
.....

(Bài 17)

Bắt xùng xịch, bắt xùng xịch, bắt xùng xịch...tiếng xe lửa đều đều chạy vọng qua đời người, vọng qua thế giới, qua tinh tú, qua mưa, qua tình, vọng lại đều đều vô tận....

Bài thơ của Alain Arias-Misson sau đây là bài thơ Âm Thanh hiện đại trình bày trên khung nhạc, trầm bổng, phụ họa, nhịp nhàng dù không theo thời gian trường canh nhất định như âm nhạc.

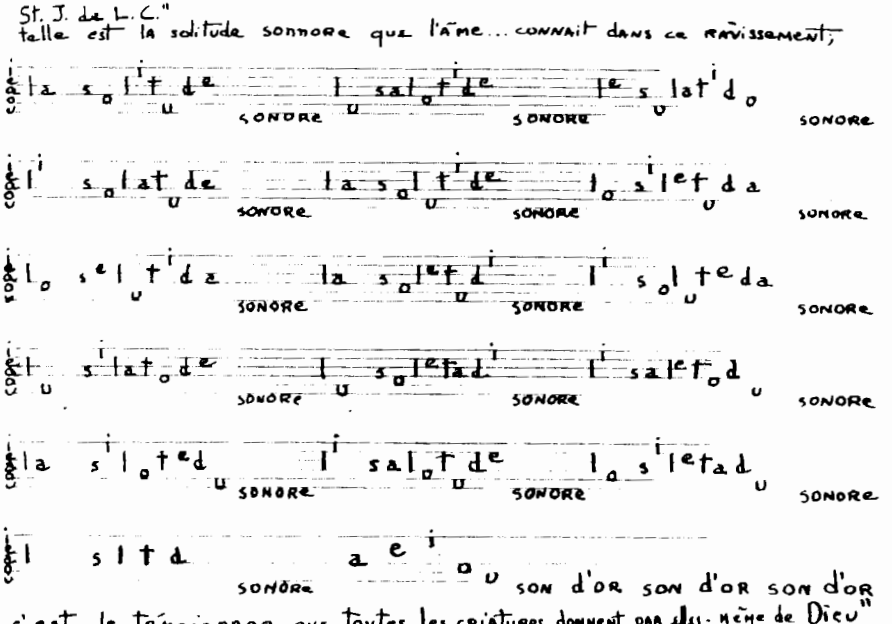

(Bài 18)

Thơ Hóa Động (kinetic poetry) có khi là những chữ trình diễn động tác trong một trang, có khi sử dụng vài trang liên tiếp để trình bày một di động tác nối dài, ý nghĩa hoặc thẩm mỹ sẽ như một diễn tiến hoặc một thắt gút được mở ra. Loại thơ này cũng vượt ra lề lối đọc bình thường, đứng giữa lối đọc sách và lối thưởng ngoạn phim ảnh. Xem thơ không còn là cách thụ động mà đọc giả phải theo dõi, mầm mò, làm việc chung với tác giả. Theo sự nhận xét của M. E. Solt, loại thơ này còn có nhiều phát triển, đây có thể chỉ là thời kỳ phôi thai.

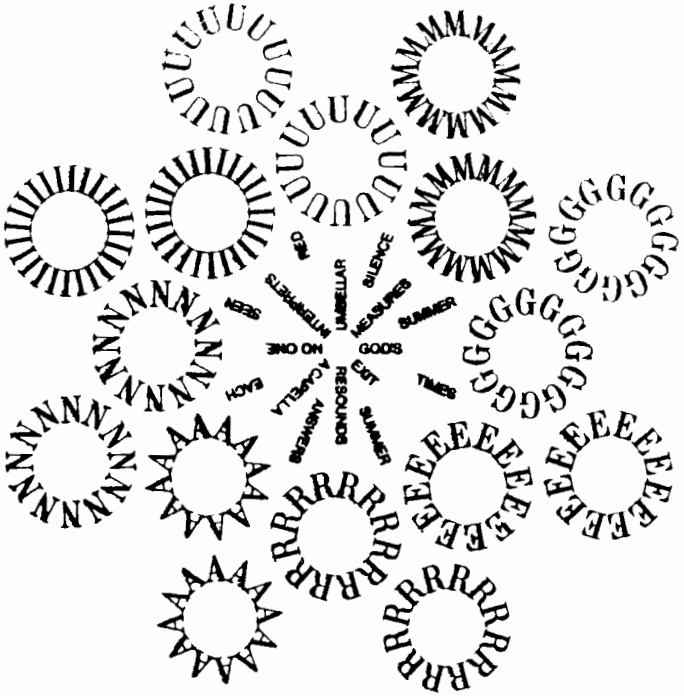

(Bài 19)

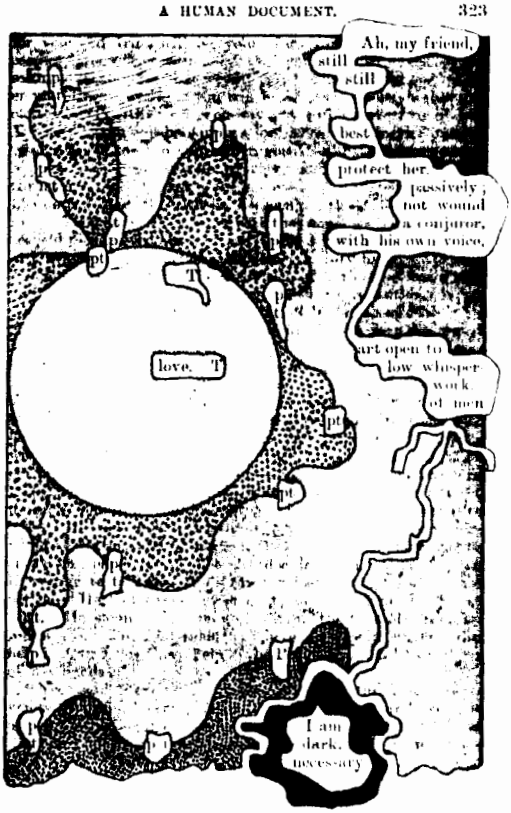

A Human Document. Tom Phillips. (Bài 20)

Bài A Human Document là bài thơ giao điểm giữa Cụ Thể và Đa Đa, tuy được sắp vào tuyển tập thơ Thị Kiến. Sau cùng là những bài thơ chữ phối hợp với họa, với thủ công, với những vật liệu, kể cả vật liệu xây cất. Như đã nói trên, có nhánh Cụ Thể, thi sĩ đưa thơ hoàn toàn rời khỏi ngôn ngữ. Vẫn có nhiều tranh luận và bất đồng ý kiến về loại thơ không ngôn ngữ. Phần nhiều những thi sĩ tự đặt cho loại thơ của họ những tên riêng để tránh tranh chấp. Về sự cách mạng tiền lệ, thơ có cần phải có ngôn ngữ hay không? Có lẽ tùy thuộc vào mức độ cấp tiến hoặc tùy vào sự nhàm chán thơ ngôn ngữ của mỗi người. Với tình trạng xa dần độc giả của thơ

hiện tại, có lẽ thơ phi ngôn ngữ cũng là một giải pháp để cạnh tranh với các loại nghệ thuật khác đang được yêu chuộng.

Bàn về cách thưởng ngoạn các loại thơ Cụ Thể, không ai nói rõ hơn Pierre Garnier, nhà thơ đã mang thơ Cụ Thể vào nước Pháp. *Thơ Thị Kiến không nên "đọc" mà chỉ nên để "tạo cảm tưởng", trước thông qua hình dạng của bài thơ, sau đó mới nhận thức từng chữ ra khỏi bài thơ một cách ngẫu nhiên.* Chữ *nhận thức* ở đây đưa đến một cách thưởng ngoạn khác về thơ. Thông thường, đọc thơ, lời lướt qua trí chỉ để lại ý nghĩa và rung cảm về tình cảm hoặc nồng độ mỹ cảm. Khi *nhận thức* chữ và lời là một trạng thái chuẩn bị, khởi đầu, chấp nhận, tìm đến thơ trong một ý thức khác. Có lẽ đây cũng là một cách dùng để thưởng ngoạn những loại thơ mới khi thói quen thưởng ngoạn từ thơ cũ đã chiếm đóng trong hồn thơ quá lâu qua nhiều thời đại.

*Người nên "thấy" bài thơ và tưởng đến sự việc khác. Chúng ta sống giữa đối tượng, vật chất hiện hữu, thông thường chúng ta nhìn ngắm chúng mà không cần nghĩ ngợi về chúng, bây giờ đến phiên chúng nhìn ngắm chúng ta...*Nói một cách khác muốn thấy thơ (không phải đọc thơ) phải nhìn thấy chữ, mỗi chữ, nét chữ hoặc tiến trình của chữ không theo thói quen đã dùng để đọc mà thấy chúng như thấy một đám đông đang lấn lộn trên đại lộ Bôn Sa rồi ngẫu nhiên nhìn ra một dáng người quen biết: mừng rỡ-bạn cũ, đau đớn-tình xưa, sợ hãi-chủ nợ,v.v...

Về thơ Âm Thanh, Garnier cho rằng *bài thơ không chấm dứt như một bài thơ thường, đúng ra chỉ là một "khởi đầu", bài thơ có thể được tiếp diễn theo cùng một nhịp điệu, cùng một dãy hình ảnh* tùy mỗi người trình bày. Thưởng ngoạn loại thơ này có khi như nghe băng nhạc, có khi như đi xem trình diễn. Ví dụ như bài thơ "Sol air" của Henri Chopin, được sáng tác năm 1964, được hòa diễn tại Biennale, Pháp Quốc 1965. Dùng tiếng nói, tốc độ nhanh chậm của hệ thống thu băng cùng với những âm thanh tạo ra bằng miệng, môi và hơi thở.

Sự phối hợp giữa tiếng nói và những kỹ thuật âm thanh hiện đại đưa thơ vào ngành trình diễn trên sân khấu, ngoài đường phố và trong phòng thu băng. Thơ Hành Động (Action Poetry) là loại thơ có hành vi rất cụ thể: đi tìm và chia xẻ thơ với quần chúng. Ngược lại với quan niệm truyền thống thụ động: Thi sĩ sáng tác thơ xong là hết nhiệm vụ, độc giả phải tìm đến để chia xẻ tâm tình, tư tưởng. Thành thử nếu độc giả bận rộn hoặc có những trò chơi khác để giải bày tâm sự hoặc lười đọc sách thì thi sĩ chỉ còn cách *tự kiêu*, làm thơ không cần độc giả. Có lẽ thi sĩ cũng phải như ca sĩ, kịch sĩ, nhạc sĩ...tự mình hoặc dùng diễn viên đem thơ đến tận chốn ngồi chỗ nằm của người thưởng ngoạn. Có lẽ về sau này những nghệ

thuật riêng rẽ phải kết hợp thành những nghệ thuật ba chiều, bốn chiều để có thể thoả mản sự thưởng ngoạn càng ngày càng đòi hỏi nhiều điều kiện.

4. Cách tân nghệ thuật ngôn ngữ trong thi ca là một trong vấn đề lớn được đặt ra, tìm hiểu, thí nghiệm, khen chê, bàn tán trong nửa sau của thế kỷ 20. Trong khi phái Siêu Thực lấy ngôn ngữ thơ đang bình thường làm cho phức tạp thêm, thì Cụ Thể chủ trương làm cho ngôn ngữ thơ đơn giản lại.

Thơ Cụ Thể chia ra làm hai nhánh: nhánh căn bản lấy thơ là ngôn ngữ làm đối tượng cho thị giác và thính giác, nhánh biến hóa lấy thơ là sự thể hiện mỹ cảm không nhất thiết phải qua ngôn ngữ. Các ưu điểm của thơ Cụ Thể phần lớn đã duyệt qua và đã được nhiều học giả tây phương xác định. Hãy để đôi mắt đông phương nhìn từ đây:

Mới và cũ vốn là một chuyển động vòng tròn tuy không gặp nhau. Ngôn ngữ đơn giản nhất là ngôn ngữ thời tiền sử, lúc con người còn ú ớ gạch lên đất, lên vách hang động những hình thù ngô nghê để truyền thông. Tuy Cụ Thể không đơn giản đến độ ấy nhưng đơn giản đủ cho bài thơ chỉ còn một chữ. Những thể thơ quá đơn giản ngôn ngữ thường rơi vào chỗ khuyết điểm: Hoặc nếu đơn giản mà không có chiều sâu như bài thơ Wind của E. Gomringer (bài 9), có vẽ như một cách chơi chữ của học trò. Hoặc quá đơn giản ở hình thể ngôn từ mà chứa đựng nhiều ý sâu nghĩa nặng thì càng khó hiểu hơn cả những loại thơ sủ dụng ngôn ngữ phức tạp. Một chữ mà nhiều ý thì ngày xưa đã có cỗ tự Trung Hoa, một chữ có khi diễn ra một trang sách. Thơ đạt đến độ ấy có lẽ chỉ mỗi tác giả biết thưởng ngoạn và là cơ hội cho các nhà phê thơ thêu dệt.

Những thơ Cụ Thể mang bản chất chân dung của mẫu tự cũng tương tựa như nghệ thuật viết chữ ngày xưa. Những bài thơ vận dụng kỹ thuật ấn loát không còn giữ vững diện mạo thẩm mỹ vì những tiến bộ ngày nay trong ngành thiết kế của điện toán tối tân và nghệ thuật ấn loát cao độ. Những bài thơ dựa vào sự diễn tiến của chữ không phải là chuyện lạ vì người Á Đông thường gặp gỡ trong Hán tự, ví dụ như *ba cái miệng ráp thành cái chợ. Nguyệt lai môn hạ nhàn.* Những bài Cụ Thể có thể đọc không theo thứ tự hàng lối như *Rose* (bài 11) của Paul de Vree, ở thơ Luật có loại thơ thuận nghịch, đọc xuôi cũng hay, đọc ngược cũng có ý nghĩa. Bài thơ thuận nghịch *Vô Đề* của Vua Tự Đức là một tuyệt phẩm. Hàn Mạc Tử có bài *Cửa Sổ Đêm Khuya*, đọc theo sáu cách khác nhau. Nghe nói về sau nhà thơ Thân Viễn làm bài thuận nghịch độc, đọc được ba mươi hai cách, quả là tài hoa. Tất cả những lối thơ này nặng về xảo thuật. Những người đẹp thích dùng thuật giải phẩu để tăng cường dung mạo cơ thể, nếu

không tự thức tự chế, thông thường hay để tâm hồn lọ lem.

Ở nhánh căn bản, ưu điểm của thơ Cụ Thể là chỉ một lối đi cho những nhà thơ muốn thoát ly sự nhàm chán, những tử thi chữ lớp lớp ngập thi ca. Đơn giản hóa ngôn ngữ không phải là bỏ bớt chữ trong câu như một số thơ hiện hành, cũng không phải dùng ít chữ, đúng chữ, đảo chữ cho súc tích mà là gạt bỏ ý niệm cầu kỳ và phức tạp trong thi pháp và trong ngôn từ. Ví dụ như thơ Lãng Mạn thường dùng nhiều tính từ không cần thiết, thơ Siêu Thực thường dùng thừa những chữ kêu, những hình ảnh quái dị.

Ở nhánh biến hóa, đời sống là một bài thơ Cụ Thể. Đẹp là của chung, hằn có và mãi mãi tồn tại, cảm được cái đẹp là của riêng của mỗi người. Đem cái mỹ cảm riêng tư vô hình ấy tạo nên tác phẩm hữu hình, ấy là nghệ thuật. Nghệ thuật có ngôn ngữ, có ký hiệu truyền tin, có bản chất truyền thông, có liên hệ với giá trị trao đổi sự thông đạt, ấy là thơ. Thơ phần lớn xuất hiện qua ngôn ngữ nhưng không phải hoàn toàn bằng ngôn ngữ.

Sự cách tân của thơ Cụ Thể nặng về tri thức có lẽ không thích hợp với tâm tư đa cảm của đa số người Việt, nhất là sự độc tôn của thơ ý nghĩa và cảm xúc chiếm đóng trên nền thi ca việt đã quá lâu, bám rễ chi chít trong hồn người thưởng ngoạn. Thơ Chữ thật ít có cơ hội xâm nhập. Tuy nhiên, phải nhìn rằng một phong trào thơ mới mà được các quốc gia có tầm vóc văn chương và các thi sĩ thời danh trên thế giới tham dự, không thể là một trào lưu hời hợt hoặc gặp may, không thể nào chỉ được cái hư danh. Nếu vẫn không nhìn ra giá trị của nó, có lẽ nên tự vấn trình độ thưởng ngoạn của chính ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1- Alex Preminger and T.V.F. Brogan. *The New Princeton Encyclopedia of Poetry and Poetics*. Princeton University Press. 1993.
2- Mary Ellen Solt. *Concrete Poetry A World View*. Fitzhenry & Whiteside, Canada, 1968.
3- Richard Kostelanetz. *Imaged Words and Worded Images*. Outerbridge & Dienstfrey, 1970.
4- Dick Higgins *George Herbert's Pattern Poems: In Their Tradition*. Unpublished Editions, 1977.
5- Liselotte Gumpel *Concrete Poetry from East and West Germany*. The Murray Printing Co., 1976.
6- Emmett Williams. *An Anthology of Concrete Poetry*. Something Else Press, Inc. 1976.

Xứ Bắc
THƯỜNG QUÁN

Khi về nằm cuộn tròn với mười bảy giấc mộng
sốt nắng nôi
con đường nhiệt đới
người đàn bà bến xe
nguyền rủa kẻ đi quá giang lạc tàu
cố moi lục ký ức
ngăn túi rỗng hở
đường bi ký
không chứng minh thư
tên tuổi không ai nhớ
chuyến xe đá đòn đồn đấy
chữ chưa khảm khắc
mây vàng rưng rức đỏ bọng quánh mắt
bát tấu sóc vọng bãi sông
cây gậy hươ đò bóng xẩm
cuộn tròn như rắn trong om
chờ giờ lấy mật
chữ thương ẩn đầu ngực nhỏ
nép vào trang không che hết
lưỡi đao anh hàng quán
bát cháo lạt bến sông xác mía
un lửa ủ chưa tan oan
người áo nâu yếm toan
kẻ sĩ không dám tuẫn tiết
khúc từng chập
trâu đuổi mây ngàn ửa đỏ
mười ngón chân u rễ mước
hoài u hoài
lũ trẻ bu coi đuối đê thấp
chim và rắn
một không hai
cởi bỏ uất hương đầu nắng
cuộn tròn em gối đầu giỗ

im lặng rải hạt thiếp thiếp.

Sơn Tây 1995.

Thơ Mông Lung: Thi Ca Phản Kháng Hiện Đại Trung Hoa

Tạ quốc Tuấn

(tiếp theo kỳ trước)

3. Chỉ trích chế độ Cộng sản

Tuy nhiên, cái làm cho thơ mông lung bị các phê bình gia nhà nước và các thi sĩ cung đình đả kích mạnh nhất là việc thơ mông lung đã dám phê bình chỉ trích chế độ Cộng sản và thân phận con người trong chế độ cộng sản. Thực vậy, tất cả các thi sĩ mông lung đều chĩa mũi dùi tấn công vào cuộc Văn cách, một biến cố đã gieo không biết bao nhiêu đau thương, tang tóc, đổ vỡ, hủy hoại và bất công cho đất nước cũng như dân chúng.

Về việc chỉ trích chế độ Cộng sản, chúng ta đã thấy thí dụ qua bài Cảm Giác của Cố Thành nói ở một đoạn bên trên. Tuy nhiên, trong khi Cố Thành hãy còn chỉ trích chế độ Cộng sản một cách nhẹ nhẹ thì Bắc Đảo đã đả kích mạnh mẽ hơn. Tháng 3 năm 1979 tờ Thi san ở Hoa lục đã đăng bài Hỏi Đáp của Bắc Đảo, nguyên văn như sau:

Ti bỉ thị ti bỉ đích thông hành chứng, Cao thượng thị cao thượng giả đích mộ chí minh. Khán ba, tại độ kim đích thiên không trung, Phiêu mãn liễu tử giả loan khúc đích đảo ảnh.

Băng xuyên kỷ dĩ quá khứ liễu, Vi thậm ma đáo xứ đô thị băng lăng? Hảo vọng giác phát hiện liễu, Vi thậm ma Tử hải lý thiên phàm tương cạnh?

Ngã lai đáo giá cá thế giới thượng, Chỉ đái trước chỉ, thằng tác hòa thân ảnh, Vị liễu tại tuyên phán chi tiền, Tuyên độc na ta bị phán quyết đích thanh âm:

Cáo tố nễ ba, thế giới, Ngã bất tương tín! Như quả nễ cước hạ hữu nhất thiên danh khiêu chiến giả, Na tựu bả ngã toán tác đệ nhất thiên linh

nhất danh.

Ngã bất tương tín thiên thị lam đích; Ngã bất tương tín lôi đích hồi thanh; Ngã bất tương tín mộng thị giả đích; Ngã bất tương tín tử vô báo ứng.

Như quả hải dương chú định yếu quyết đê, Tựu nhượng sở hữu khổ thủy đô chú nhập ngã tâm trung; Như quả lục địa chú định yếu thượng thăng, Tựu nhượng nhân loại trùng tân tuyển trạch sinh tồn đích phong đính. Tân đích chuyển cơ hòa thiểm thiểm đích tinh đẩu, Chính tại chuế mãn một hữu già lan đích thiên không: Na thị ngũ thiên niên đích tượng hình văn tự, Na thị vị lai nhân môn ngưng thần đích nhãn tinh.

(Thấp hèn là giấy thông hành của kẻ thấp hèn, Cao thượng là lời ghi trên mộ bia người cao thượng. Kìa hãy xem, trên không trung mạ vàng, Nhẹ nhàng bay những hình bóng cong queo của kẻ chết.

Băng xuyên kỷ giờ này dã thành quá khứ, Nhưng vì sao đâu dâu cũng còn đầy băng giá? Giờ đây Hảo vọng giác đã tìm thấy, Mà sao ngàn cánh buồm vẫn tranh nhau nơi Tử hải?

Tôi bước chân vào cõi đời này, Chỉ mang theo toàn giấy, thừng và thân ảnh, Để trước giờ tuyên phán Tuyên đọc những lời kẻ bị phán quyết.

Nói cho ngươi biết, này thế giới, Ta chẳng tin đâu! Nếu dưới chân ngươi có ngàn kẻ khiêu chiến, Thì hãy kể tôi là kẻ ngàn lẻ một.

Tôi không tin trời lại xanh đâu; Tôi không tin vào hồi thanh của sấm; Tôi không tin mộng chỉ là giả thôi; Tôi không tin kẻ chết không báo ứng.

Nếu vì duyên số hải dương phải phá vỡ đê, Xin hãy cho khổ thủy rót nhập tâm can tôi; Nếu vì duyên số lục địa phải nổi lên, Xin hãy cho nhân loại lại tìm thấy đỉnh núi sinh tồn.

Tòa tinh đẩu mới lập lòe nhấp nháy, Đang kết tụ đầy trời không bao giờ bị che lấp: Đó là những tượng hình văn tự năm ngàn năm, Đó là con mắt ngưng thần của con người vị lai.)

Bài thơ này phê bình chế độ Cộng sản ở Hoa lục một cách gay gắt và miệt thị hơn bài Cảm Giác của Cố Thành.

Theo Bắc Đảo, con người ti tiện thấp hèn muôn ngàn đời vẫn thấp hèn ti tiện. Dù có khoác cho nó đủ các bộ áo lòe loẹt cũng không thể xóa bỏ cái ti tiện thấp hèn của nó được. Sự ti tiện thấp hèn đó chính là tờ giấy chứng thư xác định bản chất của con người ti tiện thấp hèn, giống như sổ thông hành chứng thực quốc tịch và căn cước một người. Còn bảo ai là con người cao thượng thì chẳng qua cũng chỉ là những lời bi ký trên mộ của người được coi là cao thượng thôi, nghĩa là chỉ do người khác xưng tụng, chưa chắc có gì là thực, là đúng cả. Nếu một người được coi là cao thượng thì đúng ra hình bóng của người đó khi chết phải ngay ngắn, thẳng

đứng, chứ có đâu lại cong queo (loan khúc) bao giờ? Nói cách khác, theo Bắc Đảo, những con người được ca tụng là cao thượng này cũng chỉ là cá mè một lứa với những kẻ ti bỉ thôi.

Cũng cần nói thêm là tuy Bắc Đảo không nói trắng ra, chúng ta phải hiểu là trong đoạn 1 này, khi nói đến kẻ ti bỉ, thi sĩ muốn ám chỉ đến Mao Trạch đông và bộ hạ, những kẻ đã gây sóng gió, đổ vỡ, tang tóc trong cuộc Văn cách và là những người bị dân chúng coi là ti tiện, hèn hạ. Mặt khác, con người được mộ bia ghi chép là cao thượng chính là Châu Ân lai, một người vẫn được nhiều kẻ thiếu hiểu biết, nhất là ở thế giới bên ngoài Hoa lục, ca tụng là cao thượng. Theo Bắc Đảo, Châu Ân lai, khi đó đã chết, chẳng qua cũng chỉ là một kẻ có hình bóng cong queo thôi, nghĩa là cũng chẳng khác gì những kẻ ti bỉ.

Lời chỉ trích chế độ Cộng sản Trung hoa còn nặng nề hơn nữa qua hai câu đầu đoạn 2.

Sự tàn bạo của chế độ đã tạo nên một màn băng giá bao trùm khắp Hoa lục, vây chặt nhân dân đến độ Bắc Đảo phải hỏi tại sao thời đại gọi là Băng kỷ đã qua từ mấy vạn năm rồi, sao bây giờ ở cuối thế kỷ thứ 20 này con người vẫn còn phải sống trong băng giá, bị băng lăng bao phủ. Cái băng giá đây không phải là băng giá thiên nhiên mà chính là cái băng giá chính trị. Theo Bắc Đảo, cái băng giá chính trị này do sự tranh giành quyền thế của những lãnh tụ Cộng sản gây nên, những con người thi sĩ ví như "thiên phàm" (ngàn cánh buồm) tranh nhau nơi Tử hải. Chúng ta nên để ý tới hai hình ảnh tương phản nhau trong hai câu 3 và 4 của đoạn 2. Hai địa danh Hảo vọng giác ở Phi châu và Tử hải ở Trung đông được thi sĩ mượn để diễn tả sự mâu thuẫn của chế độ Cộng sản Trung hoa. Trung cộng luôn luôn khoe rằng dưới sự lãnh đạo thần thánh, sáng suốt và khôn ngoan của đảng con người được sống cuộc đời tốt đẹp (hảo), đầy hy vọng (vọng), chứ không phải là khổ sở như dưới các chế độ khác. Thế nhưng, thi sĩ lại hỏi, nếu con người thực sự đã tìm thấy Hảo vọng Giác rồi, nghĩa là đã được sống cuộc đời tốt đẹp đầy hy vọng rồi thì tại sao mà ngàn cánh buồm lại còn tranh giành nhau ở nơi Tử hải? Việc thi sĩ dùng từ "thiên phàm" rất có ý nghĩa. Mao Trạch đông vẫn thường được tôn xưng là Đại Đà thủ, người lèo lái chính con thuyền quốc gia. Vì thế từ "thiên phàm" ở đây phải hiểu là các cán bộ Cộng sản đàn em của họ Mao, cũng như những cánh buồm dưới sự lãnh đạo của đà thủ lái con thuyền đi tới đích.

Hai câu 3 và 4 của đoạn 2 này ngụ ý hỏi tại sao các cán bộ Cộng sản lại tranh giành, chém giết nhau để đưa nhau vào chỗ chết (Tử hải ở đây làm chúng ta liên tưởng đến từ "tử môn," hay cửa chết, mà người Trung hoa hay dùng trong văn chương)? Tại sao họ không biết nhường nhịn

nhau, không chọn lấy thái độ "Như quả nễ cước hạ hữu nhất thiên danh khiêu chiến giả/Na tựu bả ngã toán tác đệ nhất thiên linh nhất danh"? Tại sao họ không sống trong cái hảo vọng đó đi, còn chém giết nhau làm gì nữa? Như vậy phải chăng những lời tuyên truyền về cái hảo vọng đó chẳng qua chỉ là những lời nói láo, bịp bợm hay sao? Do đó, Bắc Đảo mới nói là "Cáo tố nễ ba, thế giới/ Ngã bất tương tín!"

Nói cách khác, thi sĩ đã tuyên bố là ông mất hết lòng tin tưởng vào Đảng Cộng sản Trung quốc. Chỉ có điều đáng nói là vì hết ngày này qua ngày nọ, hết tháng này sang tháng kia, hết năm này tới năm khác cứ phải nghe mãi nhai nhải những lời tuyên truyền giả dối và những hành động trái ngược với những lời giảng dạy của các lãnh tụ Đảng, thi sĩ đâm ra nghi ngờ tất cả mọi sự việc ở đời, để đi đến thái độ quá ư tiêu cực là

Ngã bất tương tín thiên thị lam đích; Ngã bất tương tín lôi đích hồi thanh; Ngã bất tương tín mộng thị giả đích; Ngã bất tương tín tử vô báo ứng.

Đây cũng là tâm trạng chung của nhân dân Trung hoa dưới chế độ Cộng sản. Từ chỗ mất hết tin tưởng đó, Bắc Đảo cầu mong sớm có một sự thay đổi, cho nhân dân Trung hoa chóng tìm thấy một chế độ khác để sống. Như quả hải dương chú định yếu quyết đê, Tựu nhượng sở hữu khổ thủy đô chú nhập ngã tâm trung; Như quả lục địa chú định yếu thượng thăng, Tựu nhượng nhân loại trùng tân tuyển trạch sinh tồn đích phong đính. Ông tin là việc này cũng không lâu đâu vì hy vọng về một thể chế mới (hiểu là thể chế dân chủ) đã bắt đầu ló dạng.

Tân đích chuyển cơ hoà thiểm thiểm đích tinh đẩu, Chính tại chuế mãn một hữu già lan đích thiên không. Na thị ngũ thiên niên đích tượng hình văn tự, Na thị vị lai nhân môn ngưng thần đích nhãn tinh.

Mặt khác, bài thơ Lưu Thủy Tuyến (Đường Giây Chuyền) sau đây của nữ thi sĩ Thư Đình đã nói đến thân phận của công nhân Trung hoa dưới chế độ Cộng sản và hậu quả của việc làm theo phương thức giây chuyền cũng như đoàn ngũ hóa nhân dân.

Tại thời gian đích lưu thủy tuyến lý Dạ vãn hòa dạ vãn khẩn khẩn tương ai. Ngã môn tùng công xưởng đích lưu thủy tuyến triệt hạ, Hựu dĩ lưu thủy tuyến đích đội ngũ hồi gia lai. Tại ngã môn đầu đính Tinh tinh đích lưu thủy tuyến lạp quá thiên khung. Tại ngã môn thân bàng Tiểu thụ tại lưu thủy tuyến thượng phát ngốc.

Tinh tinh nhất định bì quyện liễu, Kỷ thiên niên quá khứ, Tha môn đích lữ hành tùng bất canh cải. Tiểu thụ đô bệnh liễu, Yên trần hòa đơn điệu sử tha môn Thất khứ liễu tuyến điều dữ sắc thái. Nhất thiết ngã đô cảm giác đáo liễu, Bằng trước nhất chủng cộng đồng đích tiết phách.

Đản thị kỳ quái, Ngã duy độc bất năng cảm giác đáo Ngã tự kỷ đích tồn tại. Phảng phất tùng thụ dữ tinh quần, Hoặc giả do ư tập quán, Hoặc giả do ư bi ai, Đối bản thân dĩ thành đích định cuộc, Tái một hữu lực lượng quan hoài.

(Ở trong đường giây chuyền thời gian Đêm tối chen chúc liền liền đêm tối. Chúng tôi từ công xưởng túa ra như đường giây chuyền, Theo đội ngũ như đường giây chuyền chảy về nhà. Ở trên đỉnh đầu chúng tôi Những ngôi sao kéo lê đường giây chuyền ngang vòm trời. Bên người chúng tôi Cây nhỏ như đường giây chuyền phát ngây dại.

Các ngôi sao nhất định đã mỏi mệt, Mấy ngàn năm đã trôi qua, Cuộc lữ hành vẫn không hề thay đổi. Các cây nhỏ đều bệnh hết cả, Khói bụi và đơn điệu đã làm chúng Mất đi đường nét và sắc thái. Tất cả tôi đều cảm thấy, Vì cùng một loại nhịp phách chung.

Nhưng thật là kỳ lạ, Một điều tôi không hề cảm thấy: Sự tồn tại của chính mình. Dường như rừng cây và muôn sao, Có lẽ vì thói quen, Có lẽ vì bi ai, Đối bản thân đã thành định cuộc Không còn sức để quan hoài nữa.)

Các phê bình gia nhà nước chỉ trích bài thơ này, cho là phác họa không chân thực tình cảnh công nhân xã hội chủ nghĩa, dù Thư Đình đã nói rằng bài thơ dựa vào kinh nghiệm cá nhân của nữ thi sĩ trong những năm tháng bà làm việc trong một nhà máy(15).

Người lao động, và nói rộng ra là toàn thể nhân dân, Trung hoa làm việc tối tăm mặt mũi, không còn biết gì đến thời gian cả. Họ cứ làm việc "Tại thời gian đích lưu thủy tuyến lý/Dạ vãn hòa dạ vãn khẩn khẩn tương ai" và chỉ ngừng nghỉ khi trên đỉnh đầu "Tinh tinh đích lưu thủy tuyến lạp quá thiên khung". Hơn nữa, cuộc đời của họ chẳng những là bị trói buộc vào phương thức hoạt động giây chuyền mà còn bị đoàn ngũ hóa để biến họ thành những sợi giây chuyền chuyển động một cách máy móc. Sự đoàn ngũ hóa các công nhân chặt chẽ đến nỗi đi đâu, kể cả đi từ xưởng làm về nhà họ cũng phải theo đội ngũ, "đội ngũ hồi gia lai."

Sự giây chuyền hóa và đội ngũ hóa con người ở Trung quốc kéo dài hết ngày này qua tháng nọ, không chút thay đổi, "Kỷ thiên niên quá khứ/Tha môn đích lữ hành tùng bất canh cải." Nó đã làm cho con người trở nên quá ư mệt mỏi, thui chột và mê muội. Họ chẳng khác gì những "Tinh tinh nhất định bì quyện liễu" và trở nên ngây dại như cỏ cây, "Tiểu thụ tại lưu thủy tuyến thượng phát ngốc," chính vì cái "Yên trần hòa đơn điệu sử tha môn/Thất khứ liễu tuyến điều dữ sắc thái." Trong hoàn cảnh đó, con người đã không còn cảm thấy được sự tồn tại của mình nữa, "Ngã duy độc bất năng cảm giác đáo/Ngã tự kỷ đích tồn tại." Họ đã "Hoặc giả do ư tập

quán/Hoặc giả do ư bi ai," đã có thái độ "Đối bản thân dĩ thành đích định cuộc/Tái một hữu lực lượng quan hoài."

Đọc bài thơ của Thư Đình chúng ta lại nhớ đến bài thơ Nữ Công Nhân của Dương Hoa (1906 1936), một thi sĩ Đài loan, chỉ trích việc kỹ nghệ hóa Đài loan trong thời Nhật thuộc (1895 1945) đã làm cho con người mất hết nhân tính. Bài thơ diễn tả tình cảnh một nữ công nhân trẻ tuổi đang ngủ bỗng thức giấc vì ánh trăng cô đơn chiếu trên thân nàng khiến nàng ngỡ là trời đã sáng nên vội vàng khoác áo lên mình đi vội đến nhà máy dệt để làm việc. Khi tới nơi thì nàng thấy cửa sắt nhà máy hãy còn khóa chặt nên nàng không thể vào được. Lúc đó nàng mới biết là đã bị ánh trăng đánh lừa. Nàng muốn về nhà nhưng lại sợ quay trở lại nhà máy không kịp, sẽ bị trễ vì lúc đó mặt trăng đã bắt đầu lặn về phía tây. Nếu không về nhà thì không có gì ăn lót dạ, mà ở lại thì vào giờ đó ngoài đường chẳng có bóng ai, cảnh vật đều im lặng. Tệ hơn nữa là gió thì lạnh hơn nước đá, như cắt sâu vào xương tủy nàng. Nàng đành cứ thế chờ đợi mặc cho tay chân tê cóng, chờ cho đến lúc trăng lặn hẳn và gà bắt đầu gáy sáng.

Bài thơ của Dương Hoa đã vẽ rõ bức tranh tả cuộc sống thực của người Đài loan trong những năm đầu dưới chế độ phát triển kinh tế thuộc địa của Nhật bản. Mặc dù trăng sáng và thiếu phụ xưa nay vẫn là hai hình ảnh rất quen thuộc trong các bài tình thi cổ điển Trung hoa, nhưng ở đây chúng lại mang những đặc tính rất khác. Bài thơ làm nổi bật sự lạnh lẽo, không có nhân tính của nhà máy cùng hoàn cảnh xung quanh. Mối tương giao đầm ấm trong xã hội truyền thống đã bị thay thế bằng sự bóc lột tàn nhẫn của con người.

4. Thuần túy nghệ thuật

Mặt khác, như đã nói ở một đoạn trước, trong khi chủ trương của Mao Trạch đông là văn nghệ cách mệnh phải là các sản phẩm phản ảnh cuộc sống của nhân dân thì các thi sĩ mông lung lại tạo ra một loạt những phản ảnh mới trong chiếc gương nghệ thuật. Chúng ta hãy lấy bài thơ Ngọ Dạ Ca Thủ (Ca sĩ Nửa Đêm) của Bắc Đảo làm thí dụ:

Nhất thủ ca, Thị phòng đính thượng bôn bào đích tặc, Thâu tẩu liễu lục chủng nhan sắc, Tịnh bả hồng sắc thời châm Chỉ hướng tứ điểm chung đích thiên đường. Tứ điểm chung bạo tạc Tại công kê não đại lý Hữu tứ điểm chung đích phong cuồng.

Nhất thủ ca, Thị khóa bảo trì địch ý đích thụ, Tại biên giới lánh nhất phương. Tha phóng xuất nặc ngôn, Na quần thốn ngật minh thiên đích lang.

Nhất thủ ca, Thị bối thục thân thể đích kính tử, Thị ký ức chi vương,

Thị lạp chế đích thiệt đầu môn, Nghị luận đích hỏa quang, Thị thần thoại uy dưỡng đích hoa thảo, Thị chưng khí hỏa xa đầu Sấm tiến giáo đường.

Nhất thủ ca Thị nhất cá ca thủ đích tử vong Tha đích tử vong chi dạ Bị áp thành hắc sắc xướng phiến Phản phục ca xướng.

(Một bài ca, Là tên trộm chạy trốn trên nóc nhà, Đánh cắp đi sáu loại màu sắc, Nhưng để lại chiếc kim giờ màu đỏ Chỉ hướng thiên đường bốn giờ. Bốn giờ nổ Trong đầu gà trống Có bệnh phong cuồng lúc bốn giờ.

Một bài ca, Là cái cây luôn mang hiềm thù, Ở riêng một phương nơi biên giới. Nó tung ra lời hứa, Đàn sói đó ngày mai sẽ nuốt hết.

Một bài ca, Là chiếc gương thuộc lòng thân thể, Là vua ký ức, Là chiếc lưỡi bằng sáp, Ánh sáng của nghị luận, Là cây cỏ nuôi dưỡng bằng thần thoại, Là đầu xe lửa chạy bằng hơi nước Xông vào trong giáo đường.

Một bài ca, Là cái chết của ca sĩ. Đêm chàng ta chết Chàng bị ép thành đĩa hát màu đen Hát đi hát lại mãi.)

Bắc Đảo đã ví bài ca như chiếc gương thuộc lòng thân thể (Thị bối thục thân thể đích kính tử), mà thân thể ở đây phải hiểu là chính thi sĩ. Hơn nữa, tuy bài ca đó có thể đem lại cái chết cho ca sĩ (Thị nhất cá ca thủ đích tử vong), nhưng cái chết đó không làm cho danh thơm của ca sĩ mai một; trái lại, nó còn biến người ca sĩ đó trở nên bất tử vì sẽ được người ta nhắc đi nhắc lại mãi như chiếc đĩa hát khi nào cần người ta có thể vặn nó lên nghe được, không phải chỉ là một lần mà là muôn ngàn lần (Tha đích tử vong chi dạ/Bị áp thành hắc sắc xướng phiến/Phản phục ca xướng).

Nói cách khác, theo các thi sĩ mông lung, tiêu biểu qua Bắc Đảo, trong khi nghệ thuật vị chính trị kiểu Mao Trạch đông chỉ có tính cách nhất thời và nó sẽ tàn tạ, tan biến khi chính trị đó không còn có ảnh hưởng gì nữa, thì nghệ thuật vị nghệ thuật sẽ trường tồn, ngày nào còn có con người trên trái đất, còn muốn được nghệ thuật nuôi dưỡng tinh thần.

V. Các tranh luận về thơ mông lung

Mặc dù thơ mông lung được xếp vào hàng những thơ hay nhất được sáng tác kể từ khi Đảng Cộng sản Trung quốc cai trị Hoa lục nhưng vẫn bị chỉ trích dữ dội. Vì các phê bình chỉ trích quá nhiều không thể kể hết được, ở đây chúng tôi chỉ nhắc lại một số điển hình thôi.

Điền Gian, chủ tịch danh dự Trung quốc Tác gia Hiệp hội phân hội Hà bắc, cho rằng nội dung của thi ca phải có tính cách tích cực và phải cổ vũ tinh thần; ngoài ra, thi ca cũng còn phải là "tiếng kèn của thời đại" nữa. Theo ông:

"Tuy thi ca có thể khác nhau về hình thức, nó vẫn phải ca tụng thời đại. Thi nhân, với tư cách là các văn nghệ công tác giả cách mệnh, không

được phép quên điều này. Thơ mông lung có thực sự phục vụ nhân dân không? Nó có phục vụ xã hội chủ nghĩa không? Xã hội chủ nghĩa có cần nó không? Nếu thi ca chỉ sáng tác cho riêng mình hay cho các thi nhân khác, thì đã hỏng quá rồi. Văn nghệ phải hướng về giai cấp." Lời tuyên bố này chẳng có gì mới lạ mà chỉ là nhắc lại giáo lý căn bản Mao Trạch đông đã nêu ra trong Tọa đàm Diên an thôi.

Một người phê bình khác là Lý Anh, thi sĩ quân đội, người phụ trách tờ Giải phóng quân Văn nghệ. Ông ta cũng tán đồng quan điểm của Điền Gian. Lý Anh tuyên bố là thi ca phải quan tâm đến đại chúng hơn tất cả. Ông đã đưa ra một thí dụ cá nhân để làm sáng tỏ quan điểm làm thế nào thi ca có thể phục vụ đại chúng. Ông kể rằng trong chiến tranh Hoa Việt đầu năm 1979 một anh bộ đội giải phóng quân đã sao lại bài thơ của ông nhan đề "Quan Ư Sinh Mệnh" rồi học thuộc lòng. Bài thơ này chẳng những đã đem lại cho anh bộ đội "thêm sức mạnh và can đảm" mà còn giải đáp các thắc mắc của anh về vấn đề "sinh tử, danh dự và sỉ nhục." Do đó về sau anh bộ đội đã "đạt được nhiều thành tích và được thâu nhập vào đảng."

Theo Lý Nguyên lạc, điều cần là thi ca phải có thể "thúc đẩy sự nghiệp Tứ Hiện đại hóa vĩ đại" do Đặng Tiểu bình đề xướng.

Đinh Lực cũng đưa ra một nhận xét tương tự. Tuy cho rằng mông lung là một văn thể có tính cách nghệ thuật ở bất cứ nước nào, vào bất cứ thời đại nào cũng có, nhưng, theo ông, mọi cuộc tranh luận về thơ mông lung phải được đặt trên nền tảng một tiêu chuẩn: liệu tác phẩm có phục vụ đại chúng và xã hội chủ nghĩa không. Mặc dù ông nhìn nhận là văn thể mông lung không thể nào tránh được, nhưng lại kết luận là "Thơ mà đại chúng không hiểu, không chấp nhận và không thưởng thức thì hoặc là thơ tồi hoặc chẳng phải là thơ gì cả."

Ngoài những phê bình về các khía cạnh hình thức lẫn nội dung của thơ mông lung ra, một số phê bình đã xoay quanh vấn đề ảnh hưởng của văn học Tây phương đối với thơ mông lung.

Chúng ta nên nhớ là trước thập niên 1970, người Trung hoa ở Hoa lục chỉ được đọc các tác phẩm văn học Mác xít của Đông Âu thôi. Chỉ từ thập niên 1970 trở đi, sau chuyến Hoa du của Tổng thống Hoa kỳ Richard Nixon (1971) và sau việc Trung Cộng được gia nhập Liên hiệp quốc (cùng năm), Hoa lục đã mở rộng cửa đón người và vật ngoại quốc. Nhờ đó người Trung hoa mới được đọc các tác phẩm văn học Âu Mỹ, đại đa số qua các bản Hoa dịch. Kết quả là các khuynh hướng văn học Tây phương đã có nhiều ảnh hưởng đối với văn học Trung quốc.

Đáng kể nhất là hiện đại chủ nghĩa. Ảnh hưởng của chủ nghĩa rất lớn

và đã gây nên một phong trào quan trọng đáng kể ở Trung quốc. Lợi dụng sự nới tay của Đảng Cộng sản sau khi Mao Trạch đông qua đời, các văn nghệ sĩ Trung hoa đã kịch liệt đả kích chủ nghĩa Mao Trạch đông và nhiệt liệt hoan nghênh hiện đại chủ nghĩa. Các văn thi sĩ trẻ tuổi Trung hoa đã mô phỏng và thay đổi hiện đại chủ nghĩa trong các tác phẩm của họ. Việc này khiến cho từ năm 1976 trở đi các tạp chí văn học lớn ở Hoa lục đã đăng nhiều bài tranh luận về phong trào này và ảnh hưởng của văn học hiện đại chủ nghĩa đối với thơ mới Trung hoa thời hậu Văn cách nói chung và thơ mông lung nói riêng.

Có người coi hiện đại chủ nghĩa như là một cuộc cách mệnh về văn hóa tương dương với cách mệnh chính trị và cho rằng chủ nghĩa này phù hợp với chính sách Tứ Hiện đại hóa trong kế hoạch cải thiện kinh tế xã hội của Đặng Tiểu bình. Trái lại cũng có lắm kẻ chỉ trích hiện đại chủ nghĩa, cho là nó phản lại những đổi thay lịch sử và chính trị trong thời kỳ độc quyền của tư bản chủ nghĩa. Lại còn có người tuyên bố là nếu chúng ta không thể nói đến Mác xít duy tâm chủ nghĩa hay Mác xít đa đa chủ nghĩa thì chúng ta càng không thể đề xướng Mác xít hiện đại chủ nghĩa. Quan Lâm, trong bài "Văn học đích Đề cao hòa Hiện đại Chủ nghĩa đích Hô thanh" (Đề cao Văn học và Tiếng Kêu của Chủ nghĩa Hiện đại), đã cho rằng phản truyền thống chủ nghĩa của các văn thi sĩ theo hiện đại chủ nghĩa chẳng những là chối bỏ các quan điểm văn học truyền thống mà còn cả các quan điểm triết học truyền thống nữa. Xét về mặt ý thức hệ, nghệ thuật hiện đại chủ nghĩa và hiện đại triết học không thể chia lìa được. Cả hai đã chối bỏ duy lý chủ nghĩa phát sinh từ Thời đại Văn minh mà nghiêng nhiều về phía phản duy lý chủ nghĩa và phi duy lý chủ nghĩa, nhấn mạnh vào trực giác cùng là vai trò của tiềm thức mà gạt bỏ đi tất cả các thứ khác. Xét về phương diện nghệ thuật, tiền đề căn bản của hiện đại chủ nghĩa là sự phủ nhận hiện thực chủ nghĩa. Nó chống lại việc các văn thi sĩ bàn về thực tại khách quan và khuyến khích họ tập trung vào tự ngã và thế giới nội tâm của cá nhân. Như vậy, rõ ràng là không có người nào có thể phủ nhận được rằng hiện đại chủ nghĩa đã đề cao một số các kỹ thuật nghệ thuật độc nhất. Tuy nhiên tính cách phản truyền thống chủ nghĩa thâm căn cố đế của nó đã đưa đến sự bác bỏ các châm ngôn nghệ thuật đã được chấp nhận. Như vậy rõ ràng là vũ trụ quan hiện đại chủ nghĩa hoàn toàn tương phản với vũ trụ quan Mác xít chủ nghĩa. Một nhà phê bình khác là Trình Đại hy đã coi những sự diễn tả tự ngã mang tính cách tư sản hay tiểu tư sản cá nhân chủ nghĩa và phản duy lý vô chính phủ chủ nghĩa. Theo ông, vì bản ngã hay tự ngã chiếm hết năng lực tưởng tượng nghệ thuật làm hại khách quan tính của thế giới hiện tại, thực tế

không sao tránh khỏi bị ý thức chủ quan của cá nhân nghệ sĩ thay thế. Kết quả là tác phẩm trở nên tối tăm, mơ hồ, khó hiểu, vốn là các tội chung của hiện đại chủ nghĩa Âu Mỹ. Trình Đại hy quan niệm là hiện đại chủ nghĩa phản ảnh sự vô vọng, trống rỗng và tuyệt vọng của hệ thống tư bản chủ nghĩa Tây phương. Đoạn ông kết luận là các nguyên tắc mỹ học đã bị duy tâm chủ nghĩa làm biến đổi rất nhiều, khiến nó tiết ra một tiểu tư sản cá nhân chủ nghĩa nồng nặc.

Nếu thơ mông lung đã bị nhiều người chỉ trích thì cũng có một số người tỏ thái độ khoan dung hơn.

Chẳng hạn Lưu Trạm thu tuy cũng lập luận là thơ phải là "tiếng nói của nhân dân" và phải "ngợi ca thời đại," nhưng ông còn cho rằng sự đấu tranh giai cấp và việc thúc đẩy công tác sản xuất không phải là đề tài duy nhất của thi ca trong một quốc gia xã hội chủ nghĩa. Theo ông, thi ca phải diễn tả và phê bình thực tế xã hội một cách trung thực. Mặt khác, ông cho rằng quan niệm nghệ thuật vị nghệ thuật có thể chấp nhận đến một mức độ nào. Do đó ông kêu gọi hãy để cho thi sĩ nào muốn sáng tác những thi phẩm có nghệ thuật hơn được phép làm như vậy, bởi vì "khi đem chính sách trăm hoa đua nở diễn dịch sang sáng tác cá nhân nó có nghĩa là mỗi thi sĩ sẽ trồng thêm một thứ hoa riêng."

Lập luận can đảm đáng kể chính là của Tôn Thiệu chấn, được nêu lên trong buổi luận hội do tờ Thi san tổ chức với sự tham dự của nhiều nhà phê bình và đại diện của các tờ Văn nghệ Báo, Tinh tinh, Hải vận và Thi Thám tác. Tôn Thiệu chấn lập luận là "nghệ thuật có những qui luật phát triển của nó" và các phê bình văn học "không thể chỉ tập trung vào việc phản ảnh đời sống mà quên đi nghệ thuật thi ca." Ông còn đi xa hơn nữa bằng cách tái thẩm định các thi sĩ đã bị các nhà phê bình cũng như các nhà biên soạn các thi tuyển từ năm 1949 bỏ quên. Theo ông, "Trong thập niên 1920 và đầu thập niên 1930, các thi sĩ đã đóng góp nhiều nhất và quan trọng nhất cho nghệ thuật thi ca hiện đại thực sự chính là Đái Vọng thư và Từ Chí ma, thế mà họ lại bị coi là những thi sĩ phi cách mệnh và tách rời khỏi đời sống của đại chúng."

Vài tháng sau, Tôn Thiệu chấn lại gây sóng động một lần nữa khi bài "Tân đích Mỹ học Nguyên tắc Tái Quật khởi" của ông được đăng trong Thi san. Ông đã trở thành người được bàn cãi nhiều như các thi sĩ mông lung ông cố bênh vực.

Trong bài này ông đã đưa ra nhận xét là sự nổi dậy của các thi sĩ mới không phải là một thứ kế nhiệm văn học thông thường, mà chính nó tiêu biểu cho sự quật khởi của một vài nguyên tắc mỹ học mới chưa hề có ai nói tới ở Hoa lục. Các nguyên tắc đó là:

Thứ nhất, các thi sĩ mới khinh miệt và không chịu làm tiếng kèn của thời đại. Họ không viết về các cuộc đấu tranh giai cấp, các cảnh làm việc và kinh nghiệm của các nhân vật quen thuộc. Thay vì trực tiếp tôn vinh đời sống, họ đi tìm những cái bí mật của cuộc đời đã hòa tan trong tim óc con người.

Thứ hai, các thi sĩ mới nhấn mạnh vào sự diễn tả tự ngã. Họ tin rằng cá nhân nên hưởng thụ một địa vị cao sang trong xã hội, vì chính con người đã tạo nên xã hội. Tôn Thiệu chấn còn mạnh bạo hơn nữa mà giải thích rằng những sự diễn tả tự ngã hiện đang nổi lên vì các cơ cấu quốc gia không còn trọng yếu, không có ưu thế, như trước nữa. Ông còn coi sự sầu muộn nơi một vài thi sĩ, chẳng hạn nữ thi sĩ Thư Đình, chính là phản ảnh sự biến hình méo mó, lệch lạc trong quan hệ giữa người với người do hậu quả của cuộc Văn cách tạo ra.

Thứ ba, viện dẫn lời Cố Thành nói rằng thi ca phải thách thức, dị nghị những kỳ vọng thông thường và thói quen đọc thơ quen thuộc, Tôn Thiệu chấn đưa ra nhận xét là nhiệm vụ chính của các thi sĩ trẻ vẫn là tìm cách thoát khỏi sự kìm kẹp của qui ước nghệ thuật.

Trong ba nguyên tắc nói trên của họ Tôn, nguyên tắc thứ hai đã gây ra trận bão tranh luận sôi nổi giữa các thi sĩ cung đình (đại đa số thuộc phái già) và các thi sĩ trẻ.

Các thi sĩ cung đình đã phê bình nguyên tắc này, coi sự diễn tả tự ngã là một quan niệm tương phản với vai trò cộng đồng của văn học trong một xã hội theo xã hội chủ nghĩa. Một thi sĩ cung đình lão thành là Nguyễn Chương cạnh đã lên án "những tác phẩm nào đề xướng cảm tình cá nhân mà không nói gì đến xã hội, bởi vì khách quan mà nói, những tác phẩm đó tạo nên những ô nhiễm tinh thần."

Ngược lại, các thi sĩ trẻ lại ủng hộ họ Tôn. Tiêu biểu là Cố Thành và nữ thi sĩ Vương Tiểu ni.

Theo thi sĩ mông lung Cố Thành thì:

"Loại thi ca cũ luôn luôn tuyên truyền về cái 'tôi' hay 'tự ngã' phi cá nhân, một cái 'tôi' tự chế và tự diệt, một cái 'tôi' thường xuyên giảm thiểu thành một hạt cát, một hòn sỏi lát đường, một chiếc răng cưa bánh xe, một cái đinh ốc sắt. Nói tóm lại, không bao giờ là một con người, một con người biết suy tư, biết nghi ngờ, có tình cảm, có ham muốn... Nói tóm lại, đó là một cái máy, một cái 'tôi' cơ khí. Cái loại 'tôi' này có thể có được cái đẹp là biết tự hy sinh mình, nhưng vì là một cái 'tôi' đã tiêu diệt con người cá nhân cụ thể nhất của mình, nên tựu chung tự mình không thể làm chủ mình được và phải bị tiêu diệt. Chính trên đống đổ nát này mà một loại 'tự ngã' mới đã phát sinh." Nữ thi sĩ trẻ tuổi Vương Tiểu ni cũng

đồng ý kiến với Cố Thành. Theo nữ thi sĩ, trong xã hội hiện có hai loại người: một thế hệ những người trẻ tuổi đã ý thức được sự hiện hữu của tự ngã. Họ rất sầu khổ và bối rối, nhưng họ vẫn suy tư và tìm tòi. Còn có nhiều người nông dân không có ngay cả cảm nghĩ là họ đang tồn tại trong xã hội như một con người (một "nhân") và được hưởng các quyền của con người.

Một người khác cũng bênh vực cho các thi sĩ trẻ tuổi là Tạ Miện. Ông so sánh các thi sĩ trẻ với các thi sĩ ở thập niên đầu thế kỷ 20. Bằng cách xác định là các hình thức thi ca Tây phương đã là khuôn mẫu cho các thi sĩ thời Ngũ Tứ Vận động, ông đã khéo léo biện hộ cho ảnh hưởng của văn học Tây phương ở Trung quốc hiện nay. Theo ông, sau thập niên đầu tiên đã đưa lại nhiều kết quả phong phú, thi ca hiện đại Trung hoa đã chậm tăng trưởng chỉ vì những tranh luận về dân tộc hình thức trong thập niên 1940 và phong trào tân dân dao trong thập niên 1950.

Trong một dịp khác, cùng một thời gian với biện luận bên trên, Tạ Miện tuyên bố là các kết luận lý thuyết căn cứ vào Tọa đàm Diên an rõ ràng có tính cách giới hạn. Thuyết cho rằng thơ mới phải phát triển trên nền tảng dân dao và thi ca cổ điển Trung quốc đã sử dụng vận, có lẽ là yếu tố duy nhất chung cho cả dân dao lẫn thi ca cổ điển và là một nét đặc trưng trổi bật của thi ca hiện đại Trung hoa. Tuy nhiên, theo ông, dân dao và thi ca cổ điển Trung hoa không nhất thiết là nguồn truyền thống duy nhất cho các thi sĩ đương đại. Trái lại, sự tìm kiếm hình thức thi ca đã đem lại nhiều thí nghiệm từ 1919 đến 1949 phải được coi là truyền thống mới, bắt đầu bằng Hồ Thích, Lưu Bán nông, Lưu Đại bạch, Khang Bạch tình, Quách Mạt nhược, rồi được Văn Nhất đa, Từ Chí ma và Đái Vọng thư phát triển. Sau khi kể qua ảnh hưởng của thi sĩ Walt Whitman đối với Quách Mạt nhược, một thi sĩ được mọi người trong Đảng Cộng sản Trung quốc kính trọng, Tạ Miện nói rằng thi ca ngoại quốc cũng có thể mang đến nhiều ảnh hưởng lành mạnh và phong phú cho thi ca hiện đại Trung hoa.

Cùng quan điểm với Tạ Miện là Từ Kính á. Ông hô hào việc phiên dịch và nghiên cứu các khuynh hướng và các trường phái thi ca ngoại quốc, nhất là các tác phẩm cận đại và hiện đại. Theo Từ Kính á, ngoài thi ca ngoại quốc ra, các thi sĩ trẻ còn có thể học hỏi từ các thi sĩ Trung hoa thế hệ 1930 và 1940 mà từ năm 1949 phần lớn đã bị quên lãng.

Sau hết, Viên Khả gia, một thi sĩ đã bắt đầu làm thơ từ thập niên 1940 và đã dạy học cùng là nghiên cứu ở Hoa kỳ từ 1980 đến 1982, cho rằng sự quan tâm đến thi ngôn và thi thức có thể là một giai đoạn huấn luyện rất quan trọng. Ông đưa ra thí dụ là các thi phẩm của Quách Mạt nhược, Đái

Vọng thư, Ngải Thanh và Hà Kỳ phương đã chịu ảnh hưởng khuôn mẫu thi ca Tây phương. Do đó, theo ông, nếu không có những công trình thí nghiệm của những người đó thì những tác phẩm sau này của họ, mà các nhà phê bình coi là "hiện thực," chắc chắn sẽ không thể thú vị đáng đọc.

Tuy nhiên, số nhà phê bình khoan dung lại rất nhỏ, còn thì tuyệt đại đa số đã phê bình, chỉ trích thơ mông lung rất nặng nề, dữ dội, nhiều khi dùng lời lẽ không xứng đáng. Chẳng hạn, Tang Khắc gia đã chỉ trích, cho thơ mông lung là đứa con đọa lạc của truyền thống bao nhiêu thế kỷ của hiện thực chủ nghĩa trong thi ca Trung hoa, một khuynh hướng làm mất thanh danh của thi ca bản quốc, đầu độc một số người và làm cho rất nhiều độc giả phải tức giận. Họ Tang còn kết tội các thi sĩ trẻ tuổi là đã phản bội truyền thống bằng cách bắt chước các cặn bã ngoại bang.

Để trả lời những chỉ trích bất công và thiếu hiểu biết này, nữ thi sĩ mông lung Thư Đình, nhà thơ được mộ mến nhất hiện nay ở Trung quốc, đã nói rằng:

"Tôi nghĩ rằng công tác sáng tạo và phê bình văn học phải là đồng minh của nhau. Lúc này đây đội đặc nhiệm thi ca đang xâm nhập các vùng cấm địa nên cần được pháo binh trợ lực... Không có lý nào tiểu thuyết được phép viết về những vết thương [của xã hội] mà thi ca lại bị cấm bàn đến những tiếng thở dài; và cũng không thể nói được là hiện nay mọi sự đều tốt đẹp nên thi sĩ chỉ cần vui vẻ ca tụng mùa xuân, hoặc chỉ được phép bàn luận về các vấn đề thanh niên, cùng là lên án sự chán nản ngã lòng, sự ỷ lại và sự hôn loạn của thanh niên mà lại không được phép tấn công vào những nguyên nhân xã hội đã tạo nên tình trạng tinh thần này vậy."(16)

Mặt khác, Hồng Hoang(17) đã giải thích rằng:

"Người ta đã gán cho [loại] thơ [mới] nhiều tên như là tượng trưng, siêu hiện thực, mông lung và ngay cả ấn tượng nữa. Thực ra, nó chẳng phải là những thứ này. Chúng ta nên gọi nó là một sự thể hiện mới của tinh thần quốc gia, tiếng nói và động mạch của thế hệ tư duy, một phản ứng cho con bệnh thi ca của hai thập niên qua. Hay chỉ nên gọi nó giản dị là Thơ Mới thôi."

Theo tác giả, việc phát sinh thơ mới này không có gì là bí mật, khó hiểu cả. Sau khi nhóm Tứ nhân Bang bị lật đổ một bình minh phục hưng văn học bắt đầu ló dạng ở Trung quốc. "Tản văn (tiểu thuyết, phóng sự) tiến dần tới thực tế, thi ca cũng vậy. Thực tế tản văn thì khách quan, còn thực tế thi ca thì chủ quan, đó là sự tìm hiểu cái chân bản ngã và hăng hái bác bỏ những sơ viễn."

Ngoài ra, Hồng Hoang cho rằng trong loại thơ mới này cái kho tàng

tình cảm chân thực của chính tác giả đã thay thế những ý hướng trừu tượng, giả dối, thiên kiến. Trong thi ca bắt đầu xuất hiện cái tự ngã thực sự chủ yếu, nghĩa là cái tự ngã bẩm sinh có nhân cách, có trí lực và có đời sống nội tâm phức tạp. Giờ đây thi ca không còn là thứ văn chương làm thuê viết mướn, không còn là cái loa của chính trị nữa. "Giờ đây chúng ta đứng mặt đối mặt với giải đất đầy đau khổ này nhưng vẫn còn nhiều hy vọng, để suy ngẫm về cái bình minh ưu sầu nhưng sáng lạn này. Chúng ta cần tư thế của chúng ta, tiếng nói của chúng ta."

Hơn nữa, tác giả còn nêu ra những đặc điểm của loại thơ mới này là: (a) những câu thơ bất qui tắc được thay bằng những câu cân đối văn hoa; (b) âm tiết mang một ý nghĩa mới, nó biểu tượng cho các rung động của tình cảm của thi sĩ mà thi sĩ diễn đạt thẳng vào trong thơ của mình, chứ không qua một hệ thống qui ước tĩnh chỉ; (c) màu sắc được dùng để làm nổi bật ý thơ, gia tăng các hình tượng phong phú; và (d) âm vận bị sao lãng hay hoàn toàn bỏ không dùng tới. Mặt khác, "đứng về phương diện tâm lý nghệ thuật, chúng ta không tìm cách đạt được cái vui thoảng qua của độc giả vào lúc họ nhận thức được mà là cố in sâu các hình ảnh trong tâm trí họ, để khơi động trong đầu óc họ những trí tưởng và tư duy." Đoạn tác giả kết luận là "chúng ta thay thế cái đẹp truyền thống đơn giản, hòa hài, bằng cái khẩn trương đầy căng thẳng, không thư thái. Chúng ta không đi tìm thanh tịnh mà là xung động."

Sau hết, Cố Thành, người bị phê bình, chỉ trích nhiều nhất, đã nói(18) rằng thơ mông lung "là kinh nghiệm chung mà thế hệ trẻ cùng nhau chia sẻ, là thực tế chung mà họ phải cùng nhau đối đầu, là các lý tưởng chung mà họ cùng nhau theo đuổi."

Nói về những khuyết điểm của thơ mông lung, Cố Thành giải thích là "Lẽ dĩ nhiên sự theo đuổi này có cái giá của nó. Trong việc thám sát bất cứ một con đường nghệ thuật mới nào người ta cũng luôn luôn gặp phải nhiều cỏ gai hơn hoa thơm. Tuy nhiên, một quốc gia cần phải có những người như vậy tự hy sinh; bởi vì trong những người đó thể nào cuối cùng cũng có người, trong lúc đi dọc theo con đường đầy những thất bại của đồng bọn, sẽ khám phá ra được miền đất lạ, những khu vực lạ dưới gầm trời. "Chúng tôi đã phải trả một giá rất đắt. Tuy nhiên chúng tôi cũng đã bắt đầu hiểu rằng chính trị cũng như duy vật chủ nghĩa không thể nào thay thế mọi thứ được. Nếu một quốc gia muốn tiến bộ, quốc gia đó cần phải có một cái gì hơn là kỹ thuật điện tử và quản lý khoa học, cần phải có một nền văn minh tinh thần tiến bộ cao hơn, kể cả việc sáng tạo một ý thức nghệ thuật hiện đại, mới. Cái đẹp sẽ không còn là tù nhân hay nô lệ nữa; nó sẽ chiếu sáng như vầng nhật nguyệt. Nó sẽ vươn cao lên tận chín

tầng trời để xua đuổi bóng tối của xấu xa, tội ác. Qua các cửa sổ của nghệ thuật và thi ca nó sẽ chiếu sáng tâm hồn những con người đã thức tỉnh cũng như những kẻ hãy còn triền miên trong giấc ngủ. "Muốn cho thế hệ sau vươn cao hơn thế hệ chúng ta, những cửa sổ đó cần phải nhiều hơn, lớn hơn và sạch hơn."

Cuộc tranh luận về thơ mông lung cho tới nay vẫn chưa chấm, mặc dù đa số các thi sĩ mông lung đã ra sống ở ngoại quốc từ sau Biến cố Thiên an môn II (tháng 6/1989), ngoại trừ nữ thi sĩ Thư Đình vẫn còn ở lại Hoa lục. Hai bên vẫn chống đối nhau rất mãnh liệt và đều ở trong tình trạng bế tắc. Lý do chính là, như lời Tạ Miện, "Từ khi nền Cộng hòa Nhân dân được thành lập đến nay thi ca vẫn thường xuyên bị chính trị xen lấn, đến độ thi ca đã bị gán ghép vào chính trị. Sự kiểm soát thi ca quá đáng hầu như đã bóp nghẹt thi ca."

VI. Kết luận

Nói tóm lại, các giai đoạn đàn áp chính trị thường bao giờ cũng tạo nên những phản ứng thi ca phức tạp. Có khi động cơ đằng sau sự mông lung của các bài thơ chỉ là những lời chỉ trích khéo che đậy hay sự phản kháng ngấm ngầm, nhưng với thời gian sự trá hình dần dần bắt đầu bộc lộ rõ ràng. Cũng có những trường hợp sự sung động khởi đầu dường như mang tính cách mâu thuẫn.

Trong lúc cố gắng hồi phục và định nghĩa lại bản ngã, các thi sĩ mông lung cũng đồng thời tạo nên một thực tế thi ca mới với thi ngôn và thi tứ, thi thức mang một phần nào ảnh hưởng của văn học Tây phương. Mặt khác, để tái xác định bản ngã, họ cũng đưa vào phong cảnh thi ca mới những cảm xúc cá nhân, nhất là tình yêu (như thấy rất nhiều trong thơ của nữ thi sĩ Thư Đình).

Tuy nhiên, họ đều là những người tập sự, bắt đầu từ số không, sau khi đã mạnh dạn từ bỏ truyền thống thơ cách mệnh cũ.

Về phương diện hình thức, thơ của các thi sĩ này gần giống lối thơ tự do của các thi sĩ nhóm Hiện đại trong thập niên 1930. Họ cũng làm thơ tự do không theo một khuôn mẫu cố định nào về số câu trong một đoạn cũng như số chữ trong một câu. Ngoài ra, họ thường bỏ dấu chấm câu khiến cho người đọc nhiều khi phải đoán xem một ý chấm dứt ở đâu và ý khác bắt đầu từ chỗ nào. Hơn nữa, họ còn dùng cú pháp mơ hồ cũng như để cho các hình ảnh nối nhau đôi khi hiểu ngầm. Một vài thi sĩ có thí nghiệm âm vận nhưng ít khi có cấu trúc tương xứng hay song hành như trong thơ cũ. Họ rất ít dùng lối hành văn cổ điển; trái lại, họ thích tạo nên những hình ảnh mới căn cứ vào cú điệu nguyên thủy, như muốn thách đố

độc giả vốn thường đọc thơ theo những thể quen thuộc. Đứng về một phương diện khác, họ đã thí nghiệm với những màu sắc, thường là màu sắc xám xịt, tối tăm, cùng là viễn cảnh để bắt được một cảnh hay khí chất không kéo dài bao lâu. Rồi sau khi đã sơn phết phong cảnh bằng những màu sắc xám xịt rồi, các thi sĩ lại tiếp tục làm cho thơ thêm đen tối bằng những hội ý chủ quan mờ mịt.

Hơn nữa, đối với thế hệ thi sĩ này, hầu hết đã trải qua nhiều đau khổ trong thời kỳ Văn cách, phong cảnh trông không còn đẹp đẽ, nguy nga, tráng lệ nữa, mà nó đã biến thành cảnh phản chiếu một tâm thức tuyệt vọng, chán chường, như thấy diễn tả trong các bài thơ của Dương Luyện. Thí dụ trong thi phẩm liên hoàn "Băng hồ chi Chung"(19), cảnh mô tả những di tích lịch sử (Đại nhạn Tháp) đã biến thành dụ ngôn của đau khổ và tù đày. Những hình ảnh thi ca không che dấu những cảm xúc của thi sĩ mà, trái lại, chúng được dùng để phản chiếu trực tiếp những cảm xúc đó.

Chính vì đặc điểm kể trên mà loại thơ của các thi sĩ trẻ này bị các nhà phê bình, hầu hết là những thi sĩ thuộc các thế hệ trước, coi là mông lung vì mịt mờ, khó hiểu. Nói như vậy thật là oan cho họ. Chính ngay trong thi ca cổ điển và ngay cả trong nhiều thi phẩm của các thi sĩ phê bình họ (Ngải Thanh, Tiêu Tam, v.v...) cũng có nhiều chỗ hàm hồ, mịt mờ, khó hiểu. Do đó, chúng ta có thể nói được rằng lý do chính các nhà thơ thế hệ già đả kích các thi sĩ mông lung dữ dội chẳng qua là vì các vị ấy cảm thấy địa vị của mình, thứ địa vị đã giúp họ ngươ trị trên thi đàn xã hội chủ nghĩa hơn 30 năm, bị đe dọa. Đấy là chưa kể các cán bộ Đảng Cộng sản Trung quốc nghi rằng sự mơ hồ, mờ mịt khó hiểu của thơ mông lung có thể chỉ là làn khói hỏa mù che đậy mọi sự chỉ trích chế độ. Nghi ngờ này đúng như chúng ta đã xem qua ở một phần bên trên.

Dù sao cái làm cho thơ mông lung mang một dấu ấn riêng biệt không phải chỉ là cái mông lung của phong cảnh mà còn cả những cố gắng bù đắp các thiếu sót. Do đó, dù phải đối đầu với chất xám chính thức của chính quyền, các thi sĩ mông lung vẫn có lúc tỏ vẻ hy vọng thấy được ánh sáng chan hòa chói lọi. Tuy nhiên điều xác quyết chính yếu của các thi sĩ mông lung là lòng trung thành của họ đối với chính thi ca, với hình tượng cá nhân để truyền đạt chân lý, hay là như biểu lộ trong vài bài thơ của Giang Hà, của Dương Luyện, trung thành với xung lực bất khả trấn áp của trí tưởng tượng. Vì vậy, tuy thơ mông lung đã bị nhiều người coi là thất bại vì đã không truyền đạt ý tưởng tới quần chúng được, không khơi động được sự hăng hái nồng nhiệt của quảng đại quần chúng, chúng ta vẫn phải nhìn nhận là những đêm trường thao thức cô đơn nơi bến bờ xa lạ của Bắc Đảo, những giấc mơ ương ngạnh, bướng bỉnh của Cố Thành,

những tử đạo đắc thắng của Giang Hà, những tình cảm bất khả chinh phục của Thư Đình, v.v...dù có là những bông hoa mông lung, nhưng chắc chắn không phải là những đoá hoa đen hay những bông hoa xám. Hơn nữa, chúng ta cũng phải nhìn nhận là thơ mông lung, cũng như thơ của các thi sĩ thuộc thế hệ mới, đã đem lại cho thi ca hiện đại Trung hoa một khởi đầu mới mẻ đầy hứa hẹn khác. Tuy một vài thi phẩm có lẽ sống sượng và không đều, trong đám trăm hoa, sự nhen nhúm một loài hoa mới đáng cho người ta chăm chiu hơn.

CHÚ THÍCH

(1) Chúng tôi dùng từ "thi phẩm chính thức" để chỉ những thi phẩm nào được Đảng Cộng sản Trung quốc cho phép đăng hay xuất bản, lẽ dĩ nhiên vì theo đúng khuôn mẫu, đường lối hay chính sách của đảng.

(2) Từ "sản xuất" được dùng ở đây không phải vì chúng tôi muốn nhắc lại một từ các cán bộ Cộng sản Trung hoa mê dùng mà chỉ vì các thi phẩm này không phải là những tác phẩm sáng tác theo trí tưởng của thi nhân; trái lại, đó là những sản vật do máy móc của chế độ sản xuất, không có linh hồn.

(3) Phong trào Bách Hoa Khai phóng (Trăm Hoa Đua Nở) thứ nhất khai diễn trong hai năm 1956-1957 khi Mao Trạch đông ra lệnh giảm bớt một số kiểm soát và hạn chế sự công khai trình bày tư tưởng.

(4) Nghĩa là các thi sĩ chuyên làm thơ theo đường lối hay lệnh của Đảng Cộng sản Trung quốc để ca tụng đảng và các lãnh tụ của đảng.

(5) Đoạn này chúng tôi phần lớn theo bài "The Non-Official Magazine Today and the Younger Generation's Ideals for a New Literature" của Pan Yuan (Phan Viện) và Pan Jie (Phan Tiệp), trong sách *After Mao: Chinese Literature and Society* 1978-1981, do Jeffrey C. Kinkley biên tập và Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, xuất bản, 1985, tr. 193-219. Hai tác giả là bạn của nhiều người trong bộ biên tập báo *Kim thiên* và văn thi sĩ viết cho báo.

(6) Khi viết truyện, Triệu Chấn khai có khi dùng tên thật, có khi dùng bút hiệu Ngải Sanh hay Thạch Mặc. Có khi một truyện lần đăng đầu ký một tên đến lần đăng sau lại ký tên khác. Thí dụ: truyện Ba Động (Sóng) đăng lần đầu trong báo *Kim thiên* tác giả ký tên là Ngải Sanh, sau sửa lại đôi chút để đăng trong báo *Trường giang Văn học Tùng san* lại ký là Triệu Chấn khai; truyện Cảo Chỉ Thượng Đích Nguyệt Lượng (Ánh Trăng Trên Bản Thảo) lần đầu đăng trong báo *Kim thiên* tác giả ký tên là Thạch Mặc, sau sửa lại đôi chút và đăng trong báo *Thu hoạch* lại ký tên Triệu Chấn khai. Còn khi làm thơ tác giả ký tên là Bắc Đảo.

(7) Báo đôi khi không đề rõ ngày hay tháng phát hành. Vì thế chúng ta chỉ biết được các số 2 và 3 ra năm 1979, số 8 và 9 ra năm 1980 và hai số 2 và 3 của *Kim Thiên Văn học* ra năm 1980 và 1981 thôi.

(8) Khuất tử ở đây là Khuất Nguyên, tác giả thi phẩm Cửu Ca trong tuyển tập *Sở từ* và là một nhà ái quốc thời Chiến quốc. Ông đã bị Sở Hoài vương (329-299

TCN) không nghe lời khuyên còn đày đi nơi khác. Sau ngày nước Sở rơi vào tay nước Tần ông thất vọng nhảy xuống sông tự tử.

(9) Đăng trong *Văn nghệ Báo*, Thượng hải, số ra ngày 17.3.1983.

(10) Xin đừng lầm với Ngũ Tứ Vận động là phong trào canh tân văn hóa Trung quốc (tuy nhằm mục đích chính trị nhưng lại có kết quả về mặt văn hóa) khởi sự ngày 4.5.1919; còn Tứ Ngũ vận động, xảy ra ngày 5.4.1976, là phong trào đòi dân chủ sau khi Mao Trạch đông qua đời. Phong trào thứ hai này thường được quốc tế gọi là Biến cố Thiên an môn vì nó khởi sự từ Thiên an môn ở Bắc kinh. Riêng chúng tôi gọi nó là Biến cố Thiên an môn I để phân biệt với Biến cố Thiên an môn II xảy ra tháng 6.1989 cũng tại Thiên an môn.

(11) Các câu thơ này trích trong bài thơ "Mao Trạch đông."

(12) Trích trong bài thơ "Bi ai đích nhật tử" (Ngày đau thương).

(13) Ngộ La khắc là một văn sĩ trẻ tuổi bị cáo tội vi phạm chính sách xã hội chủ nghĩa khi ông ta lập luận là giai cấp xã hội không nhất thiết phải kế thừa. Ông bị xử tử năm 1970, sáu năm trước khi chấm dứt Văn cách.

(14) Câu 4, 5 và 6 đoạn 5 bài Tư Tưởng Giả (Nhà Tư Tưởng).

(15) Thư Đình, "Sinh hoạt, Thư tịch dữ Thi: Giản đáp Độc giả Lai Tín", đăng trong *Thanh niên Thi nhân Đàm Thi*, do Bắc kinh Đại học Ngữ Tứ Văn học Xã xuất bản ở Bắc kinh năm 1985, tr. 11-12. Tuy nữ thi sĩ không nói rõ trong bài này nhưng chúng ta biết rằng năm 1969, thân phụ bà, một nhân viên ngân hàng, bị kết tội có tư tưởng hữu khuynh trong thời kỳ Văn cách nên bị đày về miền quê hẻo lánh ở tây bộ tỉnh Phúc kiến. Lúc đó nữ thi sĩ mới 17 tuổi, đang học trung học, cũng đi đày theo cha. Tại nơi này bà làm đủ các nghề, như là giặt quần áo, làm phu hồ, làm bếp, v.v... Vì bà ba lần làm ở các nhà máy làm bóng đèn, nhà máy xi măng, và nhà máy dệt, chúng ta không hiểu kinh nghiệm bản thân của bà nói ở đây là kinh nghiệm làm ở nhà máy nào, vì cả ba nơi này đều có việc làm theo đường giây chuyền.

(16) *Thi Thám tác*, số 1, 1981, tr. 56.

(17) Hồng Hoang, "Tân thi – Nhất Cá Chuyển chiết Ma?," *Kim Thiên Văn học* Nghiên cứu hội Nội bộ Tham khảo Tư liệu, số 3, năm 1980.

(18) Xem chú thích 41, bên trên.

(19) Thi phẩm này gồm các bài thơ dài sau: Đản sinh, Linh hồn, Thi đích tế điện, Dại nhạn Tháp, Dao viễn đích Đồng thoại và Tư tưởng giả.

Đi Tìm Điều Còn Thiếu

Tạ Chí Đại Trường

Điều còn thiếu, chỉ là giản dị như thế sao?

Nhớ đại khái trong quyển *Tâm lí học* của LM Cao Văn Luận viết cho lớp Đệ Nhất C mà tôi bửa óc ra đọc vì mình chỉ học ban B, ở đó có câu: "Người trẻ tuổi hướng về tương lai, người trung niên nhìn trong hiện tại, còn kẻ già nua vọng về quá khứ". Trời ơi, mình đã già ngay từ lúc bước chân còn lê la trên đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ chăng? Tôi đi vào Sử học vì luôn luôn quay đầu về quá khứ? Tôi nhớ mãi buổi chiều ở trường về, sau quãng đường dài ném chiếc cặp sách ra phía trước rồi mình chạy theo sau để đánh lừa đôi chân bé nhỏ, trong buổi chạng vạng âm u của đèn phòng thủ thụ động, trong căn nhà vắng lặng trên đường Lò Vôi nhớp nhúa ấy chỉ có tiếng khóc của người mẹ nhận chìm từng khoảnh khắc bước giày vang nhẹ rợn người của viên mật thám Tây và tiếng sột soạt của đồ đạc xê dịch, sách vở vung vãi. Quá khứ tuổi thơ của tôi đấy, giống như những tâm tình nhỏ bé đông dạng, nó không hề được ghi một dòng nào trên những trang sử khô khốc về giấc mơ Đại Đông Á của Nhật sắp tan tành như chiếc thuyền đậu gần nhà trước khi hai trái bom Mĩ thả xuống, bùng lên.

Từ một mớ sách vở, bài học còn nóng hổi nói về sự dời đổi của các trung tâm văn minh, có lúc trên nhịp chân bát phố tôi chợt nhận ra và so sánh con đường Catinat của thời Pháp thuộc biến thành đường Tự Do thưa thớt trầm lắng của những năm đầu 60 ấy để chuyển sự đông đúc sang đường Lê Lợi không có bóng dáng nghiêm túc, trưởng giả của các cơ quan cai trị mà lại mang dấu vết xô bồ, hỗn độn của đám dân vụt sinh vụt đẻ chèn lấn nhau ngoài không gian. À, té ra mình cũng đồng thời là kẻ trung niên? Và lại còn mơ tưởng viển vông theo bài học của ông thầy Tây già mặt mày như cán bộ VC tiếp thu cơ sở sau ngày 30 tháng Tư, bài học

về sự giao tiếp của các nền văn minh ăn sâu vào trong tiềm thức làm nền cho cách nhìn lịch sử Việt Nam trong tiểu luận mấy năm sau đó rồi càng rõ rệt trong tập sách của hơn hai mươi năm sau cùng những dự tính tiếp nối. Tôi trẻ trong lúc đầu đã bạc chăng? Xin lỗi ông linh mục ân sư - chữ dùng ngày xưa để chỉ theo nghĩa: "Nhất tự vi sư..."- lại cũng lớn lên thêm một chút, nghe đâu đó câu: "Tâm lí học là môn học phát biểu rắc rối về những điều thật bình thường" tôi mới bớt nhức đầu về mấy quyển sách của ông. Để lại nhức đầu vì chuyện tào lao nắm bắt cái vô cùng trong bàn tay nhỏ bé chai cứng không phải chỉ do cầm cây viết.

Sử học, tôi cũng được dạy, là một khoa học. Dù sao thì khoa học cũng gợi cho người ta về những định luật, về cái tổng quát, chung nhất, bỏ ra ngoài cái riêng tư, riêng lẻ, cá biệt. Sử gia nhìn xét về quá khứ, quá khứ như là sự kiện, cái đã qua. Không phải gần. Xa. Trong các văn khố Pháp, người ta chỉ cho mở ra sau 50 năm tài liệu nằm ngủ với bụi - có sạch sẽ hơn vì nằm trong phòng trang bị máy điều hòa gần như vô hình vì chỉ là dữ kiện lưu giữ trong hệ thống tinh vi - ở đó chúng cứ đánh một giấc dài khỏe khoắn, không sợ già. Nhưng quá khứ một thời cũng đã là hiện tại. Và hiện tại sẽ là quá khứ của tương lai. Như lời đề tặng tình tứ của người con gái ghi trên trang đầu giấy couché của quyển sách ảnh về nghệ thuật Á Đông: "Bồ thương tôi mãi mãi nhé!" Hiện tại là của lúc viết tình ý nồng nàn trở thành quá khứ ngậm ngùi khi nằm lẫn lộn trong đống sách cũ ngoài chợ trời mưa nắng. Đâu có phải chỉ thời nay người ta mới hờn giận chửi bới nhau chí chóe, đâm chém nhau - hay bỏ tù bắn giết khi có quyền vì chuyện Cộng sản Quốc gia, ngày 30 tháng Tư, di tản...? Tư Mã Thiên hơn 2.000 năm trước bị thiến vì bênh Lí Lăng, một phản thần của Hán khi là hàng tướng của Hung Nô, kết quả nổi bật của một chiến dịch. Hiện tại của Tư Mã Thiên trở thành quá khứ của các sử gia sau ông Thái Sử bất hạnh, những người sẽ phân tích tương quan lực lượng của hai đế quốc trong đó có người muốn đưa thành định luật về sự tranh chấp của hai tổ chức xã hội nông nghiệp và du mục mà phần thắng tiên khởi về phe quen dong ruổi trên mình ngựa, nhưng chiến thắng cuối cùng lại vào tay những kẻ xây nhà cửa cung điện bền vững, ngâm vịnh vẽ vời, đầu óc mơ mộng không cần biết cái gì sẽ đổ ập lên đầu mình. ít ra thì điều đó cũng gần đúng trong một khoảng thời gian dài, quá dài, ở Trung Hoa với loạn Ngũ Hồ, với Mông Cổ biến thành triều Nguyên, với Nữ Chân biến thành triều Thanh mới sụp đổ trong thế kỉ này.

Khoa học có tự tin về tính chính xác nên dẫn đến sự tiên đoán - không phải tiên tri. Đi xa thêm về chuyện định luật khoa học dành cho lịch sử loài người, có ông Các Mác phóng tay đóng khung trong vài trang

sách rải rác cả quá khứ nhân loại qua những bước cổ đại, nô lệ, phong kiến, tư bản để rồi nhất định phải đến chế độ cộng sản, cái "nhất định" chỉ mới có trong đầu óc, trang sách và vài hoạt động kiểu trí thức loay hoay, một khi chuyển qua các đồ đệ mà ông không bao giờ tưởng đến, nó trở thành gươm súng cuốn hàng vạn hàng triệu người bắt ép kẻ khác phải theo trong sự nồng nhiệt tanh mùi máu.

Các Mác hẳn cũng chia sẻ một phần với A. Comte về chân trời vạn năng của khoa học thấy mở ra ở thế kỷ XVIII, thế kỉ Ánh Sáng của Châu Âu. Nhưng sau khi chết đi, A. Comte được các đệ tử đưa lên bàn thờ, thành một ông tổ Giáo phái lẻ loi, nhỏ thôi, khác hẳn tôn giáo mới của ông Mác tuy nằm lạnh lẽo dưới trời Luân Đôn sương mù, nhưng có các đệ tử Lenin, Stalin được ướp xác để cho quần chúng rồng rắn dưới mưa tuyết chờ vào ngưỡng vọng. Hay như ông Hồ Chí Minh cũng có lăng chứa xác ướp - cái lăng một khối thô kệch như cái lô cốt khổng lồ mà mặt tiền có dáng kiểu thức Hi Lạp, cả khối đè xuống ngôi chùa Một Cột danh tiếng nép mình thảm thương cùng với mấy tầng tháp vôi gạch loang lổ. Lăng có lính gác học bài từ cung cách ở điện Kremlin, có cờ xí hương án, khói nhang nghi ngút ở miền Nam sau ngày 30 tháng Tư, và có nhà thờ chòi lá rồi đền đài tận trong rẻo sâu sông rạch của miền Tây Nam bộ.

Nhưng sự sụp đổ của đế quốc Xô-viết (cũng như sự thành công của người Cộng Sản ở đấy trước kia) không phải là sự thất bại của khoa học, riêng biệt của sử học như một khoa học. Đó chỉ là sự thất bại của một ý đồ chính trị, một phần đối tượng của sử học. Thất bại nằm ở tham vọng tổng hợp quá lớn cho cả loài người. Tổng hợp cho mục đích chính trị dựa trên một tổng hợp thiếu sót về lịch sử. Ông Mác đó đã chia sẻ ý thức duy-châu-Âu của thế kỉ XIX đang có các nước chiếm lĩnh thuộc địa khắp trái đất khiến họ tưởng chính mình là trung tâm của nhân loại. Mác biết Ấn Độ qua cái nhìn của người Anh thực dân đang tiến chiếm cai trị ở đấy, biết Trung Hoa qua các tin tức báo chí từ những vùng thành phố hải cảng ven rìa đất nước rộng lớn được mở ra dưới mũi súng đại bác của chiến hạm Âu Mĩ. Mà ngay cả ở Châu Âu, lược đồ duy vật lịch sử cũng không có cơ sở. Thời đại cộng sản nguyên thủy chỉ là một tưởng tượng ngây thơ. Nô lệ như một hiện tượng thì thời nào cũng có, còn như là một thể chế làm nền tảng cho lí thuyết thì chỉ được căn cứ nơi xứ Hi Lạp nhỏ xíu có các thành bang cũng nhỏ xíu theo đang đánh nhau chí chóe.

Cũng vậy, chế độ phong kiến (đọc là féodalité/feudalism để khỏi hiểu qua thời Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa) chỉ có mẫu hình xác định ở một vùng của nước Pháp ngày nay. Còn các đô thị chứa mầm mống bọn tư sản bóc lột công nhân sau này thì đã nảy nở nhiều trăm năm

trước cuộc Cách Mạng 1789. Do đó, tuy địa chủ lãnh chúa nào cũng muốn giữ nông dân nô lệ thuộc mình, nhưng vẫn còn một bản lề rộng rãi về mặt kết tập xã hội và địa vực da beo để người nông dân Châu Âu dễ trở thành thị dân, không như ông Hô (1927) vẽ nguệch ngoạc vài dòng về chế độ phong kiến theo sách vỡ lòng Mácxít dạy dỗ. Chuyện bên trời Tây cũng không giống chuyện phương Đông, chuyện Việt Nam để ông tăng sức nặng tố cáo chế độ tư bản theo kiểu nói bừa là ông chủ mỏ than Hòn Gay "không làm gì cả" - điều sau này các đệ tử sẽ diễn giảng văn hoa kiểu thành ngữ tục ngữ "ngồi không ăn bám", "ngồi mát ăn bát vàng". Ấy là còn khá hơn vào thời nắm được quyền sinh sát trong tay, thủ tướng Phạm Văn Đồng chẳng hạn, đã buộc các sử quan Việt Nam: "(Các đồng chí) phải nặn óc mà moi cho được thời kì chiếm hữu nô lệ trong lịch sử nước ta" - lệnh này được in trong quyển *Lịch Sử Việt Nam* tập I của Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam bản 1971 và biến mất trong bản in 1977. Tập II của bộ sách lại kém xa tập I chỉ vì đả động đến thời hiện đại, nghĩa là phải chịu sự kềm thúc chặt chịa hơn. Ông Các Mác vẽ sơ đồ duy vật lịch sử để làm nền tảng cho lí thuyết chính trị của ông, còn các đệ tử thì lại lấy nó làm cái cùm nhốt các khối óc của những trí thức nô lệ thời mới. Con đường khoa học sao mà càng lúc càng thấy lạc loài và dễ sợ đến kinh khiếp.

Chuyện ông Các Mác và đồ đệ lợi dụng lịch sử (nghĩ là có quy luật) vào mục đích chính trị thật cũng xưa như trái đất. Từ hồi nảo hồi nao, những kẻ muốn chen vào cuộc tranh chấp quyền hành vẫn hay nhắc đến câu "lịch sử lặp lại", nhắc về sự hưng vong của các triều đại như triển vọng chiến thắng phải có của phe mình. Sử học nhìn bao quát là sự tìm hiểu quá khứ của những con người hoạt động trong thời gian - con người của một nước, một tập đoàn thì cũng là những con người còn quay cuồng trước mắt. Vì thế nói theo lối kinh nghiệm, người ta hay nhắc đến những "tấm gương lịch sử", những Kiệt Trụ hoang dâm, những anh hùng cứu nước kiểu Hai Bà Trưng, Trần Quốc Tuấn... trong một quan niệm đạo đức của ý thức hệ Nho giáo về thiện ác, nhân nghĩa, trung trinh... Nhưng ý thức hệ không thể thay thế khoa học, nó chỉ mang sự ràng buộc vào khoa học mà thôi. Cho nên các nhân vật nổi bật kia chỉ là cái bóng méo mó của hình dạng thật của họ mà khoa học lịch sử muốn tận lực tìm ra.

Cũng là khoa học, nhưng sử học có cái riêng của nó. Xuyên suốt trong lịch sử nhân loại, từ khi có kẻ cầm bút, điều thường thấy ghi chép nhất là những biến cố. Và biến cố là cái chỉ xảy ra có một lần. Điều thường bị chê trách là cách ghi nhận biến cố chỉ dành riêng cho các sự kiện, nhân vật nổi bật. Tác động của biến cố được coi như phát xuất từ

những ông vua nhân đức hay hoang dâm, từ các tướng lãnh tài ba hay ngu xuẩn... Song nhân loại cũng trải qua những biến cố trầm lắng kéo dài như tiếng rền từ lòng đất sâu của các cơn địa chấn, chỉ chịu nổi lên trên mặt qua những lần tích tụ đủ năng lượng. Biến cố lịch sử phải được hiểu thêm qua đến đám quần chúng vô danh (thật ra có đấy nhưng bị bỏ qua) mà tác động có thật, đến một cử chỉ thường ngày trong quá khứ của một cá nhân, không thể coi là riêng tư, riêng lẻ, bởi vì cá nhân có một phần xã hội, tập đoàn nằm bên trong người họ. Và sử học dắt dẫn người nghiên cứu đến cả những dấu vết tình cảm, những chuyện lặt vặt (faits divers).

Điều xác nhận đó đến bây giờ cũng đã là "xưa" rồi. Với phương tiện in ấn dồi dào, thông tin rộng rãi, người ta không những ghi chuyện "xe cán chó, chó cán xe" mà còn viết vô số về chuyện các chính trị gia, vua chúa, thiếu điều như là anh tác giả đã núp dưới gầm giường của các nhân vật kia vậy. Tin tức dồi dào, hình ảnh dồn dập đập vào mắt, vào tai người nghe, người chứng, dữ kiện vô số làm rối mù đầu óc sử gia. Ấy thế mà, ngày xưa...

Ấy thế mà lịch sử Việt Nam qua mươi thế giới thế kỉ chỉ cô đọng trong vài trăm trang giấy in ngày nay. Chuyện vua chúa, triều đình đã đành, nhưng cũng có chuyện dân chúng đấy chứ! Có họ, ông vua mới có người để cai trị, có danh nghĩa quyền bính đất nước để lưu truyền cho nên phải ghi chép về họ. Có điều như vậy họ chỉ là bèo bèo bọt nước trong lịch sử tuy ngày xưa có ông hiền triết chính trị gia muốn "hù" đấng quân vương đã ví họ như nước có thể chở thuyền nhưng cũng có thể làm lật thuyền. Muốn hiểu biết về họ, người ta phải gắng nhìn họ qua ông vua, triều đình, sự gắng sức sẽ không bõ công nếu có gắng sức, nếu sử gia gạt được các chướng ngại trong khoảng cách thời gian để đến gần thời đại hơn như được đặt vào trong mắt cái ống dòm, ống viễn kính trang bị thêm một loại tia X nào đó nhìn xuyên qua những cản trở.

Cứ như thế, ví dụ, ta có thể thấy được vai trò chính của người phụ nữ Việt trong hệ thống tông tộc, vai trò mà mới đây người ta còn tưởng là phụ thuộc, thấp kém dù có được gắng gượng tâng bốc với danh từ "nội tướng". Cả ngàn năm trước, người phụ nữ Việt có "họ", nghĩa là đại biểu cho tông tộc, còn người đàn ông - dù là ông chồng vũ phu hay chịu ép một bề - vẫn chỉ còn giữ được cái tên. Cả ngàn năm trước, có người đàn bà "đáng hổ thẹn" như sử quan xưa đã chê - lại được sử quan mới đây tâng bốc nhờ được tròng vào một mớ hổ lốn ý thức hệ cũ mới về trung trinh - người đàn bà đó đã khoác áo hoàng bào cho một ông tướng không còn đối thủ để chứng nhận ông là hoàng đế, chủ nước, cử chỉ cho dù gọi là tượng trưng nhưng cũng đủ ý nghĩa quyền uy giống như ông Giáo hoàng đặt cái mũ

miện làm phép cho viên tướng bách chiến Napoléon từng bắt vị đại diện Thiên Chúa nọ. Người phụ nữ Việt thời ấy hẳn cũng gần giống như cô gái Thượng kia cõng gùi từ Ban Mê Thuột xuống một làng gần Khánh Dương để chọn chồng - hay như cô gái Chàm dành sẵn căn phòng riêng đợi người con trai sắp bỏ tộc (lại cũng của mẹ mình) về đấy ngủ nghỉ. Và giá như ông Thi sau khi bị Tô Định giết mà có em thì hẳn người em ấy cũng phải đóng vai trò "nối ruột" (lévirat) để sống với bà Trưng Trắc, bám vào sau bành voi đi đánh nhau với bọn "người tham bạo" để trả thù cho tông tộc người-vợ-mới/bà-chị-dâu-cũ. Đâu có phải là chuyện bôi nhọ anh hùng dân tộc, anh thư của đất nước? Chỉ hơi giống như anh chàng trung sĩ thượng đẹp trai ngậm ngùi từ giã các cô gái vú căng ngực, xin nghỉ phép về lấy bà chị dâu già khằng vì ông anh vừa mới chết.

Bản thân nhà khoa học là đây tham vọng nhưng cũng biết phận mình, giới hạn của mình, của phương tiện có trong tay. Chuyện vua chúa nhiều là thế nhưng tài liệu ghi chép của các nho sĩ quen tưởng mình là quan lại Hán Đường Minh Thanh, lại viết bằng chữ Hán, không phải bằng thứ chữ ghi âm. Ta chỉ gặp ông vua xưng *Trẫm*, xưng *Dư Nhất Nhân* (như Lê Văn Hưu chỉ ra), ông quan tâu *Hoàng Thượng*, xưng *Hạ Thần* - có lần ông vua bất gọi *Phật, Triều Đình, Quốc Gia* liền bị người thời nay nghi ngờ và ông nho sĩ mượn chuyện xưa trách mắng để khỏi nói thẳng vào triều đại ông. Nhưng ông vua có mày tao mi tớ với quần thần và bầy tôi có chửi thề lén với vị chủ tể không? Thật mừng đến nhảy cẫng lên khi thấy ông Đào Duy Anh đọc chữ "thượng" Hán bằng chữ "thằng". Nguyễn Ánh viết thư gọi các tướng Tây Sơn thù địch là "thượng Sâm", "thượng Hưng" như chữ Hán phải đọc, thế là cái quái gì? Rõ ràng đó là "thằng Sâm", "thằng Hưng"! Ấy mới là cách có 200 năm đấy! Cho nên thật hiếm hoi thấy người của thế kỉ XII có hai tiếng "cứt đái" mà sử gia chẳng tỏ ra sợ thô tục tí nào, cố vượt qua bức tường văn tự để diễn tả bằng câu chuyện tranh giành quyền bính thất bại trong đó có nhân vật tên Cát làm hư sự. Âm thanh phát ra từ cổ họng của con người trong quá khứ có đọng lại trong những hạt bụi, trong lớp không khí, trong đá núi, nước sông biển để chờ một ngày nào đó người ta phát minh ra cái máy dò tìm sóng âm-hóa-thạch, gần giống như ống kính thiên văn bắt được ánh sáng của các ngôi sao đã tắt từ lâu không? Lúc đó ta sẽ nghe lại tiếng nói của người xưa, chắc là giọng có pha âm Chàm, Mã Lai, Trung Quốc (Phúc Kiến? Quảng Châu? gốc của họ Trần) của người tuyên đọc Hịch Tướng Sĩ (thế kỉ XII), tiếng Huế lơ lớ pha giọng Gia Định của Nguyễn Ánh, sẽ nghe được tiếng khóc lẫn tiếng chửi rủa của người đàn bà có chồng chết trận không ngân nga nhịp điệu như người chinh phụ của bà Đoàn thị Điểm (hay ông Phan

Huy ích?).

Có người quen thói nghiêm túc - từ các giảng đường đại học, của quan niệm khoa học duy lí hiểu một cách khắt khe, bảo thủ - coi đó là những truyện kể (anecdotes) của văn chương, của khoa học viễn tưởng.

Truyện kể khi lọc lựa ra được những bịa đặt để đưa đi vào trong một khung cảnh thời gian, xã hội xác định thì không còn là truyện kể để vừa tai vừa mắt nữa mà là tài liệu lịch sử. Ông Carnot trong truyện kể về công ơn thầy học là ông Tổng Thống Pháp thật đấy. Nguyễn Bá Linh / Phạm Nhan bị Yết Kiêu / Dã Tượng chém với câu trả lời đòi hỏi của tên tội phạm: "Cho mày uống máu đàn bà!" là một loại yêu tinh kiểu ma lai rút ruột nơi xứ An Bài cỗi gốc họ Trần, chen chân vào các điện phủ thời hậu Lê và đi vào Đàng Trong trong câu vái Nhan(g) Giàng của dân chúng kêu cầu bảo vệ. Vì một thời đồng hóa thần tích - một tập hợp truyện kể có chừng mực hệ thống, được thể chế hóa - với lịch sử mà người ta có khuynh hướng gạt bỏ thần tích truyện kể, coi như một thứ tiểu thuyết khi chưa có chữ tiểu thuyết như ngày nay. Theo cung cách suy nghĩ đó mà sử gia Trung Quốc gọi nhân vật Triệu Quang Phục là điều "bịa đặt của sử gia phong kiến Việt Nam", không thấy rằng ông thần cửa biển ấy là một bằng cớ tâm lí ý thức của dân Đại Việt và cũng có tác dụng thật sự trong lịch sử nước này.

Hình như ông Vũ Ngọc Phan đã gọi *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* là lịch sử tiểu thuyết để ông Nguyễn Phương vào đầu những năm 60 phản đối gọi lại là lịch sử kí sự, nghĩa là tài liệu lịch sử. Đúng như thế nếu ta chịu khó so sánh gạt bỏ thêm những sai lạc, thiếu tính chất tiêu biểu - như đối với bất cứ loại tài liệu nào khác. Nhà nho viết lách của ta hình như thiếu óc tưởng tượng và khả năng làm nên bố cục để viết tiểu thuyết, dù là tiểu thuyết lịch sử có sẵn khung. *Hoàng Lê...* của nhà họ Ngô Thì, *Nam Triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm không như *Tam Quốc chí, Thuyết Đường...* đầy dấu vết phóng bút theo đà của nhà nho Trung Hoa, của các tay kể chuyện bình dân ở đấy. *Việt điện u linh tập* chép từ các thần tích chắc là được lưu giữ trong các đền thờ, *Truyền kì mạn lục* là phóng tác được địa phương hóa. Cả đến tiểu thuyết (thơ) danh tiếng như *Truyện Kiều* cũng là phóng tác, *Lục Vân Tiên* là tập hợp những mảnh rời của truyện Tàu thần quái, của Chiêu Quân (hay Hạnh Nguyên) cống Hồ, chuyện bình dân thiện ác đáo đầu chung hữu báo. Cho nên rõ ràng là nhà Ngô Thì, Nguyễn Khoa Chiêm chỉ góp nhặt chuyện đương thời để kể lại trong đó có nhiều điều thật. Ông Ngô Thì Chí đâu có đem kể cho ông giáo sĩ câu chuyện Nguyễn Hữu Chỉnh thua trận chạy về cung than khóc "Trời ơi trời, nhà Lê đã mất rồi!" để ông này viết thư cho

thượng cấp nhắc lại "Blời ơi blời..."? Vả lại nếu đừng quá gay gắt, nếu giữ được thận trọng thì văn chương cũng là tài liệu lịch sử - nếu không phải chứa những mảnh tài liệu liên hệ đến chuyện ngoài văn chương thì chính bản thân của thứ văn chương ấy cũng mang tính chất tài liệu về tâm lí ý thức thời đại, của một tầng lớp người. *Ai tư vãn* khóc Quang Trung có câu "Áo vải cờ đào..." trong đó cờ đào là chứng cớ lịch sử trực tiếp, còn áo vải là từ "bố y" của nhà nho Trung Quốc nói về Lưu Bang được nhà nho Việt Nam mượn theo ý thức thời đại bắt chước Thiên Triều - đông kiểu ngày nay trong vòng thần phục ý thức hệ mới người ta dùng các chữ *bần cố nông, trí phú địa hào, duy ý chí, vi mô, vĩ mô*... Đặng Trần Côn đem chắp nối thi văn cổ phong, đường luật của thi gia Trung Quốc thành bản *Chinh phụ ngâm* không có giá trị ở những câu thơ lắp ráp ấy nhưng rõ ràng sự thành hình của nó là từ tác động của thời đại loạn lạc ở Đàng Ngoài trong nửa sau thế kỉ XVIII. Văn chương cũng làm nối dài, mở rộng sử học.

"Mọi thứ đều là tài liệu" (H.I. Marrou). Và tài liệu không có nghĩa là những hình dạng, chữ nghĩa gợi nên lí luận khô cứng, lạnh lùng. Tôi không được nghe tiếng khóc của bà mẹ đi trình diện công an Việt Minh trên vài mươi cây số đường đào chữ Z với hai buồng phổi nát bét vì vi trùng Koch, nhưng từ những lần khóc chứng kiến và không thể nào quên được, tôi muốn được nghe trong quá khứ những nỗi buồn vui, giận dữ, nhỉa mai, hờn oán của tâm tính loài người. Bởi vì sử học muốn đạt được mục đích cho thấy quá khứ, đó phải là một quá khứ toàn thể sinh động, đâu có thể lấy một phần làm toàn thể, đâu có thể vì cái chung mà bỏ cái riêng, đâu có thể dìm thêm cái nín lặng âm thầm để làm nổi bật cái hào nhoáng huênh hoang? Nhưng ước vọng nắm bắt được cái toàn thể đó có vẻ như là vấp phải biên giới vô cùng của khoa học.

Ở đó là hư không, hỗn độn hay còn thứ gì ta có thể cầm giữ, sắp xếp được?

võ hoàng

Võ Hoàng, tên thật là Võ Hoàng Oanh, sinh năm 1952 tại Phú Quốc, Việt Nam. Nhập ngũ năm 1970, cấp bậc cuối cùng trong quân đội VNCH là hạ sĩ nhất hải quân.

Vượt biển đến Hoa Kỳ năm 1978, theo học San Jose City College và San Jose State University tại California, tốt nghiệp cử nhân toán.

Gia nhập Mặt trận Quốc gia Thống nhất năm 1982, rời Hoa kỳ năm 1984 để về hoạt động tại Thái Lan như là một đoàn viên của Mặt trận nói trên.

Cùng với Lý Khánh Hồng, Thượng Văn, Tưởng Năng Tiến...chủ trương tạp chí Nhân Văn từ 1982.

Tác phẩm đã xuất bản:

Măng đầu mùa (tuyển tập truyện ngắn, viết chung với Tưởng Năng Tiến, Nhân Văn xuất bản 1982, tái bản 1984).

Đất lạ (tuyển tập truyện ngắn, viết chung với Tưởng Năng Tiến, Nhân Văn xuất bản 1983, tái bản 1984)

Trong lòng cách mạng (truyện ngắn, Nhân Văn xuất bản, 1983)

Góc bể chân trời (truyện dài, Nhân Văn xuất bản, 1986)

Hiện vợ và các con Võ Hoàng sống tại California Hoa Kỳ, còn Võ Hoàng được ghi nhận như là thất tung.

(Theo Tưởng Năng Tiến qua thư viết ngày 14 tháng 3 năm 1996).

Quan niệm của Võ Hoàng về văn chương

Võ Hoàng là nhà văn sống và viết đúng theo truyền thống Nguyễn Đình Chiểu, quan niệm rất rõ ràng về mục đích của văn chương, cũng như vai trò của người cầm bút. Về điểm này, anh rất gần với những nhà văn nhà thơ khác cũng dùng ngòi bút như một vũ khí đấu tranh chính trị như Bắc Phong, Nguyễn Đức Lập, Tưởng Năng Tiến...

Văn Học xin trích đăng lại lời Võ Hoàng trả lời phỏng vấn của báo Kháng Chiến, số 35 tháng 1.1985:

"Chúng ta chủ trương "công tâm", đánh vào lòng người. Mà cái việc "đánh vào lòng người" được coi như công việc của văn nghệ sĩ. Anh nào viết văn, hoặc là soạn nhạc, làm thơ, ca hát, nói chung là những công tác của văn nghệ sĩ, mà không "đánh được vào lòng người" là coi như vô giá trị.

...Tôi muốn nói rõ ràng ra rằng, nếu một anh văn nghệ sĩ nào đó thấy cần thiết phải tự tạo điều kiện để đóng góp cho đấu tranh, thì phải làm công tác tuyên vận. Mà làm công tác tuyên vận là phải dồn vào trọng tâm, làm thế nào để đóng góp một cách thực tế vào công việc lật đổ bạo quyền Việt cộng. Muốn thật sự trở thành văn nghệ sĩ trong giai đoạn này, muốn trở thành văn nghệ sĩ trong hoàn cảnh nguy nan của dân tộc, của đất nước, trước hết là phải trở thành chiến sĩ, để rồi sau đó, trở thành một chiến sĩ tuyên vận.

...Không có cái chuyện anh làm thơ ca tụng một buổi hoàng hôn mặt trời lặn có những con chim bay là đà không thèm chớp cánh mà vẫn bay, trong khi cả nước, những buổi hoàng hôn như vậy, mặt trời lặn rồi mà con người phải thay trâu kéo cày, và chim chóc chết đói vì những thứ mà nó có thể ăn được không có, không còn, hay đã lần lượt chết hết.

Không có cái chuyện anh viết văn, soạn nhạc rống gân cổ hát những lời mơ mộng, vu vơ, vô trách nhiệm, trong khi cả nước cái chết chóc đầy ải là thực tế, trong khi cả nước cần có nhiều những người biết trách nhiệm, trách nhiệm cứu nước.

Phải rất thực tế và phải sáng suốt mới được. Cũng phải rất dứt khoát và phải kiên nhẫn mới được. Riêng cá nhân tôi, thì tôi nghĩ vậy.

trong lòng cách mạng

võ hoàng

"Chiều gần hết rồi à nghe không Bình," ông Lược nói chầm chậm. "Mày phải tiếp với tao, bơi cho nó mau tới, để chút xíu nữa bớt gió một cái, muỗi nó mần thịt mình cấp kỳ."

Con Bình uể oải với tay kéo cái đầm mà hai con mắt ngó ở đâu đâu. Nó thọc cái đầm xuống nước, lẩy nhè nhẹ, làm như không hay rằng mình đang lẩy đầm. Ông Lược cằn nhằn:

"Mầy ba trợn vừa vừa thôi nghe Bình. Mần cái gì mà lẩy ngược, lẩy ngược không vậy?"

Con Bình giật mình đưa đầm lên cao, trườn người tới đằng trước cắm đầm xuống, ráng kéo một cái. Nó biết, nó kéo lấy có chớ thiệt tình cái sức của nó, kéo còn chậm hơn trớn đi của chiếc xuồng. Từ xế tới giờ này, ba hồi nó ngồi xếp bằng, ba hồi nó thòng chân xuống nước mà lúc nào cũng ngó hai bên lạch. Bắt đầu từ ngã ba đầu tiên quẹo vô đây, nó thấy cảnh vật âm u mà kỳ cục quá. Thiệt hồi nào tới giờ, nó tưởng con sông rộng thinh thang, suông đuột như từ ngoài vàm vô xóm nhà vậy thôi, ai dè càng đi sâu vô, rồi lọt qua con lạch này, thấy ghê quá. Nó quay ngược về ông Lược:

"Chừng nào mới tới lận, ông chú?"

"Mầy hỏi hoài vậy mày. Chút nữa!"

"Hồi trưa ông chú nói còn một chút, bây giờ cũng một chút. Tối rồi!"

"Ừ tối rồi. Chút nữa tới mà."

Gió chưa bớt mà muỗi rừng bay theo xuồng từng đám thiếu điều đóng thành cục trên đầu hai người. Ông Lược ngậm hai hàm răng cứng lại, cúi mình ráng bơi thiệt mau. Chiếc xuồng ba lá chút chút ngốc đầu cao lên rồi sấn tới rào rào. Trong lạch không có lục bình thành ra cũng khỏe hai con mắt, cứ nhắm chừng mà phóng tới.

Qua gần hết mùa nắng, trên mặt nước nổi đầy lá đước khô, không vàng mà có màu tím sậm. Xuồng đi tới đâu, nổi sóng tới đó. Những lá đước bị nước tràn lên mặt, mất màu rồi nhấp nhô ít cái, chìm lỉm. "Đường này ít người qua lại lắm, ông Lược nghĩ. Kể ra mình đi như vậy cũng liều mạng. Đêm tối mà lạc đường một cái thì chết thiệt chớ hổng phải chuyện chơi đâu". Ông tằng hắng mấy tiếng rồi nói nhỏ:

"Mày phải nhúc nhích hoài hoài mới được, nghe Bình. Ngồi một chỗ

muỗi nó cắn mày ráng chịu."

Con Bình không trả lời, mắt ngó về một bên lạch. Trời càng lúc càng tối, mà tối lẹ quá. Những bóng cây lúc này không còn hiện rõ nữa. Khoảng trời đàng xa cũng gần tiệp với màu nước. Nó biết không bao lâu nữa là hết thấy đường đi. "Để coi ông chú làm sao cho biết."

Lâu lâu, một con chôm chôm chạy xoẹt ngang qua mũi xuồng, không còn ánh sáng để thấy được hàng vòng tròn lớn nhỏ theo chân con vật, chỉ thoáng một cái là mất hút. Con Bình bỏ dầm, ngồi quay lại đàng sau, cổ nó rút lại. Trời hơi lạnh rồi.

Ông Lược im lặng bơi, mà thiệt tình ông rối trong ruột. "Gần hết thấy đường rồi mà chưa ngang qua đám dừa nước cháy, hổng chừng đêm nay hết ngủ được với đám muỗi rừng này. Mà đi hổng tới thì cứ ấm ức trong bụng, chịu gì nổi."

"Mày tát bớt nước rồi lót ít miếng vạc, lấy cái đệm trùm lại đi, Bình. Có ngủ thì ngủ, chừng nào tới, tao kêu mày dậy."

"Kệ. Chút nữa tới, con ngồi như vầy cũng được mà."

"Ừ, chút nữa tới. Tát nước đi."

Con Bình ngồi chồm hổm nhích lần tới khoảng giữa xuồng, rà tay xuống những ngăn nước đọng rút lên được cái gáo dừa tròn vo rồi múc từng gáo tạt ra ngoài. Nó hỏi:

"Lạch này đi dìa tới Đầm Dơi chỗ ngoại con ở lận phải hông ông chú?"

"Đâu có. Đầm Dơi với đây xa biệt ngàn, có bơi cả tháng mới tới. Ở trong này hổng phải là cái gì hết. Chưa có tên."

"Phải chi mình đi ngoài sông lớn, thế nào cũng có gặp nhà người ta, hỏi thăm."

"Ừ. Ngoài sông lớn, đi hoài thì tới Thới Bình. Mà mình đâu có đi Thới Bình."

"Vậy chớ ông chú đi đâu?"

"Thì đi vô đây!" Ông Lược gắt.

Dường như thấy mình vô lý quá, ông xuôi dầm cập sát be xuồng, nói từ từ:

"Ông chú đi tới nhà một người quen mấy năm nay chưa gặp lại. Hỏi thăm, người ta chỉ phải đi đường này. Mà sao tới bây giờ chưa thấy đám dừa nước cháy."

"Mình tới đâu vậy ông chú?"

"Chưa tới đám dừa nước. Chỗ này có tên gì đâu mà nói. Mày kêu Lạch Đước cho rồi đi."

Con Bình thôi không hỏi nữa. Nó quăng gáo dừa, lót hai tấm vạc lớn

rồi trở ra trước mũi kéo lên cuốn đệm lạt, mở dây, chêm một phần dưới đít rồi cứ ngồi thừ ra. Nó hết muốn biết lúc này ông cháu nó đang ở đâu và sẽ đi tới đâu. Đêm nay chắc cũng như đêm hôm qua, trời không có trăng, khỏi phải ngó thấy cây cối âm u, trời nước chập chờn. "Chút nữa quấn tấm đệm, ngủ một giấc là yên chuyện."

"Mày nghe hông Bình. Tao ngưng tay đâm một chút là muỗi nó dậy liền đó thấy hông. Chèn ơi, nó bay, nghe mà rởn ốc..."

Con Bình nãy giờ lo ra chớ cũng phải phủi liền tay. Nó vừa kéo tấm đệm phủ lên mình, vừa ầm ừ:

"Có nghe, có nghe..."

Ông Lược tiếp tục bơi. Được càng lúc càng nhiều thêm rồi con lạch càng lúc càng như nhỏ tóp lại không biết vì ông cháu mỗi lúc mỗi đi sâu hơn hay vì bóng tối mỗi lúc mỗi dày hơn. Ông biết mình có ráng lắm thì cũng tàn một hai điếu thuốc nữa thì hết, chắc phải đậu lại mà chịu. "Bữa nay bây nhiêu rồi? Hăm lăm hăm sáu gì đó chắc, phải đợi tới hừng trời..." Ông tự trách mình hấp tấp, nông nổi quá, rồi làm khổ lây cho con Bình. Phải chi hồi sáng, ông chịu khó thức dậy thiệt sớm "giờ này tệ gì cũng tới đám dừa cháy, mà cũng hổng chừng gặp được tụi nó rồi. Để coi, từ ngoài vàm vô thì có tùm lum lạch, mà cái lạch tàu chìm thì mình đi trúng phóc rồi chớ đâu có trật!"

Cái nôn nóng của cả ngày lần lần tan mất lúc nào không biết. Ông Lược chợt cảm thấy buổi tối ở đây ghê quá. Cũng may, mùa này nắng ráo, mấy con ve sành bắt đầu từ chạng vạng đã kêu rả rít, đỡ thấy âm u. Ông áp sát dàm vô đùi, rồi lấy ra một cái nhẹ, chiếc xuồng bê ngang qua đưa lái tới đúng tầm với. "Chịu thua, cột lại ở đây, chờ thấy đường mới tính được," ông nghĩ.

Xuồng bị sốc một cái rồi sựng. Con Bình ngóc dậy liền:

"Hổng đi nữa hả ông chú?"

"Đâu có thấy đường nữa mà đi."

"Vậy là phải đợi tới sáng mới đi được, hả ông chú?"

"Ừ, sáng mới đi được. Mày trùm lại mà ngủ đi. Chắc tao cũng ngủ."

"Con chưa buồn ngủ. Mà sao cái nhà ông gì đó, ở đâu ở tuốt trong này. Phải ông chú bỏ con ở nhà cho khỏe."

"Tao đi mình ênh tao cũng buồn. Mày có đói bụng hông?"

"Hông."

"Còn đồ ăn, ngày mơi đủ hông?"

"Dư sức! Cả đống."

Ông Lược xếp lại cây dầm cho xuôi theo be xuồng rồi lom khom bò về khoang lồng. Ông với tay lót thêm ít tấm vạc rồi ngồi ngay xuống kế

con Bình, vỗ đầu nó:

"Mầy hổng muốn đi sao hồi sáng mầy hổng nói?"

Con Bình nín thinh, nó nằm nghiêng qua tung mí đệm còn lại lên mình ông Lược.

"Trời tối thiệt rồi!"

Ông Lược lầm bầm rồi lần tay lôi bịch thuốc vấn. Ông bật lửa, ánh sáng chỉ lan ra được tới hai đầu chiếc xuồng, lọt một ít vô bụi đước bên cạnh, lập lòe.

"Thằng cha Phương lò than biểu là từ đầu con lạch vô tới đám dừa cháy, bơi xuồng chừng ít tiếng đồng hồ mà sao mình bơi cả nửa ngày chưa thấy. Mình có đi lộn lạch hông? Có còn cái lạch nào chìm tàu nữa hông?" Ông Lược thắc mắc quá. "Cha Phương lò than thì nhất định là hổng nói dóc. Hai thằng con trai của chả đi lính Quốc Gia hy sinh hết mà!"

Ông Lược mường tượng lại điệu bộ thằng cha Phương nào đó, hấp tấp, úp úp mở mở, cà kê nửa ngày trời mới dám nói hết cái tin nhắn của thằng Hòa, thằng cháu họ, ba con Bình. "Cỡ này mấy ổng đỡ khổ hơn hồi trước rồi. Đông người, giúp đỡ, che chở với nhau. Cậu Hòa được anh em thương lắm. Cậu nhắn thế nào ông cũng tìm cách đưa con Bình vô đó một lần..."

Con Bình sáu bảy tuổi thì thêm một tai họa nữa xảy đến cho nó. Lần này thì hết nước. Ba nó đi biệt luôn không về nữa kể từ lúc quân đội cách mạng tràn vô chiếm đóng hết làng xã. Ông dắt díu con cháu bỏ Năm Căn về dựng chòi ở cái xóm gần Vàm Ông Đốc này sống lây lất qua ngày. "Bên ngoại mầy cũng đâu còn ai lo cho mầy nổi. Dìa ngoài đó, tao làm ruộng tao nuôi mầy. Chắc mai mốt ba mầy cũng dìa, như người ta." Năm đầu tiên, hai ông cháu chờ tin ở ngoại quốc. Năm thứ hai cũng chờ, rồi chờ cho tới mấy năm nay. Lần lần ông Lược ráng tránh không nhắc tới ba con Bình trước mặt nó nữa. Thỉnh thoảng con nhỏ có hỏi, ông nói trớ đi liền "Ba mầy ở xa, chắc có vợ khác rồi, mầy nhắc tới gì nữa, nó quên mầy rồi!" Ông biết, đơn vị ba con Bình cái ngày gần cuối cùng thì đương đóng ở Vị Thanh Chương Thiện, lúc đó đâu có đánh nhau, miệt dưới này thì yên lắm mà. "Nó hổng ở ngoại quốc, là nó ở trong trỏng. Thì coi như nó đương ở xa vậy mà, ở đâu cũng vậy!" Mấy năm trước, nghe đâu khoảng từ Giồng Riềng, Sóc Ven đổ xuống, nhà nước bắt được ba bốn người ngụy quân sống trong rừng không chịu ra trình diện đăng ký, ông hỏi thiệt kỹ cho tới khi biết được không phải là ba con Bình mới thấy yên lòng. "Má nó chết bấy nát mình mầy, hổng lẽ trời khiến ba nó bị xử tử nữa sao!"

Ông Lược tung mí đệm vấn thêm điếu thuốc nữa, ông vừa lập bập

đốt vừa hỏi nhỏ:

"Mày ngủ chưa Bình?"

"Muỗi quá xá, nó bay ì ì." Con Bình lăn trở mặt về phía ông Lược. "Ông chú tung đệm ra, chút xíu muỗi nó vô nghẹt trong này hết, chịu sao nổi."

"Mày ráng chịu, chút nữa tao un khói thuốc, nó trôi ra hết."

Con Bình lòn tay dở lưng áo gãi sồn sột, nó cằn nhằn:

"Tấm nệm ỉ nước, ngứa lưng thấy bà!"

"Ừ, ráng chút nữa, sáng, mình đi tiếp."

"Ông chú thì lần nào cũng chút nữa, chút nữa. Chắc hổng ngủ được đêm nay đâu."

Rồi nó lăn trở mặt qua bên kia. Ông Lược im lặng hút thuốc. Tự nhiên ông muốn nói chuyện với con Bình về ba nó, ông ngần ngừ một chút rồi hỏi:

"Mày nhớ ba mầy hông Bình?"

"Ba con đương ở đâu?"

"Còn ở xa lắm, mà điều thế nào thì ba mầy cũng dìa."

"Mình đi thăm được hông ông chú?"

"Được..." Ông Lược gật gù. "Mà điều xa lắm. Để thủng thỉnh rồi hãy tính. Tao cũng chưa biết chỗ đàng hoàng nữa mà. Ba mầy thương mầy lắm, nghe Bình. Chắc nó hổng có vợ khác đâu. Tao nghe phong thanh nó ráng làm ăn, dành dụm để mai mốt dìa quê được thì cất nhà, làm ruộng. Nó phải mua xi măng xây mả cho má mầy nữa mà. Chà, nó ở xa vậy đó chớ nó biết mình dìa Vàm Ông Đốc hồi nào nữa nghe hông. Nó tốt lắm, nó thương mầy lắm. Ai nó cũng thương..."

Con Bình im lặng nghe. Ông Lược nói xong thì cũng im lặng. Ông chờ con nhỏ hỏi một ít câu hỏi như thường lệ mỗi khi nhắc tới ba nó. Vậy mà con nhỏ nín thinh.

Đêm ở rừng, tuốt trong ngọn con lạch này, buồn thiệt. Ông Lược hất tàn thuốc xuống lạch, kêu cái bẹp.

Đột nhiên, con Bình lên tiếng:

"Cái ông gì quen với ông chú đó, ổng làm gì trong này?"

"Ai biết đâu, lâu quá rồi ông chú chưa gặp lại. Hổng chừng ông đốt than..."

"Ở trong này buồn chết, hén ông chú!"

"Ừ buồn lắm!"

"Ngộ! Tự nhiên cái sông lớn mình mông rồi có con lạch nhỏ ăn tuốt vô trong này," con Bình nói như nói một mình. "Chà, lạch dước."

"Ừ. Thói thường là như vậy đó. Nhiều con lạch như thế này chớ hổng

phải một đâu nghe. Nước ở trên ngọn theo giòng lạch đổ xuống nhiều ngã, ra tới sông mới thành giòng lớn được. Mùa nước, nó tuôn ra biển ầm ầm như thác chớ hổng phải chơi đâu."

Ông muốn nói nhiều nữa nhưng sợ con Bình không hiểu được rồi đâm ra không vui, nên khỏa lấp:

"Có nhiều con lạch như vầy lắm, chớ hổng phải một cái này đâu. Hổng phải một cái lạch đước này thôi đâu."

Rồi ông bỏ bộ nằm xuống, kéo mí đệm đắp sát qua bên ngoài. Trời đất tối hoàn toàn, thành ra như mình mông vô tận. "Chiếc xuồng chật quá!"

Lúc mà người thôi nói chuyện thì dường như muỗi kêu lớn hơn. Ông Lược cảm thấy khó chịu. Ông chống bàn tay đẩy tấm đệm lên làm một khoảng trống lớn bên trong rồi quay vô, mở mắt nhìn vào bóng tối. Con Bình chút chút thì cựa quậy hai bàn chân, chút chút thì lòn tay gãi lưng. Chắc nó ráng dỗ giấc ngủ để bớt phải khó chịu.

Càng về khuya, trời làm như có vẻ càng nóng. Ông Lược biết mình không thể ngủ được lúc này, ông không thèm nhắm mắt, nằm nghĩ bâng quơ. Ông nghĩ tới thằng cha Phương lò than. Ông nghĩ tới miếng đất ở nhà, làm bốn năm mùa rồi mà cũng còn nhiều phèn quá, không biết tới bao giờ huê lợi mới đủ ăn. Ông nghĩ tới má con Bình, "nó nghe lời người ta đi lòn lỏi vô tuốt trong bưng bắt mối cá đồng. Đã nói là mấy chỗ đó nguy hiểm lắm mà hổng nghe. Mìn bẫy người ta giăng tứ hướng biết ở đâu mà tránh." Rồi ông nghĩ tới thằng cháu. Mai này, may mà gặp nó, mừng kể làm sao cho hết. "Mình quí nó ở cái chỗ nó dám làm cái việc mình cũng muốn làm mà sợ khó, sợ cực. Mình năm nay chưa được năm chục mà. Thằng, hồi trước thấy nó lâm lâm lì lì mà coi cũng tốt. Thà là sống như nó, mới đáng là sống. Còn đám bạn của nó nữa, chắc tụi nó đứa nào cũng dễ thương lắm. Ngày mai nhắm được, mình để con Bình lại cho ba nó, rồi trở ra ngoài. Coi, tiếp cho tụi nó được chút nào hay chút nấy..."

Nghĩ tới người một hồi, ông xoay qua nghĩ tới mình. Cũng hên, trời phú cho ông cái tánh ít chịu ràng buộc thành ra tới tuổi này, không dính líu tới ai nữa kể từ khi bà vợ bị rắn cắn chết. "Mình hổng có con, nhờ con Bình một bên mấy năm nay hủ hỉ, cũng đỡ."

Con nhỏ chắc chưa ngủ, lâu lâu nó nhúc nhích, cục cựa qua lại. Nó nằm thẳng người, hai tay ôm vòng trước ngực. Trong bóng tối, ông Lược biết một giò con nhỏ kê hờ hững lên đùi ông, nóng hổi. Hơi thở con Bình chưa đều, tấm đệm đè thân ngực lên xuống vô chừng. Ông Lược chợt khám phá ra, bữa nay, con này cũng đã có bề ngang như người ta rồi. "Nó tới buổi trổ mã mà, tuổi Ngọ, tuổi Mùi còn nhỏ nhoi gì nữa!" Ông hớt hải

lục bát

LUÂN HOÁN

1.
thân em nõn nhẹ như là
lọn mây gió đắt la cà qua sân
em đi, bóng ngã, đôi lần
tôi theo bén gót bâng khuâng nghĩ thầm:
nắng còn sững giữa hương trầm
lòng tôi coi bộ khó cầm xe hoa
bán thôi, cái cội tim già
bán luôn mấy khoảnh thơ mà theo em.

2.
cái đầu, gối mỏi cái tay
chập chờn không nhớ là ngày hay đêm
duỗi chân, đụng phải cái mền
vội co tay ủm cái thèm thịt da
mơ hồ gió đẩy giọng ca
rụng nhằm, nỗi nhớ nở ra bất ngờ
quờ tay tìm bút, lơ mơ
ngoài thềm mưa rỗ bài thơ trong lòng.

ngồi bật dậy không kịp xô cái chân con Bình ra. Con nhỏ vẫn nằm im.

Trong tối, ông Lược lại mò mẫm vấn thuốc. Ông sửa lại thế ngồi, kéo mí đệm lên sát cần cổ rồi mới bật lửa. Sau một hơi thuốc, ông nhỏ giọng:

"Mầy ngủ chưa Bình?"

Con nhỏ vẫn nằm im.❐

phan thị trọng tuyến

Sinh năm 1951 ở quê mẹ là Thuận Điền, tỉnh Bến Tre. Ba má tôi lên sống ở Sài Gòn, rồi lập nghiệp ở Gia Định, nên tôi học tại trường tiểu học và trung học tỉnh lỵ tại đó. Đậu tú tài hai vào tháng Bảy năm 1969, tôi đi du học cuối năm này. Kể từ đó tôi học, rồi lập gia đình, tốt nghiệp, làm việc, rồi thất nghiệp, rồi làm việc, tại Nancy (Pháp), một thành phố có khoảng ba trăm ngàn dân, trung bình về mọi mặt (kinh tế chắc dưới trung bình, tôi đổ thừa vì tôi đang không tìm ra việc làm)

Tác phẩm:

Mùa Hè, Một Nơi Khác. Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1986, California, USA.

Một Trang Đời, nhà xuất bản An Tiêm, 1992, California, USA.

Trả lời phỏng vấn:

Còn tại sao viết, viết cái gì, như thế nào, cho ai đọc, làm sao trả lời được? Bởi khi bắt đầu viết, cũng như khi đang viết, những câu hỏi này không hề được đặt ra. Bây giờ bị hỏi T. sẽ tìm ra vô số câu trả lời, và không trả lời nào đúng cả hay chỉ đúng chút chút. Nghĩa là toàn những câu trả lời ba phải. Trót đã ba hoa thiên địa hôm nọ với anh Nguyễn Mạnh Trinh, xin các anh tha (lần thứ hai), không thôi sẽ thành người nói dai, nói dài nhất năm 95..

Phan thị Trọng Tuyến được bạn đọc yêu thích qua những truyện ngắn chị viết đã đăng trên báo hoặc xuất bản thành sách. Nhưng lần này, để thay đổi không khí, chị gửi đến bạn đọc một bài thơ :

welcome to india

phan thị trọng tuyến

Cửa Bombay mở ra đường bụi mù khét nắng Good carriers chen lấn autorickshaw người bên người yên lặng Taj mahal nghìn đôla một đêm đè lên YMCA hai mươi xu luôn tiền ăn bữa sáng.

Kèn xe khói xăng quen thuộc lắm

Hello hello are you Japanese? Hello hello are you Japanese?

Bộ không thấy tôi thân quen không thấy tôi ngơ ngác quần áo lôi thôi không bành tô, cravate không tòn teng sony panasonic

Thôi thì tôi, vì nụ cười của bạn

Sorry sorry? Việt Nam? Việt Nam? ô ô I see tia nhìn khoác khăn voan tuy nụ cười nguyên vẹn Welcome to India, my friend!

Đường nhỏ xóm đông đất rác gập ghềnh viên đá nhọn những bím tóc mướt dầu dừa cặp sách ôm nghiêng xe đò, đồng phục.

Are you Japanese? Are you Taiwanese? Are you Chinese?

Người không thấy tôi lơ láo khổ hơn hàng thần của lão Hồ Tôn không phải rồng lớn rồng con vùng Nam Á người không thấy tôi thẫn thờ như du mục lạc mất bầy cừu chưa bao giờ là mãnh hổ biển Đông thôi thì thôi, đành khiến người thất vọng xin hãy giữ nụ cười thân thiện I am Vietnamese

Ô Việt Nam, Việt Nam? Việt Nam, south or north?

lâu lâu cũng gặp kẻ trễ tràng đầu óc, tay chân quơ quàng trong quá khứ

Chúng tôi bây giờ là một một khối ngả nghiêng một khối phân trần một khối hàm oan một khối đắng cay hối hận một khối phân chia một khối buồn tênh chua chát một khối hân hoan dựng xây hàn gắn một khối than van một khối khát khao chen chân tranh sống.<

bóng trên đường một khối cửu long

I am Vietnamese Vietnamese

mắt hết ngỡ ngàng, cười toét miệng vẫy tay Welcome to India!

cám ơn cám ơn người hiền hòa chào đón cám ơn cám ơn người đã tặng chút hờn ghen cám ơn người đã gửi nửa văn minh

Quit India! Quit India!

không cần AK 47, không Phantom, không Mig chỉ đôi lời bình dị Quit India!

độc lập tự do đơn giản thô sơ như bánh phồng tôm ăn với cà ri khoai mướp như điệu múa dâng thần Parvati.

Dân chủ hòa bình dễ dàng như yoghourt ăn với chicken tandoori

Tôi là ai thần thánh oai hùng tôi là ai long trời lở đất tôi là ai rồng tiên extraterrestre tôi không hề bé nhỏ mong manh li ti trùng để một mình ngạo mạn trên ngọn đỉnh trời chỉ khóc khi quanh mình chẳng còn người tôi là ai vận mệnh oan khiên nên kẹt cứng trong tay những người hùng.

Tôi là ai người hỏi làm gì

Đừng đưa tôi ra vùng biển động đừng kéo về đáy vực tôi là ai vẫn vật vờ tự hỏi tôi là ai

Tôi là tôi với câu hỏi trên lưng tôi là trăm câu hỏi thành dấu hỏi dài lê nặng đường đi thôi thì thôi vì nụ cười của bạn thôi thì thôi vì câu hỏi hồn nhiên

Việt Nam? Ấn Độ Việt Nam! cũng một thời bè bạn khối thứ ba, bạn nghèo không liên kết khối thứ ba, giữa nóng lạnh đôi bờ

Nụ cười bạn mời chào nồng nhiệt Welcome to India!

Are you Malaysian? No, no. Are you Indonesian? No

Chú tài xe lam cà khổ sơ mi nhếch nhác lè phè dhoti nhà toán học áo bỏ ngoài, cặp da sờn nắng gió lẹp xẹp dép nhật mòn gót chân chai ai cũng hiền lành thân thiện xe lam và bom nguyên tử hỏa tiễn và sarees dép nhựa và dhoti made in India những nụ cười trắng răng chà và những hàng râu sâu rọm rất a phú hãn và vô cùng Ấn Độ những bộ mặt thanh thản với vẫy chào hồn hậu vui vẻ an bình như những tượng người ở đền thánh Khajuraho những chấm đỏ, những vạch trắng vàng trên trán tin tưởng tự nhiên thánh thần thứ thiệt như tiếng cười chào gửi khách phương xa.

Are you Korean? No Are you Birman? No. Where are you from?

Người không thấy ư tôi lớm chớm xương khô tôi hố bom, tôi xác người trong ánh mắt? Bao thế kỷ chưa ngừng chân chạy chạy loanh quanh nghiêng ngả chạy không ngừng bến bình yên mang trên vai mà không biết

Tôi là ai tôi là ai

Thôi thì thôi, xiêu lòng vì bạn thôi thì thôi còn mất mát nào đâu

I am Vietnamese.

Việt Nam, ô Việt Nam Welcome to India! Bạn hiền hòa kể chuyện nữ thần chờ người yêu không tới giận dỗi tung quà dâng hiến. Thành ốc sò sóng cuốn ra khơi bạn nhẫn nại như tượng Phật nằm trong hang đá bạn bình yên thoải mái đất nước dài lịch sử mấy vạn năm đừng buồn tôi

cõi miền thịt da

LƯU NGUYỄN

Mưa
lất phất
đường phố khuya
nụ hôn rất vội
đầm đìa
giọt
mi
bên hiên ướt nụ xuân thì
giữ cho nhau
một
chút
gì
của riêng
dẫu xa cũng nhớ cõi miền
thịt da em
đã
có tiền kiếp
ta

vì một chút ghen thầm

Sao tôi không là con dân bình thường mọi ngõ chạy cuốc xe lam lấy bốn rupees? Sao không là người intouchable bẻ gãy chân con để khêu động lòng người? Không là khoa học gia nghèo tà tà đôi dép bỡ chế tạo xe lửa, vệ tinh, từ những lab thô sơ? Sao tôi không là con dân bình thường trong mọi ngõ chỉ biết chào welcome du khách cười hỏi rằng người thấy nước tôi sao

Ôi khó lắm làm con dân bình thường trong một đất nước tầm thường Ôi khổ lắm khi làm người hùng trong mọi ngõ và được dẫn dắt bởi những người khùng ngoại hạng.

đỗ kh.

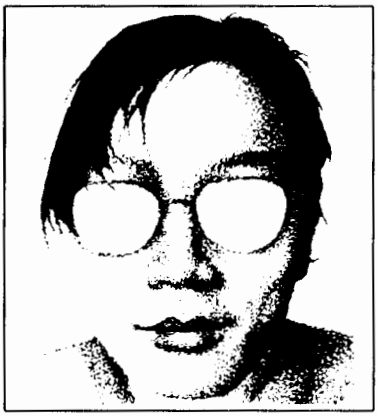

Tên thật là Đỗ Khiêm, sinh năm 1955 tại Hải Phòng. Hiện định cư cùng gia đình ở Yorba Linda, tiểu bang California Hoa Kỳ

Đã xuất bản:

Cây Gậy Làm Mưa, tập truyện; Tân Thư, California 1989.

Tác Giả Tác Phẩm, nhiều tác giả; Thế Giới Lưu Vong Hôm Nay, California 1989.

Thơ Đỗ Kh., tập thơ; Tân Thư, California 1989.

Ký Sự Đi Tây, tập ký; Xuân Thu, California 1990; Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 1993.

Có Những Bực Mình, Tức Không Thể Nói, tập thơ; Tân Thư California 1990.

Không Khí Thời Chưa Chiến, tập truyện; Hồng Lĩnh, California 1993.

Trả lời câu hỏi:

1. Văn chương có lẽ như là quần lót lụa, chính tính cách xa xỉ này tạo nên cái khêu gợi (kín đáo?) của nó.

2. Tôi viết. Tôi không biết (về cái gì? như thế nào?). Cho ai đọc? Phố Bolsa có thể đất chật người thưa nhưng viết là để cho những 300 năm về sau, Văn học Việt Nam Hải ngoại chúng ta chỉ mới có 20, còn đến 280, nghĩa là rất nhiều cơ hội, người đọc và thì

giờ. Xin gửi đến số đặc biệt của Tạp chí Văn Học một sáng tác mới nhất của tôi, tuy không ưng ý lắm nhưng cũng rõ được rằng:

a/ Tôi đã có đi nhiều nơi và
b/ học (lóm) được vài ba chữ của nhiều thứ tiếng.
Hai mươi năm qua, người Việt nước ngoài có phải
a/ đã đi được nhiều nơi và
b/ có học được nhiều thứ tiếng?

thế giới là một nhà

đỗ kh.

Trên đường đến ghetto cũ thành Warszawa
Đi ngang công viên Krasínski lá vàng
Trời mây u ám
Đói bụng
(Lá đại khái và trời mây tàm tạm)
Bao la thế giới là một nhà
*Ein hot-dog prosím mucho spassiba**

Đỗ Kh.

* Làm ơn (Tiệp) cho một (Đức) súc xích (Mỹ) cám ơn (Nga) nhiều (Tây Ban Nha).

Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện.

NMT: *Xin anh cho một vài dòng tiểu sử về mình.*

NMG: Tôi sinh năm 1940 tại Ngân Sơn, Phú Yên nên có một số truyện ngắn và bài báo tôi lấy bút hiệu Nguyễn Ngân Sơn. Đó cũng là quê hương của nhà văn Võ Hồng. Nhưng nguyên quán của tôi là làng Xuân Hoà, huyện Bình khê, tỉnh Bình Định, một làng nhỏ nằm một bên con sông Côn. Bên kia sông là quê hương của anh em nhà Tây Sơn. Như anh biết, thời gian chín năm kháng chiến chống Pháp, Bình Định thuộc vùng kháng chiến, liên khu 5. Tôi lớn lên, học hành trong vùng kháng chiến, mãi tới sau hiệp định Genève quê tôi mới được chính quyền quốc gia tiếp quản. Sau hai năm thất học trước đó, tôi tiếp tục học tiếp trung học ở Qui nhơn, Nha Trang và Sài gòn. Sau một năm học Đại học Văn khoa Sài gòn, tôi chuyển ra Huế học Đại học Sư phạm Ban Việt Hán. Tốt nghiệp năm 1963, tôi đã dạy văn chương tại các trường Đồng Khánh Huế, Cường Để Qui nhơn. Sau một thời gian làm hiệu trưởng trường Cường Để, chánh sở Học chánh Bình Định, tôi chuyển vào Bộ Giáo dục ở Sài gòn làm chuyên viên nghiên cứu giáo dục.

Sau 1975, bị sa thải vì những cuốn sách đã viết và chức vụ cũ đã giữ, tôi thất nghiệp một thời gian, làm đủ thứ nghề mà chẳng nghề nào thành công, bán sách cũ, làm mì sợi. Cuối năm 1981, tôi vượt biển theo ngả Nam Dương, ở các trại tị nạn Kuku và Galang gần một năm. Đúng ngày lễ Tạ Ơn năm 1982, tôi đặt chân đến Hoa Kỳ. Như vậy là tôi đã ở đây trên 13 năm. Tôi lập gia đình từ năm 1965, và có ba cháu nay đều đã trưởng thành.

NMT: *Còn cuộc đời văn chương?*

NMG: So với các bạn văn cùng thế hệ, tôi bắt đầu viết lúc đã ngoài ba mươi. Thật ra nói như thế cũng không đúng hẳn. Người cầm bút nào mà không tí toáy thử viết cái này cái nọ lúc còn ở tuổi niên thiếu. Tôi cũng vậy. Nhưng sau khi đọc phải những tác phẩm bậc thầy, nhất là gặp Dostoievsky, tôi xé bỏ hết những gì mình đã viết. Tôi tôn Dostoievsky làm thần tượng. Cho đến nay, tôi vẫn còn giữ tấm ảnh cũ của Dostoievsky tôi từng dán trước bàn viết thủa ban đầu.

Nếu hiểu "viết" có nghĩa là "viết và phổ biến bằng chữ in" , thì tôi khởi viết từ 1971, nhiều nhất, đều đặn nhất là trên tạp chí Bách Khoa. Trước 1975, tôi đã in được 5 tác phẩm: *Nỗi băn khoăn của Kim Dung* (tiểu luận), *Bão rớt* (truyện ngắn), *Tiếng chim vườn cũ* (truyện dài), *Qua cầu gió bay* (truyện dài), *Đường một chiều* (truyện dài). Bảy năm sống dưới chế độ cộng sản, tôi viết xong bộ trường thiên *Sông Côn mùa lũ* nhưng dĩ nhiên là không in được. Vượt biển, tôi để bản thảo lại cho nhà tôi giữ. Năm 1990, nhà tôi sang Hoa Kỳ trong chương trình đoàn tụ gia đình, đem được bản thảo theo. Nhờ thế, ngoài những tác phẩm *Ngựa nản chân hon* (truyện ngắn), *Xuôi dòng* (truyện ngắn), bộ trường thiên *Mùa biển động* tôi xuất bản ở hải ngoại, tôi có thêm được bộ trường thiên *Sông Côn mùa lũ* nhà An Tiêm xuất bản những năm 1991 và 1992.

NMT: *ở Việt Nam, anh là nhà giáo, nhà văn. ở đây, anh làm báo, viết văn, và làm graphic designer cho công ty GTE. Có liên quan thế nào giữa những nghề nghiệp ấy? Chúng hỗ tương nhau hay chống chối nhau?*

NMG: Dĩ nhiên là hỗ tương, vì không có một nghề để nuôi thân thì làm sao yên tâm để nghĩ chuyện viết lách. Tôi đủ óc thực tiễn để hiểu rằng không thể sống được bằng ngòi bút, nói cho đúng hơn, sống được bằng văn chương. Nhiều người viết văn đã sống được bằng ngòi bút, nhưng chỉ một số rất hiếm hoi sống bằng văn chương. Số còn lại sống bằng nghề báo.

NMT: *Anh viết tác phẩm đầu tay trong trường hợp nào? Có kỷ niệm nào đáng kể?*

NMG: Tác phẩm đầu tay của tôi không phải là tiểu thuyết, mà là một tập tiểu luận về truyện chưởng Kim Dung, in năm 1972. Tôi rất mê Kim Dung. Ngoài Dostoievsky, Kim Dung là nhà văn ngoại quốc có nhiều ảnh hưởng đến cách suy nghĩ của tôi. Hồi đó, tôi đang dạy học tại trường trung học Cường Để. Trong số đồng nghiệp, có anh Châu văn Thuận là

một thành viên của tạp chí *Ý Thức*. Qua Châu văn Thuận, tôi quen với Lữ Quỳnh một thành viên *Ý Thức* khác. Các anh ấy xin bài cho *Ý Thức*. Tôi viết bài đầu tiên về Kim Dung, được nhiều người mê Kim Dung thích lắm. Có khích lệ, tôi viết một bài khác gửi cho *Bách Khoa* và gửi một bản cho nhà văn Nguyễn Hiến Lê. Ông Lê mang bài đó đến *Bách Khoa* bảo đáng đăng. Tôi có duyên nợ với Bách Khoa từ đó. Tập tiểu luận mỏng in ấn lem nhem nhưng lại là tác phẩm mang đến cho tôi nhiều vui buồn nhất. Vui vì là đứa con đầu lòng. Vì được nhiều bạn đọc ghiền Kim Dung tán thưởng. Buồn, vì sau 1975 phong trào mê Kim Dung lan truyền nhanh tới bộ đội, cán bộ, và cả giới viết lách miền Bắc. Chính quyền tìm biện pháp ngăn chặn. Họ lục xem trong Nam những ai đã viết về Kim Dung. Cuốn *Nỗi băn khoăn của Kim Dung* của tôi và cuốn *Võ Kỵ giữa chúng ta* của Đỗ Long Vân trở thành cái bia oanh kích tự do. Đủ thứ tội lỗi, nào mập mờ giữa chính và tà, nào tung hỏa mù để biện minh cho kẻ cướp nước...Mỗi lần nghe loa phóng thanh phường đọc ra rả những lời kết tội nặng nề với tên tác giả rõ ràng, tôi lạnh gáy, hối hận tại sao thủa ban đầu mình không chọn một bút hiệu nào đó mà lại lấy tên thật.

NMT: *Có người nói tác phẩm đầu tay thường có nhiều chất cảm và có hồn tuy kỹ thuật chưa cao. Còn những tác phẩm sau, thường có nhiều tiến bộ về kỹ thuật nhưng chất cảm và hồn giảm đi. Theo anh, vấn đề này nên phân tích thế nào?*

NMG: Tay nghề cầm bút ngày càng cao là chuyện bình thường. Còn xúc cảm, nhiệt tâm tác giả gửi gấm trong tác phẩm ngày càng giảm đi, thì theo tôi nghĩ, không phải ai cũng như ai. Cái mất đi theo tuổi tác là sự hồn nhiên, chứ không phải xúc cảm, nhiệt tâm. Thông thường, một người cầm bút lúc khởi nghiệp *viết về mình, cho mình*, nên dễ đạt được ước muốn Hàn Mặc Tử từng ước muốn: *Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút. Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.* Nhưng viết về mình một thời gian rồi cũng cạn, tác phẩm sau là bản sao của tác phẩm trước. Nhà văn đối diện với một thử thách lớn, từ *viết về mình* chuyển qua *viết về người*. Những ai không qua được thử thách này, giá trị tác phẩm của họ chứng minh được điều anh vừa đưa ra.

NMT: *Cầm bút, anh có mục đích nào không? Như phục vụ nhân sinh, quốc gia, dân tộc...Hay chỉ vì mình thích và muốn làm được những điều mình ưa?*

NMG: Khi mê gái không ai có thì giờ ngồi tần mần phân tích người mình mê đẹp ở chỗ nào. Chỉ có hai hạng người đủ bình tĩnh suy nghĩ về người con gái đó: người ngoài, và chính anh chàng mê gái khi anh bắt đầu hết mê. Mê văn chương, mê viết lách cũng như mê gái mà thôi. Khi nghe một nhà văn ba hoa về sứ mệnh này sứ mệnh nọ, tôi bắt đầu nghi ngờ lòng mê văn chương của anh ta. Một là anh ta mê những thứ khác hơn văn chương, nên dùng văn chương như một công cụ để làm chuyện khác. Anh ta hết là nhà văn, hay phân biệt chi li như Sartre, anh ta là *écrivant*, không phải là *écrivain*. Hai là anh ta biết rất rõ ngòi bút của mình đã sa sút, nên vội tìm một cái mộc che thân, giống y chang anh chàng mê gái muốn quất ngựa truy phong bèn tìm hiểu xem người đẹp ấy có thực đẹp hay không, giữa sắc đẹp và đức hạnh nên chọn bên nào.

NMT: *Hình như anh ác cảm với những "người dùng văn", những écrivant.*

NMG: Không phải thế. Họ dùng văn để làm những chuyện ích quốc lợi dân, hay lắm chứ. Nhưng xin phân biệt cho rõ: nếu dùng văn để bảo vệ đạo đức, họ phải sống đạo đức và họ đáng được tuyên dương như một nhà đạo đức, không nên tuyên dương như một nhà văn. Trường hợp dễ gặp hơn là dùng văn chương để phục vụ chính trị. Một nhà văn nhỏ tự nhiên trở thành vĩ đại khi giương cờ giăng khẩu hiệu lên văn chương của mình. Ai chê anh ta nhỏ, anh ta trở cán cờ đập vào mặt liền. Vâng, anh ta có thể trở thành anh hùng dân tộc, trở thành tổng bí thư, tổng thống. Nhưng nói gì thì nói, anh ta vẫn cứ là một nhà văn nhỏ tí.

NMT: *Bây giờ tôi lại thấy hình như anh không ưa những người làm chính trị bằng những người viết văn. Liệu trong anh có gì mâu thuẫn không, khi những tác phẩm anh viết phần lớn lấy khung cảnh lịch sử, chính trị, như hai bộ trường thiên* Mùa Biển Động *và* Sông Côn Mùa Lũ*?*

NMG: Anh nói đúng. Từ thâm tâm, tôi không ưa những người làm chính trị.

NMT: *Vì sao?*

NMG: Thích hay không thích cái này cái nọ là chuyện trực tiếp, tức thời, ảnh hưởng đến cách lựa chọn và quyết định của mọi người. Biện hộ cho những cái mình thích hay không thích là chuyện về sau. Người ta

không thích màu đỏ chẳng hạn, nên không bao giờ mua xe màu đó. Có ai hỏi, người đó mới tìm lý lẽ giải thích: vì màu đỏ chói quá, màu đó giống với màu máu, màu đó là màu cờ của phe cộng sản v.v...Trong đời, tôi cũng có nhiều ước mơ: hồi lên năm nằm bệnh viện Huế thấy hiến binh Nhật cưỡi xe mô tô phóng nhanh trên đường trước bệnh viện, tôi mơ làm người hiến binh. Học tiểu học thấy cô dẫn đi dự các lễ lạc, thấp người chen chúc mãi vẫn không thấy cảnh lễ lạc phía trước, liền mơ làm anh phó nhòm được quyền chạy khắp nơi chụp hình. Lớn hơn mơ làm Xuân Diệu để có thể làm thơ tình gửi những người đẹp...Đại khái các giấc mơ của tôi đều thấp lè tè như thế, không có giấc mơ nào sang cả, hào nhoáng quyền lực. Có thể vì vậy mà tôi chọn nghề giáo. Thi thố quyền lực với những trẻ kém tuổi hơn mình, học thức thua mình, coi bộ dễ dàng hơn thi thố tranh giành quyền lực với người lớn, tức là làm chính trị. Cứ suy nghĩ theo cái dòng đó thì tôi mê viết lách cũng phải. Không thể ứng xử thoải mái với thực tế và những người chung quanh, tôi tìm thoải mái trong thế giới tưởng tượng. Tôi "làm chính trị" trong sự an toàn, trong thế giới của riêng tôi. Nhưng đó chỉ là những lời biện minh tới sau.

NMT: *Trở lại hai bộ trường thiên Mùa Biển Động và Sông Côn Mùa Lũ. Nhiều người định nghĩa "trường thiên tiểu thuyết" theo những cách khác nhau: như trường thiên tiểu thuyết phải trải dài nhiều thời kỳ với toàn bộ không gian thời gian; như phải có nhiều tuyến nhân vật để thể hiện toàn bộ đời sống một thời kỳ...Vậy theo anh, phải nghĩ thế nào về trường thiên tiểu thuyết? Có thể mang nối nhiều cuốn truyện dài thành một bộ trường thiên hay không?*

NMG: Bàn về thể loại văn học thì không bao giờ xong, vì mỗi người quan niệm một khác. Vả lại việc đó đã có các nhà nghiên cứu ở các đại học lo. Ở đây, tôi chỉ nói tới kinh nghiệm riêng của mình. Khi viết bộ trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ*, khuôn mẫu tôi nghĩ tới luôn, là bộ *Chiến tranh và Hòa bình* của Leb Tolstoi. Điều đó dễ hiểu, vì tôi cũng muốn tái dựng lại một giai đoạn lịch sử đầy biến động của Việt Nam hồi cuối thế kỷ 18, và biến động là khung cảnh thích hợp nhất để con người tỏ lộ hết tất cả cái tốt cái xấu của mình. Tôi thích quan sát và suy nghĩ về cách ứng xử của con người trong những hoàn cảnh khác nhau, và có hoàn cảnh nào thấy chân tướng con người rõ hơn thời chiến tranh, thời có những cuộc cách mạng. Tôi mường tượng thấy một bộ trường thiên phải là một bức bích họa lớn của một thời đại, do đó phải trải dài trên một không gian và thời gian rộng, bao trùm lên số phận của nhiều người. *Sông Côn Mùa Lũ*

là một thử nghiệm ban đầu của tôi. Qua *Mùa Biển Động*, quen tay, tôi vẫn giữ lối dàn dựng ấy.

NMT: *Mùa Biển Động có bao nhiêu phần trăm hư cấu và bao nhiêu phần trăm sự thực?*

NMG: Một trăm phần trăm hư cấu. Trả lời như vậy, sẽ có một số bạn đọc nghĩ tôi muốn tránh những chuyện bắt bẻ phiền phức của độc giả, chất vấn tại sao sự thực thế này mà lại viết thế kia. Sẵn đây tôi xin kể một chuyện bên lề . Tháng Năm 1995 vừa qua, tôi có về Việt Nam thăm mẹ tôi, và có gặp nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường ở Sài gòn. Dĩ nhiên là anh Tường đã đọc kỹ *Mùa Biển Động*, nên sau vài câu xã giao, anh trách: "Cậu viết về anh em khác với nhiều cảm tình mà viết về tôi thì xấu quá. Bất công lắm." Tôi đáp là tôi có viết rõ trong lời cuối của bộ trường thiên, và đáng lẽ anh là nhà văn anh không nên trách tôi như thế. Chúng tôi không có thì giờ tranh luận nhiều hơn. Khi tôi nói "là nhà văn", có nghĩa là những người cầm bút sáng tác đều biết rất rõ vai trò của óc tưởng tượng trong sáng tạo, và dù có lấy thực tại làm nguyên mẫu thì tác phẩm văn chương vẫn tạo ra một thực tại hoàn toàn khác.

NMT: *Đã có một số phản ứng không đồng ý về cách anh mô tả người lính Việt Nam Cộng hòa trong truyện. Những phản ứng ấy có ảnh hưởng gì đến cá nhân anh và ngòi bút của anh lúc ấy?*

NMG: Có chứ! Bị công kích dữ dội vì xây dựng nhân vật Lãng ở tập 1, tôi hơi ngỡ ngàng, nghĩ chuyện không có gì mà sao ầm ĩ thế! Nhất là trong cái ầm ĩ chung có cả những lời dao to búa lớn của những người chưa từng đọc sách, và cả những người cầm bút đã có chút tiếng tăm như Nguyên Vũ, Duyên Anh. Dạo đó tôi có viết một bài báo trần tình, bảo rằng truyện còn dài, xin chờ tới lúc bộ trường thiên hoàn thành rồi hãy phê phán. Không ai chịu chờ cả. Họ đã khăng khăng như thế thì tôi cũng khăng khăng viết tiếp theo ý mình, nhờ thế có tập 2, tập 3, tập 4, tập 5. Lại thêm nhờ có ầm ĩ mà sách bán chạy. Hoan hô sự ầm ĩ!

NMT: *Ở thời điểm bây giờ, 1995, đọc lại Mùa Biển Động, anh thấy tâm tư của anh, cách suy nghĩ của anh hiện nay so với thời gian viết Mùa Biển Động có khác không? Anh có thấy lối suy nghĩ của anh hồi ấy đã đủ chín chưa?*

NMG: Có phải ý của anh Trinh muốn nói là hồi viết *Mùa Biển Động* tôi chưa chín đủ? Không. Cho tới nay, lối nhìn của tôi về lịch sử hiện đại Việt Nam vẫn không thay đổi.

NMT: *Viết lại một thời kỳ đầy xáo trộn của lịch sử Việt Nam có những người cùng trang lứa, có chính anh tham dự, anh có tránh được chủ quan và thiên kiến không? Chữ "chín" tôi vừa hỏi có ý như thế.*

NMG: Chủ quan không thể tránh được. Từ chủ quan mà có thiên kiến. Mỗi người chỉ có thể cố gắng khách quan được chừng nào hay chừng nấy mà thôi. Tôi nghĩ chủ quan và khách quan như tử số và mẫu số của một phân số văn chương. Từ xúc động chủ quan trước một hoàn cảnh, nhà văn viết nên tác phẩm. Không có xúc động, không có những thôi thúc nội tâm hoàn toàn riêng tư, người viết không bao giờ viết. Nhưng nếu những điều nhà văn viết ra chỉ là những ghi nhận chủ quan trong một hoàn cảnh hạn hẹp, thì văn chương chỉ có khả năng làm xúc động những người cùng cảnh ngộ mà thôi. Qua khỏi hoàn cảnh riêng biệt đó, tác phẩm trở nên lỗi thời nhanh chóng. Muốn tồn tại lâu dài, văn chương đòi hỏi phải có những mẫu số chung để vượt qua cái riêng tư, cái nhất thời, vượt qua biên giới của chủng tộc, quốc gia. Mẫu số chung ấy, người ta thường gọi là "tính người", ở đâu cũng có, thời nào cũng vậy. Cho nên mặc dù chính trị là chất kích thích mạnh mẽ, nhưng những nhà văn chỉ chú tâm đến đề tài chính trị thường mau bị thời gian đào thải hơn những nhà văn chú tâm đến nhân sinh nói chung. Cùng là tác phẩm của Nhất Linh, *Bướm Trắng* sống lâu hơn *Đoạn Tuyệt*. Nhiều thế hệ bạn đọc Việt Nam quên bẵng một điều hiển nhiên, là Vương Thúy Kiều không phải là đồng bào của mình.

NMT:*Viết Mùa Biển Động, anh có tự xác nhận chỗ đứng của mình ở bên này hay bên kia lằn ranh nào đó hay không? Hay anh chỉ muốn mô tả những người Việt Nam trong một thời kỳ đặc biệt của lịch sử?*

NMG: Do chủ đề, dĩ nhiên tôi viết từ cái nhìn của một người Miền Nam, viết về thân phận của những người Miền Nam trong giai đoạn từ 1963 đến 1981. Bạn đọc Miền Nam dễ thông cảm với tôi hơn những bạn đọc Miền Bắc. Tôi thường tò mò muốn biết những bạn đọc Miền Bắc nghĩ gì sau khi đọc *Mùa Biển Động*. Một vài ý kiến của độc giả Miền Bắc khiến tôi vui mừng. Họ bảo tôi đã cố gắng công bằng, và nhìn những người bên kia lằn ranh như những con người, không phải là một ý niệm, một con số, hay một tấm bia oanh kích tự do.

NMT: *Hình như trong* Mùa Biển Động *nhân vật nào lưu manh thì thường có số phận tốt hơn những người thật thà lương thiện?*

NMG: Thế à! Tôi chưa nhận ra điều đó. Truyện của tôi ít có những tên lưu manh đúng nghĩa, chỉ có những tay cơ hội. Mà những tay cơ hội thì, như anh thấy, thời nào lúc nào cũng thành công trên đời. Riêng những người thật thà lương thiện thì thường thua thiệt trong thời loạn. Thời gian của *Mùa Biển Động* là thời loạn.

NMT: *Sông Côn Mùa Lũ* cũng là bộ trường thiên đồ sộ của anh. Anh viết bộ này hồi còn ở trong nước, như anh cho biết từ đầu. Xin anh cho biết nhiều chi tiết hơn về chuyện này.

NMG: Xin đọc cho anh nghe trang ba trong tập bản thảo *Sông Côn Mùa Lũ*, ghi "Những dấu mốc" thực hiện tác phẩm này.

Gần Tết 1978: Quán cà phê Duy Tân, với Nguyễn Thành Hải: Chiều đẹp. Đêm xuống đần. Ánh đèn thủy ngân rọi lên màn sương lãng đãng dưới hai hàng cây cao đường Phan Đình Phùng. Trong một lúc cao hứng, hứa với Hải sẽ viết một cuốn tiểu thuyết thật dài về tâm trạng trí thức thời loạn. Chọn thời Tây sơn của các nho sĩ thời xưa.

24-5.1978: Bắt đầu viết chương 1 của bản phác thảo.

1-9-1980: Viết xong chương cuối của Phần 6.

1-3-1981: Viết xong chương cuối Phần Kết từ.

6-8-1981: Sửa lại cấu trúc và xem lại sử liệu.

Như vậy có thể nói tôi hoàn tất bộ trường thiên này trong vòng bốn năm.

NMT: *Chắc anh phải ngồi viết ròng rã hằng ngày?*

NMG: Không đâu! Như tôi có viết trong trang "ghi ơn" nhà tôi ở cuối bộ truyện, đó là thời kỳ đen tối nhất gian nan nhất của đời tôi: bốn năm, hai năm lang thang thất nghiệp, hai năm làm công trong tổ hợp mì sợi Dân Sinh dưới Phú Lâm, hai lần ở tù. Nhưng quyết tâm viết bộ truyện này của tôi rất cao, tôi coi đó như một món nợ phải trả cho quê hương Bình Định của tôi. Thời khoá biểu hàng ngày của thời đó như sau: sáng 6 giờ dậy đạp xe xuống Phú Lâm làm mì sợi, làm việc từ 8 đến 12 giờ trưa. Trong hai giờ nghỉ trưa: nấu cơm, ăn cơm và viết. Làm việc trở lại từ 2 đến 6 giờ chiều. Trên đường về lại Thị Nghè, chở mì đi bán hoặc giao cho

người đặt mua. Ăn cơm chiều. Mua một tách cà phê dỏm đâu ngõ. Viết từ 9 giờ tối đến 12 giờ khuya.

NMT: *Anh có sử dụng những pho chính sử hoặc dã sử để làm tài liệu?*

NMG: Có chứ. Tôi có ghi hết trong phần Thư mục ở cuối bộ truyện. Tuy nhiên, những tài liệu giúp cho tôi nhiều nhất là cuốn *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô gia văn phái, *Lịch sử Nội chiến* của Tạ Chí Đại Trường, *Phủ biên Tạp lục* của Lê Quí Đôn và các bài viết của các giáo sĩ Thiên chúa đăng trong BEFEO. Về dã sử, tôi thu thập những truyền thuyết tại địa phương Tây Sơn, Bình Định.

NMT: *Trong SCML, ngoài một số nhân vật lịch sử còn có những nhân vật vô danh của đời thường do anh tạo ra. Anh muốn xây dựng những biểu tượng nào qua những nhân vật tầm thường ấy?*

NMG: Những nhân vật vô danh (theo nghĩa không phải là những nhân vật lịch sử) trong SCML là những nhân vật chính. Họ là những đứa con trong gia đình ông giáo Hiến, thầy của Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ. Qua những nhân vật này, tôi muốn trình bày lịch sử đã ảnh hưởng thế nào đối với đám quần chúng thấp cổ bé miệng thời Tây Sơn. Mỗi người con của ông giáo có một cách tham dự lịch sử khác nhau: Kiên như một người thụ động nhẫn nại chịu đựng lịch sử, cuối đời tìm được lối thoát bằng tôn giáo; Chinh tham dự như một người say mê bạo lực và chết vì bạo lực; Lãng tham dự như một trí thức nghệ sĩ cố sống trung thực và bị đào thải vì lòng trung thực; An là tổng hợp kỳ diệu của tất cả mọi thái độ, đại biểu cho vai trò người phụ nữ trong thời loạn: lãng mạn mà thực tiễn, sức chịu đựng bền bỉ, tháo vát sáng suốt trước hoạn nạn.

NMT: *SCML bắt đầu bằng một cuộc chạy trốn và kết thúc bằng dấu hiệu trưởng thành của đứa cháu ngoại. Những người trong gia đình ông giáo cùng chịu những thăng trầm của lịch sử , và đều có những kết cục không may. Có phải đó là dụng ý của anh không?*

NMG: Tôi cứ viết tự nhiên như thế chứ không có dụng ý nào cả. Có người cho tôi bi quan với cuộc đời. Có thể lắm. Tôi dễ xúc động trước những số phận không may hơn là những thành công vinh quang. Cũng phải thôi! Những kẻ thành công đã có cả một guồng máy quyền lực khổng

lô suy tôn họ, văn chương có nhảy vào tuyên dương cũng bằng thừa.

NMT: *Anh cũng có tuyên dương ba anh em nhà Tây Sơn đấy chứ! Nguyễn Huệ trong SCML, theo tôi nghĩ, lãng mạn và trí tuệ hơn Nguyễn Huệ có thật ngoài đời.*

NMG: Tôi không đồng ý với anh. Nguyễn Huệ sinh trưởng ở nơi xó núi, nhưng ông là một người thông tuệ khác thường. Chẳng những ông theo kịp lịch sử, ông còn biết vượt lên trên để tạo ra lịch sử. Những người như vậy hiếm có trong lịch sử Việt Nam. Trí thức lớn của Bắc hà cỡ như Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh, Phan Huy ích... mà phải khuất phục trước Nguyễn Huệ, không phải chỉ do sức mạnh quyền lực đâu. Vì thế, để giải thích do đâu Nguyễn Huệ có tầm trí tuệ cao như thế, tôi đã nghĩ ra những bài giảng của ông giáo Hiến trong tập 1. Chính ông giáo Hiến đã truyền cho người học trò thông minh khả năng nghi ngờ những trật tự có sẵn (như bài giảng về Bài Tựa Truyện Du hiệp trong sách Sử Ký của Tư Mã Thiên) và tham vọng quyền lực. Một người đồng thời như Nguyễn Du mà cũng lặng lẽ chiêm ngưỡng Nguyễn Huệ dù cuộc đời khốn đốn hoạn nạn vì Tây sơn. Bằng chứng đâu? Cách Nguyễn Du tả Từ Hải đó.

NMT: *Sẵn tiện xin hỏi anh: Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ tả Nguyễn Huệ một cách hoàn toàn khác anh: dâm dật, tàn nhẫn, độc ác...Anh nghĩ thế nào?*

NMG: Mỗi người có quyền nhìn nhân vật của mình theo cách mình cho là đúng. Nguyễn Huệ trong truyện Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ là nhân vật tiểu thuyết, không phải là nhân vật lịch sử. Dĩ nhiên tôi không thích cách nhìn đó.

NMT: *Như anh nói, quê hương anh và quê hương ba anh em Tây Sơn chỉ cách nhau một con sông: sông Côn. Anh cũng vừa nói là viết SCML, anh muốn trả nợ quê hương. Tinh thần địa phương có làm cho anh thiếu khách quan khi viết về các nhân vật lịch sử hay không? Chẳng hạn mọi người đều cho Nguyễn Nhạc là một tay gian hùng. Anh viết khác.*

NMG: Gian hùng, anh nói quá lời. Mà lịch sử cũng bất công với Nguyễn Nhạc. Anh nghĩ xem, một ông tướng vô danh nào đó của Gia Long cũng có tên đường. Nhà tôi ở Thị Nghè nằm trên con đường trước đây mang tên Dương Công Trừng, tên một tướng của vua Gia long. Công

trạng của ông là gì, không ai biết. Tôi cũng không biết. Nguyễn Nhạc thì ai cũng biết. Không có con đường nào, dù hẻo lánh lấy lội nhất đi nữa, được mang tên Nguyễn Nhạc. Ông có tội gì với dân tộc? Không có Nguyễn Nhạc, thì không có phong trào Tây Sơn. Ông hoàn tất xuất sắc vai trò người lãnh đạo một cuộc khởi loạn: ông dùng bọn trộm cướp vô lại mà không để cho chúng cuốn theo để thành một tên cướp lớn, ông dùng những trí thức nho sĩ nặng óc sách vở mà không bị họ loè bằng chữ nghĩa, ông đi dây tài tình giữa các thế lực để giữ quyền bính, Trịnh phía Bắc, Nguyễn phía Nam. Ông chỉ có một cái tội: là có một người em quá xuất sắc.

NMT: *Nhưng anh cũng tô điểm cho Nguyễn Lữ quá nhiều. Theo lịch sử, Nguyễn Lữ chỉ là một người bất tài, giao việc nào cũng hỏng. Trong SCML, anh biến Nguyễn Lữ thành một người thâm trầm, ưa suy tư về những chuyện lớn lao, siêu hình.*

NMG: Đó là Nguyễn Lữ trong trí tưởng tượng của tôi. Và sở dĩ tôi tưởng tượng như thế, là vì ở quê tôi, người ta cứ gọi ông là "Thầy Tư Lữ". Sao người quê tôi gọi Nguyễn Lữ là "thầy"? Từ thắc mắc đó, tôi xây dựng nhân vật này như một người có khuynh hướng thần bí. Điều đó giúp tôi giải thích sự vụng về của Nguyễn Lữ trong hành động thực tế.

NMT: *Cả hai bộ trường thiên tiểu thuyết anh viết đều lấy chiến tranh làm khung cảnh. Anh thích viết về chiến tranh?*

NMG: Tôi sinh ra và lớn lên trong chiến tranh, thích hay không thích, tôi khó lòng thoát khỏi nó. Anh thấy đấy, trên giấy tờ chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt từ hai mươi năm nay. Nhưng trong từng người chúng ta, chiến tranh chưa hề chấm dứt. Chúng ta vẫn viết về chiến tranh, vẫn suy nghĩ như một người sống trong thời chiến. Vết hằn của chiến tranh ăn sâu vào tâm hồn chúng ta, không cách nào gột rửa, tẩy xóa được. Chúng ta đã đánh mất cái hồn nhiên của người sống trong thời bình. Hai bộ trường thiên của tôi là hai cuộc chiến tranh lớn cách nhau hai thế kỷ, nhưng cùng một xuất xứ. Đó là những xúc động, suy nghĩ của tôi về thân phận con người trong chiến tranh, nhất là những người trí thức, nghệ sĩ.

Ngoài ra còn có một lý do khác thuộc vấn đề kỹ thuật viết truyện. Trường thiên tiểu thuyết là một bức tranh toàn cảnh về một xã hội trong một thời gian dài, do đó đòi hỏi nhiều tuyến nhân vật và mỗi nhân vật phải có một nét đặc thù. Trách nhiệm mô tả, xếp đặt nhiều nhân vật trong

nhiều hoàn cảnh khác nhau bắt buộc tác giả phải chọn một bối cảnh thích hợp cho thể loại trường thiên. Theo tôi, bối cảnh thích hợp nhất là chiến tranh, thời loạn, vì trong bối cảnh đó, con người mới bộc lộ tất cả khả năng và chân tướng của mình. *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust là một bộ tiểu thuyết đồ sộ đi sâu vào những ngóc ngách chi li của nội tâm con người, nhưng không phải là *trường thiên tiểu thuyết*. Nên chọn một từ khác thích hợp hơn: *trường giang tiểu thuyết* chăng? Nhưng thôi, việc đó để cho các nhà nghiên cứu văn học bàn luận.

NMT: *Bây giờ xin chuyển qua thể loại khác: truyện ngắn. Cho đến nay, anh đã cho xuất bản được ba tập truyện ngắn:* Bão Rớt, Ngựa Nản Chân Bon *và* Xuôi dòng. *Trong ba tập truyện đó, anh thích tập nào nhất?*

NMG: Nếu trả lời theo lối các nhà ngoại giao, tôi sẽ bảo tập nào tôi cũng thích, hoặc không thích tập nào cả. Thành thực mà nói, tôi thích tập *Ngựa Nản Chân Bon* nhất. Những truyện ngắn trong tập này tôi đều viết ở đảo tị nạn Kuku Nam Dương, trong vòng một tháng, đầu năm 1982. Trong đời viết văn của tôi, chưa có thời kỳ nào tôi viết hăng như thời ấy. Sống ở một hòn đảo nhỏ giữa biển xanh, hoàn toàn cách ly với thế giới bên ngoài, tôi say sưa viết truyện. Mỗi ngày một truyện ngắn. Loại dài như truyện *Ngựa Nản Chân Bon*, viết chỉ hai ngày là xong. Viết như một thôi thúc giải tỏa những u uất chất chứa lâu ngày, chứ lúc đó còn mù tịt về tình hình xuất bản ở hải ngoại, không hề hy vọng viết để in ra sách. Nhờ thế cả tập truyện nói được trung thực cái "tôi" của tôi lúc ấy. Không bao giờ tôi có được một bối cảnh toàn hảo như vậy để viết truyện, không bao giờ!

NMT: *Có phải những truyện ngắn trong Ngựa Nản Chân Bon mang nhiều thông điệp đặc biệt của làn sóng thuyền nhân tị nạn cộng sản thời đó, những thông điệp khác hẳn lớp di tản trước đó và lớp di dân sau đó?*

NMG: Thú thật với anh tôi rất sợ hai chữ "thông điệp". Thôi thì cứ tạm hiểu như "những điều gửi gắm" đi. Vâng, tôi muốn ghi lại, muốn gửi gắm những xúc động nóng hổi, những tâm sự không thể nói ra lời của thời kỳ bảy năm sống dưới chế độ cộng sản. Như lời nhắn của người đã ra đi gửi cho những người ở lại. Tôi không viết cho những người tôi sắp gặp ở hải ngoại, vì như tôi đã nói, ở đảo tôi không biết tí gì về sinh hoạt chữ nghĩa báo chí của đồng bào bên Mỹ, bên Pháp, bên Canada, bên Úc. Tôi không hề nghĩ về họ khi viết các truyện ngắn bên đảo.

NMT: *Anh muốn nhắn gì cho những người ở lại?*

NMG: Những lời chia tay đứt ruột, cho mẹ tôi, cho vợ con tôi, cho anh em bạn bè tôi. Tương lai trước mặt còn rất mù mờ, nỗi mong hằng ngày của trên một trăm người trên đảo là mong con tàu Seasweep hiện ra ở chân trời để chở chúng tôi qua trung tâm tị nạn Galang, ở đó người ta mới lập hồ sơ, phỏng vấn, và làm thủ tục cho đi định cư ở một nước thứ ba nào đó. Vì mù mờ nên chúng tôi chưa biết lo, chưa biết sợ tương lai. Quê hương, quá khứ thì gần gũi, có cảm tưởng như mới hôm qua. Những khổ nhục, thương đau hãy còn tươi roi rói. Lòng thương yêu, trong xa cách (nhất là thời đó chúng tôi vẫn nghĩ cuộc chia ly này là vĩnh viễn, xa cách này ngàn trùng), càng đậm đà hơn. Tôi viết những truyện ngắn ấy trong một nỗi nhớ thương ngút ngàn.

NMT: *Tôi thấy các mẫu nhân vật trong tập truyện ấy có rất nhiều chất người. Cái chất người ấy ở đâu cũng thế hay thay đổi theo hoàn cảnh, môi trường?*

NMG: Có thay đổi theo hoàn cảnh. Anh Trinh cũng là thuyền nhân, chắc anh đã thấy cách ứng xử ăn nói của người ta thay đổi theo môi trường sống như thế nào. Lạ lắm. Cũng con người ấy, khi chưa lên thuyền vượt biển, họ cư xử nói năng như một công dân gương mẫu của chế độ mới. Trong cơn nguy hiểm trước sóng to gió lớn, họ để lộ những tư cách hèn yếu bất ngờ. Rồi cũng con người ấy khi lên bờ lại trở thành một người hoàn toàn khác, khác từ cách đi đứng cho tới những lời phát biểu rực lửa trước micro. Bi quan thì cho đó là bản chất tráo trở của con người. Tôi lạc quan hơn, cho rằng con người, nói chung, nếu không đáng yêu, thì cũng đáng thương.

NMT: *Có người nói tình yêu trong các truyện ngắn của anh có nhiều tính ước lệ, hơi khô khan và đứng đắn quá. Anh nghĩ gì về nhận xét trên?*

NMG: Tôi cam đoan với anh là không có tình yêu nào khô khan đứng đắn cả. Nếu có, chỉ do lỗi của người viết về tình yêu. Từ bản tính, tôi đã vụng về trong cách trang trải tấm lòng của mình cho người khác thấy. Tôi làm quen rất dở, và thường không tạo được cảm tình đối với người khác ngay buổi sơ giao. Có thể bản tính ấy ảnh hưởng đến cách viết truyện của tôi.

NMT: *Có thể vì anh ít đề cập đến tình dục trong các truyện ngắn. Có phải anh né tránh vấn đề ấy vì cho đó là điều cấm kỵ?*

NMG: Tôi không cho tình dục là điều cấm kỵ trong văn chương. Nhiều lúc tình dục là cao điểm của tình yêu, là bằng chứng của một lòng tin cậy trọn vẹn, một sự hiến dâng trọn vẹn. Khi Nguyễn Du viết:

Tiếc thay một đóa trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về

rồi chính nhà thơ lại cho Thúy Kiều hối hận trước đây đã không trao thân cho Kim Trọng:

Biết thân đến bước lạc loài
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung

ông đã phân biệt rất rõ một vụ hiếp dâm và tình-yêu-dục-tính. Viết về tình dục rất khó, viết giỏi thì thành văn chương erotic, viết vụng một chút lại thành porno. Tôi rất phục những nhà văn viết về tình dục rất văn chương như D.H. Lawrence, Alberto Moravia, Lê Xuyên, Kiệt Tấn. Họ vinh danh tình dục. Tôi tự biết không có tài trên phương diện này, nên khôn ngoan tránh đi đấy thôi.

NMT: *Khi viết tiểu thuyết, anh hay dùng ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba? Và anh thích ở vị trí nào nhất?*

NMG: Ngôi thứ ba. Tôi thích viết ở ngôi thứ nhất hơn, vì tiện hơn. Đã xưng tôi rồi, thì khỏi phải phân thân lung tung, khi phải giả làm em bé thơ ngây, khi phải đóng bộ ông già sắp xuống lỗ. Nhưng ngôi thứ nhất có những cái ràng buộc, không thích hợp với truyện dài, càng không thể thích hợp với trường thiên tiểu thuyết.

NMT: *Khi viết truyện, anh có cảm giác mình là Thượng đế có quyền xếp đặt số phận nhân vật của mình không? Và anh muốn loại nhân vật nào phải khổ sở bất hạnh?*

NMG: Tôi đã nói tôi là người thích ứng vụng về với thực tế nên tạo ra một thế giới tưởng tượng để sống thoải mái trong đó, nếu anh muốn bảo sự sáng tạo ấy là công việc của Thượng đế, thì vâng, tôi thích làm một chú Thượng đế nhỏ. Nhưng thích là một chuyện, còn làm được không lại là chuyện khác. Theo kinh nghiệm, tác giả chỉ làm Thượng đế được trong giai đoạn đầu, tức là giai đoạn ông ta mon men tìm cách nặn ra nhân vật.

Đến khi nhân vật có một vóc dáng, một nhân cách định hình rồi, thì nhân vật liền "giành quyền tự quyết". Có những lúc nhân vật lôi tác giả đi. Tác giả cho nhân vật A gặp nhân vật B và chưa nghĩ họ nên nói với nhau những gì. Hai nhân vật gặp nhau trên bản thảo, và họ ăn nói huyên thiên vượt ngoài dự định của tác giả. Cho nên bảo tác giả là bà mẹ của nhân vật thì đúng, còn bảo là Thượng đế, chắc sai rồi.

Tôi không muốn cho ai khổ sở bất hạnh hết, mặc dù hầu hết nhân vật tiểu thuyết của tôi đều khổ sở bất hạnh. Tôi có bi quan lắm không?

NMT: *Có phải anh bi quan vì không tìm thấy hạnh phúc trong đời riêng, hay gặp toàn những rủi ro trên đời?*

NMG: Không phải thế. Tôi gặp rất nhiều may mắn trên đời, đôi lúc gặp hoạn nạn thì như các cụ ngày xưa thường nói "cùng tắc biến, biến tắc thông". Nhưng tôi dễ xúc động trước những chuyện bất hạnh, nhất là cái bất hạnh đớn đau của phụ nữ và trẻ em. Văn chương bắt nguồn từ những xúc động riêng tư của người viết, và mỗi người có một điểm nhạy cảm khác nhau.

NMT: *Anh là người chủ trương tạp chí Văn Học...*

NMG: Xin phép cắt lời anh! Tôi không phải là người duy nhất chủ trương tạp chí Văn Học. Như anh biết, Ban chủ biên Văn Học thay đổi theo nhiều giai đoạn, lý do chính là gánh nặng quản lý và tài chánh của tờ báo, không ai kham nổi một thời gian dài cũng như không ai muốn nó chết, nên người này nản thì có người khác nhảy vào thay thế.

Giai đoạn đầu, từ tháng 5 năm 1985 đến tháng 1 năm 1986 lúc tờ báo có tên là "Văn Học Nghệ Thuật", ban chủ biên có Võ Phiến, Lê Tất Điều, và tôi.

Giai đoạn hai từ tháng 2 năm 1986 đến tháng 11 năm 1989, tôi đứng mũi chịu sào nhưng có nhiều bạn văn tận tình hỗ trợ như Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Nhật Tiến, Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, Võ Đình, Định Nguyên, Vũ Huy Quang, Nguyễn Bác Trạc...

Giai đoạn ba từ tháng 11 năm 1989 đến tháng 6 năm 1992, do hoàn cảnh gia đình tôi tạm nghỉ, ban chủ biên gồm các anh Hoàng Khởi Phong, Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Nguyễn Đức Lập, Khánh Trường. Thời gian này trùng hợp với nhiều biến chuyển chính trị trên thế giới, và đời sống riêng của các anh trong Ban biên tập Văn Học cũng có nhiều xáo trộn. Khánh Trường không đồng quan điểm với Cao Xuân Huy và Nguyễn Đức

Lập, tách riêng làm tờ *"Hợp Lưu"*. Một thời kỳ Hoàng Khởi Phong đi tìm việc và sinh sống ở San Jose, Houston...công việc thật sự của tờ báo dồn cả vào hai anh Trịnh Y Thư và Cao Xuân Huy.

Giai đoạn bốn từ tháng 7 năm 1992 đến tháng 10 năm 1994, tôi trở lại với Văn Học, phụ anh Trịnh Y Thư và Cao Xuân Huy lo việc bài vở. Phải nhận là trong hơn hai năm gian nan này, Trịnh Y Thư là kẻ đứng mũi chịu sào lèo lái Văn Học như tôi trong thời kỳ thứ nhì.

Giai đoạn năm từ tháng 11 năm 1994 đến nay thì Ban chủ biên gồm các anh Châu văn Thọ giám đốc nhà xuất bản Thanh Văn, anh Nguyễn Xuân Hoàng, anh Mai Kim Ngọc, anh Thạch Hãn và tôi. Như anh thấy đấy, so với những tạp chí văn chương khác như *Văn, Làng Văn*...trước sau ban chủ biên không thay đổi, Văn Học long đong hơn nhiều .

NMT: *Có người cho rằng những tạp chí văn học là bề mặt và cái nôi của văn chương. Theo anh, điều ấy đúng không?*

NMG: Sự thực là thế tuy mới nghe có vẻ như người trong làng tự vẽ mặt vẽ mày cho nhau. Phương tiện truyền thông ngày nay tiến bộ khủng khiếp, nên như anh thấy, ai cũng có thể ra báo được cả. Gõ vào keyboard một chặp, một bài viết thành hình. Đưa cho nhà in một đêm, hôm sau bài viết đã được phổ biến. Nếu là một bài viết nổ, ngay lập tức bài đó được gửi fax đi khắp nơi. Đã qua rồi, cái thời do in ấn khó khăn mà chữ viết là ưu quyền của một số người.

So với sức phổ biến và ảnh hưởng tức thời đến người đọc, các tạp chí văn chương yếu thế thấy rõ. Một bài thơ, một truyện ngắn đăng trên các báo biếu hoặc báo phổ thông ăn khách thường có tầm phổ biến rộng hơn đăng trên một tạp chí văn chương.

Nhưng cũng có một sự thực khác, là một truyện ngắn xuất hiện trên tạp chí văn chương được người đọc thưởng thức một cách "văn chương" hơn, nghĩa là đòi hỏi tác giả nhiều hơn. Tôi có một kinh nghiệm về chuyện này: Những truyện ngắn độc đáo của Thế Giang xuất hiện lần đầu trên tờ *Diễn đàn* ở Paris, sau đó tờ *Người Việt* ở California đăng lại. Đọc truyện Thế Giang trên *Người Việt*, tôi thích quá, xin đăng lại trên *Văn Học* cho văn giới biết. Quả nhiên sau đó, người trong giới cầm bút xôn xao hỏi nhau Thế Giang là ai, và năm sau anh qua California chơi, Thế Giang được bạn văn đón tiếp nồng hậu dù chưa hề gặp nhau.

Trên báo loại phổ thông, văn chương chỉ là đồ nguội dự trữ, có cũng được mà nếu cần cắt đi để đăng tin nóng và quảng cáo cũng không sao. Trên tạp chí văn chương, nó là đồ nóng. Cả người viết lẫn người đọc cùng

trân trọng những sáng tác trên tạp chí văn chương, nên sự đánh giá chính xác hơn. Trên các tờ báo phổ thông phổ biến rộng rãi *như Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Diễn Đàn* cũng có những truyện ngắn , bài thơ giá trị. Nhưng nếu cần tìm hiểu văn chương hải ngoại, chắc ít ai bỏ công đọc hết những sáng tác trên các báo ấy. Trước 1975, văn học Miền Nam phản ảnh trên những diễn đàn như *Sáng Tạo, Văn, Bách Khoa, Thời Tập*...chứ không phản ảnh trên *Sài gòn Mới, Chính Luận*...Các nhà phê bình vẫn hay chia nhóm giới cầm bút bằng cách căn cứ vào những diễn đàn họ thường cộng tác. Nhóm Sáng Tạo, Nhóm Văn, Nhóm Bách Khoa. Vâng, tạp chí Văn Học trong hơn mười năm qua tự nhiên cũng tạo ra một nhóm, một cái nôi thân ái chung.

NMT: *Anh làm việc như thế nào khi chủ trương tạp chí Văn Học? Có cố gắng nào về tài chánh, về thì giờ điều hành cũng như về bài vở in ấn?*

NMG: Anh "xâm phạm" vào bí mật nghề nghiệp của tôi rồi đấy!

Đáng lý tôi phải trả lời ỡm ờ để lấy oai, nhưng như thế thì không sòng phẳng. Chưa có thời kỳ nào trong lịch sử báo chí VIệt Nam mà cách làm báo văn chương ở đây "thủ công nghiệp" đến như thế! Một lần có độc giả ở xa về Little Sài gòn chơi, điện thoại tới ngỏ ý muốn thăm "tòa soạn" và "các anh chị em trong ban biên tập". Tôi xin lỗi là "tòa soạn" chật hẹp quá, sợ tiếp khách không được. Vì chỉ là cái hộp thư bưu điện. Còn anh chị em trong ban biên tập thì ai nấy chạy lo kiếm sống hết cả, lâu lâu họ tạt tới chỗ ở của người lo bài vở, nó chuyện đôi ba câu, rồi đi. Từ ngày có computer và Internet, các tác giả không cần ghé "toà soạn" nữa, chỉ nằm nhà gửi bài qua đường dây điện thoại. Một độc giả khác nghe giọng nữ của nhà tôi trên số điện thoại Văn Học, hỏi có phải là nữ thư ký của "tòa soạn" hay không.

Một bạn văn từ Việt Nam qua, sau khi đọc những bài báo động về "diễn tiến hòa bình thâm độc của bọn phản động qua đường lối văn chương", đến thăm tận "hang ổ" của các "toà soạn" *Văn, Văn Học, Hợp Lưu* liền bật cười lắc đầu, hỏi tiền CIA cấp cho các ông đâu mà các ông để "tòa soạn" thế này. Các tòa soạn ở Việt Nam đâu có thế! Tôi còn nhớ sau 1975 tòa soạn tuần báo "Văn Nghệ Giải Phóng" đặt tại một tòa biệt thự, nhân viên gần 70 người. 70 người với phương tiện của "nhân dân" ra một tờ báo 16 trang hằng tuần. Một hai người của tạp chí văn chương hải ngoại ra một nguyệt san, không tốn của "nhân dân" một xu, chỉ tốn tiền nhà. Làm bảng đối chiếu, chúng ta đóng góp cho tài sản văn chương dân tộc với một chi phí thấp. Đáng hãnh diện phải không anh?

Làm báo Văn Học những người tham gia chỉ tốn tiền chứ không hưởng được gì cả về tài chánh. Tôi không biết rõ các tạp chí khác ra sao, riêng Văn Học thì suốt mười năm nay, chỉ có lỗ và huề vốn. Chi phí hằng tháng chỉ gồm tiền đánh máy, tiền in, và bưu phí. Không có lương và nhuận bút cho ai cả. Có hồi chúng tôi nghĩ phải xin quảng cáo để bù bớt tiền in, nhưng gặp nhiều trường hợp đau lòng tủi nhục, chúng tôi quyết định không thèm xin nữa. Cũng có người đề nghị "phổ thông hóa" tờ báo cho dễ có độc giả. Đề nghị ấy bị bác bỏ. Văn Học cứ nhất định là Văn Học, lúc nào rán được thì cứ rán.

Bài vở thì thịnh suy theo từng thời kỳ, theo thịnh suy chung của văn học hải ngoại. Có thời kỳ như từ 1985 đến 1989 anh chị em khắp nơi gửi bài vở ào ào, bài nào cũng hay. Có thời "văn bài như lá mùa thu".

NMT: *Nếu cần nói ngay một vài điều ngắn gọn về tạp chí Văn Học, anh sẽ nói gì?*

NMG: Một diễn đàn văn chương mở rộng, trung dung, ai tới cũng được miễn là có đam mê văn chương và không quá khích (dù với bất cứ lý do gì).

NMT: *Hình như anh nói cho anh chứ không cho Văn Học.*

NMG: Có lẽ thế. Tôi xin thêm: Văn Học hãnh diện được làm nơi khởi nghiệp của đa số các nhà văn nhà thơ hải ngoại, mặc dù họ khác nhau rất xa. Văn Học không trung dung, mở rộng, thì làm sao những cá tính khác nhau ấy cùng gặp nhau trên Văn Học.

NMT: *Anh có dự định văn chương nào trong thời gian sắp tới?*

NMG: Tôi chỉ viết truyện khi có một thôi thúc mãnh liệt nào đó, dù viết khá dễ dàng và làm việc rất kỷ luật. Có thời gian tôi viết rất đều như từ 1971 đến 1974, từ 1977 đến 1981 (*Sông Côn Mùa Lũ*), từ 1982 đến 1989 (*Mùa Biển Động*). Cũng có thời gian tôi không viết gì cả như hiện nay và từ 1975 đến 1977. Tôi không thể giải thích được vì sao có những giai đoạn "đình công" như thế! Dự định văn chương những ngày sắp tới tùy thuộc vào sức thôi thúc nội tâm của tôi mạnh hay yếu. Mơ ước của tôi là có cảm hứng và điều kiện viết được một bộ trường thiên thứ ba về đời sống lưu vong, và một bộ văn học sử về văn học hải ngoại. Xin nói thêm là mơ ước to tát quá, chắc "mộng không thành"!

chiều cuối năm với người bạn già
ĐẶNG HIỀN

Ngày rộng hàng hiên hẹp
Rót tràn ly rượu chay
Quê nhà xa muôn dặm
Đá cầm run bàn tay

ở đây hồn mờ mịt
Chiều đập vỡ chai ra
Thoáng nghe đời rớt lại
Nát từng khúc tình ta

Sóng bên bờ năm cũ
Sóng tròng trành vành ly
Có ai về thắp lửa
Quanh nỗi nhớ câm lì

Khóe nhìn ơi thê thiết
Đồng vọng mấy mươi năm
Mắt già thôi tìm lại
Xanh một mùa rét căm

NMT: *Một ngày của nhà văn Nguyễn Mộng Giác?*

NMG: Anh hỏi khó làm chi! Có những ngày nhạt nhẽo vô tích sự và có những ngày đầy ắp ý nghĩa. "Một ngày như mọi ngày" hiện nay chia làm hai phần: buổi sáng dành cho văn chương như lo cho tờ Văn Học, viết lách lăng quăng, đàn đúm với bạn bè, làm "thợ vịn" trong việc nội trợ gia đình; buổi chiều và tối đi làm sở Mỹ kiếm sống.

NMT: *Anh có điều gì cần nói thêm với độc giả?*

NMG: Tôi bắt bạn đọc nghe tôi quá nhiều rồi. Thêm nữa chỉ sợ họ chán. Xin chấm dứt ở đây vậy.❐

Trên Sông Hương

Andrew Lâm

Thạch Hãn dịch

"Vì thế nên khi gió thu đến thổi bay những xác ve trên cây phượng vĩ, nàng công chúa qua đời." Bằng một giọng kể chuyện buồn rầu, Má loan báo cái kết thúc bi thảm của nàng công chúa. "Anh ngư phủ vô tình lúc đó đã thả thuyền trôi xuôi theo giòng sông đến một nơi quá xa..."

Ba Má và tôi đang dạo đò trên sông Hương. Con đò lướt đi trong ánh hoàng hôn, giữa những chấm sáng lấp lánh màu vàng cam nối đuôi nhau đến tận chân trời. Tựa đầu lên đùi Má, tôi nằm trên thuyền ngắm Ba. Ông ngồi ở đầu mạn thuyền kia, tay khuấy mấy viên đá trong ly rượu đã gần cạn. Một liếp tre mỏng ngăn chia chúng tôi.

Hôm nay, trong buổi đi chơi và ăn tối trên sông sau cùng trước khi Má và tôi trở về Sàigòn, nơi trú ngụ an toàn ở miền Nam, Ba đã uống quá chén. Ông nốc từng ngụm Johnny Walker, Nhãn Đen, quà của mấy ông cố vấn Mỹ.

Đằng sau Ba, người lái đò đang tài tình dùng chiếc chèo dài và mảnh lướt đò trên sông, và đằng sau lưng anh loáng thoáng chiếc cầu sắt đã gãy -cầu Trường Tiền- cây cầu nối liền hai bờ của cố đô Huế, nơi Ba tôi đang giữ chức Tư lệnh tiền phương Quân đoàn Một. Từ đây nhìn lên, hai vài cầu còn nguyên treo lơ lửng như đôi cánh nhỏ dính lên vài người chèo đò.

Vào những hôm như ngày hôm nay, Má thường hay kể những câu chuyện bi thảm nhất của má. Những câu chuyện Má nghe kể từ hồi còn ở Hà Nội, thành phố bây giờ nằm trong tay cộng sản và do già Hồ cai quản, kẻ thù của Ba ở phương Bắc, lúc nào cũng kết thúc thật bi thảm. Đối với Má, những nàng công chúa lúc nào cũng phải chết bi thảm, các ông vua buồn rầu đến nỗi phải tự tử, những ông chồng, vì chiến tranh, vì vợ hầu vợ mọn, vì bài bạc rượu chè hay vì những lý do nào khác, cuối cùng đều

rồi từ bỏ những bà vợ trung thành của họ.

"Biệt tài của Má là kể những chuyện bi thảm," có lần Ba đã nói như thế. "Má nhắc đến cái chết hàng triệu lần như để chuẩn bị cuộc đời cho Trứng Mỏng yêu quý của Má." Trứng Mỏng là tên Ba đặt cho tôi.

"Lẽ ra nàng công chúa phải nói cho vua cha biết tình yêu của cô với anh ngư phủ chứ," tôi đề nghị với Má.

"Con ngốc quá," Má mắng tôi. Má xếp lại thân áo trước may bằng gấm màu xanh lục làm gối cho tôi. "Có nói cũng chẳng thể khác hơn. Người đàn bà Việt Nam luôn luôn kiêu hãnh. Phụ nữ Việt Nam phải biết đời là bể khổ, phải biết trân quý truyền thống, phải im lặng, chịu đựng..., nhất là một người đàn bà quý tộc. Người đó không bao giờ được phép lấy một dân dã làm chồng, hay một anh ngư phủ."

Tôi mường tượng ra một nàng công chúa có mái tóc dài thướt tha nằm chết trong một toà lâu đài có thể ở đâu đó đằng sau bụi lau sậy mọc dọc theo bờ sông Hương. Nàng không bao giờ nhìn rõ mặt người ngư phủ. Nàng chỉ nghe giọng hát đa tình của anh từ dưới sông vẳng lên mỗi lần nàng chải tóc. Trời đất! Tại sao một nàng công chúa xinh đẹp thế kia lại đi yêu một giọng hát. Lạ lùng quá!

Nhưng chuyện có thật, Má bảo vậy. Thật sự nàng công chúa đem lòng yêu thương anh ngư phủ. "Thân hình mảnh khảnh của anh đổ bóng trên sông lúc hoàng hôn, giọng hát của anh từ sông vọng lên mỗi lúc rạng đông, chừng đó cũng đủ đối với công chúa. Nên khi anh ngư phủ đưa thuyền xuôi dòng đi xa đến một nơi nào đó để đánh cá, nàng nhớ nhung giọng hò thánh thót của anh, rồi nàng tương tư. Nàng vô vọng chờ đợi, mong thấy được hình bóng của anh. Và khi anh không trở lại, giòng sông trở nên im vắng, công chúa ngã bệnh...

"Vua cho vời các thái y đến trị bệnh. Họ bảo công chúa bị ma ám. Hay công chúa bị gió chướng. Trong lúc các thái y chẩn đoán và tìm phương cách chữa trị, công chúa vẫn giữ im lặng về mối tình thầm kín của mình."

Mấy ông thái y này sao dở đến thế! Chẳng lẽ họ lại không biết! Má bảo là không có thuốc gì chữa được bệnh tương tư, ngay cả những phương thuốc thần hiệu nhất. Thế mà họ vẫn cho công chúa uống những thứ thuốc hiếm quý, quý hơn cả *penicilin* hay các thứ thuốc trụ sinh mua ngoài chợ trời, còn hiệu nghiệm hơn cả sinh tố *One-a-day* của Mỹ, còn tuyệt hơn cả cam *Sunkist*."

"Họ cho công chúa uống nước sâm ngàn năm," Má nói, "củ sâm lâu đời đến nỗi có hình thù giống người, hoà với sừng tê giác nghiền thành bột, trộn với nước quả linh chi mấy trăm năm mới mọc một lần trên

những đỉnh núi tuyết Tây Tạng. Những thứ thuốc quý giá này có thể cải tử hoàn sinh, nhưng vẫn không sao chữa lành được bệnh tương tư của công chúa. Thuốc chỉ làm cho công chúa càng thêm đau khổ mà thôi."

Hết hè sang thu, công chúa qua đời, chết dần mòn như những con ve nay đã khô xác, chẳng bao giờ còn được hưởng chút mùi vị thơm ngọt của những quả xoài có vỏ dày màu vàng lục. Tôi nghĩ đó là một trong những câu chuyện buồn nhất của Má, một câu chuyện đau thương bi thảm nhất.

Nhưng chuyện của Ba Má tôi thì không giống vậy.

"Khi tôi gặp nàng," Ba tôi kể với Đề đốc Nguyên Tuân, người bạn thân nhất của Ba trong một bữa ăn tối tại biệt thự của chúng tôi ở Sàigòn, "Tôi nghĩ là trong đời mình chưa bao giờ gặp một người đàn bà đẹp đến thế. Tôi biết ngay là phải cưới nàng cho được. Và tôi đã lấy nàng." Ba cười lớn. Ông đề đốc đang phì phèo chiếc tẩu, vừa cười nhẹ vừa chăm chú nhìn Má qua làn khói thuốc.

"Này ông bạn đề đốc thân mến, tôi gặp ông ấy lần đầu ở trong bệnh viện." Má trả lời, đôi mắt má rực lên, có chút hờn giận. "Tôi thầm bảo người gì đâu đen đui thế này, miệng thì la ỏm tỏi mỗi lần tôi thay băng cho ông ấy, tôi tự hỏi đây là một người đàn ông miền Nam can đảm sao?" Nghe thế Ba tôi cười vang. "Vì thế nên khi ông này, cái ông miệng to lại nhát đau, cả gan xin cưới tôi, tôi nói với ba má tôi là có đem lầu vàng mà đổi tôi cũng chẳng bao giờ lấy ông ấy làm chồng."

"Chị cứ nói chuyện thoái thác, chống đối nhưng rồi chị vẫn lấy anh, phải không?" Ông đề đốc nheo mắt đùa. "Tôi có dự đám cưới, chắc chị còn nhớ chứ?"

"Lấy vì bổn phận, vì nghĩa vụ," Má thở ra. "Giờ thì đã quá trễ, chẳng thay đổi được gì, Anh có trách thì cứ trách ba má tôi."

"Chà," Ba nâng ly rượu, "nhưng em quên không nói là mình đã cảm phục người đàn ông đẹp trai học trường Tây này rồi. Em quên nói đến những lần ân ái tuyệt vời của mình. Và còn nữa, cưng ơi, cưng quên không nói rằng sống với anh em chưa bao giờ thấy nhàm chán, cho dù chỉ trong giây phút."

"Còn anh thì lại quên không nói bọn Tây đã biến anh thành một con người thô lậu như thế nào," má đáp, đập mạnh chiếc vòng ngọc thạch lên mặt bàn gỗ trầm hương thẫm màu. "Chẳng phải ai họ cũng thương như anh đâu! Ngoài Bắc, ai không chịu làm tay sai hay cu li cho họ đều bị bỏ tù hay đem giết ..." Má giảng thuyết liên hồi về sự tàn ác của người Pháp, nhưng Ba chỉ nhún vai phớt lờ. Ba thường bảo người Bắc họ hay nói thế thôi. Thay vì trả lời má, Ba huýt sáo một điệu nhạc gì nghe vui vui với

ông đề đốc lúc đó đang mỉm cười và ngồi nhả khói lên trần nhà.

Sau đó, khi ông đề đốc ra về, Ba nói," Này anh Đề đốc, anh thấy chưa, ở nhà bà là thượng cấp của tôi." Cả hai cùng cười rồi vỗ vào lưng nhau, cùng hẹn gặp lại tối hôm sau ở vũ trường Maxim.

Nhưng tối hôm đó, tôi nghe có tiếng ba la mắng má trong phòng ngủ, rồi có tiếng má cãi lại. Tiếng cãi vả của họ trộn vào nhau, âm vang qua bức tường nghe như tiếng dông chiều từ xa vọng lại. Những chuyện cãi vả bây giờ đều đặn và thường tình như cơm bữa. Những lần cãi vả nặng nề thường xảy ra vào lúc khuya, trong những dịp ba từ mặt trận về nghỉ phép quá lâu.

Gia đình Ba rất giàu có. Có lần Ba nói cho tôi nghe rằng ruộng đất của ba gần Bạc Liêu mênh mông đến nỗi cò bay một ngày không hết. "Bà nội con mỗi lần xoa mạt chược thì đánh bằng hồng ngọc, thạch ngọc đựng trong tô," Ba nói với tôi như thế. Còn Dì Hai, tức bà dì của con, mỗi lần đi thâu tiền tá điền phải mang theo cả hàng chục chiếc thúng mới đủ. Nếu không vì bọn cộng sản, không vì ý thức hệ, không vì những kẻ xách động phá rối, Trứng Mỏng ơi, đời sống sẽ rất dễ dàng, dễ dàng như đời sống của người miền Nam."

Gia đình của Má, trái lại, bỏ hết sản nghiệp ở Hà Nội. Khi Hồ Chí Minh và quân lính của lão tràn vào thành phố, và cũng nhân dịp ấy chiêu dụ luôn hai người anh của Má, cả gia đình còn lại trốn vào Sàigòn. Lúc họ đang phấn đấu gầy dựng lại cơ nghiệp thì Ba đến xin cưới má, Má từ chối. Ba lại cầu hôn. Má lại từ chối thêm lần nữa, nhưng ông bà ngoại lại nghĩ tốt hơn nên chấp thuận lời cầu hôn của Ba. Vả lại, ông bà ngoại lấy lý do bây giờ má trở thành chị cả có bổn phận lo cho các em, nên làm vợ một người miền Nam thanh thế như Ba.

Sau đó, tại một ngôi chùa, giữa tiếng pháo đì đùng, Ba và Má thành hôn. Một ban nhạc cổ truyền gồm các nhạc sĩ đánh đàn thập lục, thổi sáo trúc, đánh chiêng trống giúp vui. Đám cưới thật rình rang, cả Sàigòn ai cũng bàn tán: Con đại điền chủ miền Nam lấy gái đẹp miền Bắc.

Nhưng kể từ khi chiến tranh bùng nổ, Ba lên cấp tướng rồi đi đâu cũng có đào; từ khi rượu whiskey hiệu Johnny Walker trở thành thức uống được ưa chuộng nhất, từ khi có những lần cãi vả giận hờn, và cũng từ khi, có một dạo không cầm được cơn giận, Má lấy súng lục bắn vào chân ba, cũng chiếc chân má đã săn sóc cho ba ngày nào; từ khi bom bắt đầu dội lên Hà Nội, thành phố tuổi thơ của Má; từ lúc bóng dáng hai người anh của má mất hút đâu đó trên đường mòn Hồ Chí Minh–biết đâu đã bị lính của Ba hay đồng minh Hoa Kỳ của họ bắn chết– thì má lúc nào cũng xác quyết là chẳng bao giờ có tình yêu, chẳng bao giờ biết được tình

yêu là gì. "Chỉ có bổn phận," má thường nói, "chỉ có bổn phận và nghĩa vụ đối với gia đình."

"Điều ai cũng biết là một khi người ta đã yêu say đắm thì chẳng có gì chữa được bịnh tương tư," Má thở dài. "Công chúa biết trăng mình chẳng bao giờ còn nghe lại được tiếng hát của anh ngư phủ nên công chúa sẽ không thoát khỏi định mệnh bi thảm của mình. Toàn vương quốc đau buồn trước cái chết của nàng. Hôm tang lễ, hạc trắng bay thành đàn trên không tạo thành một giải khăn tang trắng xoá vắt ngang bầu trời; dưới sông cá tự động nhảy vào lưới thuyền chài. Đêm hôm đó..., cái đêm toàn cả kinh đô tụ họp bên bờ sông phóng đăng tưởng niệm công chúa. Con sông tối đen bỗng nhiên biến thành một con rồng vĩ đại với hàng ngàn chiếc vảy sáng rực lấp lánh..."

Một gợn gió thổi lên luồn vào trong chiếc áo xanh tôi đang mặc trên người và làm tóc má bay tung trông như một lá cờ đen rách nát. Gió mang theo hơi nước biển, nồng tanh mùi cá, mùi rong khô, mùi muối mặn, lại phảng phất mùi nước hoa nhài của má. Gió thổi qua khoang thuyền, đến chỗ Ba ngồi ở đầu mui kia. Gió làm thuyền chồng chềnh, lắc lư kẽo kẹt như đang phàn nàn. Đằng sau lưng ba, người lái đò gầy ốm đầu đội nón lá phải ì ạch mãi với mái chèo mới giữ được cho con thuyền lướt êm trên sông về hướng đông.

Má mở xắc, tìm chiếc khăn tay để cột tóc. Chiếc xắc tay nhỏ màu đen của má bên trong lót một lớp vải đỏ đựng không biết bao nhiêu thứ: một chai dầu khuynh diệp dùng để cạo gió, một lá bùa trừ ma do một ông thầy pháp ở Đà lạt cho; một lọ đựng mấy viên thuốc trụ sinh màu đỏ; tử vi của cả nhà, một cuộn bạc giấy và một cây súng nhỏ.

"Theo tục lệ thời bấy giờ, sau khi chôn ba năm, người ta đem xác hoả thiêu," Má kể tiếp, mắt đang nhìn vào đám lau sậy bập bềnh cạnh đò. "Ba năm sau, người ta đem xác công chúa đặt trên một dàn hoả bằng củi trầm hương, một loại danh mộc. Nhưng khi ngọn lửa tàn, một việc lạ xảy ra..."

"Chuyện gì hở Má?" Một cơn gió lạnh thổi vào lưng nên tôi ôm chặt eo má. Một tai kê sát vào bụng má, tôi chăm chú tìm nghe cho ra cái âm sắc áo não thoát ra từ ngay chính cội nguồn của nỗi buồn trong lòng má.

"Ngay chỗ trái tim của nàng công chúa, người ta tìm thấy một viên đá màu đỏ, cứng như hồng ngọc. Đốt không cháy, đập không vỡ. Nhà vua, vì thương yêu con quá đỗi nên truyền giữ lại viên đá. Một trong những quan cố vấn trong triều tâu vua cho tạc thành một cái chén uống. Vài tháng sau, một người thợ tài ba nhất trong nước tạc viên đá thành một cái chén tuyệt đẹp. Cảnh sông nước, lầu vàng, thôn xóm thơ mộng, những

chiếc thuyền buồm, mây bay- được chạm khắc vào chén. Nhưng khi nhà vua rót rượu vào chén, thì một chuyện lạ khác lại xảy ra."

"Trứng Mỏng ơi!" Giọng nói ồ ồ thoát ra từ cổ của ba tôi vang lên ở đầu mạn thuyền, xuyên qua tấm liếp che. Từ bên tả ngạn, một con cò lớn cất cánh bay, miệng kêu oang oác.

"Gì thưa Ba?" Tôi ngẩng đầu lên.

"Trời đất," Má thở dài rồi lắc đầu, "giọng nói đó không những đuổi được Việt Cộng mà còn đuổi luôn các thiên thần, các hồn ma nữa đấy."

"Con qua đây!" Ba ra lệnh.

Tôi lục đục ở bên dưới mái che, bò trên tấm chiếu tránh đụng vào cây súng M-16 và chiếc máy truyền tin quân đội đang phát ra những âm thanh lào xào, đầu mang hình ảnh chiếc chén ngọc đầy rượu, rồi bò qua tới mạn thuyền bên kia. Con sông giờ rực một màu vàng cam. Mặt sông phản chiếu ánh nắng cuối ngày lúc mặt trời đang lặn khuất dần sau hàng cây. Ba và tôi ngồi trên một băng ván và nhìn bóng má phản chiếu trên mặt nước. Nhưng từ chỗ tôi ngồi, bóng má dường như hoà lẫn vào mặt sông, và nếu không chú mục tôi sẽ thấy một vài chấm sáng cuối ngày đâm thẳng qua hình bóng của má.

"Uống chút Johnny Walker không?"

"Dạ không, thưa Ba?" Tôi lắc đầu rồi cười khúc khích.

"Chắc không? Có muốn thử chút không?" Ba đưa ly rượu cho tôi.

"Con liệu hồn đấy!" Giọng Má la lớn từ ở đầu kia khoang thuyền đầy gió. Tai má rất thính.

"Má kể cho con nghe chuyện gì thế?"

"Chuyện thần tiên."

"Một chuyện buồn?"

"Vâng, thưa ba, buồn...Chuyện một nàng công chúa tương tư một anh ngư phủ có giọng hát hay rồi chết."

"À, chuyện đó," ba vừa nốc ly rượu vừa lẩm bẩm, tay cạ thành ly lên cằm. "Nhưng chính anh ngư phủ mới là người hết lòng yêu thương công chúa kia mà. Hắn đã chết-chết vì giọng hát, vì nghe phải giọng hát của công chúa. Công chúa quả thật xinh đẹp, nhưng lại hát quá dở, nên giọng hát của nàng đã giết chết tình yêu của hắn. Giọng cô làm cho hắn phải rách màng nhĩ. Thật không tưởng tượng được! Má đã đổi câu chuyện đó rồi con. Người Bắc là vậy, họ đổi trắng thay đen, biến vuông ra tròn, lật ngược câu chuyện... Họ làm cho con điên đầu, xem Ba đây này. Nhưng....thôi bỏ đi. Quên mấy chuyện nhảm đó đi con...Con bây giờ đã thành người lớn rồi, phải không? Đã là đàn ông thì phải biết chuyện gì thật sự xảy ra trên sông."

"Nhưng thưa Ba con đã thành đàn ông đâu, con vẫn là Trứng Mỏng mà!"

Ba cười, đặt tay lên vai rồi lắc người tôi. Mùi mồ hôi nồng nặc và mùi rượu dâng lên tận mũi, trong khi bộ quân phục cứng cỏi của Ba cạ vào má tôi, nhưng tôi vẫn mặc kệ. Tôi lắc người và cười đùa theo ba.

"Con có thể tưởng tượng hai năm về trước chính con sông này đã cháy rực lên không?" Ba hỏi, tay lắc chiếc ly rượu khiến nó lấp lánh trong ánh nắng chiều. "Lính gọi đó là Mùa hè đỏ lửa. Cả ngàn người chết. Một số thường dân Huế bị bắt đem đi rồi bị Việt Cộng chôn sống trên mấy ngọn đồi kia. Xác người trôi sông,... giòng sông máu. Trứng Mỏng ơi, chiến thắng quả gian khổ. Tiểu đoàn Bốn chiến đấu thật anh dũng, và sau trận đó, hơn một nửa quân số thiệt mạng."

Má không bao giờ thích nghe Ba kể những chuyện ồn ào như thế. Những câu chuyện mà mỗi lần về phép, Ba thường kể cho tôi nghe sau khi đã uống mấy ly rượu. Trực thăng, chiến xa, máy bay phản lực, từ trong người ông tuôn ra, đột nhiên cả một trời lửa đạn, lính tráng chiếm ngụ khoảng không gian êm thấm của gia đình chúng tôi làm cho má phải bực bội. "Đừng làm hư đầu óc thằng nhỏ," má thường nói. "Đừng nói những chuyện kinh hoàng đó nữa!" Nhưng tôi phản đối. "Má cứ để Ba kể chuyện đi Má." Tôi khẩn khoản xin má cho đến lúc má lắc đầu rồi nói, "Được, được, Ba thắng, Má thua."

Mỗi lần Ba về phép sau khi thắng trận ngoài chiến trường, bàn ăn gia đình chúng tôi lại biến thành bãi chiến: hai chai nhỏ đựng tiêu muối trở thành xe tăng và chiến hào-chiếc khăn ăn thêu tay biến thành một khu rừng già đầy mìn chông, vắt muỗi và rắn độc. Mấy chiếc đũa biến thành sông suối. Mấy chiếc chén úp ngược lại làm đồi, làm đồn lính. Bên trên mấy chiếc chén, Ba giả tiếng bùm bùm của B-52 đội bom, trong khi mười ngón tay nhún nhẩy của Ba lại là hàng ngàn những thiên thần mủ đỏ nhảy dù xuống chiếm khu rừng già nơi chiếc khăn thêu, chỗ Việt Cộng đang chờ chết.

"Sau khi chiếm lại Huế," Ba nói tiếp, "mình tiến về phía Bắc để tái chiếm Quảng Trị. Dọc đường lại thấy có thêm nhiều người chết. Dân quê Quảng Trị bị kẹt giữa hai làn đạn của bạn và pháo kích của cộng sản, chạy toán loạn ra các ruộng lúa, rồi lại bị bom B-52 của Mỹ. Chết...bị thương...thật hỗn độn. Vào mùa nắng, thân xác họ khô cứng lại cùng bùn đất. Những đêm trăng sáng ngồi trên trực thăng bay qua các cánh đồng, có khi ba thấy các hồn ma xục xạo khắp đồng tìm kiếm người thân của mình, nhưng họ đâu biết là những người thân yêu kia đã trốn thoát được từ lâu."

"Ba có sợ không?"

"Không, nhưng xác người chết thối rình. Con, Trứng Mỏng, con phải tẩm chiếc khăn tay của con nửa chai dầu thơm của Má may ra mới át được mùi thối. Vào mùa hè, chỉ cái nóng không thôi cũng đủ giết người thì toàn cả vùng đó um lên mùi thịt rữa. Thối nồng nặc! Mùi thối làm cho nghẹt thở đến muốn điên. Mùi thối quyện vào người, vào tóc, vào áo quần trong suốt mấy hôm, có khi cả tuần lễ. Vì vậy nên con đừng mong gì tìm được một nàng công chúa đẹp tuyệt vời nào ở đây cả, nghe không Trứng Mỏng."

"Ba, má nói là không có thuốc gì chữa được bệnh tương tư, có đúng không Ba?"

"Này Trứng Mỏng ngây thơ ơi, kinh nghiệm của ba là nếu có chai Johnny Walker nhãn đen, thì thứ gì cũng chữa được." Sau đó ba gượng đứng dậy. "Nhưng bây giờ ba phải đi tè cái đã."

"Con cũng đi luôn, Ba!"

"Tốt" Ba cười. "Vậy thì đi nhanh lên, đừng để cho mấy mụ bán hàng trên sông thấy chim mình đấy."

Ba và tôi đứng bên mạn thuyền, vin vào nhau và vào mui thuyền cho khỏi té xuống nước. Hai vòng cầu vàng ánh phóng xuống sông–một lớn, một nhỏ–trong khi ở đầu kia có tiếng má la lên. "Đồ mọi rợ!" Má lập đi lập lại. "Mọi rợ làm bẩn nước sông Hương."

Nhưng cha con tôi phớt lờ má. Ánh trăng nhợt nhạt lấp lánh trên mặt sông, và Ba bảo là nếu cả hai cha con cố gắng tè cho thật mạnh thế nào cũng làm mặt trăng vỡ ra hàng triệu mảnh.

Nàng công chúa đã chết. Nàng không còn sống để ăn những tô bún giò heo, thưởng thức những cây chạo tôm trên sông. Nàng chưa bao giờ được đi chơi trên sông như má và tôi, chưa bao giờ được ăn những gói xôi bọc trong lá chuối, hay ăn những hàng quà bên chợ, nghe thầy bói xem chỉ tay bên chiếc đèn dầu hoả, xem những bản tử vi chi chít các vì sao. Má độ chừng nàng công chúa chết vào năm mười tám hay mười chín tuổi gì đó, sắc đẹp thì không ai bằng, nhưng cuộc đời lại quá ngắn ngủi.

Có thể cô đã lấy anh chàng ngư phủ nếu hồi đó cô ra sông và nói cho anh ta biết cô yêu anh ta. Họ sẽ có một đàn con, và vào những ngày Chủ nhật, vợ chồng con cái sẽ cùng nhau bồng bềnh trên mặt sông trong hạnh phúc. Anh ngư phủ sẽ hát cho vợ con nghe, biết đâu giờ này anh đang hát nhạc rock-n-roll, hay những bài hát ru con của Pháp, chứ không phải lúc nào cũng hát nhạc buồn. Anh đâu có phải đi đánh giặc, anh vốn là một người ngư phủ yêu đời. Và nàng công chúa sẽ vô cùng yêu thích những buổi chợ trên mặt sông Hương, việc gì phải chết trong một lâu đài lạnh

lẽo trống gió ở một nơi xa xôi như thế.

Tối nay, Má, Ba và tôi đang bị mấy chiếc thuyền nhỏ chỉ bằng chiếc ghế bố nhà binh vây quanh, chiếc nào cũng ăm ắp thức ăn. Giọng các người bán hàng xứ Huế vọng trên mặt sông như giọng của ma rà.

"Mời bà mua!"

"Nhãn bọc hột sen, dạ mời bà mua!"

"Bánh lá chả tôm, mời bà mua!"

Má lo việc mua thức ăn. Má chuyện trò với mấy người bán hàng trong khi cha con tôi dọn chiếc chiếu trong khoang thuyền để có chỗ để thức ăn. Mỗi lần bước vào khoang, má lại mang cho chúng tôi một thức ăn mới. "Ăn đi, ăn đi, đừng bao giờ than là tôi không cho ăn," má vừa nói vừa rót trà sen cho cha con tôi, rồi lại biến mất, trở ra chuyện trò với mấy người bán hàng. La liệt những đĩa xôi nước dừa, những tô bún giò heo, bánh lá chả tôm, cá hấp, nằm đầy trên chiếc mâm đặt trước mặt tôi. Trên đầu tôi là một chiếc đèn lồng bằng giấy nhỏ mù mờ, trông như một vầng trăng nhợt nhạt.

Khi đĩa bánh lá và mấy tô bún giò heo sắp cạn thì con đò đang đi dần về hướng thành phố. Má dọn dẹp chén đĩa cùng với chai rượu đã cạn của ba. Ba đang nằm tựa đầu lên cây súng M-16, bỗng chụp lấy tay má rồi giữ một lúc, ngón tay cái của ba ve vuốt lên mấy ngón tay của má.

"Nam vô tửu như kỳ vô phong...." Ba vừa hát vừa hôn gió trước mặt má. Tôi bật cười và phải lấy tay che miệng: miếng bánh lá ăn dở suýt chút nữa văng ra khỏi miệng.

"Trai không vợ như thuyền không lái," Má nói, đưa mắt nhìn qua phía tôi. Ba nhìn theo mắt má, rồi má dựt tay ra và cầm lấy chai rượu.

"À, nhưng mà cưng ơi, phải để cho thuyền được trôi tự do chứ. Để nó ghé bến xa bờ lạ chứ." Ba tiếp tục hát bằng giọng cổ của mình. "Đi đâu rồi cũng tìm về bến cũ. Con thuyền ngoan mà."

"Một con thuyền không hướng, không người chèo lái, sẽ vấp đá vấp bờ mà chìm." Má nói.

Ba đáp lại bằng cách huýt sáo bài quốc ca của Pháp, "Marseillaise." Má lắc đầu chào thua rồi quay qua phía tôi nói, "Trứng Mỏng, má kể cho con ghe chuyện hồi ở Sadéc má thấy trực thăng của đại tá Alexander bị hoả tiễn bắn nổ tung lên chưa?"

"Dù nàng công chúa đã chết, tim nàng vẫn còn. Trái tim của nàng trở thành chén rượu tuyệt vời. Mỗi lần rót rượu vào chén, một điều kỳ diệu lại xảy ra: hình ảnh anh ngư phủ đứng trên thuyền lại hiện ra cất tiếng hát. Hẳn nhiên là truyền thuyết về chiếc chén này lan rộng khắp nơi. Mọi người, giàu nghèo già trẻ ai cũng muốn nhìn tận mắt sự kỳ diệu này. Họ

nghĩ nếu được uống rượu đựng trong chén đó, bao nhiêu bệnh tật đau buồn của họ sẽ tiêu tan. Người ngư phủ, lúc này đã trở lại kinh đô, cũng tò mò muốn thử."

"Vậy anh ta có nhìn thấy được mình trong chiếc chén không Má?"

"Có, nhưng lúc đầu hắn bị mấy người lính làm khó. Một người dân dã, con hiểu không, làm gì được phép nhìn thấy bảo vật. Khẩn khoản van xin mấy người ta vẫn không cho anh vào. Tuyệt vọng, con biết anh ta làm gì không? Anh cất tiếng hát. Giọng hát của anh vang vào cung, rồi song tấu với lời hát của anh hiện ra trong chén. Nhà vua lập tức vời anh ta đến, rồi đem chiếc chén ra trước mặt anh ngư phủ. Cuối cùng, người ngư phủ nhìn thấy hình ảnh bé tí của anh nổi trên mặt chén và nghe được chính giọng hát của anh."

"Nhưng anh ấy có yêu công chúa không má? Nếu như anh ta có người yêu khác thì sao? Hay có thể anh ta đã có vợ? Hoặc nếu là một kẻ rượu chè thì sao? "

"Con nói nghe lạ quá, chó con. Làm sao một thứ chó con như con lại biết được là anh ta đã có vợ? Con nói lạc đề rồi. Ngay lúc đó, quá đau buồn và thương tiếc, anh ngư phủ thấy tim mình nhói lên. Quên mất rằng mình đang diện kiến nhà vua, anh bật lên khóc. Nước mắt của anh rơi xuống chén, vung vãi lên hình bóng của mình trong chén."

"Và anh đã làm đắm chiếc thuyền phải không má?"

"Không. Khi nước mắt chạm vào chén, một việc lạ lại xảy ra. Trước sự kinh hoàng của mọi người, chiếc chén từ từ tan ra thành máu ở trong tay người ngư phủ."

"Ô, kết cuộc là thế hả má?" Kết cuộc như vậy sao. Kỳ lạ quá, con không hiểu gì cả. Tại sao cái chén lại tan ra thành máu. Tại sao?"

"Con cứ suy nghĩ đi. Hay ...đi ra hỏi Ba. Có thể Ba còn nhớ tại sao đấy."

Tại sao lại không để cho công chúa sống? Những chuyện của Má bao giờ cũng kết thúc một cách bi thảm. Có chuyện kể người đàn bà giận chồng, bỏ đi vào rừng rồi biến thành cây trầu. Chồng đi tìm, thấy cây trầu rồi biến thành một tảng đá. Thế nên khi nào ăn trầu người ta cũng quệt vôi, Má giải thích cho tôi như vậy. Lá trầu hợp với vôi làm cho nước miếng đỏ như máu. Còn có chuyện một người đàn bà ôm con chờ chồng đi đánh giặc ở xa. Nhiều đêm nàng ra biển đứng trên ghềnh đá bồng con chờ chồng. Một đêm trời giông bão, cả mẹ lẫn con hoá thành đá. Trong những truyện má kể, cuối cùng rồi người chồng nào cũng trở về, nhưng họ đều trở về quá trễ.

Ba nói ba không hiểu tại sao "cái chén khốn nạn kia lại tan ra thành máu," rồi nói, "giờ con đừng quấy rầy ba má nữa được không Trứng Mỏng." Ra ngoài ngắm sông đi. Cố gắng ghi nhớ càng nhiều càng tốt để khi về đến Sàigòn con viết thư kể lại cho ba nghe. Bây giờ ba có chuyện quan trọng cần bàn với má..."

Chiếc đèn nến đặt trong lồng giấy bị thổi tắt. Dưới mái thuyền, bóng Má và Ba chầm chậm xích lại gần nhau rồi quyện thành một. Trời không gió, nhưng con thuyền lại tròng trành và kêu răng rắc. "Chiều anh đi cưng ơi, đêm cuối cùng bên nhau ở đây mà." Giọng ba thì thào, "Chiều anh đi."

"Anh say rồi," có tiếng Má nói, nhưng lời trách của má nghe cũng thì thào như tiếng sóng vỗ nhẹ vào thuyền. "Anh say rồi," má lập lại một lần nữa. Tôi nghe có tiếng vải sột soạt. "Mọi rợ!"

Chuyến du thuyền trên sông của chúng tôi sắp chấm dứt. Ở đằng trước, tôi nhìn thấy cầu Trường Tiền, vài cầu sắt cong queo treo lơ lửng như một con quái vật hoen rỉ sắp rơi xuống nước.

Rồi đột nhiên tôi nghe máy truyền tin của Ba vang lên tiếng hồn ma của những người lính gọi nhau, tiếng rên ư ử của ba má hoà với tiếng ếch nhái bên kia bờ đáp lại. Họ đang cùng nhau ca lời giã biệt thật tình tứ nhưng cũng thật buồn.

Ba thương yêu,

Ba biết gì không? Con kể cho tụi bạn trong lớp về chuyến đi trên sông Hương, và cả bọn đều ganh tị với con. Con kể cho chúng nghe một câu chuyện khác về anh ngư phủ và nàng công chúa, nhưng lần nầy công chúa không chết. Con cho công chúa uống bột sừng tê giác pha với sinh tố *Geritol One-a-day* trộn với liều penicillin cực mạnh nên nàng thoát chết.

Cuối hè, khi ve sầu chết đi rồi xác chúng từ những cây phượng vĩ rơi xuống, gió nhẹ thổi lên mang theo mùi nước biển, mùi rong khô thì người ngư phủ trở về. Nghe tin công chúa lâm bệnh, anh ta đến thăm. Anh đẹp trai, nước da ngăm đen, còn công chúa thì xinh đẹp nhưng mặt hơi xanh xao. Tiếng hát của người ngư phủ đã chữa lành bệnh cho công chúa, và làm tắt ngay những cơn gió chướng.

Ba biết gì nữa không? Họ làm đám cưới ngay trên sông, trên một chiếc long thuyền, giữa tiếng pháo đì đùng và mùi hương trầm thơm ngát. Có nhạc công đánh đàn thập lục, có vũ công nhảy múa cùng với lính bảo vệ cung điện. Toàn kinh đô đến xem. Dân chúng ném hoa lài xuống sông, thanh niên nam nữ thả diều phất phới. Trẻ con ca hát.

Công chúa và anh ngư phủ sống bên cạnh giòng sông trong một túp

lều tranh, vườn trồng nhiều xoài, con cái đông đảo. Chẳng có chuyện gì nguy hiểm xảy ra cho họ, không rượu Johnny Walker, không có bom từ B-52 rơi xuống, xách tay không có súng lục, không có xác người trôi sông, không có hồn ma xục xạo tìm kiếm người thân, không có hầm trú bom, không có lính mang M-16, không có nỗi buồn.

Chuyện có thật đấy Ba, tất cả đều có thật. Trong chuyện của con, đời sống lúc nào cũng thoải mái, dễ dàng như cách sống của người Nam, đúng vậy thưa Ba. Công chúa chẳng bao giờ đau ốm hay tức giận, và anh ngư phủ không bao giờ lớn tiếng với nàng hay phải bỏ đi xa đánh cá. Vào những đêm hè nóng nực, lúc mặt trời chiều phủ lên vạn vật một màu vàng rực lửa như màu lửa bom napalm, công chúa và bầy con ngồi đong đưa trên võng, tay phe phẩy chiếc quạt đôi mồi bên cạnh một khay đầy ắp Coca cola với thật nhiều nước đá. Họ kiên nhẫn chờ đợi người ngư phủ trở về. Trong truyện của con, họ đều biết rõ, biết chắc chắn, là người ngư phủ bao giờ cũng trở lại với gia đình.❐

TÌM ĐỌC

TÌM HIỂU TẠP CHÍ NAM PHONG
(1917-1934)

Nguyên tác Pháp ngữ **Phạm Thị Ngoạn**. *Bản dịch* **Phạm Trọng Nhân**.
Ý VIỆT *xuất bản*.
Một tư liệu quý. Dày 450 trang. Giá 17MK. Ngoài HK thêm 1MK.

Và hai tác phẩm của nhà xuất bản An Tiêm:

• "LỐI XƯA XE NGỰA..."

Biên khảo **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**.
Nghiên cứu về thi cử VN thời phong kiến. Một tài liệu lý thú.
Dày 300 trang. Giá 14MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK.

• TỐ NHƯ THI

Thơ chữ Hán **Tiên Điền Nguyễn Du**. *Bản dịch quốc ngữ* **Quách Tấn**
Những bài thơ chữ Hán tiêu biểu của một tài thơ lẫy lừng.
Trên 250 trang. Giá 12MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK.

Nơi Trú ẩn Về Đêm

Nguyễn Quí Đức

Tôi chạy bộ. Chân bước hỏng khỏi mặt đất, nhẹ nhàng như trong phim chiếu chậm. Chậm thật chậm. Một bước bên trái, một bước bên phải. Đầu gối co thật cao, chỉa thẳng ra trước mặt, rồi bỏ xuống, hai bàn chân cựa quậy không nhất quyết, đạp đạp như để tìm mặt đất. Tôi muốn bước nhanh hơn. Nhưng chịu. Tôi cứ bước mà không tiến tới đâu hết. Lúc đó tôi nghe tiếng Carol.

Carol ngủ mà thính tai lắm. Đụng một chút là nàng thức dậy. Tôi ít bao giờ ngủ say, mà ngủ cũng ít. Lúc nào ngủ được, tôi lại nằm chiêm bao, thấy những giấc mơ làm cho Carol hoảng sợ. Bây giờ nàng đã quen quen rồi.

Gì vậy, nàng hỏi. Nàng lập lại câu hỏi trong bóng tối căn phòng ngủ chúng tôi, và lần này tôi nghe ra giọng nàng. Tôi nghe thấy bàn tay nàng xoa tóc tôi. Tôi mở mắt.

Ngủ đi, Carol nói. Ngủ đi mà. Carol kéo tay đi, cựa quậy một chút dưới chăn.

Tôi nằm ngửa, ậm ừ một tiếng. Rồi tôi nói nhỏ, xin lỗi, anh xin lỗi cưng. Tôi nằm yên lặng một lúc, rồi tôi nghe tiếng Carol. Nàng thở dài. Hình như là tiếng ngáp không chừng. Tôi nghe tiếng nàng ngẩng đầu lên, kéo cái gối lại ngay ngắn. Bây giờ nàng nằm nghiêng, quay mặt ra cửa sổ.

Em ngủ đi, tôi nói, và đưa mắt nhìn về hướng vợ tôi. Carol không nói gì. Sau một hồi tôi lại nghe nàng thở, đều đặn. Tôi thở dài, nhắm mắt lại. Những hình ảnh rời rạc của cơn mơ trở lại trong trí óc. Tôi lại mở mắt ra. Carol, tôi gọi nhỏ, một tiếng thì thầm lạc mất trong bóng tối. Lần này, tôi gọi lớn hơn. Carol. Bộ anh nói cái gì hả? Em nghe anh nói cái gì hả?

Vợ tôi không trả lời. Tôi chờ một lát coi nàng có nói gì không, nhưng nàng vẫn chỉ tiếp tục những hơi thở đều đặn. Tôi quay người nằm nghiêng, mắt vẫn mở, và sau một hồi lâu tôi nhận ra được mấy cái bóng đen của

các thứ đồ vật trên cái bàn nằm kẹt giữa đầu giường và bức tường. Tôi lại xoay người nằm ngửa, thấy nóng gần đổ mồ hôi. Có lẽ tôi đổ mồ hôi thật. Carol khịt khịt mấy tiếng, giống như nàng đằng hắng, nhưng những tiếng động nghe như thoát ra từ lỗ mũi của nàng. Sau đó nàng nói, em ngủ không được. Tôi thở dài, chưa kịp xin lỗi, nàng lại nói, em không biết anh nói cái gì. Lúc nào mớ ngủ anh cũng nói tiếng Việt hết.

Tôi đẩy mền ra, từ từ ngồi dậy khỏi giường. Tôi vào phòng tắm đi đái, và ra hiên hút thuốc. Trời lạnh, và đen thẳm, lặng yên, trừ tiếng mưa rơi rỉ rả, nhỏ thôi.

Tôi ngồi trong chiếc ghế mây, quấn cái mền mỏng quanh lưng và trên vai như là quấn pông-sô, và tôi cầm mấy cái góc mền trong bàn tay trái, cầm luôn cả điếu thuốc nữa. Tôi với tay phải lấy chai rượu nằm kẹp giữa chồng sách báo cũ và rót một ít rượu vào cái ly nhỏ. Một lúc sau tôi thấy ấm ấm đôi chút, nhưng hai bàn chân lại thấy lạnh, làm tôi phải co chân lên nhét dưới hai bắp vế, rồi lại làm rớt cái mền bởi vì vừa cầm điếu thuốc lá vừa cầm cái mền thật khó. Tôi kéo một hơi cuối cùng và đứng dậy. Tôi uống hết ly rượu, dụi điếu thuốc vào trong ly. Tôi xếp mền đi vào trong nhà, quẳng điếu thuốc vào sọt rác và cái ly vào trong bồn rửa chén, rồi tôi nằm lên ghế xa-lông mà ngủ.

Trời sáng, con mèo gào như lên cơn điên. Tôi thức dậy cho nó ăn. Tôi mở cho nó một hộp đồ ăn, nó cà mình vào hai chân tôi. Tôi chợt nghĩ, thấy tức cười là tôi nói với vợ tôi bằng một thứ tiếng, chiêm bao lại bằng một thứ tiếng khác. Tôi đến bên cửa sổ, thấy ở bên ngoài lớp lá rụng ướt đẫm, nhưng trời đã thôi mưa. Tôi pha cho mình ly cà phê, và lắng tai nghe tiếng động trong phòng tắm. Tôi làm sẵn một ly trà cho Carol, mang đặt trên bàn ăn. Carol đến đó ngồi, nhìn vào mảnh gương soi tí hon mà tô son trên đôi môi.

Em khỏe chứ, tôi hỏi, và Carol nói, ừ, em thường. Sao vậy?

Không, anh hỏi vậy thôi. Tôi vào trong bếp rót thêm ly cà phê.

Anh coi chừng quên con Bonzo đó, vợ tôi nói lúc tôi vừa định bước ra ngoài hiên.

Không có quên đâu, tôi trả lời.

Có hẹn mười một giờ đó, mà đến chỗ ông thú y gần cái tiệm đồ gỗ đó. Con Bonzo nó ghét cái sở thú y kia lắm.

Đồ con mèo mà, tôi nói sau khi trở vào phòng ăn. Mèo nào mà chả ghét sở thú y.

Anh không muốn mang nó đi thì để em. Mai em mang nó đi cũng

được.

Anh có nói là anh không mang nó đi đâu.

Anh không bao giờ chịu đi đâu hết. Trừ ban đêm. Đang nằm bên cạnh em vậy mà anh bỏ đi tuốt qua bên phía bên kia quả địa cầu.

Cả Carol với tôi cùng thở một hơi dài, và tôi quay vào trong bếp. Em xong thì kêu anh, tôi nói, rồi bỏ ra ngoài hiên hút điếu thuốc. Ra đó rồi tôi lại mang chai rượu, đổ một ít vào ly cà phê. Tôi cất chai rượu đi, rồi lại mang nó ra, đổ thêm một ít nữa vào ly cà phê. Con Bonzo chạy xông từ trong bếp ra như mọi buổi sáng. Tôi giật mình, làm đổ rượu lên tấm thảm. Tôi nói, Bonzo, mày với tao chút nữa đi bác sĩ thú y. Mười rưỡi là mày phải sẵn sàng nghe chưa. Trễ nhất là mười giờ bốn lăm. Không thì mày chết với tao với má mày. Thấy nó không trả lời, tôi kêu, meo meo.

Con Bonzo chỏ cái mũi vào chỗ tôi làm đổ rượu, một giây thôi, rồi nó ngẩng đầu nhìn tôi, cái thân hình cong vẹo theo cái lối kỳ quặc của loài mèo, đầu thấp tè dưới đất, lưng cong lên, cẳng chân chụm lại, còn đít với đuôi thì chổng ngược lên trời. Nó ngoáy ngoáy cái mũi nhìn tôi chằm chập. Tôi giả vờ cúi xuống, vù chụp nó. Nhanh như chớp, nó chồm người chạy, lấy đầu đẩy cánh cửa lưới tung vào trong bếp. Cánh cửa bật tung trở lại, đánh vào khung cửa kêu cái rầm, đúng lúc Carol gọi tôi. Tôi đi vào nhà, lấy chùm chìa khóa và chuẩn bị chở nàng đến sở ở dưới phố. Carol nói, đồ con mèo mắc dịch. Cứ đẩy cái cửa rầm rầm hoài.

Không hiểu sao, tôi nói, anh đó, cưng ơi. Anh đánh cái cửa đó. Tôi nghĩ, chắc lát nữa đến sở thú y, có lẽ nên ghé qua cái tiệm đồ gỗ. Mua cái gì chặn cái cửa. Cho nó khỏi đánh ra đánh vô rầm rầm nữa.

Có chiếc xe chạy làm sao xoay tròn trên đường Stonecreek, ngay trước mặt thư viện, tông vào chiếc xe Nhật. Chúng tôi bị kẹt giữa mấy chiếc xe và đám đông hiếu kỳ.

Carol nói, coi mấy thằng cảnh sát đứng láng cháng, quơ tay quơ chưn, vô tích sự.

Người ta đang lập biên bản mà. Giống trong ti-vi. Chiều thứ ba, thứ năm hay chiếu phim cảnh sát.

Sao họ không bắt người ta tránh đường ra đi? Biên bản cái gì. Người ta phải đi làm chứ bộ. Trễ giờ cho coi. Khốn nạn.

Chỉ tại trời mưa, người ta không biết lái xe.

Carol cãi, mưa đâu mà mưa.

Tôi định nói, không sao đâu, không trễ đâu, thì Carol đổi đề. Nàng lôi chuyện con Bonzo ra. Nàng nói, anh có để ý thấy bữa rày con Bonzo nó kỳ cục làm sao không?

Kỳ cục cái gì?

Nó chạy nhảy lung tung hà.

Mèo nào mà không vậy. Hồi ở Việt Nam, nhà anh có năm con mèo. Chạy nhảy đủ kiểu.

Ừ, nhưng mà đó là mèo ở Việt Nam. Mèo ở cái xứ anh...

Thôi đi em ơi. Nói vậy mà nói được. Mèo nó đâu có đánh giặc đâu.

Ai biết được. Ai biết được hồi đó chuyện gì xảy ra làm sao.

Tôi không nói gì. Tôi không biết nói gì với Carol mỗi lúc nàng phát ngôn lung tung như vậy. Chuyện gì xảy ra hồi đó thì tôi biết, nhưng tôi giải thích không được. Bao nhiêu năm nay tôi có giải thích được đâu, bây giờ không dưng biểu tôi giải thích thì cũng chịu thôi. Bởi vậy tôi không nói gì hết. Tôi lái xe đi quá chỗ có tai nạn, và tại một vài ngã tư, tôi thấy đèn xanh đèn đỏ đều tắt ngúm, tôi đoán là tại vì vụ bão cuối tuần rồi. Lúc tôi chạy ngang đường Stockbridge, chuẩn bị quẹo vào đường West Mulberry, Carol lại lôi cái giấc mơ ra.

Nàng hỏi, hồi đêm anh mơ cái gì vậy?

Tôi quay kính xe xuống một chút. Gió lùa sang phía bên Carol, thổi tóc nàng bay bay. Đôi khi đầu tóc của nàng làm tôi nhớ mấy thửa ruộng bên nhà hết sức. Vàng óng, rậm rạp, đong đưa trong gió.

Carol hỏi, anh nằm mơ thấy bị lính đuổi chạy nữa phải không? Chạy như phim chiếu chậm phải không?

Tôi quay đầu về phía nàng. Em biết vậy rồi, anh còn kể cho em nghe làm chi?

Ừ, nhưng mà anh cứ nói tiếng Việt không mà.

Biết sao giờ. Đâu phải lỗi tại anh đâu.

Mà bộ anh nói chuyện với kẻ thù hay sao? Carol nói rõ từng chữ một. Anh nói chuyện với kẻ thù hả?

Tôi lắc lắc cái đầu. Tôi nghĩ lại rằng từ trước tới giờ tôi chưa có nói gì nhiều với Carol về những cơn mơ này. Tôi có nói gì với mấy thằng lính giặc đâu. Đúng là tụi nó hiện ra trong cơn mơ, mà hồi chuyện đó xảy ra thì tụi nó cũng có đó thật. Nhưng tôi không nói gì với Carol hết.

Anh có bao giờ nằm mơ thấy chuyện gì khác không, Carol hỏi lúc tôi chạy qua cầu. Anh có mơ thấy em hồi nào không?

Chúng tôi tới gần ngôi trường của nàng. Tôi vẫn không nói gì. Thật ra tôi đang nghĩ đến con Bonzo.

Carol hỏi, không chịu nói chuyện với em phải không? Anh có chịu kể cho ai nghe chuyện anh ngủ mê ú ớ không? Ben, nàng kêu. Ben là tên Mỹ của tôi. Chính Carol đặt cho tôi cái tên đó tại vì tôi tên thật là Bình. Hồi đó chúng tôi mới quen nhau được chừng một tháng.

Anh phải đi gặp người ta, nói chuyện đi.

Nói cái gì, tôi trả lời. Có chuyện gì đâu mà nói. Nhưng tôi đã phân bày với nàng nhiều lần vậy rồi. Nàng có tin tôi đâu.

Carol nói, mỗi lần anh nằm mơ vậy, em thấy mệt quá. Anh phải làm sao cho hết mơ ngủ vậy đi. Không thì phải làm sao giải quyết cho xong.

Tôi quẹo vào đường Kingspark, tự hỏi con Bonzo mà choảng nhau với mấy con mèo khác thì ra sao.

Ben, Carol nói. Em hỏi, sao anh không trả lời? Không trả lời em hả?

Anh đang suy nghĩ. Mà tôi đang suy nghĩ thật. Tôi đang nghĩ tới con Bonzo. Ăn uống thì mạnh dạn lắm, nhưng mà chuyện gì khác thì nhác như ma. Đồ con mèo cù lần. Tôi suy nghĩ, tại sao loài mèo có con lại thích choảng nhau, có con lại không.

Tôi lái xe vào bãi đậu và dừng lại chỗ tôi vẫn thường hay để cho Carol xuống. Không sao, tôi nói. Em đến vừa đúng giờ, phải không?

Carol ngồi yên. Rồi nàng tháo dây nịt, cầm lấy cái xách tay với mấy cuốn sách, ôm vào trước ngực, giống như mọi ngày khi nàng chuẩn bị xuống xe. Nhưng nàng không nghiêng người qua hôn tôi. Tôi nghiêng về phía nàng, nàng kêu tên tôi.

Nàng nói, Ben, anh còn nhớ không?

Nhớ cái gì, tôi hỏi, xong rồi ngả người ra sau.

Mình gặp nhau ở chỗ đó kìa. Ngay chỗ đó, trong lớp học đó. Nàng chỉ tay nơi cửa sổ bên hông tòa nhà. Tòa nhà sơn màu xám, tường xi-măng không sơn. Nguyên cả toà nhà màu xám xịt.

Phải rồi, tôi nói với Carol. Hồi đó Carol là cô giáo, tôi vừa được việc, người ta cho tôi vào làm phụ giáo cho nàng. Học trò của nàng đều là người tị nạn Việt Nam, giống như tôi. Hồi đó tôi mới qua Mỹ được một năm. Đến nay là mười một năm rồi. Tôi với Carol cưới nhau đã được tám năm. Tôi đang suy nghĩ, tám năm, vừa lúc đó Carol cũng đang nghĩ đến chuyện đó.

Nàng nói, Ben nè, anh có tưởng tượng nổi mình lấy nhau tám năm rồi không?

Tôi nói, ừ. Tám năm rồi.

Tôi chờ nàng nói gì thêm. Nàng nhìn ra ngoài cửa kính xe, và khi nàng lên tiếng, tôi tưởng nàng nói gì với chính mình. Tôi nghe nàng không rõ.

Nàng nói, lần cuối cùng em nói tới chuyện có con, anh lại mang về con mèo.

Tôi thót mình. Đâu phải. Anh cho em con Bonzo làm quà sinh nhật. Quà sinh nhật của em mà. Sao em lại nói cái gì kỳ vậy?

Ben, Carol nói. Có khi nào anh nghĩ đáng ra anh có một người vợ khác không? Tôi nhìn Carol. Nàng nhìn vào mắt tôi. Rồi nàng lập lại, có không? Anh có ước là anh đã lấy một người vợ khác không?

Vợ nào, tôi hỏi. Hỏi gì kỳ vậy?

Vợ Việt Nam.

Tôi quay hướng nhìn, tắt máy. Tôi hỏi, em nói gì vậy?

Carol ngồi yên. Tôi nói, em khùng quá. Nhưng tôi nghĩ, có thể. Có thể tôi mà có vợ người Việt Nam thì người đó sẽ thông cảm được. Người đó sẽ hiểu được tại sao tôi bỏ chạy khỏi cái hầm trú ẩn tối hôm đó. Người đó sẽ biết là chính mấy người lính trong đơn vị của tôi đuổi theo tôi, bởi vì tôi không ở lại, giúp cho thằng lính bị đè bẹp dưới mấy bao cát. Người đó sẽ thông cảm cho tôi. Sẽ hiểu rằng lúc đó bên địch đang dí chúng tôi, đuổi theo chúng tôi sát nách, mà mấy người cùng đơn vị cũng đuổi theo tôi. Tôi nghĩ về những chuyện này, nhưng tôi nói với Carol, em khùng thật. Em là vợ của anh. Không có vợ Việt Nam, không có ai khác hết. Em hiểu không? Thôi vô lớp đi, trễ bây giờ.

Carol quay người, mở cửa xe. Nàng nhỏ nhẹ, Ben ơi, em yêu anh. Em không có muốn anh có vợ nào khác hết. Thôi anh về đi. Tối em về rồi nói chuyện. Em không khùng đâu. Carol bước ra khỏi xe, và tôi nghe giọng nàng nói, anh làm cho em điên.

Tôi vươn tay về phía nàng, nhưng cánh cửa đóng sầm lại. Tôi kêu, Carol, và chồm người ra khỏi xe. Bây giờ giữa tôi với nàng là chiếc xe. Chúng tôi lẳng lặng nhìn nhau.

Một lát, Carol nói, em phải đi vô lớp. Mà đừng có quên con Bonzo nghe. Nàng nhắc lại, đừng quên đó, rồi quay gót đi.

Nàng bước nhanh. Không phải phim chiếu chậm. Nàng bước nhanh, xa dần. Để tôi đứng một mình.

Tôi ngồi vào xe, bật chìa khóa và nhấn nhẹ chân ga. Tôi thì thầm, lát tối gặp lại, rồi tôi kêu tên con mèo. Bonzo. Sẽ không quên con Bonzo, không quên đâu. Tôi tự nhủ, không quên, không quên, rồi đưa tay kéo cửa xe đánh rầm. ❐

Thư tháng Tư gửi về Hà Nội

Trần Mộng Tú

Em Cường thân yêu

Tuần trước chị nhận được thư của Thím, lá thư Thím nhắc nhở chị về thăm Hà Nội, thăm Thím, thăm em. Chị đọc thư xong, gấp vào giữa một quyển sách, rồi lại tiếp tục công việc hàng ngày, nhưng tối tối đi ngủ lá thư lại hiện ra trong đầu chị, chị vẫn nhớ đến là mình cất lá thư ở trong quyển sách nào và quyển sách thì để ở đâu, nhất là trong thư Thím viết những gì. Rồi hình ảnh Thím, một người đàn bà son trẻ của bốn mươi năm về trước, hình ảnh em một cậu bé lên chín tuổi, lúc nào cũng gầy còm như hình thể của tấm bản đồ Việt Nam lại đứng ngay trước mắt chị. Chị nói với anh "Thím giục về quá, chắc thế nào cũng phải về." Anh bảo "ừ thì em về đi." "Anh ở nhà với các con một tháng không có em được không?" "Được mà, em cứ đi đi còn hơn là cứ băn khoăn, bứt rứt mãi."

Mấy tuần nay mưa quá, mới đầu tháng Tư mà hoa đào đã tàn rụng gần hết, lá non đã bắt đầu nhú ra, trời vẫn lạnh mà nắng thì yếu ớt, chị khoác áo mưa, đi bộ lang thang trong xóm, ghé ra hồ cho mấy con vịt ăn rồi lại dầm mưa đi mãi, trong lòng buồn buồn, đi ngang qua nhà, chị ngừng lại một chút, ngập ngừng, không muốn bước vào nhà, ngó vào cánh cửa quen thuộc nhà mình mà như ngó vào cánh cửa của một ngôi nhà nào lạ lắm, rồi chị lại tiếp tục đi.

Tháng Tư, tháng Tư như có tiếng chuông rung lên trong đầu chị. Chị nhớ lại cái buổi trưa ngày 21, hôm đó vào ngày thứ Hai, một ngày có nắng, ngày nào trong tháng Tư của Sàigòn mà chẳng ngập nắng. Ông Chánh văn phòng của chị đưa chị ra phi trường, nói lời an ủi chị, khi thấy chị dầm đìa nước mắt. "Cô đi chỉ độ hai năm thôi, đi tránh cái khủng hoảng này một thời gian rồi lại về, đừng khóc nữa." Hai năm kéo dài thành hai mươi năm. Đã hai mươi cái tháng Tư trên quê người đi qua trong

đời những người tỵ nạn. Có tháng Tư mưa bụi, có tháng Tư mù sương, có tháng Tư ấm, có tháng Tư lạnh, nhưng tháng Tư nào cũng là tháng Tư của ngậm ngùi nhớ lại. Bao nhiêu cuốn hồi ký, bao nhiêu tập truyện ngắn, truyện dài, mấy nghìn bài thơ viết cho quê hương, viết cho thân phận đã in ra trên mặt giấy vẫn chỉ là những áng phù vân. Nó mỏng quá, nó không che nổi chiều sâu thăm thẳm của cái giếng quá khứ đau buồn.

Tháng Tư, trên những trang báo đọc từ đâu năm đến nay, những bài báo viết về hai mươi năm xa xứ của người Việt Nam, cái tựa nào cũng làm mủi lòng, ăn mất ngon, ngủ không thẳng giấc được. Mà em biết không? Chị đâu có bao giờ đọc hết được những bài viết đó, chỉ đọc những cái tựa không đã thấy nao lòng, nước mắt ứa ra rồi. Nào là: Việt Nam hai mươi năm trước, Cuộc triệt thoái cao nguyên, Ngày này trong lịch sử, Dự Án Hai Mươi, Hai mươi năm hội nhập v.v... Cái tựa nào cũng mang một nỗi buồn lưu vong cả em ạ. Khi chị đọc những tập bút ký ghi lại những vết tích của cuộc nội chiến ở Việt Nam hay ở Mỹ, những phim ảnh về chiến tranh ở bất cứ một quốc gia nào, bao giờ chị cũng bỏ nửa chừng. Chị thương quá, thương cho những người lính, những người dân chết tức tưởi dưới cả hai lằn đạn.

Hình ảnh chiến tranh Việt Nam trong hai mươi năm nay vẫn theo chị như chính cái bóng của chị. Nó im lặng và kiên trì, lúc ẩn, lúc hiện nhưng không bao giờ mất đi cả, nó len lỏi giữa những tiệc tùng đình đám, nó ngồi bên cạnh chị khi chị ngồi cô đơn ở một bờ dốc nào đó và nó nhảy múa trong bóng đêm khi chị trằn trọc mất ngủ.

Tháng Tư với những hình ảnh in lại trên báo, những bức ảnh dấu tích của cuộc nội chiến Nam Bắc. Từ những bức có những người lính Cộng sản Bắc Việt chỉ độ 15, 16 tuổi, gầy còm, nhỏ bé, tay cầm súng mà mặt vẫn còn nguyên nét ngây thơ, hai con mắt tròn xoe, ngơ ngác (không biết có ai còn may mắn sống sót hay đã chết ngay trong trận đánh đầu tiên). Đến những bức ảnh ghi lại cuộc di tản của người dân Việt Nam ra ngoại quốc. Hình ảnh dân ở miền Trung chạy vào miền Nam. Những con đường kinh hoàng với những xác người nằm chồng chất lên nhau, những khuôn mặt thất thần tan tác. Những cánh tay gầy trong hàng rào tòa Đại sứ, những chiếc trực thăng không cất được lên vì cái đuôi bị kéo xuống bởi những con người tìm sống. Đã hết đâu, còn hình ảnh của những con tầu tan tác, trại tỵ nạn, hàng rào kẽm gai với những ánh mắt trẻ thơ vô tội. Bên cạnh đó là những bức ảnh của những người đi cải tạo vừa về, người nào người đó trông ngơ ngơ ngác ngác như vừa từ cõi âm trở về. Vì sao em có biết không? Họ chỉ về được cái xác thôi chứ cái hồn vẫn thất lạc ở trong cơn hồng thủy. Cuộc chiến huynh đệ khốc liệt quá! Nó nổ tung da

thịt thâm tình ra từng mảnh vụn, không biết đâu mà nhặt lại được nữa. Và gần đây nhất là những bức ảnh của Hà Nội, Sàigòn với những dấu hiệu đang mở cửa đón người Mỹ trở lại Việt Nam. Tất cả những bức ảnh đó mà cắt dán lại với nhau thì nó chính là những phần xương da của tất cả những người Việt Nam, của chị em mình.

Tháng Tư, chị đi ra đường gặp bè bạn thì bao giờ sau những thăm hỏi cũng là một lời nói bùi ngùi. "Này, tháng Tư rồi đấy, thoắt một cái đã hai mươi năm." - hai mươi năm di tản, đâu có bốn mươi năm mới phải chứ - Mình ở Bắc vào Nam năm 54, rồi ra khỏi nước năm 75. Tới hai lần hai mươi chứ đâu có ngắn, hết hai phần ba đời người rồi. Hai phần ba đời người biết bao nhiêu lần giặc giã, bao nhiêu lần làm lại từ đầu. Từ đời ông bà rồi cha mẹ, rồi đến phận mình.

Tháng Tư, ở tiểu bang California nơi được mệnh danh là Tiểu Sàigòn, người Việt đang chuẩn bị một chương trình đi thăm lại trại tỵ nạn Pendleton nơi mà một số đông người Việt năm 1975 được tạm trú trước khi phân tán đi các nơi trên đất khách. Họ tìm về đó để nhớ lại những cảm giác của ngày đầu tiên đặt chân lưu lạc trên xứ người. Cái cảm giác vừa hoang mang vừa sợ hãi, mừng thì ít lo thì nhiều. Cái cảm giác bơ vơ thất lạc, chân trên mặt đất mà cứ tưởng như treo lơ lửng giữa trời. Sẽ có những người về thăm trại mang đầy tự ty mặc cảm của một người di tản hai mươi năm vẫn trắng tay như ngày mới đến. Có người mang trong lòng niềm kiêu hãnh đã đóng góp công lao tốt đẹp vào phần đất cưu mang mình. Có những đứa trẻ đã thành danh và biết rõ chủng tộc mình, có những đứa trẻ đã cắt rời hẳn ra chính cái nguồn gốc của mình. Cũng có người chỉ về để chạm tay xuống đất tìm xem những giọt lệ hai mươi năm xưa có còn ẩm trên cơ hay không?

Tháng Tư của hai mươi năm sau ngày di tản vẫn còn những người tù cải tạo đặt chân lên đất Mỹ bắt đầu một cuộc đời khác. Vẫn còn những thuyền nhân ở các trại tỵ nạn Phi Luật Tân, Hồng Kông bị cưỡng bách hồi hương. Tháng Tư chị đi chợ trong khu phố của người Việt Nam vẫn bắt gặp một hai bà mẹ quê mặc quần đen, áo cánh đầu chít khăn vuông ngồi co ro bán nhờ mấy bó rau thơm, rau mồng tơi, rau muống ngay trước cửa siêu thị. Con cháu của cụ bảo "Phải để cho cụ trông tỉa cụ bán như thế để cụ có việc làm cụ đỡ nhớ quê hương." Cụ gửi cả cái hồn quê của cụ trong những mớ rau đó. Nhìn các cụ chị ứa nước mắt.

Tháng Tư, dừng lại ở một con dốc, nhìn xuống ngã rẽ của một dòng sông nơi chia nước ra làm ba nhánh để thấy một khúc quành mất hút sau những rặng thông, rặng phong ở ven bờ. Nhà cửa san sát, ẩn hiện sau những tán lá, sau những đám khói xanh bốc lên từ mặt nước, núi như nhòe

đi, như tan cùng khói sóng, chị thấy lòng buồn vô hạn, nỗi buồn cũng nhỏe như núi nên chẳng biết đâu là giới hạn. Sau lưng chị là xa lộ, xe cộ đang chạy đua với vận tốc để vào thành phố, mỗi chiếc xe mang một người hay hai người ở trong đó, mỗi người lại mang một số phận riêng, họ đang lao vào cuộc sống với định mệnh riêng ở trước mặt. Ai biết điều gì đang đợi họ.

Tháng Tư, mấy hôm nay trời có nắng về, chị và anh dắt nhau vào rừng thông. Mùi nắng mới, mùi thông thơm ngát, phấn thông vàng bay bám trên vai áo cả hai người. Trong cái êm ả của khu rừng mùa xuân chị thấy lòng mình lắng xuống, những dằn vặt của một quá khứ không vui như được bốc hơi tan theo cùng nắng. Đi trong rừng thông mà chị bỗng nghĩ đến những đóa huệ Phục Sinh, những đóa Easter Lilly được xếp đầy trong nhà thờ và được bầy bán trong tiệm hoa vào tháng Tư, những đóa hoa trắng nõn, thơm ngát có hình dáng như những quả chuông.

Một cơn gió nhẹ thoảng đến, rừng thông reo lên khe khẽ, anh hỏi chị:

"Em có nghe thấy tiếng gì không?"

"Dạ có, tiếng reo của những quả chuông ở bên kia rừng thông."

Em Cường, chị sẽ đi qua cánh rừng, chị về thăm em nhé, về thăm tấm bản đồ Việt Nam gầy còm của chị.❐

Mời bạn đọc tìm mua

Tuyển tập 21 truyện ngắn của
Trần Hoài Thư
RA BIỂN GỌI THẦM

Tuyển truyện được chọn từ Bách Khoa, Văn, Thời Tập (trước 1975) và trên một số tạp chí văn học khắp thế giới trong 15 năm qua

Liên lạc: Trần Quí Sách, 719 Coolidge Street
Plainfield, NJ 07062 USA
Phone: 908-769-8459
Sách dày 224 trang, giá 12 MK.NGoài USA thêm 2 MK bưu phí.

Hạnh Phúc ở Quanh Đây

Phạm Ngũ Yên

Gởi Hoàng Du Thụy

Khi tôi trở vào nhà lấy chiếc mũ, chạy ra thì xe buýt đã đến. Con gái tôi đang trèo lên bực cửa lên xuống, quay lưng lại nói: "Bye daddy". Và chiếc áo len rộng thùng thình màu đỏ đã lọt thõm vào trong mấy dãy ghế mờ tối. Mùa thu bắt đầu bằng những bước chân mạnh bạo giữa không khí không còn hơi hám của mùa hè. Chiếc buýt vàng giống như một xác lá chưa kịp khô còn ẩm ướt trôi ngược về con đường trước mặt nơi có những đời cây u sầu. Tôi đứng trong không khí rét ngọt buổi sáng và lòng thấy yêu mến những mảnh vụn nhỏ nhặt làm nên đời sống hiện tại. Tôi nổ máy xe và chờ đợi bên vuông sân có vẽ lằn vôi phân chia vị trí bãi đậu. Bên kia chung cư bờ tường đá hoa có những cây trắc bách diệp chìm đắm trong một lớp sương mờ mịt và người ta treo bên cạnh nó tấm bảng "Autumn chase"- Apartment. Đuổi theo mùa thu? Hay đuổi theo những dấu chân non trẻ trót đã bị thời gian chôn vùi không thương tiếc? Và ở dưới những gờ mái mới sơn phết kia, có bao nhiêu đời chim đang ngủ vùi vì gió rét?

Tôi lái xe chạy men theo con đường nhỏ dẫn vào quán cà phê quen thuộc. Thời gian quá sớm để tôi có thể vào sở làm; và một ly cà phê nơi chiếc bàn mica mát lạnh nhìn ra bên ngoài sẽ mang một mùi vị hấp dẫn. Buổi sáng lướt thướt trên mặt kính mờ đục vì có sương, ai đó đã dùng ngón tay vẽ lên nó những hình kỳ dị. Mùi bánh từ lò bốc ra khi tôi lách mình bước vào. Cánh cửa có tay vịn bằng nhôm bị mòn nhẵn vì bàn tay con người xô đẩy hàng ngày. Mấy người đàn bà Mễ đứng đàng sau mấy ngăn kệ đầy ắp bánh, hai tay không ngừng chuyển động để bỏ vào hộp giấy cứng những phần ăn sáng cho đám người xếp hàng rồng rắn, giống như một văn phòng cứu đói. Mùa đông cô đơn và buồn sẽ tới vài tháng

nửa. Tôi nghĩ. Cô đơn trên những cành cây trơ trụi giống như những tâm hồn bị tàn phá. Và con đường mang trên lưng nó những bờ cỏ hoang phế, hiu quạnh. Tôi yêu những thân phận xót xa như yêu những đời cây, từ đó nhìn lại những năm tháng thơ ấu trôi tuột mất biến với lòng vừa mê đắm vừa sầu não. Cái gì huyễn hoặc ở đàng sau những khu rừng hốn mang kia, phải chăng là những mù tăm không ánh sáng? Nhưng tôi vẫn mường tượng một hạnh phúc đầm đìa những ngấn lệ khi tôi chạy ngang qua nơi chốn đó, mùa đông. Đêm rất dài, cho nên ngày như ngắn lại. Mới vừa tuần qua tôi còn nhìn thấy những sợi tóc của Khiết trên mặt gối thảng thốt mùi hương. Và khu vườn bên kia hàng xóm có những chậu hoa màu son môi của nàng treo trên giàn. Cây phong cháy đỏ những lá mùa thu hôm nào không còn nữa. Tôi không biết giờ nầy nàng đang làm gì ở Houston. Và nàng muốn tìm kiếm một chút an tâm nào giữa những đường phố bụi bậm, sần sượng những bất trắc? Cuộc cãi vã sẽ không xảy ra nếu tôi biết im lặng, cùng những ồn ào tắt ngấm theo sau cánh cửa đóng sập lại thô bạo. Tôi bỏ ra ngoài giữa lòng mưa xối xả trên mui xe. Cuộc tình duyên tồi tệ tự nó sẽ kết thúc và con đường phải đi đến chỗ rẽ?. Đây là lần xung đột thứ hai kể từ khi sống chung. Lần trước cũng vì một duyên cớ không đâu. Hình như mọi cuộc chiến tranh xảy ra đều do những ngộ nhận không đáng được vớt lên từ những thành kiến cố tình đào sâu giữa tôi và nàng. Trong khi đứa con gái tôi vẫn hồn nhiên lớn lên và mộng. Nó đang để tâm hồn thơ ấu của nó bay trong bão bùng với nụ cười tươi tắn trên môi. Chúng tôi đang để cho trái tim của nó sũng ướt những giọt lệ từ mắt Khiết. Dù rất ít khi nàng khóc.

- Ông uống thêm cà phê? Cô gái Mễ có mái tóc đen cùng màu với mái tóc đang cầm bình cà phê chờ đợi. Tôi gật đầu. Chiếc tạp dề màu xám tro ẩn dấu đàng sau gò ngực phập phồng và mùi nước hoa thơm ngát. Sương chảy ràn rụa ngoài mặt kính và gió làm rung động cành lá ở một hành lang. Bên kia đường 183 những chân cầu đang xây dở dang chĩa những thanh sắt đâm ngược lên nền trời chập chùng hơi nước. Cạnh đó, chiếc cần cẩu đưa cao chiếc cổ như một con khủng long nhìn xuống đống đất đá đang ném vào cuộc đời những gai góc, bộn bề. Tách nước màu đen nguội lạnh từ lúc nào, và tôi không nhớ thời gian đã trôi đi bao lâu giữa buổi sáng chứa đầy hơi thơm của cà phê. Một người đàn bà bước vào quán kêu một phần sáng và một tách cà phê đến ngồi ở bàn đối diện. Mái tóc nhìn từ phía sau giống như một người Việt Nam. Bàn tay có những ngón trau chuốt cẩn thận như suốt đời không hề đụng chạm đến những việc ngại ngùng nào khác ngoài gương lược, son phấn. Tôi nhớ Khiết cũng có đôi bàn tay đẹp như vậy. Có lẽ vì thế mà ít khi nàng để cho chúng

tham dự nhiệt tình vào những cái gì dính líu chuyện bếp núc. Dù sao những tiện nghi trong thời đại điện tử đã đáp ứng được phần nào nhu cầu mà con người đòi hỏi.

Khiết làm ở một hãng sản xuất computer nhỏ, lương không cao đủ để nàng chịu một phần tiền nhà khiêm tốn và mua sắm đôi lúc. Một đứa con trai theo nàng lúc vượt biên, và một người đàn ông (mà nàng tạm coi là chồng) bây giờ đã đổi đi một bang khác vì nợ nần chồng chất. Trong hoàn cảnh như vậy, dĩ nhiên mẹ con Khiết là gánh nặng cho hắn. Và hắn đã cao bay xa chạy khỏi cuộc đời nàng không một lời từ giã.

Tôi gặp hai mẹ con nàng trong một phòng mạch. Đó là mùa thu có những bông phấn bay tản mạn trong không khí và chứng Allergy làm ngứa ngáy mình mẩy đến nỗi tôi phải xin nghỉ bệnh ở nhà. Đứa con trai của Khiết thì bị cúm khi đến gặp bác sĩ vừa khóc vừa ho. Người ta thường nói về một định mệnh nào đó trong một hoàn cảnh tầm thường, nhưng đủ để hai số phận có cớ hòa nhập vào nhau. Tôi không tin lắm. Nhưng cuộc tình chắp nối của chúng tôi quả là một kết hợp mang đầy tính chất nông nổi. Chúng tôi yêu nhau nhưng không muốn tìm hiểu về nhau. Như hai nhánh lục bình va vấp, quấn quít trên một dòng sông để cùng trôi về phía trước, chúng tôi cùng nắm tay nhau bước đi về phía cuộc đời hoi hóp những niềm vui. Không mang trong lòng nỗi so bì nào khác ngoại trừ những vết răng của quá khứ cắn nát thanh xuân và nỗi quạnh hiu như tặng phẩm của đời mang đến. Tôi và nàng đều có riêng một đứa con và cùng chung một hôn phối gảy vụn. Nàng lớn hơn tôi năm tuổi. Đó là một bù đắp hay những hao hụt đây? Nhưng tôi có cần gì những điều ấy. Chặng đường sau lưng tôi và Khiết đủ dài để chúng tôi chia xẻ với nhau những lạc thú thay vì những bất hạnh. Một hôm tôi nói với nàng:

- Em thấy mình có nên làm hôn thú vào lúc này không?

- Nếu anh muốn. Nàng trả lời. Anh không hối tiếc chứ?

- Hối tiếc về điều gì? Tại sao?

Tôi phân vân hỏi lại.

- Nhiều thứ. Như lòng thủy chung. Như những bóng tối thấp thoáng đàng sau một vài kỹ niệm nào đó.

- Anh đâu có bắt em quên hẳn những điều tồi tệ hôm qua, trong khi chính anh cũng vậy. Nhưng em muốn nói về sự thủy chung nào?

- Em không biết. Em không thể định nghĩa rõ ràng. Nhưng đừng bắt em phải tham dự vào những phiền muộn riêng tư, trong đó không có bóng dáng của em mà chỉ có ai kia...

- Anh hứa sẽ cố gắng làm em vui. Nhưng phần em thì sao? Khiết trầm ngâm. Bàn tay lật vội mấy trang sách bên cạnh bàn phấn.

- Em đã quên từ lâu những gì mà anh cho là tồi tệ, nếu quả thật có đúng như vậy. Em muốn con trai em lớn lên không cần trang bị để vào đời bằng những vốn liếng cay đắng của mẹ nó. Nó cần được che chở và thương yêu thật sự.

- Để thôi. Tôi nói. Trong hoàn cảnh này, anh nghĩ người đàn ông luôn là những kẻ rộng lượng.

Khiết nghi ngờ:

- Anh có chủ quan không?

- Không hề.

Ngoài sân chơi hai đứa bé đang chui rúc trong một cánh cổng phân cách khu vườn hàng xóm. Chúng đang chơi trốn tìm, có lẽ. Hay tìm kiếm một hạnh phúc đơn điệu nào giùm ba mẹ chúng? Dù sao, tuổi thơ không hề ngập ngừng trước những chông chênh vì đôi chân chưa dẫm lên gai góc của cuộc đời. Chúng cho hơn là nhận nhiều ở người lớn bởi tấm lòng hào phóng những nụ cười. Đừng nhắc đến đổ vỡ, cô cúc. Và hãy để chúng no đầy những giấc mộng đẹp. - Hãy tin ở anh. Tôi nói với lòng nghi ngờ. Không phải chúng ta tồn tại chỉ để làm khổ nhau mà để an ủi lẫn nhau. Em nên gửi gấm vào đó những đầu tư lông lộng bóng mát thay vì những xót xa. Bàn tay nàng đưa lên vuốt tóc theo một thói quen. Những ngón tay trắng và đẹp kỳ lạ làm tôi liên tưởng đến bàn tay của người đàn bà mời rượu Kinh Kha trước khi sang sông Dịch. Kinh Kha quả thật có lỗi khi muốn có riêng cho mình một bàn tay đẹp. Cũng như ngày hôm nay tôi muốn được nắm bàn tay của Khiết trong tay mình lâu dài. Có hoang tưởng lắm không? Dù sao, nàng cũng đang yêu tôi. Và chúng tôi sẽ làm hôn thú nay mai. Chỉ có một trở ngại không quan trọng với tôi là tuổi tác chênh lệch. Tôi nghĩ là mình có thể vượt qua, miễn là nàng không coi đó là một rào cản.

Nhưng cuối cùng thì không có tờ hôn thú nào được ký kết giữa hai người. Nàng bỏ đi như một cơn giông bay ngang qua bầu trời. Bây giờ đứa con gái chín tuổi của tôi chơi vơ vẩn một mình trong sân chơi um tùm những tàn nhánh mộng, trước khi mùa đông trở về làm ướt át mái tóc thơ ngây của nó. Nó buồn giống tôi và không biết làm đầy những trống vắng. Tôi cũng vậy. Hy vọng thời gian sẽ làm nó quên được nhiều lỗi lầm đem đến từ người khác. Nhưng còn tôi? Khi tôi trở về nhà buổi chiều, nhìn thoáng qua căn phòng tôi và Khiết sống chung gần một năm, sự chua xót nào đang ẩn núp đàng sau đó? Giống như một vận động viên chạy nước rút bỗng thấy hụt hẫng khi thấy trước mặt mình có người vừa vượt qua lằn mứt đến.

Tôi đi qua những tuần lễ rét mướt êm đềm của cuối tháng mười. Một

ngày trước Halloween, tôi đưa Lynda lên Mall xem người ta hóa trang. Tôi hỏi nó lúc bước vào phòng trang điểm:

- Con muốn trở thành một người khác?

Nó hỏi lại:

- Ba muốn con hóa trang như thế nào?

- Tùy con.

Nó ngồi xuống ghế và săm soi mặt mình trong chiếc gương khi cô gái đưa đến cho nó một lô màu. Nó nói với người hóa trang bằng tiếng Mỹ đúng giọng là hãy giúp cho nó trở nên một cô bé lọ lem có một lổ mũi hếch lên trời. Thêm một màu tím bầm phũ phàng vắt ngang gò má bầu bỉnh. Nó dẫn tôi đi như giông như gió vào mấy cái shop và nói: " Trick or treat?". Người bán hàng cũng trang phục quái dị đứng ở trước cửa phân phát cho mọi đứa những gói quà gói ghém đẹp đẻ cùng với nụ cười tươi tắn. Không đáng gì những viên kẹo nhỏ nhoi nhưng lạ lùng làm sao tâm hồn nó đang thênh thang những ngã tư phiêu bồng. Và ngần ấy cái "hạnh phúc" mà nó đang nắm bắt được trong bàn tay yếu ớt kia sao thấp thoáng máu me và đầy ấp những thương tật dường ấy? Đâu phải chỉ nụ hôn mới làm phong phú cho cuộc đời muôn mặt này mà còn có những lần roi trộn lẫn với tức tưởi, nghẹn ngào.

Tôi ngồi lại ở băng ghế làm bằng gỗ sồi đánh bóng, bên cạnh vòi nước phun lấp lánh màu bạc. Cùng những đồng xu nằm lặng lẽ dưới đáy. Có biết bao nhiêu lời cầu nguyện mê tín được gửi gấm vào đó? Và có bao nhiêu lời được ứng nghiệm? Tôi cũng ném xuống một đồng penny để xin một lời hứa. Có đơn giản quá không? Vì lời ước của tôi quá lớn lao để tôi có thể thu về cho mình một kết quả hiện hữu trước khi mọi việc ở thế gian này tồn tại. Liệu cái phí tổn mà tôi bỏ ra có đủ để cho cuộc đời trang trải dùm tôi một cái bóng mát đã mất? Nhưng tôi vẫn nhắm mắt và thầm gọi tên Khiết. Đồng hồ trên tay tôi chỉ tám giờ. Và thời gian hình như không hề chuyển dịch, chỉ có con người đang vác trên lưng nỗi tất bật nhiêu khê rong chơi mọi ngỏ ngách an bình với tâm hồn chứa đầy gió mát. Bóng tối chắc đang xuống ngoài kia. Nơi mà những hàng cây rũ rượi thu mình dưới hai hàng đèn ngây ngất mù sương. Như những âm hồn không nơi chốn yên nghỉ. Không biết giờ này các mụ phù thủy có rời bỏ chỗ trú ẩn để lang thang khắp hang cùng ngỏ hẽm đầy giá rét? Có lẽ họ đang bay trên những cây chổi và hát bằng cái giọng rền rĩ của mình những bài ca chúc mừng bất hạnh của con người? Người Mỹ tin những điều huyễn hoặc cách đây hàng mấy trăm năm, mặc dầu dấu chân họ đang dẫm nát sao Hỏa, và ở đàng sau đuôi của phi thuyền con thoi, họ đang phóng vào giải ngân hà những thông điệp kêu gọi sự có mặt nào đó của đời sống

ngoài trái đất. Đó là những hoài niệm tốt đẹp nối liền giữa quá khứ và hiện tại. Họ chỉ có một ngày trong ba trăm sáu mươi lăm ngày quay đầu nhìn lui về dấu chân xưa cũ. Còn lại là những ngày tháng rực rỡ chạy băng về phía trước đuổi theo hạnh phúc và nắm bắt điều thiện. Ngày Halloween của họ hiền hòa mặc dầu ngôn ngộn những da thịt máu me, những răng nanh chó sói...

Người đàn bà lưng gù dừng chân chỗ tôi ngồi và hỏi bằng tiếng Mỹ, giọng khàn đục như mới vừa cãi lộn với hàng xóm:

- Tôi có thể ngồi đây được không?

- Dĩ nhiên. Tôi trả lời và ngồi né qua một bên. Chắc bà sục sạo gần hết mấy cửa tiệm và cục bướu kỳ khôi giả tạo trên lưng làm bà mệt mỏi chăng? Tôi không đoán được đằng sau chiếc mặt nạ nhăn nhúm kia là một dung nhan già hay trẻ. Dẫu sao tôi cũng thán phục sự khéo léo trong việc hóa trang của bà. Mấy sợi tóc màu râu ngô bện lại dơ dáy, mang cho người đối diện nỗi khiếp hãi thật sự.

- Chúc mừng Halloween. Ông là người China?

- Không. Tôi người Việt Nam. Chúc mừng bà. Bà thấy vui chứ?

_ Rất vui. Nhưng rất tiếc đã quấy rầy sự yên tỉnh của ông.

- Không sao. Tôi sắp sửa phải rời khỏi đây.

- Bây giờ?

- Không. Tôi chờ con gái tôi. Nó đang chạy tới chạy lui giữa đám người vui vẻ kia chỉ cốt để xin cho được một cái kẹo mà ngày thường nó không để ý tới. Nó đang đi về phía này..

- Tôi tên Diana. Cha mẹ tôi người Mễ.

- Thảo nào. Đôi mắt của bà đen giống như mắt của một người Á Châu. Tôi tên Trần. Chắc bà rất đẹp?

Người đàn bà cười rũ rượi. Đôi bàn tay vẫn nằm sau vạt áo rộng. Chiếc lưng gù rung động như một nồi thổn thức khôn nguôi.

- Ông đoán sai. Tôi rất xấu, và tôi ao ước được che đậy nó suốt đời như đêm nay.

- Tôi không tin như vậy. Tôi ít thấy ai có cặp mắt đẹp như bà. Bà thích làm cho người khác ngạc nhiên?

- Cám ơn lời khen tặng. Nhưng ông đừng tin vào những lý giải của mình quá.

Lynda trở lại. Nó vung vẩy bao kẹo trước mặt tôi:

- Daddy hãy nhìn xem. Con được nhiều kẹo. Daddy đã về chưa?

- Nếu con muốn.

- Con chưa mệt. Con muốn chơi thêm tí nữa.

Lòng tham của trẻ con cũng có mùi vị thơm tho như một bông hoa.

Nó không toát ra mùi hôi vì không biết ôm lòng thù hận. Trong khi cuộc sống của người lớn thải ra những phiền muộn sớm làm đời chúng khô héo.

- Con quanh quẩn đừng đi xa, nếu cần ba có thể nhìn thấy con.
- Thank you, Daddy.

Nó định để bao kẹo giữa tôi và người đàn bà, nhưng cuối cùng cầm mang đi.

_ Cháu ngoan quá. Ông được mấy cháu? Người đàn bà hỏi.
- Một. Còn bà?
- Tôi đang độc thân. Chúng tôi đã xa nhau năm ngoái.
- Ồ, xin lỗi bà.
- Không có chi. Tôi phải về. Cám ơn những lời khen của ông.
- Không có chi. Hẹn gặp lại.
- Good night.

Giọng người đàn bà xúc động và hơi thay đổi. Tôi nghe quen thuộc và trong giây phút tôi cố đào bới trong ký ức mình ai đã cò một âm thanh trầm đục như vậy. Nhưng người đàn bà đã trộn lẫn vào đám đông phía trước. Tôi nhìn thấy Lynda đang đứng trong một gian hàng bán đồ chơi, nó ngắm mụ phù thủy bằng cao su đang nhe răng dọa nạt. Đôi mắt phát ra màu đỏ như đôi mắt sói nhìn mồi, gương mặt quay đuổi theo người qua lại. Tôi nắm tay con gái xếp hàng bên cầu thang xoay để đi xuống lầu một. Bậc thang êm đềm cuốn về phía trước những tấm lòng ham vui và lôi kéo theo mùi son phấn ngào ngạt. Đâu đó những khuôn mặt lướt qua chúng tôi phía bên kia cầu thang cùng những nỗi nghi hoặc chập chờn hắt ra từ ánh sáng nơi gian hàng bán đồ điện tử. Tôi cũng nghi ngờ sự có mặt của tôi có phải là một phó bản lấy ra từ một bức hình chụp vụng về mà đời sống lem luốt hiện ra làm nền tảng cho một cảnh đời buồn. Chỉ có những người mẫu bên trong những vuông kiếng bóng lộn kia đang cười cợt những xao động bên ngoài. Không biết đàng sau những gò ngực thuôn thả kia có ẩn giấu một nhịp đập lẻ loi nào để cám ơn cuộc đời lố nhố những niềm vui?

Chúng tôi đi dọc theo hành lang phát ra tiếng rì rào của máy điều hòa không khí, tìm cửa để ra ngoài. Những người đàn bà tản lạc ra mọi phía và cố phóng những tia nhìn mê đắm vào hàng hóa bày biện hấp dẫn nằm kề cận bảng giá "Sale off bốn chục phần trăm". Những giao lộ đưa những con mắt xanh lè nhìn xuống lòng đường mơn mởn gió đêm, tôi chạy ngang qua đó trên đường trở về. Con gái tôi nằm dài trên băng ghế sau, lim dim với những thành quả thâu lượm được. Trạm xăng còn lác đác bóng người bên ngã tư phô bày một sức sống vô tận của đêm. Bảng quảng

cáo khổng lồ "Yellow Rose" vẽ hình những đôi chân trần thuôn thả gợi ý về một dục vọng nóng bỏng. Nó kêu gọi những đấng mày râu hãy lăn xả tới và nương tựa nỗi sầu thăm của mình lên vai những kiều nữ tóc vàng mắt xanh. Cuộc đời ngắn hạn nên cần gì phải chối từ những cám dỗ đang tuôn chảy theo những dòng bia bọt phù du kia cùng tiếng nhạc thổn thức. Đêm cứ xối xả những dồn nén tức tưởi như tiếng nhạc mở lớn từ chiếc xe ở lằn lane bên kia, lúc tôi dừng chờ đèn đỏ. Người Mỹ đen với chiếc nón đội lệch về phía sau đang lắc lư đầu quay nhìn tôi. Đôi môi dầy cộm nhục cảm và cặp mắt liếng láo tìm kiếm một cõi mộng mị, hư ảo bên ngoài những đời thường. Trạm xe buýt có mái che đang nhốt đầy gió như muốn xua đuổi khách đợi. Người đàn bà đứng trơ trọi một mình ôm vạt áo quay lưng về phía đường. Chiếc lưng gù vẽ lên nền tối một nỗi xốn xang trong khi mái tóc bay ngược về phía sau để bày tỏ với bóng đêm nỗi lang thang không chỗ nghỉ.

Tôi quành đầu xe đậu sát trạm, nghiêng người với tay mở cửa xe theo quán tính. Người đàn bà quay nhìn lui, thẳng thốt. Chiếc mặt nạ hóa trang đã tháo bỏ đâu đó. Tôi cũng thẳng thốt. Khuôn mặt của Khiết nhìn xuống đang tặng tôi nụ cười buồn. Tôi chờ đợi. Xe cộ lao vun vút bên cạnh nhưng thời gian vẫn dừng lại đấn đo không muốn trôi về phía trước. Sau cùng nàng đã mở cửa xe bằng đôi tay dấu kín trong vạt áo lúc ngồi trong chợ. Lynda nhóm dậy hỏi:

- Ai vậy ba?

- Dì Khiết.

- Ồ. Bé Châu đâu? Nó tò mò nhìn những đồ hóa trang lỉnh kỉnh cùng chiếc gù trên lưng nàng đang làm vướng víu chỗ ngồi.

- Nó không có ở đây. Nó còn ở Houston với cô nó.

- Con nhớ nó. Bao giờ bé Châu trở lại?

- Có lẽ qua Giáng Sinh. Nó cũng nhớ con.

Chiếc xe lướt đi trên những quảng đường không lấy gì sáng sủa cho lắm để đến một nơi phải trở về. Có lẽ ở một nơi cuối trời kia, những vì sao đang nhấp nháy dòng lệ rực rỡ tạ ơn cuộc đời như những đồng penny dưới đáy hồ. Tôi hỏi Khiết:

- Em muốn về đâu?

Nàng nhướng mắt. Màu xanh mệt mỏi dưới đôi mày đậm đen như muốn gởi gắm vào đêm sâu những rối bời băn khoăn.

- Tùy anh.

- Hay em ghé qua nhà anh đêm nay, cho Lynda nó ăn mừng đêm Halloween? Xe của em đâu?

- Em bỏ lại Houston. Em về đây bằng buýt.

- Suy nghĩ nào đã làm em trở nên một người đàn bà Mễ kỳ lạ trong đêm nay?

Con gái tôi cũng phụ họa:

- Sao dì Khiết hóa trang xấu quá vậy?

- Ừ hứ. Dì muốn trở thành một cô bé lọ lem lang thang tìm kiếm một hoàng tử hào hoa. Nhưng đêm sắp tàn rồi mà chưa tìm thấy.

- Ôi sao dì tìm kiếm ở đâu xa. Dì không chịu trở lại với ba và con?

Có một bảng "Garage sale" cắm chênh vênh bên lề đường lối vào nhà tuần vừa qua chưa kịp tháo gỡ. Người ta sẽ tìm thấy ở đó nhiều thứ đồ vật lạ mắt nhưng giá rất rẻ. Nhưng hạnh phúc thì không sao tìm thấy. Không ai rao bán một thứ hạnh phúc, cho dù nó tan hoang rách nát và bụi bậm làm hoen ố, ngậm ngùi.

- Con có cho dì trở lại không? Nàng bâng khuâng hỏi.

- O.K.

- Còn Daddy?

Đêm đó, nàng ở lại. Đêm về sáng có cơn mưa hay một cái gì đó mênh mang nơi khu vườn sau nhà, nơi có cây pecan tơi bời những lá khô suốt một mùa thu. Rèm cửa rung động như tiếng ai thầm thì dưới gối. Tôi kéo chăn đắp cho nàng, đêm về sáng. Nàng cựa mình mở mắt. Cánh tay trắng nhễ nhại đưa ra như muốn ôm lấy một vỗ về mà trái tim quạnh hiu không để gì tìm thấy. Ánh sáng từ ngọn đèn nhỏ cắm nơi chân tường đủ để tôi nhìn biết dưới lớp chăn mong manh kia là khuôn ngực phập phồng không che đậy và mùi hương toát ra từ đó. Có phải là hương thể hay hương thầm từ một hạnh phúc khép nép quanh đây mà ngày tháng qua vắng mất? Còn tiếng nghiến răng rít róng của mụ phù thủy bên ngoài kia, hay tiếng gió?

" Sẽ không có những lìa tan nào giữa đôi ta, phải không Khiết?". Tôi hỏi nàng khi thân thể tôi và nàng gắn chặt vào nhau không rời. Và bóng tối trần trụi chao nghiêng trên lớp vải vóc vướng víu, tạm bợ không cần thiết. Tôi ham hố gởi đến nàng từng nhịp hoan lạc thổn thức và nàng đón nhận không so đo bằng những ngón tay đầy móng nhọn ghim trên vai đau điếng. Sự kháng cự miễn cưỡng của nàng không đủ ngăn tôi đẩy xô nàng đến sát bờ vực chập chùng những vết răng ẩm ướt hạnh phúc. Nàng chới với bên tai tôi, giữa khoảng trống im sững:

" Lấy anh rồi, mai mốt em sẽ già hơn anh mất..." ❐

Lại Chuyện Cây Bàng

Võ Đình

Tháng 3 năm 1993, Văn Học số 83 có đăng Chuyện Cây Bàng *của Võ Đình viết tại Sàigòn. Xin mời bạn đọc cùng tác giả đến thăm cây bàng một lần nữa ở Sàigòn, đầu năm nay.*

Ở cuối con hẻm có một cây bàng. Bình thản đứng một mình. Dưới cành lá xanh mát của nó, đời sống đô thị ở một xóm bình dân diễn ra ngày lại ngày, huyên náo từ sáng tinh mơ đến gần nửa đêm. Người ta nhờ vả cây bàng thật nhiều, nhưng coi ra chẳng một ai để ý đến nó.

Cây bàng khá cao, cao hơn mái nhà chung quanh. Lá bàng to và dày, xanh tươi, nhưng phủ đầy bụi. Tưởng rằng cây bàng im lìm nhưng nhìn kỹ thì thấy nó đang thở. Tàng lá lay động nhè nhẹ và đều đặn như lồng ngực một người bệnh đã quá yếu.

Chiều chiều, nắng xế, bà già mò ra trước nhà, ngồi thu lu ở góc cửa, nhìn cây bàng. Trước mặt bà, xe gắn máy chạy qua chạy lại, xịt khói mù mịt. Xe đạp. Xe ba gác. Hàng rong. Con nít chơi dỡn. Chó. Gà. Bà già không ngửi thấy mùi nước cống đọng ngay bên nhà. Hay mùi bún riêu bốc lên từ cái quán cóc nép mình sát bức tường gạch. Bà chỉ nhìn cây bàng.

Không biết từ bao lâu bà già khó thở lắm. Có người cho bà cái ống nhựa đút mũi vô mà hít, thấy đỡ, nhưng hít mãi rồi thôi, bệnh vẫn hoàn bệnh. Một hôm, bà già tình cờ thấy cây bàng đang thở. Và cũng tình cờ, bà thở theo nó. Cứ thế, trong con hẻm nhỏ, cây bàng và bà già thở với nhau.

...

Thở cùng cây bàng, bà già thấy như lồng ngực bà nở ra. Nở ra, lớn

dần, lớn dần. Bà nhìn cây bàng và bà thở và bà thấy cả cây bàng là cây phế quản của bà, cành lớn cành nhỏ của cây bàng là những tiểu phế quản trong ngực bà. Bà già cảm thấy mình mạnh lên, tươi tắn ra.

Bà già ngồi thu lu ở một góc, nhìn cây bàng chăm chăm. Và cây bàng thở với bà, thở giùm bà. Đứa cháu ở với bà, và bà con lối xóm xì xào với nhau là bà già khùng rồi.

Không khùng sao được khi một bà già teo tóp, tóc bạc chỉ còn mấy sợi, mắt hấp háy, miệng hom hem, một bà già như vậy mà ngồi yên hàng giờ ngó cây bàng, đôi vai gầy nhô lên tụt xuống. Có người hỏi bà ngồi làm chi đó, bà làm thinh. Hay chỉ nói: Tui thở. Bà già khùng thiệt. Ai mà không thở!

Đầu năm, có lệnh "đập" mặt tiền những nhà lồi ra ngoài đường quá mức qui định. Phải "đập", thụt vô, xây lại. Để người ta tráng nhựa con hẻm. Cây bàng xấu số: Nó đứng ở cái chỗ thật chướng mắt. Nó nằm ngay ở ngã ba con hẻm.

...

Khi bị đốn xuống, ngã cái rầm, con nít la hét um sùm. Người lớn thì lăng xăng dành nhau, hốt lượm cành lớn cành nhỏ gẫy văng tứ tung. Có "ga", có điện rồi, nhưng để dành được vài que củi vẫn hơn.

...

Không đầy hăm bốn tiếng sau khi cây bàng bị đốn xuống, đứa cháu nhỏ hô hoán lên là ngoại nó chết rồi.❐

Bạn đọc Văn Học tìm mua ngay

MARIE SẾN

Cuốn tiểu thuyết dữ dội, độc đáo của nhà văn

Phạm thị Hoài

do Thanh Văn xuất bản tháng 4 năm 1996. Giá 10 Mỹ kim.

Xin liên lạc Nhà xuất bản Văn Nghệ
PO Box 2301, Westminster, CA 92683 U.S.A.
Phone: (714) 527-5761

Thù

Nguyễn Trung Hối

Tôi vừa lách mình qua cửa thì Walker đã hét toáng lên:

"Thằng Nhỏ, lần sau mầy còn đi trễ nữa thì tao sẽ cuộn mầy lại ném lên trên cái rổ kia!"

Tôi vội vàng xin lỗi, viện cớ vì xe buýt chạy trễ. Sự thật thì con bồ của tôi cứ nhất định đeo tôi suốt cả buổi trưa, không chịu nhả ra. Đến khi tôi nhắc đến Walker thì nó mới để cho tôi dông. Lea cũng là môn đệ của Walker về môn bóng rổ. Cả hai đứa đều được cái may mắn là đệ tử ruột của ông huấn luyện viên trưởng đội tuyển của trường, nhưng mỗi đứa học một giờ khác nhau. Walker chỉ dạy cho mỗi hai đứa chúng tôi, ngoài thì giờ huấn luyện cho đội tuyển. Không đòi hỏi gì ngoài việc đi học phải đúng giờ. Toàn là ném bóng. Ném một tay thôi. Ở mọi tư thế, mọi vị trí. Lea còn khá hơn tôi, đã học được hơn một năm. Còn tôi, mới là sinh viên tò te thôi. Bởi vì tôi mới đến Mỹ đúng sáu tháng. Chỉ vì tôi mê bóng rổ, những giờ nghỉ thường đến sân trường để xem đội tuyển tập dượt nên quen với Walker. Tự nhiên ông kết tôi và đề nghị chỉ dẫn cho tôi chơi bóng rổ. Walker người da mầu, cao dễ gần hai thước. Ấy, tôi vẫn chưa quen cách hình dung chiều dài theo foot và inch. Walker vẫn gọi tôi là "Thằng Nhỏ", và Lea cũng bắt chước Walker gọi tôi là "Thằng Nhỏ". Cả hai không hề thắc mắc hỏi xem tên thật của tôi là gì. Có nói, họ cũng không đọc được. Vậy cứ gọi tôi là Kid cho tiện.

Ngoài giờ đội tuyển tập luyện, tôi chỉ vào được sân khi có Walker ở trong đó. Vì Walker mở cửa cho tôi vào. Còn ngoài ra, sân bóng rổ thường được khóa kín cửa, vì trường sợ sinh viên vào chơi bóng, phá hư cái sân bóng sáng như gương của trường. Muốn vào chơi, tôi phải nghe lời Walker, đi đúng số và kiểu giày Nike dành riêng cho bóng rổ mà ông ta đã dặn. Nếu không, chỉ việc ngồi trên khán đài, cấm không được xuống sân bóng.

Ngay từ lần đầu tiên xem đội tuyển của trường tập luyện, tôi đã mê ngay cầu thủ mang số 1 có khuôn mặt gần giống cầu thủ nổi tiếng cũng mang số 1 của đội bóng rổ nhiều lần vô địch liên bang của Portland, Rod Strickland của đội Blazers. Anh ta mang cái tên sau áo cũng vui: "Con Trai".

Tôi hình dung một ngày nào đó tôi được Walker chọn vào đội tuyển bóng rổ của trường, thi đấu bên cạnh cầu thủ số 1. Anh ta mang tên "Son", còn tôi sẽ mang sau lưng tôi "Kid", thế nào cũng gây được ấn tượng tốt trong khán giả. "Con Trai" đi bóng lanh lẹ và lắt léo y chang Rod. Anh ta là ngôi sao của đội tuyển và là thần tượng của không biết bao nhiêu nữ sinh viên của trường nữa. Tôi nghe nói như thế. Vả lại, ngay chính tôi còn mê Son nữa là...

Nhiều lần, tôi lân la lại gần "Con Trai" hy vọng được làm quen với ngôi sao mà tôi yêu, nhưng vô tình hay hữu ý không rõ, bao giờ Son cũng bỏ đi chỗ khác. Đã nhiều lần như thế. Hôm nay, thật bất ngờ, sau khi tôi bị Walker lên lớp xong vì đến trễ, tôi lại vui mừng vì thấy có "Con Trai" trong sân. Son mặc một cái quần jean hiệu Guess màu trắng với cái áo thun cũng của Guess màu đen. Đôi giày bóng rổ nhà nghề Nike Air hai màu đen trắng không chỗ nào chê được. Cũng đôi ria phơn phớt như Strickland, nhưng da Son trắng hơn. Anh ta trông điển trai như thế không trách gì các nữ sinh viên mê như điếu đổ...

"Thằng Nhỏ!" Walker bảo tôi. "Học ném bóng như thế tạm đủ. Mày cần ôn tập hàng ngày, nhớ chưa? Và nhớ là lúc nào cũng phải ném bóng một tay. Nếu mày ném bóng bằng hai tay thì tao sẽ bẻ gẫy cái tay dư thừa đó cho mày. Nhớ chưa, Thằng Nhỏ?"

Rồi chỉ "Con Trai", ông tiếp:

"Hôm nay, Son sẽ dạy cho mày cách đi bóng. Mày hãy cố gắng để tiếp thu, không có cơ hội khác đâu!"

Xong, ông ta đi thẳng ra cửa để "Con Trai" và tôi ở lại. Son nói tiếng Anh nặng như người Nhật, nhưng nhanh và trôi chảy. Anh ta biểu diễn cách đi bóng mà tôi đã nhiều lần nhìn ngắm đến say mê. Đoạn, anh ta bắt tôi làm lại những động tác nhồi bóng, lách người, xoay mình... sau khi đã làm chậm trước cho tôi rõ. Tôi làm được ngay. Tôi không có trí sáng tạo bằng ai nhưng nhờ trời có tài bắt chước. Tôi chỉ cần một lần nhìn là thuộc lòng động tác và sau đó, trong sân cư xá, tôi đã tập lại thật thuần thục những ngón nghề bất hủ của Rod Strickland hay của Clifford Robinson. Thấy tôi đi bóng, gương mặt lầm lì của "Con Trai" dần dần đổi sang tươi vui. Anh ta giành lấy bóng, bảo tôi:

"Thôi nghỉ. Hôm nay như thế đủ rồi."

Không chỉ đủ mà tôi đã mệt ngất ngư. Mồ hôi ướt đẫm người dù ngoài sân trường lúc nãy tôi thấy đồng hồ nhiệt độ chỉ 38 độ F.

"Mầy khá lắm!" "Con Trai" vỗ vai tôi.

"Cám ơn."

"Mầy tên gì?" "Con Trai" lại hỏi.

"Kid." Tôi trả lời.

"Cứt họ!"

Tôi giật nẩy mình. Anh ta nói cái gì nghe như tiếng Việt?

"Bộ mầy tưởng tao tên là... là "Con Trai" chắc? Tên tao là Sơn, có nghĩa là núi, mầy hiểu chưa? Còn tên Việt Nam của mầy là gì, chứ đâu phải... Cứt hay Kid, phải không?"

Sơn? Sơn bóng rổ? Tôi nhớ lời cô Tuyết dặn dò trước lúc lên máy bay: "Hoàng Sơn, huấn luyện viên bóng rổ, đi chuyến bay ngày 24.11.1990. Nơi đến San Francisco. Nếu tìm thấy, em chỉ nói là thầy có một đứa con trai tên là Phạm Hoàng Sơn, sinh ngày 20.8.1991."

"Anh còn nhớ cô nào ở Việt Nam tên là Tuyết không?"

Tôi không gọi bằng "thầy" như lời cô dặn, vì tôi thấy anh ta ăn nói thô lỗ cộc cằn...

"Mầy chưa trả lời tao mà đi hỏi chuyện gì vậy? Một trăm cô Tuyết thì biết cô Tuyết nào?" Sơn nhún vai biểu lộ sự bất cần.

"Cô Tuyết giáo viên, người Bắc."

"Con nhà cán bộ chớ gì? Có quen cũng coi như để... trả thù. Nhớ làm gì?"

Nhắn tin: Anh Sơn, tôi nghĩ là thằng nhỏ sẽ không nói với anh những gì cô Tuyết đã nhờ. Nhưng chuyện anh có cháu Sơn là thật. Nếu anh biết xót tình máu mủ và có trách nhiệm, hãy liên lạc với cổ ở địa chỉ cũ: 391 Đ.B.P.❐

Kim Nga

Phùng Nguyễn

Nàng cực kỳ xinh đẹp và cực kỳ tài hoa. Nàng đẹp ... chết người và viết văn hay ... chết người. Nàng tên Kim Nga, con ngỗng vàng. Con ngỗng vàng đẻ trứng vàng, những tác phẩm văn chương tròn trĩnh, bóng loáng, và rực rỡ như vàng. Nàng viết về tình yêu, và chỉ tình yêu mà thôi. Đàn ông tôn thờ nàng, và đàn bà ganh ghét nàng. Nhưng nàng đâu cần để ý. Nàng chỉ sống cho và viết về tình yêu, còn ngoài ra, mọi sự đều không đáng kể.

Nàng có nhiều mối tình. Và mỗi mối tình là một tác phẩm xinh đẹp. Kệ sách khổng lồ trong thư phòng của nàng chứa đầy những mẩu chuyện tình mà nàng là tác giả. Người ta bảo truyện của nàng đẹp như cổ tích. Chúng nói về những người đàn ông xinh đẹp yêu những người đàn bà xinh đẹp. Chúng có những đoạn kết xinh đẹp, những trái ngang, những chia ly xinh đẹp, và những đau khổ xinh đẹp. Như vậy đó, mọi việc đều xinh đẹp.

Nhưng người hàng xóm của nàng không xinh đẹp. Hắn ta là một người xấu xí. Ngay cả cái tên của hắn cũng xấu xí, mỗi khi gọi lên gợi cho người nghe tiếng kêu của loài ễnh ương, ếch nhái. Của một con cóc. Phải rồi, hắn xấu xí như một con cóc. Và hắn yêu Kim Nga. Trời đất, hắn yêu nàng thực đó!

Ngày hắn dọn về đây thì Kim Nga đang sống với chồng, một người đàn ông đẹp trai, lịch sự. Rồi một hôm gã hàng xóm thấy người chồng xách va li ra đi. Người chồng đi mãi không về. Hắn muốn qua an ủi Kim Nga, nhưng lại không dám. Rồi một hôm, có người đến với nàng. Đó là một người đàn ông đẹp trai, lịch sự. Gã hàng xóm bỏ ý định qua an ủi Kim Nga. Rồi người đàn ông lịch sự lại xách va li ra đi. Rồi lại có người khác đến với nàng. Rồi một người khác. Rồi nhiều người khác. Người nào

cũng đẹp trai, cũng lịch sự, và cũng xách va li ra đi. Và cứ mỗi lần như vậy, tủ sách của gã hàng xóm lại có thêm một tác phẩm mới của Kim Nga về một mối tình vô cùng xinh đẹp, như thường lệ.

Gã hàng xóm vẫn xấu xí, và vẫn yêu nàng. Điều này thì ai cũng biết rồi, và câu chuyện lẽ ra nên chấm dứt ở đây nếu hôm đó trời không đổ tuyết xuống dữ dội. Hắn vác cuốc xẻng ra sân xúc tuyết. Rồi hắn nhìn thấy Kim Nga. Trông nàng có vẻ lúng túng.

Chưa bao giờ Kim Nga tỏ vẻ lúng túng. Ngay cả khi chồng nàng xách va li ra đi. Ngay cả khi những người đàn ông đẹp trai, lịch sự xách va li ra đi. Nhưng đó là chuyện tình yêu. Đằng này, xe của nàng bị hỏng! Người đàn ông đẹp trai, lịch sự lại mới vừa xách va li ra đi ngày hôm qua! Cũng may mà có gã hàng xóm. Hắn vứt chiếc xẻng, nhấc chân bước qua cái hàng rào thấp ngăn hai sân nhà, đến gần nàng. Hắn lắp bắp:

"Tôi là X. Tôi là hàng xóm của cô."

Kim Nga cố nín cười. Cái tên của gã hàng xóm làm nàng nghĩ đến tiếng kêu của loài cóc nhái. Nàng trả lời:

"Tôi là Kim Nga. Xe tôi bị hỏng, mà tôi lại có việc cần phải đi ngay."
"Tôi nghĩ tôi có thể giúp cô được."

Gã hàng xóm quay về nhà lấy thùng đồ nghề. Năm phút sau, xe nổ máy. Kim Nga đưa bàn tay thanh lịch mang găng trắng ra bắt tay gã hàng xóm để cám ơn. Hình như bàn tay nàng được giữ lại ... hơi lâu. Nàng ngẩng lên nhìn vừa kịp lúc để bắt gặp ánh mắt của hắn. Kim Nga đã quá quen thuộc với ánh mắt này, ánh mắt si dại của những người đàn ông đẹp trai, lịch sự đã yêu nàng và sau đó đã xách va li ra đi. Nhưng nàng thực sự chưa chuẩn bị để bắt gặp kiểu ánh mắt này ở người hàng xóm xấu xí. Với nàng, xấu xí là điều cấm kỵ. Trong những tác phẩm của nàng, xấu xí không được quyền hiện diện. Ngay cả những điều xấu xa cũng phải mang một vẻ đẹp nào đó. Những gian dối đẹp đẽ, những phản bội, những lừa đảo đẹp đẽ.

Gã hàng xóm buông tay nàng ra, nói lí nhí:

"Cô không cần phải cám ơn. Tôi đã đọc tất cả các tác phẩm của cô..."
Kim Nga ngạc nhiên quá đỗi. Gã đàn ông xấu xí có cái tên như loài cóc nhái này mà cũng đọc truyện tình ư?

"Ông cũng thích đọc truyện tình yêu của tôi à? Thế ông đã yêu lần nào chưa?"

Nàng hỏi, không hy vọng gì mấy.

"Dạ có ạ. Chỉ một lần thôi!"

Trời đất! Kim Nga thực tình không hiểu tại sao trên thế gian này lại có người chỉ yêu có mỗi một lần. Thực là đáng thương! Nàng đã yêu bao

nhiêu lần, có mà trời biết!

"Thế ông yêu ai vậy?"

Gã hàng xóm chợt ú ớ, cổ họng phát ra những tiếng kêu khằng khặc. Sau cùng, hắn trả lời:

"Cô đấy. Tôi yêu cô đấy, cô Kim Nga ạ."

Phải mất mấy giây Kim Nga mới hiểu ra câu nói của gã hàng xóm. Thế này thì khôi hài quá chừng! Tự dưng nàng cảm thấy buồn cười không nhịn nổi. Nàng bật cười, cười rũ rượi. Gã hàng xóm ngơ ngác không hiểu gì cả. Hắn trân trối nhìn nàng, vô cùng xinh đẹp và cười rũ rượi. Ngưng cười, nàng hỏi, giọng như ... hỏi cung:

"Thế ông yêu tôi từ bao giờ?"

"Thưa lâu lắm rồi ạ. Từ lúc tôi được nhìn thấy cô lần đầu. Lúc ấy chồng cô còn ở đây."

Thế thì lâu thực, nàng nghĩ. Nàng không còn nhớ rõ người chồng cũ xách va li ra đi vào ngày tháng năm nào. Nàng đã vô cùng bận rộn với những cuộc tình mới, những tác phẩm mới. Gã hàng xóm lại tiếp tục, giọng cả quyết:

"Lúc nào tôi cũng yêu cô. Ngay cả những khi cô sống với mấy người kia. Ngay cả bây giờ."

Chẳng lẽ hắn lại yêu mình thực. Đúng là cóc đòi ăn thịt ngỗng trời! "Thế thì ông có buồn khi thấy tôi với những người kia không?"

"Dạ có chứ. Mỗi khi thấy một người trong bọn họ xách va li ra đi, tôi buồn cho ông ấy lắm."

Cái gì? Gã đàn ông xấu xí có cái tên như cóc nhái tiếp tục làm nàng ngạc nhiên.

"Ông ...có sao không? Lẽ ra ông phải buồn cho tôi mới phải chứ. Tại sao ông lại buồn cho những tên đàn ông bạc bẽo đó?"

"Cô không yêu họ thì họ phải ra đi thôi."

Thế này thì hết chịu nổi nữa rồi. Trò đùa đã đi quá xa, và nàng cảm thấy bị xúc phạm nặng nề. Chẳng phải là nàng đã yêu đắm đuối và đã đau đớn chất ngất hay sao? Chẳng phải những tác phẩm của nàng đã làm chứng cho những cuộc tình đắm say và những chia ly thống thiết của nàng hay sao? Gã này ... điên rồi. Và nàng nói ra điều mình suy nghĩ: "Ông điên rồi. Tôi yêu họ thực tình mà. Tôi đã đau khổ muộn phiền khi xa họ..."

"Không đúng đâu. Cô không yêu ai cả. Nếu không, đã có ít nhất một người ở lại với cô. Cô ... cô chỉ yêu cô thôi."

Gã hàng xóm nói một cách buồn rầu, như thể chính vì lỗi của hắn mà nàng đã không yêu mấy người kia. Còn nàng thì giận dữ quá đỗi. Hắn là

ai mà dám nói với nàng như vậy? Nàng hét lên:

"Ông đi đi... Tôi ghét ông lắm! Ông xấu xí như một ... con cóc. Tôi ghét ông..."

Nàng nhào vào xe, rú ga ầm ĩ, rồi phóng đi nhanh như tên bắn. Gã hàng xóm, mặt mày quần áo dính đầy bùn tuyết từ mấy chiếc bánh xe bắn ra, đưa tay vẫy rối rít, miệng lắp bắp như đang dặn dò điều gì. Nàng mặc kệ, rồ ga chạy vù đi. Trong cơn giận dữ, nàng quên bẵng điều cấm kỵ sơ đẳng trong việc lái xe: chạy quá nhanh so với điều kiện cho phép của đường sá. Chiếc xe chao đi khi nàng đạp thắng ở một khúc quanh, bốn bánh xe trôi tuột trên lòng đường băng giá trơn như mỡ, và trước mặt nàng, một thân cây to lớn bên vệ đường đang chạy đến với tốc độ chóng mặt. Cả thân trên của Kim Nga đổ ập vào chiếc túi vải cấp cứu đang bung ra vừa kịp lúc, và nàng ngất đi một sát na sau đó.

Khi Kim Nga xuất viện và trở về nhà ba ngày sau đó, những bó hoa sặc sỡ và những tấm thiệp chúc lành đủ màu nằm chật ở ngưỡng cửa ra vào. Nàng cho mang tất cả vào nhà, ngoại trừ một chậu hoa thô kệch chứa những cây hoa nhỏ vô danh trên đó có tấm thiệp xấu xí đề tên gã hàng xóm. Chậu hoa vô duyên nằm lẻ loi suốt đêm ngoài trời đông giá, những cây hoa nhỏ yếu ớt chết rũ ra trước khi kịp nhìn thấy bình minh. Buổi chiều, Kim Nga trông thấy một chậu hoa tươi khác giống hệt như chậu hoa ngày hôm qua được ai đó đặt ở ngưỡng cửa. Những cây hoa nhỏ trong chậu hoa lại chết rũ trong đêm. Chiều hôm sau, lại một chậu hoa mới ở ngưỡng cửa. Lần này, những cây hoa nhỏ được may mắn thấy lại bình minh. Nàng đã mang chậu hoa vào thư phòng của mình. Nàng cũng làm như vậy với chậu hoa thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy... Bây giờ thì thư phòng của nàng chỉ còn mấy chậu hoa này. Những bó hoa xinh đẹp, cắt tỉa cẩn thận nàng mang vào hôm trước nay đã héo rũ và bị vất đi. Buổi tối, Kim Nga ngồi trong thư phòng ngắm đám hoa nhỏ. Nàng không biết tên những cây hoa tầm thường này. Tên của chúng chắc cũng kỳ cục như tên gã hàng xóm. Những sinh vật tầm thường với những cái tên kỳ cục! Chợt nàng nghĩ đến những điều gã hàng xóm đã nói với nàng. Nàng không còn cảm thấy giận dữ như hôm ấy nữa. Có lẽ cơn giận đã ra đi cùng với cái tai nạn ghê gớm xảy ra hôm đó. Ánh mắt nàng lang thang trên những kệ sách. Ở đó, những tác phẩm của nàng nằm ngay ngắn, trật tự, đẹp đẽ như những quả trứng vàng tròn trĩnh, bóng loáng. Ở đó, dưới bàn tay phù thủy của nàng, những cuộc tình gai góc đã trở nên tròn trịa, những thống khổ đã trở nên dịu dàng, và những xấu xa đã hóa trang thành điều có thể chấp nhận được. Ở đó, sự thực lãng đãng như khói và mờ mịt như sương mù. Và ở đó, mọi sự đều đẹp đẽ như những quả trứng bằng vàng, tròn trĩnh,

bóng loáng, vô tích sự.

Đêm hôm ấy, Kim Nga sưởi ấm căn thư phòng bằng những cuốn sách xinh đẹp trên kệ sách của nàng. Khi cuốn sách cuối cùng cháy bùng lên trong chiếc lò sưởi nhỏ, nàng bật ngọn đèn ở bàn viết, ngồi xuống, và bắt đầu viết. Và viết. Và viết. Viết say mê. Và khi những nụ hoa nhỏ tầm thường thức dậy chào đón bình minh, chúng thì thầm bảo nhau giữ im lặng để khỏi đánh thức người đàn bà xinh đẹp đang ngủ vùi trên tác phẩm mới của nàng.

Kim Nga trở nên nổi tiếng hơn bao giờ hết. Trước đây, chỉ có những người đàn bà xinh đẹp, quý phái và những người đàn ông lịch sự, quý phái đọc sách của nàng. Người ta bảo những tác phẩm ngày xưa của nàng như tòa lâu đài trong cổ tích, đẹp và không có thực. Bây giờ, mọi người đều đọc nàng. Già, trẻ, lớn, bé, giàu, nghèo, sang, hèn. Và họ tìm thấy chính họ trong từng trang giấy, hít thở, ăn uống, yêu thương, hận thù, hạnh phúc, đau khổ, và sống, và chết. Nếu những nụ hoa nhỏ tầm thường biết đọc, chúng cũng sẽ bắt gặp chúng trong đó, hân hoan chào đón bình minh hoặc héo rũ xác xơ trước ngưỡng cửa nhà ai trong một đêm đông giá lạnh.

Và Kim Nga lại có thêm một cuộc tình, trong đó nàng tìm thấy những rung cảm mới lạ chưa bao giờ có được ở những cuộc tình trong quá khứ. Người đàn ông đến với nàng không mang theo chiếc va li nào cả. Bởi vì chàng không có ý định xách va li ra đi. Vĩnh viễn không. Họ, Kim Nga và người tình, có với nhau những đứa con xinh đẹp. Những đứa con gái kiều diễm và tài hoa như Kim Nga. Những đứa con trai thông minh, lịch sự, và đẹp trai như bố của chúng. Và họ sống hạnh phúc bên nhau suốt đời...

Gì nữa? Gã hàng xóm? Thì gã vẫn vậy. Vẫn xấu xí, vẫn giữ cái tên kỳ quặc, và vẫn yêu Kim Nga trong vô vọng. Thỉnh thoảng, vào những hôm tuyết đổ dữ dội, gã lại mang cuốc xẻng ra sân xúc tuyết. Tuyết phủ ngập sân như thế thì phải xúc đổ đi. Chứ còn biết làm gì hơn bây giờ?❐

Nhạt màu phố cũ

Song Thao

Hoán theo Ngọc mà lòng dấy lên nỗi thắc mắc. Khúc đường này trước kia làm gì có tiệm ăn. Toàn là nhà ở loại trung lưu dắt díu nhau đứng như anh em song sinh. Cái nào trông cũng giống nhau. Hoán đâu có lạ gì dãy phố dễ thương này. Ngày xưa tới chơi nhà Châu, Hoán phải chăm chú nhìn số nhà không thì thế nào cũng lỡ bước phải vòng lại. Châu bây giờ ở nơi nao? Hoán đảo mắt chăm chú nhìn vào mấy bà nhếch nhác trong chiếc áo bà ba nhàu nát cùng chiếc quần đen bạc màu đang la hét bày con nít chạy quanh mấy gốc cây trên lề đường. Châu bây giờ chắc cũng đã tay bồng tay mang. Nhà Châu ở khúc nào? Chịu. Con số khô khốc trước cửa nhà Châu đã tuột ra khỏi đầu óc Hoán từ lâu. Chỉ còn đôi mắt đen lay láy, chiếc răng khểnh duyên dáng và chiếc miệng cười nở ra cả trời sao là còn ở lại. Hoán thấy nao nao trong lòng. Như vừa đánh rớt một chút dịu dàng của kỷ niệm. Anh chúi người về phía trước khi vấp phải một nhánh rễ cây bò lan trên mặt đất. Ngọc vội vàng giơ tay ra nắm anh lại vừa cười vừa nói:

–Ông Việt kiều bị nguồn cội níu chân hơi kỹ đấy nhé. Có sao không?

Hoán ngượng ngùng giả lả:

–Được cái tổ tiên còn xót thương đứa con lưu lạc nên không sao. Mà cậu có lộn không? Khu này mà ăn uống nỗi gì?

–Vừa vừa thôi chứ cậu. Phải vững lòng tin vào tên thổ công này chứ. Có phải cứ có mác Việt kiều là muốn nói gì thì nói sao. Tôi biết khu này cậu rành lắm rồi. Khiếp thật, gần hai chục năm rồi mà em Châu vẫn cứ đánh đu trong đầu cậu như thường. Đổi đời rồi cậu ơi. Cậu đi đông đi tây như đi chợ thì cũng phải cho cái khu này nó thay đổi chút đỉnh chứ. Không chừng chút nữa vô tiệm lại đúng nhà em Châu thì vui lắm đấy!

Hoán lầm lũi bước đi. Ánh đèn đường vàng đục vẽ nguệch ngoạc

bóng anh trên đường. Cây cột đèn xi măng sứt mẻ đầy dấu tay dầu mỡ của anh thợ sửa xe đạp nào đó đứng lặng lẽ buồn tênh. Hoán dừng bước trước căn nhà có cây trứng cá đứng cụp lá trước hàng rào gỗ xộc xệch. Ánh đèn ống trắng xóa hắt ra chấn song cửa sổ in rõ nét một cô gái tóc dài đang cắm cúi học bài làm Hoán nhớ tới Châu ngày cũ. Châu cũng có cái dáng ngồi ngoan như vậy. Mười bảy năm rồi còn gì nữa. Ngày đó Châu cũng vừa mười bảy tuổi. Em nó còn nhỏ để đi với hai bác tiện hơn, thế nào bác cũng kiếm được đường đi, sang bên đó trước sau gì cũng gặp lại nhau, cháu cứ yên tâm đi trước đi. Ba Châu đã ôn tồn nhưng cương quyết trong những ngày chộn rộn đó. Chỗ của Châu trên tàu cùng với gia đình Hoán đã được một tên bạn tốt số của em Hoán trám vào. Hoán đứng ngây người nhìn khuôn mặt nghiêng nghiêng có chiếc miệng uốn éo theo tay viết bên trong cửa sổ. Ngọc phải kêu tới hai lần Hoán mới tiếc rẻ quay người bước đi.

Ngọc dừng bước trước một căn nhà có cánh cửa sắt kéo rộng sang hai bên. Ánh đèn vàng quạch yếu ớt đổ một chút ánh sáng ra lề đường. Dưới mái hiên có một tấm bảng xanh chạy dài suốt chiều ngang căn phố. Chiếc đèn ống sáu tấc nhỏ xíu vừa đủ soi rõ tên tiệm và dòng chữ "nhà hàng đặc sản" . Hoán ngơ ngác nhìn vào bên trong. Chỉ có một chiếc quầy hình móng ngựa cũ mèm và một cô gái nhìn ra mỉm cười chào đón. Bức tường chắn ngang tầm mắt Hoán gắn một tấm gương che kín gần hết mặt tường. Hoán nhìn thấy tấm gương phản chiếu nụ cười giễu cợt của Ngọc đang đứng bên cạnh anh. Anh quay sang hỏi:

–Có đúng là nhà hàng không vậy?

Ngọc vẫn chưa buông nụ cười dễ ghét:

–Nhà hàng chứ còn gì nữa. Cậu làm ơn đóng cái miệng dùm đừng hỏi những câu nhà quê như thế nữa!

Hoán lắc đầu tức tối. Đôi chân anh đã đi mòn khắp năm châu bốn biển nay trở về nơi xó xỉnh cũ lại bị cái thằng trời đánh này phán là nhà quê. Anh toan lên tiếng chửi thề thì Ngọc đã tới trước quầy vuốt má cô gái nói:

–Cưng cho anh phòng hai chỗ nghe.

Cô gái rời khỏi quầy õng ẹo:

–Ai chứ anh Ngọc thì bắt buộc phải có phòng đặc biệt cho anh rồi! Hoán lớ ngớ đi theo hai người vào một lối đi nhỏ xíu mờ mờ ánh đèn vàng vọt. Mùi nước hoa sực nức tỏa ra từ người cô gái làm anh khó chịu. Ngọc ghé tai nói nhỏ với cô gái. Cô quay lại giơ tay ra:

–Em là Tâm.

Hoán miễn cưỡng bắt tay cô gái:

–Cứ gọi anh là anh Ba cho tiện.

–Chắc anh ở ngoài Bắc vào công tác?

Hoán chưa biết phải nói năng ra sao thì Ngọc đã đỡ lời.

–Không phải đâu. Anh này bạn anh từ nước ngoài về chơi.

Cô gái chăm chú nhìn Hoán từ đầu tới chân, đôi mắt long lanh chớt nhả:

–Việt kiều có khác. Trông ngon lành gớm. Có định cưới vợ quê hương thì em làm mai cho.

Ngọc kéo tay cô gái :

–Làm mai cho anh đây này. Bạn anh nhát gái lắm. Coi chừng hắn bỏ chạy đi thì em lỗ một người khách anh lỗ một bữa ăn. Hai đứa mình có ôm nhau an ủi mấy cũng chẳng ăn thua gì.

Ngọc ôm cứng lấy Tâm. Cô gái làm bộ đẩy Ngọc ra:

–Xí! Đừng có lợi dụng. Ôm anh thì ăn cái giải gì. Mà thôi, tội nghiệp. Ôm một chút thôi nghe. Để giùm cái bàn tay ra phía trước đi ông mãnh! Hoán theo sau hai thân người ôm nhau ngả nghiêng bước đi như say rượu. Họ vượt qua từng chiếc cửa phòng gắn kiếng có màn che chỉ thấy lờ mờ bên trong. Tiếng nói cười râm ran vọng vào tai Hoán. Cô gái mở cửa căn phòng phía cuối dãy, đẩy hai người vào rồi đóng cửa lại.

Hoán đảo mắt nhìn quanh. Bộ sa lông hình móng ngựa bao quanh ba mặt tường ôm gọn chiếc bàn mặt kiếng thấp lè tè ở giữa. Trên tường treo vài bức hình khỏa thân từ mấy tờ báo ngoại quốc cũ rích. Ngọc ngồi xuống ghế rút thuốc ra hút mặc cho Hoán ngơ ngác nhìn quanh. Chờ một lúc thấy Hoán vẫn đứng ngay sau cửa, Ngọc lên giọng kẻ cả:

–Quan sát đủ chưa ông Việt kiều? Bên đó không có sa lông cùng mấy tấm hình hạng bét này hay sao mà ông nghía kỹ thế? Ông làm ơn ngồi xuống ghế đây cho dân chúng bắt đầu làm việc chứ!

Hoán cười gượng tới ngồi trước mặt Ngọc. Cánh cửa mở. Anh bồi bàn trịnh trọng bưng chiếc đĩa trên có hai cái khăn nóng bốc khói nghi ngút cúi đầu chào. Hai tay anh điệu nghệ kẹp khăn trao cho khách. Da mặt Hoán nở ra dễ chịu khi anh áp chiếc khăn nóng vào mặt. Anh bồi bàn tươi cười hỏi:

–Mời hai vị kêu món ăn.

Ngọc ngồi dựa đầu vào thành ghế, hai chân giang ra thoải mái, thành thạo hỏi:

–Hôm nay có gì đặc biệt không?

–Thưa có đuông chiên lăn bột.

–Được đó!

–Thưa có nai lúc lắc.

–O.K. Anh cho thêm một đĩa khoai tây chiên dòn nghe.

–Hai vị dùng la de?

–Ờ. Heineken lon.

Một cô bé bưng một mâm vào bày biện trên bàn. Đậu phọng da cá. *Chip*. Tôm khô. Kẹo cao su. Tất cả còn nguyên trong bao. Hoán nhìn mấy đĩa trên bàn rồi nhìn Ngọc:

–Lạ nhỉ? Khai vị bằng *chip* và kẹo cao su sao?

–Thắc mắc làm chi? Ở đây *chip* và kẹo cao su là thứ đắt tiền nên họ bày ra cho sang vậy thôi. Ông chê thì để đấy sẽ có người ăn dùm cho ông.

Cửa lại mở. Một thiếu phụ trang điểm lòe loẹt quần áo diêm dúa hở hang bước vào. Đôi mắt tít lại hỏi:

–Anh Ngọc hôm nay có khách quí phải không? Hai anh cho các em vào nhé!

Ngọc ưỡn người:

–Em chọn cho ông bạn anh một em ngon lành coi. Ông ấy khó tính lắm đấy, em tính sao thì tính. Kiếm em nào hát hay, nói chuyện có duyên, hiền lành, ngoan ngoãn, khéo chiều chồng.

–Anh đòi hỏi như vậy chắc chỉ có em là được thôi.

Thiếu phụ đưa tay che miệng cười khúc khích làm bộ ngượng ngùng rồi tiếp:

–Nói vậy chứ em quá đất rồi. Để em kiếm một cô bảo đảm là bạn anh phải hài lòng. Còn anh muốn em nào tiếp hôm nay đây?

–Kêu em Cúc cho anh đi.

–Cúc nào anh? Cúc tóc dài hay Cúc tóc ngắn?

–Cúc tóc dài.

Cánh cửa vừa khép lại, Hoán hỏi ngay:

–Bộ cậu ăn cơm bữa ở đây sao mà rành sáu câu quá vậy?

Ngọc thở dài:

–Tuần nào mà chẳng vài lần. Làm ăn với mấy anh cán Bắc kỳ phải có mục này đi đầu. Đi với mấy anh nhà quê đó chán ngắt, nhiều khi ngượng tím người.

Tiếng mở cửa cắt ngang câu nói của Ngọc. Chị cai gà dắt một cô bé trình diện ở cửa. Ngọc hất đầu hỏi Hoán:

–Cậu ưng thì cho vào. Không ưng thì họ sẽ giới thiệu em khác. Hoán bối rối nhìn cô gái trẻ đang ngửng cao mặt nhìn vào cười mời chào. Mái tóc dài của Châu làm anh lặng người. Những sợi tóc nhỏ đen nhánh trải dài mềm mại xuống quá vai, vài sợi tóc lẻ loi nằm vắt từ giữa trán gài vào hai tai che bớt khuôn mặt có chiếc cằm dịu dàng nhỏ nhắn. Anh gật đầu như một chiếc máy vô tri. Chị cai gà đẩy cô bé vào.

Cô bé tươi cười ngồi xuống cạnh Hoán giơ tay ra:

–Em tên Trang.

Hoán cầm bàn tay mềm mại:

–Anh là Hoán.

Trang ngồi sát vào Hoán, ngả đầu vào vai anh. Hoán bất giác đưa tay lên vuốt mái tóc dài. Những ngón tay anh đan vào mái tóc óng mượt. Anh cảm thấy tóc Châu quyện trong tay anh. Ngày xưa Châu thường giơ tay lên ngang vai bắt bàn tay Hoán rơi xuống từ mái tóc, âu yếm bóp nhẹ thăm hỏi mỗi khi hai người gặp nhau. Tay Hoán rơi xuống đôi vai trần của Trang. Nàng với tay lên nắm tay anh, kéo sát vào ngực. Cánh cửa mở làm Hoán rơi ra khỏi vùng kỷ niệm. Cúc bước vào lanh chanh nói:

–Ủa, anh Ngọc. Hôm nay đi có hai người thôi à? Chu choa, mấy ông nội anh mang tới bữa trước thật không giống ai. Anh bạn anh hôm nay mới tới đây lần đầu phải không? Trông lạ hoắc à! Mà dễ thương quá đấy chứ. Anh tên chi anh?

Trang kéo sát Hoán vào người vênh váo:

–Hỏi tên làm chi vậy? Bộ muốn hớt tay trên sao?

Cúc đưa đẩy:

–Ai mà dám. Trông anh chị du dương vậy lòng dạ nào mà chia uyên rẽ thúy. Bộ em để anh Ngọc đây cho cọp ăn hay sao?

Nàng sà vào người Ngọc, ôm hôn thật kêu trên má:

–Phải không cưng của em? Mình ôm nhau mùi hơn cho thiên hạ tức chơi nghe cưng!

Cúc xiết chặt Ngọc. Ngọc ôm cổ Cúc nói:

–Thôi giỡn vậy đủ rồi nghe cưng. Con gái phải ăn nói nhỏ nhẹ hiền lành dễ thương chứ!

Cúc giơ tay bẹo cằm Ngọc:

–Dạ thưa anh, anh dạy em xin vâng lời anh.

Ngọc tát nhẹ vào má Cúc. Cúc ngửa mặt chớp chớp mắt làm điệu. Ngọc bật cười:

–Thôi đừng làm trò nữa kẻo bạn anh cười cho bây giờ.

Cúc vênh mặt với Hoán:

–Ai cười hở mười cái răng.

Hoán nhe cả hàm răng ra trêu Cúc.Cả bốn người cười vang phòng. Tiếng cười át tiếng gõ cửa lộc cộc. Cửa phòng mở ra. Hai anh bồi khệ nệ bưng vào hai mâm đầy, bận rộn bày biện đồ ăn thức uống trên bàn. Hai cô gái nhanh nhẹn gắp đá rót la de. Hoán cản tay Trang:

–Anh không uống đá.

Giọng Trang trêu chọc ngọt lịm:

–Anh cũng đâu có uống la de nóng được phải không anh?

Ngọc nghiêm giọng nói:

–Trang, em lấy la de lạnh cho bạn anh! Ông Việt kiều này sợ đau bụng. Trang ngẩng mặt lên chăm chăm nhìn vào Hoán:

–Ủa, anh là Việt kiều về chơi hả? Thảo nào mũi anh cao thế. Cúc làm bộ rành rẽ:

–Mắt mày đúng là mắt giấy. Trông thấy biết là Việt kiều liền. Tao đoán từ lúc mới vô kia!

Trang ngượng ngập giải thích:

–Bị anh Ngọc đưa tới đây toàn mấy ông Hà Nội nên thấy anh Hoán nói tiếng Bắc em nghĩ ngay là dân Bắc kỳ chính cống.

Hoán nắm cằm Trang nhấc cả khuôn mặt lên cao:

–Anh là Bắc nhưng không kỳ, nghe chưa em?

Trang khẽ vuốt cánh tay trần của Hoán, nâng lên mũi ngửi:

–Đúng anh là Việt kiều thiệt!

Ba người ngạc nhiên nhìn Trang day day chiếc mũi vào cánh tay Hoán. Trang tỉnh bơ hít từng hơi dài thủng thẳng nói:

–Mấy anh ở nước ngoài có cái mùi thơm lạ lắm. Ngửi là biết liền à! Hoán cảm thấy ngượng ngùng trước cử chỉ tự nhiên của Trang. Anh pha trò:

–Ở bên đó anh ăn mắm ruốc như điên. Chắc là mùi mắm.

Trang bóp mạnh tay Hoán:

–Không cần biết mùi gì nhưng đó là mùi nước ngoài. Em thích! Nàng cầm đũa gắp miếng đuông chiên bột đút vào miệng Hoán:

–Anh dùng miếng đuông. Bên đó chắc không có.

Miếng đuông vừa bùi vừa béo quyện vào lưỡi Hoán làm anh nhớ lại những ngày nhậu nhẹt xưa ở Chợ Cũ. Bạn bè nay đã tứ tán, chỉ còn Ngọc ngồi trước mặt anh. Anh nhấc ly la de nói với Ngọc:

–Ngọc, cậu cụng với tôi ly này để nhớ lại những ngày cũ. Rút cục chỉ còn tôi với cậu ngồi uống với nhau.

Giọng anh rạn nứt. Nước mắt anh muốn chảy ra. Bao nhiêu năm lưu lạc ôm nặng nỗi nhớ mong trong lòng, giờ đây ngồi giữa thành phố cũ với tên bạn xưa sao anh chẳng cảm thấy thanh thản. Anh lạc lõng giữa thành phố thân thương cũ thấy lòng tiếc nuối như nghe một bản nhạc kỷ niệm bị đánh lỗi nhịp. Anh cảm thấy mình là một kẻ lưu vong ngay tại chốn quê nhà. Mắt anh dại đi khi đưa ly la de cho Trang:

–Rót thêm la de cho anh đi. Hai em cũng phải uống với anh chứ! Hoán tu la de ừng ực. Hai cô gái mở hết lon này tới lon khác. Trang nhìn Hoán lo ngại. Nàng gắp miếng thịt đưa lên miệng Hoán:

–Anh ăn ít miếng rồi hãy uống.

Hoán gạt tay Trang ra:

–Để anh gắp lấy được rồi. Anh không quen có người gắp cho ăn như vậy.

Mặt Trang xịu xuống:

–Anh không cho em săn sóc anh sao?

–Cám ơn em. Thôi, hát cho anh nghe đi!

–Em kêu đàn vào nghe anh Ngọc.

Ngọc lưỡng lự gật đầu. Trang chạy ra ngoài kéo anh nhạc công lễ mễ ôm cây *keyboard* vào. Trang cầm micro cất tiếng hát. Tiếng hát được khuếch đại hòa với tiếng đàn điện âm vang làm Hoán mệt mỏi. Anh chồm người về phía Ngọc nói nhỏ vào tai bạn:

–Chơi kiểu này coi bộ quan quyền quá tôi không ưa. Cậu cho cây đàn đi chỗ khác chơi cho được việc.

Chờ cho dứt bản nhạc, Ngọc dúi tờ giấy bạc vào tay anh nhạc công:

–Cám ơn anh. Để bữa khác tôi kêu anh đàn thêm nghe.

Anh nhạc công lúi húi rút giây điện ôm đàn đi ra. Trang ôm sát Hoán: –Sao anh của em khó tính quá vậy? Không để em hát cho anh nghe sao? Hoán kéo đầu Trang vào sát ngực khẽ nói:

–Em hát đi. Hát những bài thật buồn nghe.

Tiếng hát của Trang dắt Hoán về với cuộc tình đầu. Anh nhắm mắt dụi mặt vào mái tóc mượt mà thoang thoảng mùi nước hoa ngọt ngào. Anh tưởng như có Châu trong vòng tay. Đầu anh ngật ngừ choáng váng. Những ly la de đẩy ngược anh về những ngày cũ. Giọng Châu mềm oặt những tình khúc dang dở. Anh hát theo Trang. Hai giọng hát nhập vào nhau khắng khít. Trang lần bóp nhẹ những ngón tay Hoán. Nàng từ từ kéo tay anh để vào trong áo. Ngực Trang ấm áp nhấp nhô theo giọng hát. Hoán nhắm mắt tận hưởng vùng dịu ngọt nhất trong thân thể người con gái. Tay anh xoa nhè nhẹ trên đỉnh ngực. Trang ngừng hát chồm người lên thổi nhẹ vào tai anh:

–Nhột em! Em đâu có còn ngực con gái cho anh đâu.

Vòng tay Trang xiết chặt Hoán. Nàng cúi xuống cắn nhẹ vào tai anh:

–Sao em thương anh quá. Chắc kiếp trước em là vợ anh phải không anh? Hoán nhìn khuôn mặt đờ dẫn của Trang. Bao nhiêu phần thực tâm trong đôi mắt ướt rượt đang nhìn anh. Tự nhiên anh muốn thoát ra khỏi nỗi đam mê của Trang:

–Có thể lắm. Nhưng lúc phải ăn cháo lú anh có tính tham ăn nên húp hơi kỹ, bây giờ làm sao mà anh nhớ được.

Trang nhéo mạnh vào tay Hoán:

–Ghét anh quá đi! Em thiệt tình mà anh chỉ lo giỡn.

Hoán la lên. Ngọc và Cúc đang dính cứng vào nhau vội buông nhau ra ngơ ngác. Một cô gái thập thò ngoài cửa vẫy Trang và Cúc ra. Trang hôn lên má Hoán:

–Em ra xem con nhỏ nói gì một chút nghe anh.

Ngọc bảo Hoán khi bóng hai cô gái vừa khuất sau cửa:

–Coi bộ em mết cậu.

Hoán dè dặt:

–Chắc khách nào em cũng điệu nghệ như vậy chứ.

–Không có đâu. Tôi biết em Trang này mà. Khó một cây đấy. Mấy anh Bắc kỳ đi với tôi chết lên chết xuống vì em mà có ăn cái giải gì đâu. Hôm nay em quá đặc biệt với cậu đấy.

Hoán thấy vui vui trong bụng. Anh nâng ly la de lên nốc cạn nheo mắt hỏi:

–Cậu để tôi chi chầu này nghe. Ở đây trả tiền làm sao đây? –Tiền ăn thì trả theo hóa đơn. Tiền cho các em thì mỗi em năm chục ngàn là được.

Hoán nhẩm tính. Năm chục ngàn. Chưa tới năm đôn. Anh ngửa người ra ghế nói:

–Có vậy thôi à? Tội mấy em thiệt!

Ngọc cười khan:

–Ông Việt kiều muốn cho thêm thì cho, tên này không dám can ạ. Trang và Cúc đẩy cửa bước vào bưng miệng cười khúc khích. Trang nhảy tới ngồi trên đùi Hoán, bá cổ và hôn lên má anh:

–Đợi em lâu không? Mấy con quỉ đó nó phá em.

Hoán nựng cằm Trang hỏi:

–Có chuyện gì vậy?

–Tụi nó hỏi em hôm nay gặp bồ ruột sao mà ngồi lâu thế không chịu ra. Thường thì gặp khách không ưa tụi em làm bộ đi ra hoài à. Nãy giờ ngồi dính với anh nên tụi nó kêu ra chọc. Ghét mấy con nhỏ xí xọn. Tụi nó ghen với em phải không anh?

Trang ghì chặt người Hoán, hôn lên mắt lên mũi nghiến răng nói: –Người ta gặp lại chồng người ta chứ bộ. Anh nè, tối nay cho em về tâm sự với anh nghe.

Hoán nhìn thấy cái gật đầu của Ngọc qua vai Trang. Anh hôn phớt lên môi Trang khẽ gật đầu. Ngọc nhìn đồng hồ nói:

–Mười giờ. Tới giờ đóng cửa rồi. Mình về chứ. Hai em ra kêu tính tiền dùm anh đi.

Hoán đút tiền vào tay Trang và Cúc trước khi hai cô gái đi ra. Ngọc nói nhỏ với Hoán:

–Cậu hên đấy. Mấy em này không làm nghề đi khách đâu. Em mết cậu nên phá lệ đấy. Sáng mai cậu cho em chừng năm chục đôn là đẹp rồi. Vui vẻ nghe! Mai tôi sẽ phôn lại cậu.

Em hư quá phải không anh? Mà em đâu có muốn như thế này. Hoàn cảnh cả đó anh ơi. Em như nàng Kiều vậy. Thằng bán tơ kia dở dói ra. Em cũng thuộc thơ vịnh Kiều sao? Thuộc chứ sao không. Em học xong cấp ba rồi chứ bộ. Mà em thuộc loại học khá chứ không phải chơi. Cứ đàng hoàng ra thì em đậu vào Đại Học cái một. Khổ nỗi lý lịch của em xấu quá. Cha Thiếu Tá ngụy học tập cải tạo thì cửa Đại Học nào mở ra cho em được. Ba em ở đơn vị nào vậy? Sao em biết được. Hồi đó em còn nhỏ xíu hà. Em chỉ biết ba em bị đưa đi hết trại này tới trại khác tuốt tận ngoài Bắc lận. Mà ở đâu tận trong rừng. Mỗi lần má em đi thăm phải theo xe của những người vào rừng đốn củi mới tới trại được. Mà tội má em lắm. Đi thăm ba em về là má em ngơ ngẩn như người mất hồn chẳng thiết làm ăn gì cả. Hồi đó má em có sập mua bán quần áo cũ ở ngoài chợ. Buôn bán cũng được lắm nhưng cứ gom góp được ít tiền là má em lại đi thăm ba em. Má em bảo ba em bệnh tật ốm yếu lắm không thăm nuôi thì không đành mà đi thăm thì diệu vợi vất vả quá lại bỏ cả làm ăn. Nói vậy chứ người đâu gối tay ấp gặp nạn thì bỏ bê làm sao được anh nhỉ? Em mà có chồng chắc em cũng thương chồng chẳng thua gì má em. Nhưng đời em nói mà làm chi. Coi như bỏ đi rồi anh ơi. Em nói vậy chứ thiếu gì người cuộc đời tưởng như tàn tạ mà vẫn làm lại được cuộc đời như thường. Xí, anh nói nghe như trong tiểu thuyết. Em cũng đã tính đủ cách mà có ra cái gì đâu. Hồi thi Đại Học rớt em cũng xin đi làm đủ chỗ nhưng bù trớt hết trơn anh ơi. Muốn xin vào làm đâu cũng phải quen lớn. Cái thứ ngụy như em làm sao mà quen lớn được. Có vài ông cán bộ ở ngoài Bắc vào làm bộ thương hại muốn giúp em nhưng nhìn cặp mắt láo liên của họ em biết họ muốn gì rồi. Ông nào ông nấy vào tới trong Nam nhìn thấy đàn bà con gái trong này là muốn giở trò liền. Có vài ông sồn sồn trơ tráo đòi em cho ngủ rồi sẽ đưa vào làm. Nghe mà lợm giọng. Vậy mà rồi em có thoát đâu. Làm thân con gái thời buổi nhố nhăng khổ lắm anh ơi. Ba em mất trong trại cải tạo. Má em ngất xỉu khi nghe báo tin rồi kiệt quệ luôn. Vào nhà thương mỗi chút mỗi tiền. Em sang đất sang rẻ sập quần áo cũ lấy tiền thuốc thang cho má em mà cũng chẳng tới đâu. Cuối cùng em phải nhắm mắt bán cái trinh tiết của mình. Nghĩ tới thằng thương gia Hong Kong bụng bự đó mà em vẫn còn thấy nhờm tởm. Được cái an ủi là em đã cứu sống được má em. Hai mẹ con em trắng tay đâu có biết làm gì để sống qua ngày.

Đành phải vô làm chiêu đãi viên. Em phải nói dối má em là em đứng giữ két cho người ta chứ má em mà biết được sự thực chắc buồn mà sinh bệnh lại quá. Em xin lỗi anh nghe. Khi không lại đem chuyện của mình ra kể cho anh mất vui đi. Quay sang đây em đền cho này!

Hoán chong mắt nhìn lên trần nhà nghĩ tới mẩu đối thoại với Trang tối hôm qua. Tiếng máy lạnh chạy đều đều buồn nản. Anh nghĩ tới nỗi mất mát của những người kẹt lại. Có bao nhiêu cảnh đời như Trang. Những ngày đi làm quần quật nơi xứ người anh đã nhiều lúc tủi thân tủi phận cho cuộc đời ăn nhờ ở đậu. Cũng đã nhiều phen anh chán nản muốn tung hê chuỗi ngày sống vô nghĩa. Tất cả đâu có thấm gì với những tủi hờn đổ xuống người con gái vô tội đang nằm cạnh anh. Và còn Châu. Đã mấy ngày nay anh dì dò hỏi tung tích người tình cũ nhưng chẳng ai biết nàng giờ lưu lạc nơi nao. Số phận nào dành cho người con gái vẫn tươi rói trong anh.

Anh quay sang nhìn Trang. Thân người nàng ngon như một ổ bánh mì Chợ Cũ. Ổng ả giòn tan. Mái tóc hờ hững phủ xuống đôi vai tròn lẳn. Hơi thở phập phồng nhịp nhàng đẩy hai gò ngực nhấp nhô chuyển động. Trang khẽ cựa mình mở mắt bắt gặp ánh mắt Hoán đang đậu trên người nàng. Nàng co người lại mỉm cười trách:

–Anh ăn gian nhé. Ai cho anh nhìn lén em lúc đang ngủ như vậy? Hoán làm bộ nhắm mắt lại nói:

–Đó! Cho em nhìn lại cho huề.

Trang nhéo vào vai Hoán:

–Xí! Ai thèm.

Nàng nhoài người sang ôm chặt Hoán:

–Anh ngủ được không?

–Anh mới dậy chưa kịp nhìn đã bị bắt quả tang.

Trang ngậm mấy sợi tóc vương trước trán Hoán:

–Anh xạo vừa vừa chứ! Mà mấy giờ rồi anh? Chắc em phải về bây giờ, anh ngủ tiếp đi.

Nàng ngồi dậy đi vào phòng tắm. Hoán khoác chiếc áo choàng lên người ra đứng ở cửa sổ châm thuốc hút. Ánh nắng đổ tràn vào phòng khi anh kéo tấm màn cửa sang một bên. Dưới đường bà hàng xôi đang bận rộn với đám khách hàng bao quanh. Đôi tay thành thạo thoăn thoắt lướt qua những rá xôi nhiều màu sắc trước mặt. Ông thợ hớt tóc lề đường đang mải mê quét ngang quét dọc để dọn hàng. Những vết chổi nằm vắt ngang nhau trên nền đất đã sạch tanh lá rụng và rác rưởi. Những chiếc xe gắn máy trợn trạo lướt ngang xô dạt những chiếc xe đạp đang luống cuống nép vào lề. Chỉ có ông hàng bánh dầy bánh giò ung dung dựng chiếc xe

đạp cồng kềnh có cột trên yên sau chiếc càn xế lớn được bao bọc kỹ bằng những miếng vải nhựa sặm màu đang gân cổ lên rao " Giò không!". Tiếng rao cụt ngủn sừng sộ như muốn cắt thành từng mảnh những âm thanh lao xao của buổi sáng.

Trang rón rén bước tới phía sau lưng Hoán tựa cằm lên vai anh khẽ hỏi:

–Có cô nào đẹp không mà anh nhìn dữ vậy?

Hoán vẫn nhìn xuống đường giọng đều đều xúc động:

–Những ngày đầu nơi xứ người anh chỉ ao ước có lúc được nhìn lại khung cảnh quen thuộc như thế này. Nỗi nhớ xót xa kỳ lạ lắm chắc em không thể tưởng tượng được đâu.

–Em thì em chán cảnh này lắm rồi. Em về nghe anh!

Hoán móc túi lấy tờ giấy trăm đôn nhét vào tay Trang:

–Cám ơn em nghe!

Mặt Trang đanh lại nhìn Hoán:

–Anh khinh em vừa vừa chứ! Em có làm nghề này đâu!

Hoán sững sờ trước phản ứng dữ dằn của Trang. Tờ giấy bạc trong tay anh trơ trẽn bất động. Anh lắp bắp:

–Anh chỉ muốn giúp em chút đỉnh thôi mà.

Mắt Trang long lanh ướt. Những giọt nước mắt tủi hờn chảy dài xuống hai bên má. Trang đứng lặng im cố kìm tiếng khóc. Hoán vội vàng giơ tay chùi nước mắt cho Trang:

–Cho anh xin lỗi! Nín đi anh thương. Hay là anh đưa em đi ăn sáng rồi mình xuống phố chơi nghe?

Trang dụi mặt vào ngực Hoán ngước mắt lên nhìn anh:

–Anh có biết là em thương anh lắm không?

Hoán khẽ gật đầu:

–Để anh sửa soạn rồi mình đi nghe.

Tiếng Trang ấm cúng trên ngực anh:

–Anh cho em tạt qua nhà một chút đã.

Nhà Trang nằm sâu trong một con hẻm ở khu Bàn Cờ. Hai người len qua những khúc đường mấp mô lầy lội. Thỉnh thoảng Trang phải kéo Hoán tránh những đống phân chó và cả phân con nít rải rác trên đường. Hẻm đã chật chội tù túng mà nhiều nhà còn làm bếp hoặc tắm rửa giặt rũ ngay ngoài đường khiến Hoán phải co người lại phát mệt. Bầy con nít nhem nhuốc có đứa không quần đứa không áo đứng sững nhìn Hoán. Hoán nghịch ngợm nheo mắt cười làm đám trẻ tụ sát cạnh nhau đứng từ phía xa cười lại. Những nụ cười ngây ngô lạ lẫm. Một con chó mực đứng trong thềm cửa đưa mõm ra sủa phụ họa. Đàn gà con nhỏ xíu như những

cục bông vàng rộn ràng chui ra chui vào chiếc lồng có con gà mẹ lục khục đi tới đi lui canh chừng. Hoán dừng chân nhìn đàn gà dễ thương khiến gà mẹ hốt hoảng lên tiếng kêu đám con về ủ dưới cánh. Trang kéo tay Hoán:

–Trông anh giống như một du khách người nước ngoài đứng nhìn cảnh lạ xứ người ấy!

Hoán thấy nhói trong tim. Anh đã xa lạ với đất nước đến thế sao. Anh bước theo Trang giải thích:

–Anh phải cố nhìn kỹ những cảnh như thế này để mai mốt mỗi khi nhớ nhà còn có cái mà nhai lại chứ!

Trang dừng lại trước cánh cửa đã tróc lở gần hết lớp sơn xanh lại còn đóng gá thêm mấy miếng gỗ thâm xì thâm xịt. Nàng gõ cửa. Người đàn bà gầy yếu mở cửa giương cặp mắt dò hỏi nhìn Hoán. Trang mau mắn giới thiệu: –Đây là anh Hoán, bạn con. Mẹ em đấy anh.

Hoán lên tiếng chào:

–Thưa bác ạ!

Hình như bộ quần áo của Hoán làm bà lúng túng:

–Không dám. Mời ông vào nhà chơi.

Trang thu dọn mấy cái áo vắt trên thành chiếc ghế độc nhất trong nhà mời Hoán ngồi. Hai mẹ con Trang ngồi trên chiếc đi văng ọp ẹp tiếp khách. Trang quay sang nói với mẹ:

–Anh Hoán ở Canada về thăm nhà.

Mẹ Trang xuýt xoa:

–Quí hóa quá! Các ông các bà ở bên đó người nào trông cũng béo tốt khỏe mạnh. Mỗi người một phận , thưa ông. Chúng tôi ở bên này vất vả cực nhọc lại còn hao tổn tinh thần lắm. Chẳng có thời nào giống như thời này cả ông ạ.

Hoán vội đỡ lời:

–Bác đừng kêu cháu bằng ông. Cháu không dám nhận đâu. Từ hôm về đến giờ cháu thấy nhiều người thiếu thốn khổ cực quá, chỉ có một số người làm ăn buôn bán được với người nước ngoài là còn khá khá một chút.

–Ối chao, dân mình thì thấm tháp gì với các ông ấy. Mấy ông cán bộ ấy cậu ạ. Mà trước đây người ta chui rúc ở trong rừng bao nhiêu năm trời bây giờ tới lúc hưởng thì cũng phải cho người ta hưởng chứ cậu nhỉ. Nhưng vừa hưởng vừa đày đọa người khác thì không được. Làm gì mà phải giam cầm hành hạ người ta năm này qua năm khác làm người ta chết tức tưởi không gặp vợ gặp con...

Mẹ Trang kéo vạt áo bà ba lên lau những giọt nước mắt đang lã chã

tuôn rơi. Hoán xúc động quay mặt đi. Cặp mắt anh bắt gặp chiếc bàn thờ nằm khiêm nhường trong một góc nhà. Anh giật mình trước cái nhìn của người trong hình đang đăm đăm về phía anh. Anh lúng túng xoay người trên ghế lựa lời an ủi mẹ Trang:

–Thôi bác ạ. Sự hy sinh của bác trai cũng giống như sự hy sinh của một người lính trên chiến trường. Họ chết cho những người khác được sống. Những cái chết như vậy không vô ích đâu bác ạ. Xin phép bác cho cháu được thắp nén nhang cho bác trai.

Hoán tiến về phía bàn thờ. Mẹ Trang nấc lên nhìn theo bước đi của Hoán. Trang vội chạy đến rút ba thẻ nhang châm lửa đưa cho anh. Hoán thành kính lạy trước bàn thờ, đứng lặng người đi rất lâu. Những sợi khói vương vất trên khuôn mặt đăm chiêu của Hoán. Cặp mắt anh đau đáu nhìn vào di ảnh người đã khuất như có niềm riêng gửi gấm.

Tiếng máy lạnh chạy ồn ào không xua đuổi được cái nóng nhớp nháp của Saigon. Hoán ngồi nhìn quanh. Chỗ này đã từng tụ họp bạn bè ngày một. Chiếc bàn anh đang ngồi với Trang nằm ở đúng chỗ ngày xưa anh hay dẫn Châu vào ngồi uống nước sau khi đã bát phố chán chê. Nhà hàng Brodard bây giờ chỉ còn chiếc vỏ cũ. Đã mất tăm mất tích không khí lịch lãm sang trọng xưa. Anh hầu bàn vẫn còn cái nơ đen trên cổ nhưng chẳng tìm đâu ra nụ cười. Ghế bàn được tân trang trông như một cô gái về già cố níu kéo thời gian bằng phấn son kệch cỡm. Chị cán bộ phục vụ tại cửa hàng tranh thủ đi chợ về tay xách nách mang cất tiếng nói oang oang từ khi vừa xô cửa bước vào. Khách có lẽ đã quá quen với cảnh này nên chẳng ai để ý. Nhưng Hoán cảm thấy cay đắng mất mát. Hoài niệm cũ vội tan như cục kem dừa đang chảy ra trong chiếc ly trước mặt. Trang đang nghịch ngợm ngậm chiếc ống hút cắm trong ly nước cam ngước nhìn lên khi Hoán cất tiếng hỏi:

–Em có biết ba em mất trong trường hợp nào không?

–Theo mấy ông bạn cùng trại với ba em về kể lại thì ba em mất khi đang bị kỷ luật biệt giam. Ông chết âm thầm chẳng ai biết cả.

Hoán dựa lưng vào thành ghế nhìn vơ vẩn qua khung cửa kính. Một vài thanh niên bám theo những du khách mấp máy miệng nhỏ to gạ gẫm, mắt lấm lét nhìn trước nhìn sau vội vàng móc trong người ra từng xấp hình chào hàng. Một ông già mặc bộ bà ba trắng lễ mễ ôm một chiếc thuyền bằng gỗ bóng loáng dài tới cả thước đứng cười cầu tài với đám ngoại nhân qua lại. Trang chăm chú nhìn Hoán khi anh bất chợt buông tiếng thở dài hỏi: –Nếu bây giờ anh bảo là anh muốn nhận Trang làm em

thì Trang có thắc mắc gì không?

–Thì lúc nào em chẳng là em của anh.

Hoán lắc đầu:

–Không phải vậy. Anh muốn nói là em thật của anh giống như là em ruột vậy.

Trang ngơ ngác nhìn Hoán. Nàng nghĩ là Hoán muốn giỡn chơi. Nàng giỡn lại:

–Chứ không phải là em nối ruột hả?

Trang phá lên cười thú vị. Hoán quắc mắt nhìn nàng:

–Không phải là lúc giỡn chơi nữa đâu. Anh muốn giúp hai mẹ con em một cách thiết thực. Điều trước tiên là em không bao giờ trở lại làm việc ở nhà hàng đó nữa nghe.

Trang ngồi im thin thít lấm lét nhìn Hoán. Tim nàng nhộn nhịp như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Nàng bất giác đưa tay lên chặn ngực hồi hộp nhìn Hoán. Mặt Hoán chẳng có chút đùa cợt nào cả. Nhưng tại sao tự nhiên anh lại có cái ý tưởng quí báu nhưng lạ lùng đó. Trang thắc mắc:

–Sao em lại muốn giúp mẹ con em?

–Đã không biết thì thôi nhưng một khi thấy hoàn cảnh của hai mẹ con em anh không thể làm lơ được. Đừng suy nghĩ vẩn vơ mà già người đi. Bây giờ nghe anh hỏi đây. Hai mẹ con có thể trở về nghề buôn bán quần áo cũ được không?

–Em chắc là được nhưng ít nhất cũng phải có vốn đã chứ.

–Khoảng bao nhiêu thì đủ?

Trang cúi mặt nhẩm tính rồi rụt rè nói:

–Nhiều lắm. Em không dám làm phiền anh đâu.

Hoán gằn giọng:

–Bao nhiêu?

Trang ngại ngùng ấp úng:

–Chắc phải hai mươi lăm triệu.

Tới lượt Hoán nhẩm tính. Hai mươi lăm triệu. Hai ngàn rưỡi đôn. Giọng anh quả quyết như người bắt một tiếng bạc:

–Xong ngay! Ngày mai hai mẹ con em có thể bắt đầu xúc tiến được rồi. Mặt Trang xúc động ngẩn ngơ. Nàng không tin là nàng vừa nghe Hoán nói. Có bà tiên nào lấp ló trong đôi mắt như đang cười cợt của Hoán không? Niềm vui trào xuống nàng như nước lũ từ non cao ào ạt kéo về. Trang run run hỏi:

–Làm sao em có thể trả cái ơn này cho anh?

Hoán nhìn thấy nỗi xúc động lẫn bối rối chẳng chịt trong đầu Trang. Anh đặt tay lên vai nàng từ tốn:

–Dễ lắm! Em hãy sống như ý anh muốn. Quên hết thời gian đớn đau vừa qua đi. Bây giờ em là một con người khác, một cô Trang hiền lành ngoan ngoãn. Rồi khi có anh chàng nào muốn xin bàn tay thì gửi thiệp hồng sang cho anh mừng.

Trang ngồi cúi đầu để mặc những giọt nước mắt tươm ra nhạt nhòa. Niềm vui chợt đến làm nàng bàng hoàng rối rắm. Nàng ấp úng:

–Em sẽ cố gắng làm theo ý anh. Nhưng từ nay đến ngày anh đi bất cứ lúc nào anh cần tới em, ngày cũng như đêm, em sẽ sung sướng được hầu hạ anh.

Hoán cảm thấy bất nhẫn. Anh gạt ngang:

–Anh không bằng lòng em nói như vậy. Em cứ lo xếp đặt công việc. Thỉnh thoảng anh sẽ ghé thăm rủ em đi ăn đi chơi. Như anh em vậy. Thôi mình về nghe. Lau nước mắt đi rồi cười thật tươi lên cho anh coi nào, cô bé!

Trong suốt cuộc đời quân ngũ không lấy gì làm dài của Hoán, anh chỉ tâm phục một người: Thiếu Tá Phúc. Ông là một cấp chỉ huy can trường, thanh liêm và đối đãi với thuộc cấp như ruột thịt. Khi thắp hương trước di ảnh của ông trên bàn thờ, anh đã thầm hứa với người khuất mặt là anh sẽ bảo bọc vợ con ông. Như một lễ vật muộn màng.❐

ONCE UPON A DREAM...
THE VIETNAMESE-AMERICAN EXPERIENCE
TỰA CỦA STANLEY KARNOW
EDITED BY DE TRAN, ANDEW LAM AND NGUYÊN DAI HAI

tìm đọc...

- cuốn sách độc đáo ghi lại kinh nghiệm hội nhập của người Việt Nam tại Mỹ trong hai thập niên qua
- gồm nhiều truyện ngắn, tùy bút, tiểu luận, tác phẩm hội họa và nhiếp ảnh của nhiều tác giả, sáng tác bằng Anh Ngữ và Việt ngữ.

184 tr., $19.95 Andrew and McMeel, Kansas City
Có bán ở các hiệu sách gần nơi bạn cư ngụ

Nguyễn Đình Toàn, Sàigòn, Pagode

Nguyễn Xuân Hoàng

1. Cho đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ rằng Nguyễn Đình Toàn không thuộc về bất cứ một "trường nhóm" nào của những người cầm bút Sàigòn trước năm 1975. Nhưng, nếu gọi những người cùng ngồi uống cà phê mỗi buổi sáng với nhau ở quán Cái Chùa/Pagode là "nhóm", thì bọn chúng tôi có Nguyễn Đình Toàn, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Quốc Trụ, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Nhật Duật và tôi. Nguyễn Đình Toàn là người nhiều tuổi nhất trong bọn và là nhà văn đã có một chỗ đứng riêng trước khi chơi với bọn tôi. Gần như không một buổi sáng nào chúng tôi không gặp nhau ở quán Cái Chùa này trước khi đến sở. Nguyễn Đình Toàn làm ở đài phát thanh, Đặng Phùng Quân dạy ở Văn Khoa, Huỳnh Phan Anh bên Nguyễn Trãi, Nguyễn Nhật Duật ở Quận Tám, tôi ở tạp chí *Văn*. Huỳnh Phan Anh lúc đó có thể được coi như lý thuyết gia của cả "nhóm", theo cái nghĩa ông là người thường đưa ra những nhận xét gắt gao về những bài viết của chúng tôi (và của cả những bạn văn khác) theo cái nhìn văn học mới mẻ của ông lúc đó. Thực ra những bài phê bình của Huỳnh Phan Anh (*Văn Chương Và Kinh Nghiệm Hư Vô*) được viết trên quan điểm của trường phái tân tiểu thuyết Pháp. Vào những ngày còn học ở Dalat, chính Hoàng Ngọc Biên là người đầu tiên đã chỉ cho tôi biết văn chương của Michel Butor, Alain-Robbe Grillet, Claude Simon, Nathalie Sarraute...Nhưng phải nói Huỳnh Phan Anh là người đã đưa cái nhìn ấy vào những bài phê bình văn chương của ông. Chính những bài phê bình này đã thuyết phục được Nguyễn Đình Toàn và phần nào đã khiến ông (Nguyễn Đình Toàn) phát triển mạnh hơn cách nhìn văn chương vốn sẵn có của ông. Đó là thời gian tôi thử nghiệm cách viết mới qua cuốn truyện vừa "Khu Rừng Hực Lửa", Huỳnh Phan Anh với "Những Ngày Mưa", Nguyễn Quốc Trụ với "Những Ngày Ở Sàigòn" và Nguyễn Đình Toàn với "Đêm Lãng Quên", "Đám Cháy", "Thành Phố"... Điểm đặc biệt mà người đọc có thể tìm thấy trong

tiểu thuyết Nguyễn Đình Toàn đó là hầu hết nhân vật chính trong tiểu thuyết của ông đều là phụ nữ. Cuốn "Đồng Cỏ", tác phẩm sau cùng của ông viết vào những ngày chót của cuộc chiến tranh Việt Nam là một ví dụ.

2. Vâng, có thể nói gần như toàn bộ tiểu thuyết Nguyễn Đình Toàn, nhân vật xưng "tôi", ngôi thứ nhất số ít bao giờ cũng là một phụ nữ. Phải chăng đó là một cách để ông hoá thân vào một giống phái khác, một người khác, nói giúp cho họ những suy nghĩ không phải của mình. Đó cũng là một thách thức của nhà văn, khi tách ra khỏi cái "tôi" trong truyện với cái "tôi" ngoài đời. Nhưng một mặt khác dường như trong sự lựa chọn này cho thấy chữ nghĩa văn chương Nguyễn Đình Toàn là thứ chữ nghĩa mềm mại, nhiều suy tưởng và ít, rất ít động tác. Lật bất cứ một trang sách nào của Nguyễn Đình Toàn người ta cũng có thể tìm thấy những đoản văn mẫu mực cho "chất Nguyễn Đình Toàn". Đó là những đoản văn có thể tách ra làm thành bài viết cho một ca khúc, một tình ca hay một suy nghĩ xuôi dòng... Chữ nghĩa của Nguyễn Đình Toàn mượt mà nhưng sâu sắc. Thoáng đọc, người ta dễ có cảm tưởng văn chương ấy ẻo lả nhưng thực ra bên dưới chữ nghĩa ấy là những suy nghĩ mạnh mẽ và vững chãi. Chính cái bề ngoài của Nguyễn Đình Toàn cũng cho người ta cái cảm giác tương tự. Ông gầy yếu, mái tóc chải lật ngược ra sau, rất cổ điển, đôi mắt sáng lấp lánh sau mặt kính trắng. Ngay cả quần áo, giày dép của ông cũng cho thấy ông là một người giản dị, chừng mực và khiêm tốn. Chữ viết của ông cũng mang một ẩn dấu cổ điển như kiểu tóc chải ngược của ông. Mai Thảo cho rằng "Nguyễn Đình Toàn không hề quan tâm đến thành công hay thất bại trước người đọc về cõi văn Tân tiểu thuyết sau này của ông. Ông viết hoàn toàn theo ý thích và niềm tin của chính mình." Tôi không nghĩ như vậy. Nguyễn Đình Toàn biết rõ người đọc chờ đợi gì nơi tác phẩm của ông. Ông đo lường được tầm mức quan tâm của người nghe, người đọc ông. Chương trình Nhạc Chủ Đề là cái phong vũ biểu của văn chương Nguyễn Đình Toàn. Thời đó, cái gọi là tân tiểu thuyết Việt Nam không chinh phục được người đọc bằng cái gọi là tiểu thuyết hiện thực. Những câu chuyện kể có đâu có đuôi theo kiểu Tự Lực Văn Đoàn, bao giờ cũng ăn khách hơn những tác phẩm trong đó người viết cho thấy một nỗ lực tìm kiếm một thái độ văn chương. Điều này cũng dễ hiểu thôi, bởi vì trong một đất nước mà chiến tranh đang đuổi dồn trên từng thước đất, từng cái nhích của cây kim đồng hồ, thì điều đầu tiên người đọc tìm đến không bao giờ là "cái bút pháp mới mẻ của một vận động văn học nghệ thuật" mà phải là một câu chuyện như *Nhang Tàn Thắp Khuya* của Nguyễn

Thị Thụy Vũ, hay *Loan Mắt Nhung* của Nguyễn Thụy Long, hoặc chỉ *Mười Đêm Ngà Ngọc của Mai Thảo* hay *Chân Trời Tím* của Văn Quang. Đừng nói chi xa, ngay trong một đất nước không bị chiến tranh đe dọa, như nước Pháp, và đồng thời còn là cái nôi của tân tiểu thuyết mà người đọc của loại văn chương này còn không nhiều nhỏi gì, nói chi Việt Nam. Tôi muốn nói sách Nguyễn Đình Toàn rất được người đọc trẻ tuổi ưa chuộng. Bởi vì ông không viết theo tân tiểu thuyết mà cũng không viết theo tiểu thuyết truyền thống. Nguyễn Đình Toàn ngay từ đầu đã tìm cho mình một bút pháp riêng: ông không theo thời thượng cũng không theo một vận động văn học nghệ thuật xa lạ nào.

3. Nói đến văn chương Nguyễn Đình Toàn không thể không nhắc tới chương trình Nhạc Chủ Đề của ông. Gần như tối thứ Năm nào chương trình nhạc của ông cũng lôi cuốn đông đảo người nghe trẻ tuổi. Bởi vì không những Nguyễn Đình Toàn có lối viết "quyến rũ" mà ông còn có cách đọc, giọng đọc vô cùng truyền cảm, khiến cho chương trình Nhạc Chủ Đề của ông trở thành một trong những chương trình "nóng" của Đài. Người ta biết ca khúc nổi tiếng của Vũ Thành An, bài Tình Khúc Thứ Nhất thành công một phần là do lời nhạc của Nguyễn Đình Toàn. Ông không chỉ viết lời cho nhạc, ông còn sáng tác nhạc nữa. Bài *Sàigòn Niềm Nhớ Không Tên* là một trong những ca khúc của ông đã làm nhiều người rơi lệ trong những ngày Sàigòn rơi trong tay chế độ mới.

4. Ông đã có trong tay tới năm món, chỉ còn thiếu có hội hoạ và điện ảnh là ông chưa đặt chân đến mà thôi. Trong đời sống chữ nghĩa, dù chúng tôi cùng chia xẻ một cách nhìn văn chương, nhưng cách thể hiện cái nhìn ấy hoàn toàn khác nhau, đến nỗi khó mà nhìn ra được dấu tích của nhau. Hai người bạn mà tôi thấy gần gũi nhất là Nguyễn Đình Toàn và Huỳnh Phan Anh. Đó là những người bạn thường mang sáng tác cuả nhau ra đùa cợt mỗi sáng. Mặc dù những người từng gần gũi với Nguyễn Đình Toàn đều biết rằng chưa một người nào độc mồm độc miệng bằng ông. Một khi ông không ưa người nào thì những lời cay độc mà ông đổ xuống có thể làm cho cả cuộc đời người đó tê liệt khó mà có thể đứng dậy nổi. Dù thế nào, ông vẫn là một trong số ít nhà văn Việt Nam mà theo tôi, chữ nghĩa "văn chương" nhất. Ông là một trong số hiếm hoi nhà văn Việt Nam xứng đáng là "nhà văn" nhất. Quán Pagode là nơi chúng tôi gặp nhau mỗi ngày, Sàigòn là thành phố nơi đó hình thành một nền văn chương kiểu "bọn" chúng tôi. Nguyễn Đình Toàn, Sàigòn, Pagode, ba từ ấy đối với tôi trong những ngày xa quê đôi khi chỉ thấy là một. ❐

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

Trên Văn Học số trước, do trục trặc về kỹ thuật vào giờ chót, mục ghi chép đã phải gác lại, do đó Nguyễn Huy Thạch không kịp loan báo đến bạn đọc ba cái tang lớn xảy ra trong tháng Ba: nhà văn Marguerite Duras qua đời hôm 3.3, học giả Hoàng Xuân Hãn qua đời hôm 10.3 và nhà báo Chử Bá Anh qua đời hôm 12.3. Mặc dù đã trễ, Nguyễn Huy Thạch cũng xin ghi chép vào đây ba tin buồn nói trên:

● Marguerite Duras, Người Tình của Việt Nam

Marguerite Duras, tác giả cuốn *L'Amant* - tức là Người Tình - cuốn tiểu thuyết mang nhiều nét tự thuật và là cuốn sách bán chạy nhất xuất bản năm 1984, một trong những tác giả được ưa chuộng nhiều nhất của những năm sau đệ nhị thế chiến đã qua đời tại Paris hôm mồng 4 tháng Ba, hưởng thọ 81 tuổi. Marguerite Duras cũng là một nhà soạn kịch, tác giả của nhiều kịch bản, một nhà làm phim và viết chuyện phim, nhưng bà được độc giả biết tới nhiều nhất có lẽ là qua việc bà dùng những chất liệu trong đời sống của những năm tuổi trẻ sống ở Việt Nam, lúc ấy còn là thuộc địa của Pháp để dựng thành tác phẩm, trong đó có cuốn Người Tình, cuốn tiểu thuyết kể lại một mối tình vụng trộm giữa một cô gái Pháp - mà người ta tin chính là tác giả - và một người đàn ông Á châu. Nhưng điều đáng ghi nhớ nhất trong văn chương của Marguerite Duras, một cuộc đời văn học kéo dài trên nửa thế kỷ, là giọng văn giản dị, khô khan, như thể ngôn ngữ chỉ là một phương tiện để chuyên chở nhiệt tình và dục vọng, đớn đau và tuyệt vọng trong các tác phẩm của bà. Marguerite Duras hầu như bị nhận chìm, nuốt trửng bởi những bí ẩn của tình yêu và dục vọng trong khi ở những trang sách, cũng như những trang đời của Duras, người

ta lại rất khó tìm thấy những tình cảm thương yêu trìu mến. Trả lời một cuộc phỏng vấn hồi năm 1990, Marguerite Duras nói thẳng: "Tôi viết về tình yêu, nhưng không viết về thứ tình cảm dịu dàng êm ấm. Tôi không thích những người nhẹ nhàng, những tình cảm trìu mến. Chính tôi là một con người rất khắc nghiệt. Khi yêu, tôi thèm muốn người đó. Sự trìu mến ân cần không có chỗ cho sự thèm muốn." Tuy trong ngôn ngữ viết, Marguerite Duras tỏ ra một thái độ khiêu khích lại luôn luôn có một lòng hết sức tôn trọng chữ nghĩa văn chương. Là một nhà làm phim, Marguerite Duras nói diễn xuất không đem lại một đóng góp nào cho văn bản, trái lại, diễn xuất chỉ đi lệch ra ngoài tác phẩm văn chương, nó làm cho chữ viết mất đi cái gân gũi, cái sâu xa, nó làm suy yếu bắp thịt và làm cho máu của văn bản bị loãng ra." Mặc dù nhiều kịch bản của bà vẫn tiếp tục được trình diễn trên sâu khấu ở Pháp, nhưng các tác phẩm điện ảnh, gồm 19 cuốn phim - ngoại trừ cuốn *Hiroshima, Mon Amour* do Alain Resnais đạo diễn năm 1960 - không cuốn nào được coi là thành công. Mãi đến năm 70 tuổi, tiểu thuyết của Marguerite Duras chỉ có được một số độc giả khiêm tốn. Năm 1984, cuốn *L'Amant* mới thực sự đưa tên tuổi của Marguerite Duras lên tầm mức quốc tế. Cuốn sách được trao giải văn chương Goncourt năm 1984, bán được hơn 2 triệu ấn bản và được làm thành phim do Jean Jacques Annaud đạo diễn năm 1992. Francois Nourissier, một giới chức của giải Goncourt có lần nói rằng Marguerite Duras có khả năng làm cho người đọc có cảm tưởng bà luôn luôn hòa hợp với thời đại ở chung quanh và với chính mình. Cuốn sách kể chuyện một gia đình Pháp ở Việt Nam trong những năm 30, 40. Người mẹ là hiệu trưởng một trường tiểu học ở Sadec chật vật nuôi ba người con, hai trai, một gái. Cô gái, vai chính trong truyện được gửi lên học ở Sài Gòn trong một trường nội trú. Trên một chuyến đò qua sông Bassac, cô gái Pháp 14 tuổi gặp một người Á Châu và sau đó, khởi sự một cuộc tình nóng bỏng cho đến khi cô gái được gia đình gửi sang Pháp. Chính Marguerite Duras khi ở Việt Nam cũng có một người tình bản xứ. Phim *L'Amant* được thực hiện ở Việt Nam năm 1992 nhưng đúng như Marguerite Duras đã thấy và đã bực bội, cuốn phim đã đi quá xa rời cuốn tiểu thuyết. Khía cạnh tình dục được khai thác quá mức, chất thơ của cuốn sách bị nhận chìm hẳn. Là người quí trọng chữ nghĩa văn chương của mình, Marguerite Duras coi tác phẩm của bà là bất khả xâm phạm. Bà đụng độ nhiều lần với các đạo diễn Peter Brook, Tony Richardson và Jules Dassin. Khi Jean Jacques Annaud sửa đổi một vài đoạn của truyện

phim *L'Amant*, Marguerite Duras liền sửa lại truyện phim thành một cuốn bán tự thuật tiểu thuyết nhan đề Người Tình Bắc Trung Quốc - *L'Amant Du Nord De Chine*. Bà cho biết cuốn tiểu thuyết này là hành động tái lập chủ quyền – nguyên văn reappropriation - <cho cuốn *L'Amant*. Cuốn sau làm người đọc phải tự hỏi không biết cuốn đầu, cuốn *L'Amant* hay cuốn phim do Annaud đạo diễn hay cuốn sau *L'Amant de la Chine du Nord* gần gũi với cuộc đời thật của bà nhất. Nhưng với Marguerite Duras, chuyện đó không quan trọng. Marguerite Duras sinh ngày 4 tháng Tư năm 1914 tại Gia Định nơi song thân, ông bà Henry và Marie Donnadieu là giáo sư của bộ Giáo dục Pháp. Marguerite Duras là con một trong gia đình. Thân phụ bà qua đời sớm, cảnh nhà sa sút trong cảnh kinh tế khó khăn. Bà mẹ lại mất hết vốn liếng trong một dịch vụ đầu tư thất bại. Học xong trung học ở Sài Gòn, Marguerite Duras sang Pháp năm 18 tuổi để học luật và chính trị. Tốt nghiệp đại học, Marguerite Duras làm việc cho bộ thuộc địa cho đến năm 1941, khi quân Đức chiếm một phần nước Pháp. Năm 1943, bà gia nhập kháng chiến cùng một tổ với ông Francois Mitterrand về sau làm tổng thống Pháp. Năm 1939, bà lập gia đình với Robert Antelme. Trong thời chiến, ông Antelme bị bắt và trục xuất sang Đức. Năm 1945, khi ông từ trại tử thần Dachau của Đức Quốc Xã trở về, thì bà Duras đã có một liên hệ tình cảm với ông Dionys Mascolo. Người chồng đầu tiên xuất hiện trong cuốn *La Douleur*, Nỗi Đau xuất bản năm 1985. Với người chồng thứ nhì, Dionys Mascolo, bà có một người con trai. Hồi thập niên 1940, Marguerite Duras gia nhập đảng Cộng sản Pháp nhưng sau đó, bà lại bỏ đảng. Từ năm 1943, bà sống hoàn toàn bằng nghề viết với số tác phẩm tổng cộng lên đến 70 cuốn, gồm tiểu thuyết, kịch bản, truyện phim. Ở tả ngạn sông Seine, bà có một apartment ở đại lộ St Benoir. Bà sống ở đó từ năm 1942 cho đến lúc qua đời. *L'Amant* không phải là cuốn sách duy nhất bà dùng Việt Nam làm bối cảnh. Năm 1950, bà viết cuốn *Barrage Contre Le Pacifique* kể lại chuyện gia đình bà trong cảnh lụt lội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong suốt nhiều năm, Marguerite Duras đã phải phấn đấu chống lại bệnh nghiện rượu, và rượu là một đề tài trở đi trở lại nhiều lần trong các tác phẩm của bà. Cuối năm ngoái, bà cho in một cuốn sách mỏng 54 trang nhan đề *C'est Tout*, Tất Cả Là Thế Đấy, được đọc như một lời từ biệt các độc giả, từ biệt mối tình cuối Yann Andrea Steiner, và từ biệt chính mình. Cuốn sách nhỏ được viết trong khoảng thời gian giữa tháng Mười Một năm 1994 và tháng Tám năm

1995, là những đoạn ghi chép ngắn đề ngày tháng về tình yêu, về những lo sợ, tuyệt vọng như thể bà đã nhìn thấy đâu đó cái chết kề cận bên mình. Đoạn cuối viết ngày 1 tháng Tám năm 1995 là những câu sau đây: Tôi nghĩ mọi chuyện đã hết. Cuộc đời đã ra đi. Tôi không còn là gì nữa. Tôi đã trở thanh một điều đáng tởm. Tôi đang tan rã. Hãy đến đây, đến thật nhanh. Tôi không còn cái miệng, không còn một khuôn mặt nữa.

(Trần Khải Tiêu, viết theo tài liệu của New York Times)

● Giáo sư Hoàng Xuân Hãn qua đời tại Paris

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã qua đời sáng chủ nhật 10 tháng Ba, 1996 tại Paris, lúc 7 giờ 45 phút, hưởng thọ 88 tuổi. Sự ra đi của vị học giả lão thành này là một cái tang lớn cho văn hóa Việt Nam. Là chứng nhân gần một thế kỷ lịch sử và văn hóa, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là vị học giả mà giới nghiên cứu Việt-học kính trọng như bậc thầy chung, một bộ óc bách khoa Việt Nam của thế kỷ này.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn sinh ngày 8.3.1908, người làng Nguyên Hô, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ ông học chữ Hán với cha là cụ Hoàng Xuân Úc, rồi vào học tiếng Pháp ở Quốc Học, Vinh. Tự học lấy những năm đầu Trung Học Pháp trước khi vào lớp Toán ở Lycée Albert Sarraut, Hà Nội, rồi sang Pháp du học. Năm 1934 ông trở về nước dự định làm việc, nhưng chính phủ bảo hộ gây khó khăn. Và chính các bạn người Pháp khuyên ông nên trở lại Pháp học thêm về toán. Bốn tháng sau ông trở lại Pháp học thi Thạc sĩ Toán. Và ông trở về nước năm 1936, dạy tại Trường Bưởi và một số Đại học ở Hà Nội. Năm 1945 ông tham gia Chính phủ Trần Trọng Kim, giữ chức Bộ trưởng Giáo Dục và Kỹ thuật trong vòng 4 tháng. Năm 1946 ông ở trong Phái đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị Đà Lạt, cùng với các ông Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Mạnh Tường, v.v. Ngay từ khi vào trường Bách Khoa Polytechnique, ông đã nhận thấy người Việt Nam thiếu óc khoa học, thiếu sự phân tích khoa học, và không có danh từ về khoa học. Ông bắt đầu soạn cuốn từ điển *Danh Từ Khoa Học* từ ngày còn ở Trường Polytechnique, và hoàn tất khi về dạy học tại Việt Nam. Cuốn *Danh Từ Khoa Học* in năm 1942 đã là nền tảng cho việc học và dạy Toán-Lý-Hóa, khai sinh những thuật ngữ khoa học cho các chương trình giáo khoa Việt ngữ sau này. Năm 1949, cuốn *Lý Thường Kiệt* ra đời trở thành mẫu mực nghiên cứu về Sử học mà cho đến nay chưa cuốn Sử nào đạt được. Năm 1952, cuốn *La Sơn Phu Tử* với thủ bút của vua Quang Trung, cùng

tài liệu về tập *Hạnh Am Thi Cảo* của Nguyễn Thiếp, là cuốn sách nghiên cứu về giai đoạn lịch sử đầy biến động thời kỳ Tây Sơn-Lê-Trịnh. Cũng trong năm này, *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* ra đời, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn chứng minh rằng Phan Huy ích, chứ không phải Đoàn Thị Điểm, là người dịch bản Chinh Phụ Ngâm hiện hành. Ngoài ra, việc nghiên cứu Hồ Xuân Hương, tác giả *Lưu Hương Ký*, cũng đã đặt lại vấn đề về những văn bản được coi là của Hồ Xuân Hương từ trước đến giờ. Công trình đồ sộ nhất của ông là công trình nghiên cứu về *Truyện Kiều*, chưa xuất bản. Đây là việc thiết lập lại văn bản Kiều gần như Nguyễn Du đã viết, mà Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã cho biết về những nét chính hồi cuối Thu năm 1995.

● Nhà báo Chử Bá Anh đột ngột qua đời

Nhà báo Chử Bá Anh, Giám đốc hãng tin CBA News, chủ bút tạp chí Phụ Nữ Diễn Đàn, vừa ra đi vĩnh viễn tối thứ Hai 12 tháng Ba, 1996 tại Virginia, hưởng thọ 63 tuổi. Ông qua đời vì bệnh suyễn. Ông Chử Bá Anh bước vào làng báo hải ngoại từ ngày 1 tháng Ba, 1977 với Bản Tin Hoa Thịnh Đốn, sau này đổi thành CBA News. Trong vòng 15 năm đầu ông đã cung cấp gần như hoàn toàn miễn phí các bản tin hay bài viết thuộc đủ loại cho nhiều cơ sở báo chí truyền thanh truyền hình của người Việt khắp nơi trên thế giới. Nhưng nguyên nhân nào đã thúc đẩy Chử Bá Anh làm báo, ký giả Phạm Trần của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ cho biết trong một bài viết trên nhật báo Người Việt rằng chính ông Chử Bá Anh đã trả lời câu hỏi đó như sau: "Sau các hoạt động xã hội và thấy các hội đoàn đã trưởng thành thì tôi chuyển sang hoạt động khác để phục vụ cộng đồng. Tôi chọn báo chí vì tôi coi báo chí là quan trọng và ít ai chịu bỏ thì giờ ra để làm." Tuy nhiên ông Chử Bá Anh cũng cho biết nếu có một ngày ông phải ngưng lại không làm báo nữa thì ông cũng không thấy thiếu thốn gì cả vì ông không trông đợi vào thù lao của các báo để sống. Ông cho biết phần lớn tiền thu được chỉ để trả lương cho nhân viên đánh máy và giúp ông trang trải các phí tổn trong việc thu thập và chuyển nhượng tin đi khắp nơi. Ông Chử Bá Anh là anh cả của một gia đình có 14 người con. Riêng phần ông bà Chử Bá Anh có bốn người con, hai trai hai gái đều đã trưởng thành, đã lập gia đình.

Trong làng báo Việt ngữ hải ngoại, vai trò và ảnh hưởng của Ông Chử Bá Anh hết sức lớn lao, cái chết đột ngột của ông là một mất mát đối với làng báo. Hầu hết các báo Việt ngữ trên khắp thế giới đều dùng tin của ông miễn phí hoặc với một số tiền chi phí tượng

trưng; tin được đánh máy và trình bày sẵn sàng để các báo chỉ việc dán lên bản master đem đi in.

Chử Bá Anh là một nhà báo đã tự mình tạo ra một phong cách làm việc hoàn toàn mới, đầy đam mê và nhiệt tình, mặc dù chỉ mới làm báo từ khi định cư ở hải ngoại.

Trước 1975, ông là một nhà giáo tại thành phố Đà Lạt, điều khiển một trường trung học tư thục lớn tại đây. Những bạn bè trong giáo giới Đà Lạt đã thấy khả năng tổ chức và quản trị của ông từ thời đó. Đã quyết tâm làm cái gì, ông không ngại khó khăn. Vừa có tài giao thiệp, óc tổ chức, vừa có quyết tâm mạnh, ông thành công trong ngành quản trị giáo dục tư thục tại Đà Lạt.

Sang định cư tại Hoa Kỳ sau 1975, ngoài việc mưu sinh như tất cả mọi người, ông dành thì giờ rảnh một mình làm công việc của một hãng thông tấn. Có tin tức gì quan trọng xảy ra trong các cộng đồng người Việt khắp thế giới, ông không ngại tốn phí, dùng điện thoại viễn liên tìm hiểu nguồn tin tường tận, rồi viết tin, đánh máy, gửi đi khắp các báo. Tin nóng thì gửi Fax hoặc gọi điện thoại viễn liên cho các báo chép. Từ khi có hệ thống Internet, ông gửi tin qua E-Mail. Không nhà báo chuyên nghiệp nào có sự đam mê và sức làm việc như ông. Nhiều báo Việt ngữ được ông "nuông chìu" quá, chỉ lo làm quảng cáo, phần tin thì chờ ông gửi tới dán lên rồi đem đi in.

Nhiều bạn bè hỏi ông lấy thì giờ đâu mà cùng một lúc làm bấy nhiêu công việc: đi làm, chủ bút Phụ Nữ Diễn Đàn, giám đốc Hãng tin CBA, phóng viên các đài VOA, BBC, RFI...Ông chỉ cười. Trong vòng hai năm trở lại đây bệnh suyễn có làm cho sức khoẻ của ông giảm sút, nhưng sức làm việc của ông không giảm.

Ông chết đột ngột sau một cơn suyễn, để lại một khoảng trống lớn lao trong làng báo hải ngoại. Nhìn quanh, chắc còn lâu mới có người thay thế được vai trò của Chử Bá Anh.

● Sách [trong nước], nhìn từ nhà xuất bản [quốc doanh]

Tuần báo Văn Nghệ phát hành trong nước, số ra ngày 6 tháng Tư, 1996, có vẻ như là một số đặc biệt bàn về sách. Bởi vì, ít nhất người đọc có thể tìm thấy ba bài viết liên quan đến sách trong số báo này: *Văn hoá sách- Những vấn đề nhìn từ góc độ xuất bản* do N.T.P. thực hiện, *Dạo qua thị trường sách* bút ký của Diệu Vân , và *Lại bàn về sách* của Trần Ninh Hồ. Mục Ghi Chép kỳ này ghi lại một số sự việc trong các bài nói trên.

Hành trình của một tác phẩm văn học từ người viết đến người đọc, bao giờ cũng phải qua một trung gian cần thiết là xuất bản. Bởi vì thông qua nhà xuất bản, tác

phẩm sẽ được nhân lên và phổ biến đến đông đảo người đọc. Tất nhiên sẽ cần một khâu trung gian vô cùng quan trọng khác là phát hành. Không có khâu phát hành, sách không thể đến tay người đọc. Người viết, tác phẩm-nhà xuất bản-nhà phát hành, người đọc: đó là một chuỗi gắn liền nhau không thể thiếu được. Khi có dịp, tạp chí Văn Học sẽ làm một phóng sự về "Người viết, nhà xuất bản, nhà sách, và người đọc" hải ngoại. Ở đây xin ghi lại một số ý nhặt được từ các bài viết nói trên trên tờ Văn Nghệ.

Trong bài *Văn Hoá Sách*, người thực hiện nêu ra hai câu hỏi:

[1] Loại sách nào của nhà xuất bản [của ông/bà] được in với số lượng lớn nhất? Vì sao?, và

[2]Sách của nhà xuất bản [của ông/bà] có tới tay bạn đọc ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa không? Kinh nghiệm của ông/bà về vấn đề này?

Đó là những câu hỏi cốt lõi đối với người làm xuất bản. Nó giúp chúng ta đo lường được tác giả, đo lường được người đọc, đo lường được sự bén nhạy và thành công của nhà xuất bản. Tuy vậy cần mở dấu ngoặc ở đây để xin lỗi bạn đọc: Thật ra đó không phải là nguyên văn của hai câu hỏi. Chúng tôi đã phải dùng chữ "ông/bà" thay cho chữ "đồng chí", và cũng đã bỏ bớt chữ "kiến nghị" ở câu hai. Dù sao đó là một chuyện khác. Sự sử dụng chữ nghĩa kiểu này cho thấy xuất bản không thuộc về tư nhân và người viết cũng như người đọc còn phải lệ thuộc vào một khâu thứ ba: khâu nhà nước. Đó là yếu tố chính trị. Trong một nước mà không phải ai cũng được viết. Và khi được viết, không phải cái gì cũng được in. Và khi được in, không phải tác phẩm nào cũng được phổ biến, v..v...và v..v..

Đối với câu hỏi thứ nhất, các nhà xuất bản cho biết sách được người đọc mua nhiều là sách "phục vụ công tác của lực lượng CAND (Công An Nhân Dân)[Ông Văn Phan, nhà xuất bản CAND]; hoặc "sách chính trị có cuốn in tới 4,000 cuốn, sách lịch sử có cuốn in tới 5,000 cuốn và cũng bán khá nhanh" [bà Vương Thị Lan, giám đốc nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh]... Bà Trần Thu Hương, Giám đốc Nhà xuất bản Phụ nữ thì cho biết sách giáo dục-đời sống in trung bình 5,000 bản. Sách thiếu nhi cũng bán chạy (nhưng không nói rõ là bao nhiêu). Ông Hoàng Văn Bổn, Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai nói số lượng đầu sách in trung bình là một nghìn bản. Sách cho thiếu nhi từ 1,000 đến 1,500 bản; sách dạy ngoại ngữ, tìm hiểu thị trường, "làm giầu": 3,000 bản; truyện tranh thiếu nhi: 5,000 bản. Theo ông Lê Dân, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế, thì "ngoài các loại sách bán được như các nhà xuất bản khác, loại sách nghiên

cứu lịch sử, văn hoá, nhất là lịch sử văn hoá triều Nguyễn và Huế cùng với sách đông y là lợi thế của chúng tôi, được in nhiều hơn cả". Không thấy nói con số là bao nhiêu. Ông Lê Hoàng, Nhà xuất bản Trẻ ở Sài Gòn, cho biết sách học ngoại ngữ và sách hướng nghiệp được in nhiều, tái bản nhiều lần, mỗi năm từ 5,000 đến 7,000 cuốn. Sách cho thiếu nhi, tuổi mới lớn cũng được in nhiều. "Sách văn học của các nhà văn quen biết với các em cũng được in tới5,000-7,000 bản. Đặc biệt là sách của một số nhà văn không những in nhiều bản mà còn kéo dài nhiều tập như sách của Nguyễn Nhật Ánh in tới 40 tập, sách của Nguyễn Mạnh Tuấn in tới 10,000 bản mỗi tập..." Riêng ông Hoàng Phong, nhà xuất bản Thanh Niên, và ông Hoàng Nam, Nhà xuất bản Văn Hoá Dân Tộc, thì nói khơi khơi: Sách in nhiều nhất là loại sách có nội dung đề cao bản sắc văn hoá các dân tộc [Hoàng Nam], hoặc "Điều rất mừng là sau một thời gian thị hiếu đọc sách có vẻ xô bồ, thì nay bạn đọc đã biết chọn sách để đọc. Họ chọn những cuốn sách đích thực là tác phẩm văn học và những cuốn sách có ích cho việc học tập, nghề nghiệp của họ như học ngoại ngữ, vi tính, kinh doanh, cách ứng xử trong cuộc sống và hướng về cội nguồn dân tộc." Nhà xuất bản sau cùng, Văn Hoá Thông Tin, người trả lời câu hỏi thứ nhất là ông Quang Huy. Theo ông Huy thì "Hiện nay, thị hiếu người đọc đã được lập lại trật tự. Mấy năm trước, thị hiếu này rất hỗn loạn với đủ các dịch sách: sách đen, bạo lực, tình ái...Lúc đó, người đọc tử tế ra hiệu sách không dám chọn mua cuốn sách nào vì rất dễ vớ phải của giả. Lúc đó sách dở thì bán được, sách hay thì xếp xó. Ngày nay, ngược lại. Vàng thau không còn lẫn lộn. Nạn dịch nào rồi cũng sẽ hết...Vấn đề bây giờ là nhà xuất bản phải làm được sách hay và đẹp, có giá trị, xứng đáng để trên giá sách và lưu giữ lâu dài được vì giá trị của nó." Không thấy ông nói nhà xuất bản của ông in được bao nhiêu đầu sách trong năm 1995, mỗi đầu sách bao nhiêu bản, và đã bán được bao nhiêu bản, tác giả là ai, tựa đề sách tên gì. Về câu hỏi thứ hai, ông Hoàng Phong, nhà xuất bản Thanh Niên, cho biết "trong hai năm 1994-1995, đã xuất bản được 812 ngàn bản sách trong số đó đưa về được tận xã...là 250 ngàn bản." Các nhà xuất bản khác thì đề nghị "nhà nước tài trợ," vì để trừ phát hành phí cao hơn cho hệ thống phát hành sách mang được sách tới các vùng ấy" [bà Vương Thị Lan]. Nói chung đọc xong bài viết chúng ta vẫn chưa có được một ý niệm rõ rệt nào về vấn đề xuất bản sách tại Việt Nam hiện nay.

Trong bài *Dạo qua thị trường sách* bút ký của Diệu Vân, người đọc được tác giả đưa đến một hiệu

sách Trạm Trôi, Hoài Đức. Trạm Trôi nằm trên đường quốc lộ Hà Nội-Sơn Tây và chỉ cách Hà Nội chừng mươi cây số. "Vậy mà chao ôi, cái hiệu sách Trạm Trôi- hiệu sách quốc doanh duy nhất cuả huyện Hoài Đức- thật là điêu tàn....tường xây nứt nẻ, trần vôi lở từng mảng lớn, kèo cột mục ruỗng. Chạy suốt ba gian, những giá sách cũng cũ nát, rệu rã, không kém ngôi nhà. Và trên đó lèo tèo vài ba cuốn sách thiếu nhi, dăm bẩy cuốn sách giáo khoa. Nhiều cuốn bụi và thời gian làm nhầu nhĩ như đồ thải loại."

Tuy nhiên, vẫn theo tác giả bài báo trên thì "Chưa bao giờ thị trường sách lại phong phú và sôi động như bây giờ." Đó là tác giả muốn nói nghề bán sách ở Hà Nội và Sài Gòn. Sức mua sách ở Sài Gòn mạnh hơn sức mua sách ở Hà Nội. Vẫn qua bài viết trên của Diệu Vân, người ta được biết năm 1995 là năm được mùa của ngành xuất bản. Cả nước cho ra 8,100 đầu sách với tổng số 143 triệu bản. Lần đầu tiên đạt bình quân 2 bản sách/một người. Trong số 143 triệu bản sách ấy, có gần 70 triệu bản sách giáo khoa do ngành giáo dục phát hành tới các trường. Số còn lại toàn ngành phát hành sách bán ra gần 28 triệu bản, đạt doanh thu hơn 355 tỷ đồng".

Trần Ninh Hồ trong bài *Lại bàn về sách* lên tiếng " Hạ tầng cơ sở của hệ thống phát hành sách quốc gia hơn 70 triệu dân, trên một lãnh thổ kéo dài hơn 2,000 cây số mà chỉ có 1,200 cửa hàng và 4,000 nhân viên..."

Để đánh giá tình hình xuất bản trong nước, ba bài viết trên đây quả thật là chưa đủ. Nó đòi hỏi nhiều con số cụ thể hơn, nhiều nhận định xác thực hơn. Cách đây không lâu, một nhà văn nổi tiếng trong nước than sách ông không in quá một ngàn bản, thậm chí chỉ có năm trăm bản thôi, mà phải bán cả năm trời mới hết. Phải chăng thời đại đó đã qua? Và giờ đây người ta đọc nhiều hơn, hay những lời nói trong loạt bài trên tờ Văn Nghệ này chẳng qua chỉ là "báo cáo cho vui lòng cấp trên" để còn "bán giấy" cho những tờ báo khác để "cải thiện" cuộc sống ngày một khó khăn?

● "Văn học chính thống" mở cửa.

Người ghi chép vẫn có thói quen tìm đọc đều đặn tuần báo Văn Nghệ (Hà Nội), cơ quan ngôn luận của Hội Nhà văn Việt Nam, để tìm hiểu các biến chuyển của dòng văn học quốc nội, cái dòng mà năm 1969 nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến đã đặt một cái tên mới chính xác: văn học phải đạo.

Từ khi Nhà nước siết chặt vòng kiểm soát văn hóa văn nghệ, bài vở trên tuần báo Văn Nghệ đã từ từ thay đổi. Mất hẳn cái sôi nổi

của thời kỳ mở cửa, trở lại cái ngoan hiền nhu mì của thời kỳ tô hồng phải đạo. Cái khó cho tờ Văn Nghệ là làm sao vừa thu mình ngoan ngoãn vừa chứng tỏ mình vẫn mở toang cửa tiếp thu những hoa thơm cỏ lạ từ bên ngoài. Do đó, lâu lâu trên tuần báo Văn Nghệ cũng có những bài viết về văn học phương Tây.

Chẳng hạn trên Văn Nghệ số 9 (1885) ra ngày 2.3.1996, trong bài "Văn học dịch gần đây", Thúy Toàn có kê khai những tác giả ngoại quốc có sách được dịch ra Việt ngữ xuất bản trong những năm gần đây chạy theo thị hiếu của thị trường. Thúy Toàn viết: "Mấy năm vừa qua cùng với sự phát triển chung của văn học , văn học dịch cũng có nhiều biến chuyển khả quan: sau những cơn sốt chạy theo thị hiếu thị trường dần dần sách dịch đã trở lại bình ổn. Không còn ào ạt dịch và xuất bản những tác giả ăn khách, như các năm trước đây đã ra hàng chục tiểu thuyết của một tác giả như Chase james Hadleg hay Collins jaekie, Bard ford, Barbara Taylor, Sheldon Sidney hay Daily janet v.v.."

Người ghi chép cẩn thận ghi lại nguyên văn tên các tác giả ngoại quốc Thúy Toàn đã kê trên tờ Văn Nghệ, để nhờ bạn đọc đoán xem Thúy Toàn nói về các tác giả nào ăn khách ở Mỹ.

Cũng trên Văn Nghệ số 9, trong bài "Sự nghiệp lớn", Nam Hà có nhắc đến một nhà văn, nhà báo, nhà sử học Pháp tên là (nguyên văn) zean Lacouture hoặc Zean La Couture (ở ngay đoạn dưới bài báo).

Văn Nghệ số Tết Bính Tý vì là số Tết nên "mở cửa" rộng hơn, Lê Huy Tiêu giới thiệu một lô các nhà văn ngoại quốc nổi tiếng từng bị các nhà xuất bản trả lại bản thảo vì chê danh tác của các vị này không đủ tiêu chuẩn để in.

Người đứng đầu sổ là "J. Gibrin, nhà văn Anh đầu tiên nhận giải Nobel. Tác phẩm *Vô đề* bị trả lại vào năm 1889". Nhà văn Anh đem giải Nobel về cho văn học Anh lần đầu là Rudyard Kipling (1865-1936). Thế thì J. Gibrin là ông nào?

Lê Huy Tiêu tác giả bài sưu tầm nói trên còn kể tên một nhà văn Anh khác tên "H. Melvile, nhà viết tiểu thuyết lãng mạn tiêu biểu của nước Anh, tác phẩm *Cá kình trắng* bị trả lại bản thảo năm 1951". Nếu H. Melvile của tờ Văn Nghệ đúng là H. Melville, thì nhà văn này là người Mỹ (1819-1891) tác giả Moby Dyck viết năm 1851. Chết 60 năm rồi ông Melville từ dưới mồ mới gửi bản thảo Moby Dyck cho nhà xuất bản để bị từ chối một cách phũ phàng!

Chưa hết! Lê Huy Tiêu còn cho nhà văn Ái Nhĩ Lan J. Joyce trở thành "nhà văn nổi tiếng của Anh". Quả tình ông mê nước Anh cao độ, nhân tài bốn phương cho

nhập quốc tịch Anh hết.

Nhưng kinh khủng nhất là đoạn ông viết về Ann Frank: "A. Frank. Nhà văn Đức gốc Do Thái. Sau khi đánh đổ chính quyền Đức Quốc xã, bà đã ghi lại những thể nghiệm và viết thành sách, được dịch ra trên 30 thứ tiếng bán khắp toàn cầu. Tác phẩm Phòng Kín (tức Nhật ký của Ann Frank) bị trả lại năm 1952".

Cô bé 13 tuổi ghi nhật ký trong thời gian (1942-1944) cùng gia đình trốn tránh lệnh truy nã dân Do Thái của Đức Quốc xã và chết trong trại tập trung năm 1945, thì làm sao có thể tham gia chuyện "đánh đổ chính quyền Đức Quốc xã" để sau khi thành công, "bà" dùng kinh nghiệm đấu tranh để viết sách. Cô bé Đức gốc Do Thái dù sao cũng có hân hạnh cùng cảnh ngộ với văn hào Mỹ H. Melville: Nằm dưới lòng đất bảy năm, cô mới gửi bản thảo cho nhà xuất bản để xin ấn hành.

● Những nhà văn theo đúng điều lệnh.

Cũng nhờ theo dõi tờ Văn Nghệ mà người ghi chép nhận ra được bản lãnh mới của người cầm bút trong nước. Cũng từ Văn Nghệ số 9. Bốn nhà văn Nam Hà, Hồng Diệu, Khuất Quang Thụy, Trần Anh Thái ở tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, "được sự đồng ý của Tổng cục Chính trị, đã đề nghị xin gặp đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười để viết bài cho số tạp chí Xuân Bính Tý". Nam Hà ghi chép "cuộc gặp gỡ lớn" ấy thành bài "Sự nghiệp lớn" đăng trên tờ báo lớn của một hội nhà văn lớn.

Xin nghe Nam Hà kể: "Đúng giờ hẹn, đồng chí thư ký dẫn chúng tôi vào phòng làm việc của Tổng Bí thư. Chúng tôi mang mặc quân phục và sẽ trình diện theo điều lệnh quân đội. Tôi đi trước, mấy anh em thành hàng dọc theo sau. Từ ngoài cửa, tôi thấy Tổng Bí thư đang chăm chú đọc sách, quyển sách khá dày, đồng chí đã đọc được chừng hai phần ba cuốn. Tôi bước nhẹ rồi đứng nghiêm và đặt tay lên vành mũ. Tôi cảm thấy dường như đồng chí đang hết sức tập trung vào trang sách nên không biết chúng tôi đã vào và đứng thành đội hình hàng ngang. Tôi lên tiếng:

- Báo cáo đồng chí Tổng Bí thư..

Tôi chưa nói hết câu theo điều lệnh qui định thì đồng chí đã ngửng đầu và cười:

- Các nhà văn quân đội hả? Các đồng chí ngồi xuống. Các đồng chí uống nước. Các đồng chí định phỏng vấn hay hỏi chuyện? Tôi không thấy các câu hỏi và không có sự chuẩn bị nào cả."

Đúng là một màn trình diễn lớn! Bốn nhà văn quân đội khi thì đi theo đội hình hàng dọc, lúc thì đứng theo đội hình hàng ngang, nhất cử nhất động đều theo đúng

Tango Blues

Hồng Khắc
Kim Mai

Anh dìu em trong nhịp bước tango
Tango, tango blues
Giữa hơi sương sa mù
Nhạc nở vàng son
Rừng khoan thai
Hương ấm lửa tròn
Em kề vai
Rót mật
Ru linh hồn anh chín ngọt
Nụ lòng
Sướt say
Sướt say!

Anh nâng em vào tận cung mây
Bước bước lướt ngàn
Du cõi mộng
Nghĩa tào khang
Tango, tango blues
Đôi mắt em ngời giọt thiên thu
Tràn câu ông mượt
Lượt là
Ve vuốt cõi đời ta
Như em
Thơm nức dương cầm
Non tươi áo lụa
Thân rũ mềm
Yêu thương
Êm như nhung
Êm như nhung

Tango, tango blues
Let me hold you
Tight
Babe!
Forever
Forever
Forever

điều lệnh. Đồng chí Tổng Bí thư thì ngược lại, không theo điều lệnh nào cả. Chương trình làm việc đã ấn định chi tiết từng ngày từng giờ, đúng giờ đó có bốn nhà văn tới phỏng vấn cho báo Tết mà đồng chí Tổng Bí thư cứ tà tà đọc sách. Lại không đọc sách mỏng. Sách khá dày. Hơn nữa đọc hết chừng hai phần ba cuốn sách khá dày đó, đọc say mê đến nỗi không biết có bốn người lạ mặt vào đứng chình ình trước mặt mình. Đồng chí tổng chỉ huy tối cao quân đội mà ham đọc sách như thế thật mất cảnh giác an ninh, có hại cho sự nghiệp lớn.

giữa người đọc và người viết

Người đọc:

Philadelphia, Ngày 2/20.96

.... Em muốn cám ơn anh đã viết bài giới thiệu những bạn viết trẻ trong số Văn Học vừa qua. Đọc xong em thấy yêu đời hẳn lên! Như anh nói, cộng đồng Việt Nam, cho tới bây giờ, ít chú ý đến những vấn đề văn hóa. Nhiều người coi những việc làm văn hóa là viển vông, vô ích. Hồi trước em bị cha mẹ chửi hoài vì nhất định theo hai ngành vẽ và viết văn (không những một mà những hai nghề vô tích sự). Thật như anh nói, "sự trống vắng văn hóa tước đoạt đi cái duyên dáng, cái cung cách cái thẩm mỹ" của đời sống...

Dinh Linh

Portland, ngày 9 tháng 3 .96

Kính gửi: nhà văn Mai Kim Ngọc

Tôi vừa đọc bài viết "Câu Chuyện Văn Đầu Xuân" của Anh. Tôi cảm thấy vui và ấm áp.

Xin gửi đến anh lời cảm ơn chân thành.

Bài viết của anh như ngọn lửa sưởi ấm tâm hồn và đem lại niềm tin.

Câu chúc anh khỏe để tiếp tục đi trên con đường văn học.

Kính mến,

Khanh Nguyễn

Villebon/Y 26 3 96

... Đã rất lâu lắm rồi một số ít anh em trong y giới V.N. tự do như anhThuận, chị Lan Hương v...v... và tôi đã thấy và chấp nhận vui vẻ là các em trẻ tài giỏi hơn mình nhiều. Hơn mười năm trước tôi đã có bài trong Nội San Y giới Pháp khen Hàn Lê Nhân sáng tác nhạc V.N. rất có hồn và nhiều người trẻ khác viết văn có nghệ thuật cao. Cách đây 7 8 năm tôi đã trả lời chị Thụy Khuê ở đài RFI là tôi luôn luôn ráng làm những bài thơ hay nhất mà tôi có thể làm được nhưng tôi mong là những người khác nhất là các bạn trẻ sẽ làm những bài thơ hay hơn 100, 1000 lần. Như vậy tôi mới hi vọng một ngày kia được làm dân của một nước có người được giải thưởng Nobel về văn

chương. Đọc bài anh viết, đọc các truyện được dịch ra tôi thấy nhữnng gì tôi mơ có thể thành sự thật. Tôi rất mừng và tôi xin cảm ơn Văn Học, cảm ơn anh và các bạn. Còn việc tôi và vài người bạn muốn làm và có nhờ Anh, nhỏ bé hơn nhiều. Chúng tôi không bằng lòng vì một số V.N. và nhất là người ngoại quốc vẫn nói theo tiếng nói của bên kia, phủ nhận sự thật, phủ nhận sự có mặt và sự đóng góp của nền văn học lưu vong hay hải ngoại nên muốn có những con số, những tài liệu cụ thể để cho biết những gì mình nói là đúng; chỉ có thế thôi. Anh may mắn hơn tôi, đã không xa quê quá lâu như tôi từ trước 75, có dịp gặp lại đồng hương nói tiếng Việt chứ đừng nói đến học hỏi về văn chương văn hóa quê Mẹ. Anh có biết chỉ để làm bài thuyết trình bằng tiếng Việt ở Đại Hội Quốc Tế Y Sĩ V.N. Tự Do, tôi đã phải bỏ ra gần ba tháng để tìm chữ? Nay, anh cũng may hơn vì ở trong Văn Học và có nhiều dịp đọc sách báo của nhiều nhà văn nhà thơ ở Mỹ nhất là các bạn trẻ anh đã nói đến. Vừa về hưu tôi sẽ cố gắng tu thân và học hỏi thêm vì:

"Tôi là thằng tấn-sĩ
Leo thang kém học trò
Già đời còn muốn học
Vẫn thấy dốt như bò"

Tự Trào I

Vài hàng để anh em chúng ta hiểu nhau hơn...

Nguyễn Văn Hưởng.

Người viết:

Chuyện những người viết trẻ hải ngoại (viết bằng tiếng địa phương hay tiếng Việt), chủ đề Văn Học số xuân Bính Tý đã được hưởng ứng nhiều, bởi bạn văn cũng như độc giả, qua thư từ hay điện thoại.

Như mọi vấn đề, vấn đề này có những ý kiến khác nhau, và chúng tôi cũng được nghe một vài khuyến cáo là nên cẩn trọng trong niềm lạc quan. Nội dung tổng quát của những ý kiến ấy như sau: "Các nhà văn trẻ của chúng ta là những nhà văn Mỹ gốc Việt", hay "số xuân Văn Học kể như bữa tiệc của giới phụ huynh chúng ta tiễn đưa con em tới tận cổng làng khi thế hệ trẻ giã từ quê hương văn hóa cũ".

Nhưng đó là thiểu số. Còn đa số là những ý kiến tích cực, vui mừng ghi nhận rằng cộng đồng chúng ta có một thế hệ trẻ tài hoa. Các vị nhìn số Xuân Văn Học, thay vì là cuộc tiễn đưa, mà là sự đi đón đám con em có lòng trở về cái nôi văn hóa của cộng đồng. Chúng ta không nên xót xa vì sự phát triển của các em, cũng như chúng ta không xót xa khi thấy mình ngỡ ngàng với những diện mới của đời sống mà các em sử dụng một cách tự nhiên và hồn nhiên, như những tiện nghi nhờ tin học của thẻ tín dụng, của *internet*, của *compuserv*, vân vân... hay những tiện nghi cho

việc làm văn học như sách vở trường ốc báo chí thư viện của xã hội tây phương mà thế hệ chúng ta khi lớn lên không được hưởng... Xoáy vào chi tiết là các em viết bằng tiếng Anh nhiều hơn tiếng Việt để phán xét, e rằng cách nhìn như vậy sẽ sót rất nhiều diện của vấn đề... Và nhất là không nên khước từ Việt tính của các em hay của văn chương các em, chỉ vì các em sử dụng cả tiếng Anh để sáng tác.

Nhiều vị khác lại nghĩ thật ra không có chuyện đưa mà cũng không có chuyện đón. Các em luôn luôn ở với chúng ta, ở với văn hóa Việt Nam. Các em chưa đi mà cũng không định đi, các em chỉ tiến hóa bình thường, phát triển thêm (so với chúng ta) những kỹ thuật mới, ghi nhận thêm (so với chúng ta) những khía cạnh mới của cuộc sống mà hoàn cảnh mới cho phép. Câu chuyện của các em cũng như cái tâm của các em vẫn là cái tâm chung của chúng ta, của văn hoá cội nguồn.

Sau đây là vài hàng để trả lời riêng ba bức thơ Văn học đăng tải lại trên đây, theo thứ tự nhận được. Như thường lệ, tôi rất vui khi đọc thơ của Đinh Linh. Sinh hoạt văn học nghệ thuật và tương lai của anh trong nhân văn đã nói đến nhiều trong số xuân Văn Học, khỏi cần nhắc lại ở đây. Tôi chỉ muốn ghi nhận là cái hồn nhiên trong giao tế của anh chân thật và trong sáng như cái tinh vi trong nghệ thuật vẽ cũng như viết của anh.

Tôi cảm ơn lá thư của Anh Nguyễn Tuấn Khanh. Tôi biết anh thường viết với bút hiệu Kinh Dương Vương và còn là một họa sĩ có tài. Tôi thích thú đọc bài *"Thư viết cho con"* của anh đăng trong Văn Học số tháng Tư và những bài khác trong quá khứ. Riêng lá thư anh gửi, tôi rất cảm động. Tôi viết về những người trẻ, mà anh cảm ơn như thể tôi viết về anh. Trong lòng anh, sự phân biệt giữa thế hệ "già" bọn mình và thế hệ trẻ các em hầu như là không có. Anh xử lý chuyện các em như là chuyện của chính anh, của mọi người, và chân lý này anh không nói ra thành lời, tựa hồ như anh không bao giờ nghĩ có sự phân biệt giữa các em và chúng ta. Quả thật là không có 'Chấp Ngã' nơi anh.

Lá thư của Hoài Việt từ Villebon Sur Yvette đem lại cho tôi những hồi tưởng thân mến về xứ Pháp với những người rất đẹp mà tôi có dịp thân thiết, cũng như những cảnh thôn dã hay sơn cước rất thơ mộng mà tôi đã được thăm viếng. Tôi sung sướng được biết sau khi đọc Văn Học số Xuân, anh đã trở thành bạn đọc dài hạn của nguyệt san.

Tôi nghiêm chỉnh ghi nhận ý kiến chủ đề của lá thư anh. Anh đã nêu lên một diện của vấn đề mà tôi thú nhận đã không nghĩ tới: anh thấy nặng nhu cầu phải cho người

Pháp biết rằng chúng ta có văn hóa cao. Đề tài có thể không phải là một ưu tiên hạng nhất cho người này, nhưng cũng nên là một lưu tâm quan trọng cho người khác trong chúng ta. Vấn đề là cách nhìn và chọn lựa tùy theo khế cơ. Anh chọn chuyện này để đích thân xử lý cũng là điều hay lắm.

Luôn tiện tôi cũng xin cảm ơn những dữ kiện anh cho Văn Học biết thêm trong thư, về thân thế và sự nghiệp của anh: Anh 'chấp nhận vui vẻ' là tuổi trẻ đã tiến xa hơn anh; Anh học đến tiến sĩ mà vẫn "tự trào" là mình "dốt như bò" quả thật là người hiếu học. Tùy cung cách và văn phong mỗi người mỗi khác, anh làm tôi nhớ đến một nhà thơ lớn và một con người lớn mà tôi hằng quý mến và kính mến. Đó là cụ Nguyễn Khuyến với những bài tự trào của cụ, trong đó có bài 'Vịnh Ông Tiến Sĩ Giấy'.

Mai Kim Ngọc

Đã phát hành khắp nơi
tập truyện đặc sắc của
TRẦN DOÃN NHO

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI

Gồm những truyện ngắn hấp dẫn sinh động về xã hội Việt Nam hai mươi năm dưới chế độ cộng sản, qua cái nhìn nhân ái của một nhà văn trung thực, sâu sắc.

Sách dày 252 trang, bìa Đinh Cường, Giá 12 MK

Thanh Văn xuất bản

● Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

Phạm Hữu Thanh France, Hòa Đ. Lê Santa Clara CA, Trung Việt Bookstore Montreal Canada, Han Q. Nguyên Marlboro NJ, Thường Quán Australia, Clinic Pharmacy An (trả tiền báo cho Ô. Lưu Hà San Jose), Kim Fitzgerald Wailuku Hawaii, Dr. Bùi Ngọc Tô San Jose CA; Triều Hoa Đại Middleburg FL, Fung Ngo Oakland CA, County of Los Angeles Public Library, Võ Đình Brunswick MD, Trần Việt Hùng Hawthorne CA, Nguyễn Huy Bích Nepean Ont Canada, Tự Lực Bookstore CA, Nguyễn Hoàng Lân Seattle WA, Tôn Thất Tuân Ontario Canada, Dr Hoa Nguyen Ottawa Canada, San Jose Public Library, Hillview Branch Library San Jose CA, Đỗ Đức Trọng Germany (đổi địa chỉ, giới thiệu độc giả mới), Saigon Times Rosemead CA, Tôn Thất Khoát Santa Ana CA, Alfred Jaeger Inc N.Y., Quincy LH Union City CA, Nguyễn Mạnh THắng Orleans Canada, Hoàng Trọng Sơn Westminster CA,

● Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng

Quê hương, Biên giới người gửi từ Emporia KS, Tango Blues gửi từ Beaverton OR, Anh thấp cùng em nến mới gửi từ Milpitas CA, Đi dạo trong vườn Thiên đàn (dịch) gửi từ Ontario Canada, Làm ơn vẽ giùm tôi một Việt kiều gửi từ Paris France, Trong lòng cách mạng. Đêm Cao Miên gửi từ San Jose CA, Nơi trú ẩn về đêm gửi từ San Francisco CA, Nhà có hoa tím gửi từ Germany, Nguyễn Ứng Long, nhà thơ của quê hương và tình yêu, thơ Phùng Quyên, thơ dịch Đặng Dung và Nguyễn Du, Tâm sự gửi về đâu, Sầu tương tư, Thu ca gửi từ Edina MN, Qua làng Sơn Tịnh gửi từ Houston TX, La sanh môn, truyện dịch gửi từ Japan, Không tên 6 gửi từ Orlando FL, Mùa giải oan, Bi khúc đêm, Những buổi chiều Arizona gửi từ Phoenix AR, Đính chính về thơ Verlaine gửi từ Germany, Lục bát gửi từ Montréal Canada, Cô đơn, Ngẩn ngơ, Tạ từ, Chiều sân ga gửi từ Bankstown N.S.W. Australia, Câu chuyện nhỏ ở Nam Cali gửi từ Gomaringen Germany, Thúy Kiều gửi từ Springsfield VA, Kiếp sau, Đào nhí gửi từ Kitchener Ont Canada, Chúc mừng, Sực nhớ quê mình gửi từ Beaveron OR, Bãi sông có đôi chim cưu gửi từ Brunswick MD

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 12.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại.

Đính chính:

● Trên **Văn Học số 119** tháng 3.1996, trang 46, dòng 4 từ trên xuống, thay vì Rimbaud xin sửa lại thành Verlaine. Tác giả "Hôn thơ" xin cáo lỗi cùng bạn đọc về sự sơ suất này.

● Trên **Văn Học số 120**, tháng 4.1996, trang 111, Thơ Đăng Ngọc, do lỗi của Tòa saọn đã có những chữ sai sau đây: dòng thứ sáu xin sửa thành "Đã ươm chút mộng ***đã vàng*** cõi xưa.

Dòng 21 xin đọc : "Xuân bao năm ***nay*** bóng nhạn cuối mùa"

Dòng 23 xin đọc: "Sầu ta xô ngã ***chốn*** nhân gian.

Văn Học xin cáo lỗi cùng anh Đăng Ngọc và bạn đọc.

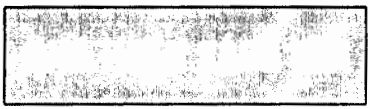

📖 ***Marie Sến,*** tiểu thuyết của nhà văn Phạm thị Hoài, Thanh Văn xuất bản lần đầu ở hải ngoại, bìa của Đinh Cường và Nguyễn Đông, sách dày 164 trang, giá 10 Mỹ kim. Là một trong những nhà văn trẻ thuộc thế hệ mới ở Việt Nam, Phạm thị Hoài đã được bạn đọc chú ý từ những truyện ngắn trong *Thiên Sứ, Từ AK đến Nan nương*, và được giới phê bình xem là người đã mang một văn phong mới cho làng văn quốc nội. Sang định cư tại Berlin Đức từ 1993, Phạm thị Hoài vẫn tiếp tục viết, và Marie Sến là công trình dài hơi mới nhất của cô, viết xong cuối năm 1995. *Văn Học, Thế Kỷ 21* đã trích đăng, giới thiệu hai chương của *Marie Sến*, và nhiều bạn đọc đã ngỡ ngàng, rồi thích thú hoặc chấn động vì tính dữ dội, quyết liệt, độc đáo của tác phẩm. *Marie Sến* đề cập tới tâm cảnh của giới trí thức Hà nội hiện nay trong cuộc đảo điên trước mắt.

Sách do Nhà Văn Nghệ phát

hành. Liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683 USA. Phone: (714) 527-5761.

📖 ***Hoa địa ngục tập 2 (Hạt máu thơ)*** thi tập của Nguyễn Chí Thiện, tác giả tự xuất bản, sách dày 190 trang, thuộc loại sách tặng không đề giá bán. Văn Học khỏi cần phải nói gì thêm về nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, vì ông đã là một nhà thơ, một nguỵ sĩ, một chí sĩ được nhắc nhở tới nhiều nhất trên sách báo hải ngoại, trước cũng như sau khi ông sang định cư tại Hoa Kỳ. Thơ của ông là máu lệ của 27 năm lao tù dưới chế độ cộng sản, là tiếng nói bất khuất tiêu biểu của một người dân đen dưới chế độ ấy. Chính Nguyễn Chí Thiện cũng nhận định rất đúng về thơ ông trong Lời nói đầu: "...Tôi phải làm thơ, nhất là ở trong tù, giấy bút không có, khám trại thường xuyên, bọn tù bẩm báo lại không thiếu. Thơ có thể làm trong đầu, học thuộc giữ trong đầu. Văn xuôi thời chịu. Nhưng dùng thơ mà để bàn tới chính trị, mà để luận tội, mà để miêu tả hiện thực, toàn cảnh bắn giết, đánh đập, cùm kẹp, đói rét, ốm đau, đờm máu, rớt dải, tranh giành ngô, khoai, sắn, thì rất khô khan, khó có chất thơ, nhưng vẫn phải làm để cho mọi người và con em sau này biết rõ về tội ác cộng sản, về thảm cảnh của dân tộc... Tôi hết sức tránh những chữ, những hình tượng cầu kỳ, văn chương, vì nó không phù hợp với loại thơ tôi làm."

📖 ***Quả bóng tuổi thơ,*** tập truyện tuổi thơ của Ngọc Thủy, Cơ sở Văn hóa Đông phương xuất bản, tựa của Hồ Linh, lời giới thiệu của Nguyễn Châu, sách dày 90 trang, giá 5 Mỹ kim. Tác phẩm thứ sáu của nhà văn Ngọc Thủy, sau Như giấc mộng hoa vàng (1993), Bé yêu đời (1994), Em tháng Chạp (1995), Bé yêu người (1995), Quả bóng tuổi thơ (1995). Thư từ liên lạc xin gửi về 334 N. 3rd St.
San Jose, CA 95112
Phone (408) 287-6714

📖 ***Sóng Văn***, tập san văn học nghệ thuật ấn hành hai tháng một số, số đặc biệt ra mắt tháng 3 & 4.1996, dày 120 trang, giá 5 Mỹ kim. Tạp chí văn chương xuất bản ở Miền Đông Hoa Kỳ, hai trụ sở chính đặt tại Miami Florida và Woodbridge Virginia. Ban Chủ biên gồm: Nguyễn Sao Mai và Hoàng thị Bích Ti, Tổng thư ký: Thanh Tâm. Phone : (305) 273-1054. Địa chỉ liên lạc: PO Box 832464, Miami Florida 33283 USA.

Số ra mắt có bài vở đóng góp của Nguyễn Sao Mai, Lạc Phố, Tương Nghi, Nguyễn thị Thanh Bình, Nguyễn Nhân Thuật, Nguyên Thạnh, Phương, Hoàng thị Bích Ti,

Hoàng Phương Đông.

Văn Học xin chào mừng Sóng Văn, và trân trọng giới thiệu với quí bạn đọc.

📖 ***Lòng tin Âu Mỹ đấy!*** của Trần Quý, Đông Thanh Calif. USA xuất bản, sách dày 400 trang, giá 16 Mỹ kim. Sách gồm hai phần: phần đầu là biên khảo của Trần Quý về vấn đề tín ngưỡng Tây phương dày 144 trang. Phần hai là dịch phẩm của Trần Quý, dịch cuốn "Thời đại Lý trí" của Thomas Paine, dẫn nhập bằng phần giới thiệu tác giả do Trần Quý viết. Sách viết công phu về một đề tài nhạy cảm hiện nay là xét lại tín điều của các tôn giáo Tây phương, nhất là Công giáo.

Sách do Nhà Văn Nghệ phát hành. Liên lạc P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA.

Phone: (714) 527-5761

📖 ***Phía bên kia mặt trời***, tập truyện ngắn của Hàn Song Tường, Bình Minh Houston USA xuất bản, tranh bìa của Nguyễn Quỳnh, tựa của Nguyễn Quỳnh, sách dày 166 trang, giá 10 Mỹ kim. Hàn Song Tường là một nhà văn nữ cộng tác lâu năm với Văn Học, trên số 120 tháng trước Văn Học cũng vừa giới thiệu Hàn Song Tường với bạn đọc bằng truyện ngắn xuất sắc "Đêm trăng biển". Trong lời tựa, nhà phê bình Nguyễn Quỳnh đã viết rất đúng về HST: "Truyện ngắn của Hàn Song Tường soi tỏ vào những uẩn khúc tâm tình trong luyến ái gây bất ngờ cho người đọc. Sự bất ngờ không đến độ kinh hoàng, khó chịu, ngay cả khi câu chuyện tình kết thúc bằng tang tóc. Hàn Song Tường phải là một nhà văn ngẫm nghĩ rất nhiều về đời sống tình cảm và phải trực diện nhiều với diễn biến của tình cảm mới có thể viết truyện tình rất tự nhiên, bằng một bút pháp giản dị trong sáng".

Liên lạc: Nhà xuất bản Bình Minh

PO Box 801471 Houston, TX 77280-1471, USA.

Phone & Fax (713) 461-5937.

📖 ***Những ngày xa xưa ấy***, hồi ký của Thu Tâm, Thế Kỷ xuất bản, tranh bìa của Khánh Trường, sách dày 120 trang, giá 10 Mỹ kim. Tác giả nay đã ngoài tám mươi, ngồi kể lại mối tình trắc trở của mình thời thanh xuân với Trần Huy Liệu, một cán bộ cộng sản cao cấp cùng hoạt động trong ngành báo chí tuyên truyền với Trường Chinh trước 1945. Ngoài những chuyện tình cảm riêng tư, qua hồi ký bạn đọc cũng biết được một số chi tiết liên quan tới các nhân vật đã đi vào lịch sử như Nguyễn Thái Học, Nguyễn thị Giang, Tô Hiệu. Phần hồi ký của Bà Thu Tâm chỉ có 72 trang, phần còn lại là phụ lục những tài liệu soi sáng thêm phần hồi ký.

Liên lạc: Nhà xuất bản Thế

Kỷ, 11022 Acacia Parkway # A
Garden Grove, CA 92640-USA

Phone (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.

📖 ***Tuyển tập Hà Sĩ Phu***, do Phong trào Nhân quyền cho Việt Nam năm 2000 và Tạp chí Thế Kỷ 21 xuất bản, dày 270 trang, giá 12 Mỹ kim. Một tuyển tập xuất bản đúng lúc để bạn đọc có một cái nhìn toàn diện về tầm vóc trí tuệ và bản lĩnh chính trị của một trí thức trong nước. Nhiều bài viết của Hà Sĩ Phu lâu nay được ấn hành rải rác trên báo chí, nay nhà xuất bản đã có công sưu tập lại, kèm theo những phát biểu gần đây trên các đài phát thanh VOA và VNCR, khiến tuyển tập trở thành một tài liệu sử quí giá. Một cuốn sách không thể thiếu đối với những bạn đọc lâu nay thiết tha với phong trào đấu tranh cho tự do nhân quyền tại Việt Nam. Càng không thể thiếu đối với những người muốn tìm hiểu giới trí thức văn nghệ ở trong nước. Ba cuốn sách cần đọc vừa xuất bản trong thời gian gần đây viết về đời sống giới trí thức văn nghệ quốc nội là "Viết cho Mẹ và Quốc hội" của Nguyễn văn Trấn, "Tuyển tập Hà Sĩ Phu" và "Marie Sến" của Phạm thị Hoài.

Liên lạc: Nhân Quyền 2000, PO Box 4638 Garden Grove, CA 92642-4638 USA

📖 ***Việt Nam Huyết Lệ Sử***, biên khảo của Cao Thế Dung, Đông Hướng xuất bản, sách dày 976 trang, sách tặng không đề giá bán. Bộ sử viết công phu nhất xuất bản ở hải ngoại trong hai mươi năm qua. Sách gồm 6 thiên, 33 chương, mỗi thiên là một giai đoạn lịch sử. Thiên thứ nhất là phần tổng quát khởi đầu những vinh quang và hệ lụy của dân tộc. Chương cuối thứ 33 thêm phần "Lời bạt cuối dòng tâm sử" về những băn khoăn thao thức của một người Việt Nam trước thế kỷ 21 trong cơn băng hoại của thế giới Tây phương. Tác giả gọi tác phẩm của mình là tâm sử, viết bằng tâm cảm, bằng tình tự dân tộc, cố gắng nêu lên những sự thực lịch sử, nhất là những khốn cùng của dân tộc Việt Nam đã phải trầm luân.

Định giá cuốn sách này đòi hỏi người điểm sách phải có những kiến thức chuyên môn của sử học, nên Văn Học chỉ ghi nhận nơi đây công phu đáng khâm phục của tác giả, và trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

📖 ***Ky tô giáo dưới mắt một Phật tử*** của Đại sư Buddhadasa, Nguyễn văn Tùng và Nguyễn Bá Tùng dịch từ bản Pháp ngữ Un Bouddhiste Dit le Christianisme aux Bouddhistes của Linh mục Edmond Pezet, Định Hướng Tùng thư xuất bản, sách dày 218 trang, giá 12 Mỹ kim. Tác giả là một tu

sĩ Phật giáo nổi tiếng ở Thái lan, một số lớn sách Phật giáo của ông viết bằng tiếng Thái đã được dịch sang Anh ngữ. Cuốn "Ky tô giáo dưới mắt một Phật tử" là những bài thuyết pháp năm 1979 được đệ tử thu băng và viết lại.

Sách gồm mười hai bài giảng về mười hai đề tài khác nhau, dẫn dắt Phật tử tìm hiểu Ki tô giáo dựa trên căn bản Darma. Trong không khí nghi kỵ đầy thành kiến giữa các tôn giáo với nhau hiện nay, xuất bản cuốn sách này là một thiện chí đáng ghi nhận. Và tự vấn về mình, về thói quen tự tôn xem chỉ có tôn giáo mình là chính giáo. Tất cả còn lại là dị giáo, tà giáo.

Liên lạc: Định Hướng Tùng thư, 2B Rue de la Bruche, 67116 Reichstett, France .

Phone: 88 20 58 22.

Văn Học Hân Hạnh Giới Thiệu Hai Tác Phẩm Văn Học Việt Nam bằng Anh Ngữ

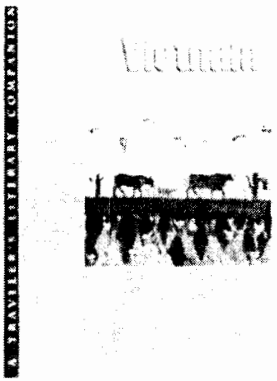

Vietnam: A Traveler's Literary Companion, ed. John Balaban and Nguyen Quí Đức, Whereabouts Press, ISBN 1-883513-02-2, US$12.95.

Gồm 17 truyện ngắn của nhiều tác giả Việt Nam (trong và ngoài nước) dịch ra Anh Ngữ.

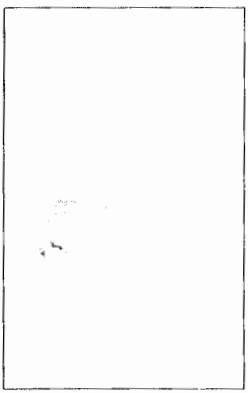

An Anthology of Vietnamese Poems, edited and translated by Huỳnh Sanh Thông, Yale University Press, ISBN 0-300-06410-1, US$25.00.

Tuyển tập hơn 300 bài thơ của trên 150 tác giả sáng tác từ thế kỷ X đến hiện đại, dịch ra Anh Ngữ.

Đã phát hành khắp nơi:

Lý luận và phê bình

Hai mươi năm
văn học Việt ngoài nước (1975-1995)

bùi vĩnh phúc

Bộ sách đưa ra được một cái nhìn trình bày và đánh giá có thể nói là rộng nhất từ trước đến nay trên mặt phê bình, lý luận về hai mươi năm văn học Việt bên ngoài đất nước.

Với những nhận định, đánh giá sâu sắc và đầy tính thẩm mỹ, nó đề cập đến nhiều tác phẩm và tác giả cụ thể với những bài phê bình riêng biệt. Nó giới thiệu được các tác giả trong nhiều khuynh hướng, nhiều phong cách khác nhau. Nó lại cũng trình bày những vận động và diện mạo của dòng văn học ngoài nước trong những mốc, những chặng định hình và phát triển trong suốt quá trình đi tới của nó. Chia sẻ một số suy nghĩ và lý luận về mỹ học phê bình, tác giả của bộ sách vừa bàn về thơ vừa nói về văn, vừa soi chiếu ý nghĩa và giá trị của các tác phẩm, cùng lúc bật sáng chân dung của các tác giả.

Bộ sách được viết trong vòng mười một năm—từ 1984 đến 1995. Đây là một nỗ lực ghi nhận quan trọng, đẹp đẽ, và cần thiết về hai mươi năm văn học Việt Nam ngoài quê hương mà tất cả những ai quan tâm đến văn học Việt đều không thể không tìm đọc.

Sách dày 764 trang, có bìa phụ bọc ngoài. Giá 27 MK. Ngoài Hoa Kỳ, thêm 3 MK.

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ

P.O. Box 2301 • Westminster, CA 92683
hoặc 10881 Oak Street • Stanton, CA 90680
Tel.: (714) 527-5761

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

— Muốn theo dõi và tìm hiểu những diễn biến thời sự,
— Muốn cùng đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho cộng đồng và đất nước,
— Muốn thưởng thức những sáng tác văn học nghệ thuật mới nhất,

Hãy tìm đọc: Tạp chí Thế Kỷ 21

Tạp chí Thế Kỷ 21 là tờ báo ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới, có những bài liên quan đến đời sống của người Việt trong nước cũng như ngoài nước, và nhiều tin tức hữu ích cho

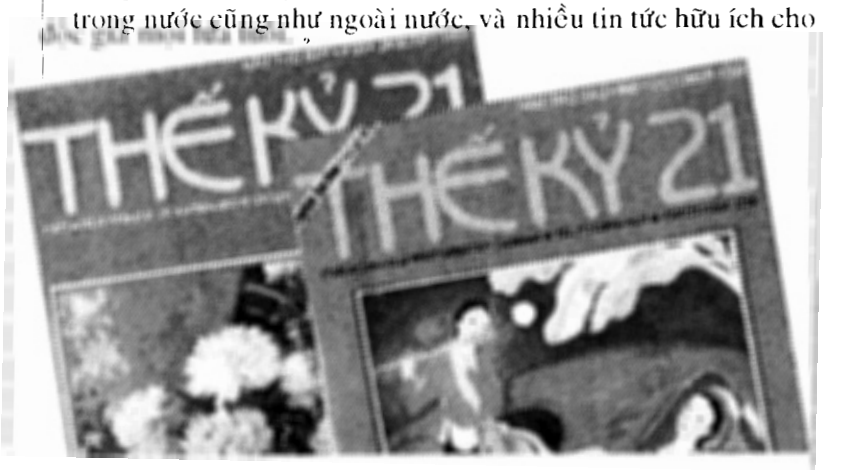

Liên lạc với tòa báo để đặt mua dài hạn hoặc đăng quảng cáo, xin gọi cô Phan Mỹ Sương (714) 638-9510.

Giá mỗi số US$4.00 — mua dài hạn US$40.00 một năm, gửi bulk rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ US$52.00; Canada US$56.00; Âu Châu US$76.00; Á, Úc US$86.00.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về:THẾ KỶ 21
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) **638-9510.** Fax (714) **638-1944**
E-mail: **75504,3510@compuserve.com**
E-mail: **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage: **http://www.vietmedia.com/theky21**

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố _____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,

từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

MỘT NỬA ĐÀN ÔNG LÀ ĐÀN BÀ

Tiểu thuyết của Trương Hiền Lượng,
Phan Thịnh dịch

Trương Hiền Lượng là một tiểu thuyết gia hàng đầu hiện nay của Trung Quốc. Ông bị tù năm 21 tuổi chỉ vì một bài thơ và suốt hai mươi năm bị chuyển từ trại cải tạo này đến nông trường khổ sai khác. Kinh nghiệm lao tù của ông trở thành chất liệu mang nhiều tính tự truyện của ***Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà***, tác phẩm đã đưa Trương Hiền Lượng thành nhà văn có tầm mức quốc tế. Với kinh nghiệm lao tù, những suy tư của người trí thức trong cái hỗn loạn phi nhân của "cách mạng văn hóa", Trương Hiền Lượng dùng tài năng của mình biến thành một tuyệt phẩm đa diện gồm đủ: tình yêu, tình dục, triết lý nhân sinh, triết lý chính trị, cái thi vị của thiên nhiên, cái bi hùng của đời sống... Một **"Bác sĩ Zhivago Trung Quốc"**, và đối với bạn đọc Việt Nam (nhất là những người đã từng sống dưới chế độ cộng sản), đọc Trương Hiền Lượng thú hơn đọc Boris Pasternak vì gần gũi hơn, Đông Phương hơn.

Sách dày 368 trang.
Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ thêm 3 MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

THANH VĂN xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành

Tác phẩm dữ dội, độc đáo nhất của nhà văn Phạm Thị Hoài

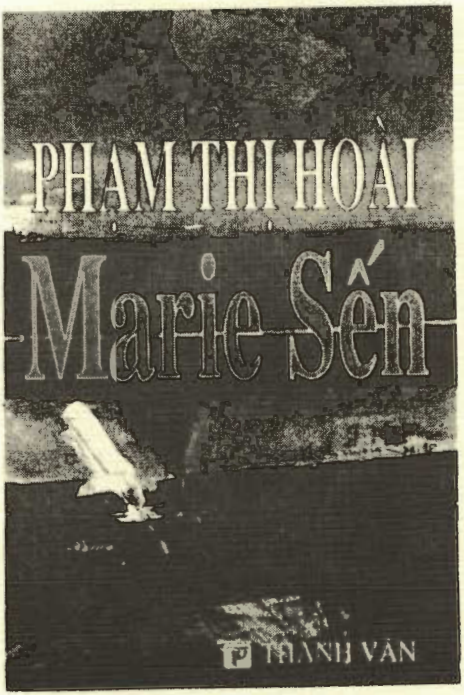

Giá 10 Mỹ Kim
Có bán tại các nhà sách hoặc liên lạc trực tiếp
Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
Westminster, CA 92683
Phone: (714)527-5761

Giá:$4.00